ISBN: 978-632-626-284-1
SÁCH KHÔNG BÁN

TƯỜNG NHÂN SƯ biên soạn

VI DIỆU PHÁP TOÁT YẾU TẬP IX PHẦN HAI PL. 2570 – DL. 2026

THERĀVADA

PHẬT GIÁO NAM TÔNG VIỆT NAM

VI DIỆU PHÁP

TOÁT YẾU

TẬP IX

PHẦN HAI

VIPASSANĀ --- MINH SÁT

TƯỜNG NHÂN SƯ
biên soạn

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
PL. 2570 – DL. 2026

VI DIỆU PHÁP

TOÁT YẾU

Kính dâng:

- Cố Tăng thống: Đại Trưởng lão Hộ Tông
- Cố Tăng thống: Đại Trưởng lão Giới Nghiêm
- Cố Tăng trưởng: Đại Trưởng lão Hộ Nhẫn
- Cố Viện trưởng: Đại Trưởng lão Sumont Nandiko

THERAVĀDA

PHẬT GIÁO NAM TÔNG VIỆT NAM

VI DIỆU PHÁP

TOÁT YẾU

TẬP IX

PHẦN HAI

VIPASSANĀ --- MINH SÁT

TƯỜNG NHÂN SƯ
biên soạn

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
PL. 2570 – DL. 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Cách đây hơn 1500 năm, Đức trưởng lão Anuruddha đã trước tác bộ sách *Abhidhammatthasaṅgaha – Thắng Pháp Tập Yếu Luận*, theo lời thỉnh cầu của một vị cư sĩ tên là Namba. Có thể nói, bộ sách này đã tóm lược những gì căn bản nhất của Tạng Vi Diệu Pháp (Abhidhammapiṭaka) – là Tạng chiếm đến một nửa số Pháp uẩn (Dhammakkhandha) – với số lượng 48.000 Pháp uẩn trong toàn bộ 84.000 Pháp uẩn, là toàn bộ Giáo pháp mà Đức Thế Tôn đã giảng dạy và trao truyền lại cho chúng ta tận đến ngày hôm nay.

Với khả năng tài tình, trình độ uyên thâm, Đức trưởng lão đã khéo léo sử dụng Thánh ngữ Pāḷi một cách uyển chuyển để diễn đạt, phân loại, sắp xếp bộ sách thành 9 chương, nhằm giúp cho lớp hậu học dễ dàng ghi nhớ, thuộc lòng, nắm bắt và thấu hiểu những Pháp tính căn bản (Sabhāvadhamma) không thể thiếu được trong việc học tập Pháp học (Pariyattidhamma), ngõ hầu đem ra ứng dụng vào Pháp hành (Paṭipattidhamma), tiến tu Minh sát, chứng đạt Đạo, Quả, Niết-bàn, thành tựu Pháp thành (Paṭivedhadhamma).

Bộ sách này đã được nhiều bậc cao Tăng cũng như cư sĩ danh tiếng dịch sang Việt ngữ dưới tiêu đề *Thắng Pháp Tập Yếu Luận* của Hòa thượng Thích Minh Châu, hay như *Vi Diệu Pháp Toát Yếu* của cư sĩ Phạm Kim Khánh dịch từ bản tiếng Anh của ngài Đại trưởng lão Narada, hoặc là *Diệu Pháp Hợp Lý*, thơ lục bát của Hòa thượng Tịnh Sự diễn dịch, và ngoài ra còn một số bản dịch của các vị khác nữa. Vấn đề là ở chỗ làm sao hàng hậu tấn chúng ta đem những gì Đức Phật đã thuyết giáo, các ngài giáo thọ sư diễn giải và dịch thuật ra để vận dụng vào đường lối tu tập của cá nhân sao cho khế lý khế cơ, hợp thời hợp cảnh, nhằm đưa đến đoạn tận lậu hoặc, diệt trừ phiền não, cắt đứt kiết sử, giác ngộ giải thoát, chấm dứt tử sinh luân hồi trong Tam giới. Đấy mới chính là mục tiêu tối hậu của người tu Phật!

Trong tâm nguyện như thế, chúng tôi hết sức cố gắng, tinh cần mọi lúc mọi nơi, vận dụng khả năng hạn chế của mình, tra cứu tài liệu để biên soạn bộ sách *Vi Diệu Pháp Toát Yếu*, gồm IX tập, dựa trên nền tảng của chư vị tiền bối đã để lại, với mong mỏi sao cho bộ sách này dễ học, dễ hiểu, ngôn ngữ phù hợp với thời đại nhất mà bất kỳ ai cũng có thể nắm bắt những vấn đề không dễ dàng nắm bắt đối với người đời nay.

Và cho đến hôm nay, cuốn sách dày nhất, nội dung chủ yếu nhất, và có thể xem là khó nhất vì nói đến Pháp Hành, đó là Tập IX - Phần Hai này, đã hoàn thành với số lượng trang gấp đôi các cuốn khác. Trong đó, vấn đề cơ bản nhất được đề cập là Bảy Thanh Tịnh và Mười sáu Tuệ quán. Những vấn đề này là nội dung thiết yếu mà mỗi một hành giả cần phải trang bị cho mình trong quá trình tiến tu Minh sát tuệ, vì đây là tấm bản đồ vạch ra con đường đi đúng Chánh Pháp mà Đức Từ Phụ đã để lại cho chúng ta gần 2600 năm qua. Nếu để thiếu những điều ấy thì chúng ta mãi mờ mịt trong màn vô minh đang bao trùm hết thảy chúng sinh trong vũ trụ nhân hoàn này.

Mong sao bộ sách này sẽ sớm đến tay các độc giả, là những hành giả đang hành thật Giáo pháp thâm sâu, vi diệu của bậc Chiến Thắng Vương. Đây là kim chỉ nam thiết yếu giúp quý vị có công cụ cần thiết, là tấm bản đồ chỉ lối trên hành trình muôn dặm đầy gian truân và nhiều hiểm trở. Chúng tôi hy vọng rằng mỗi một chúng ta sẽ thành tựu được ý nguyện của mình trên con đường cao thượng, là đạo lộ tất yếu mà ai cũng phải bước qua.

Kính thành tri ân đến chư vị thí chủ đã hùn phước tịnh tài trong việc xuất bản tập sách, cũng như tri ân các Phật tử đã giúp chúng tôi sửa chữa bản thảo, chỉ ra những sai sót trong văn cú, chính tả, ... để tập sách được hoàn thiện hơn.

Trong quá trình biên soạn tất nhiên không tránh khỏi những sơ suất, lầm lỗi trên tất cả mọi mặt, cầu mong các bậc thức giả lượng tình chỉ dạy cho.

Phần phước thiện này chúng con xin hồi hướng đến cho tất cả chúng sinh, nhất là thầy tổ, ông bà, cha mẹ, bà con quyến thuộc, bạn bè, cùng tất cả chư thiên và nhân loại. Cầu mong tất cả quý vị nhận lãnh phần thiện phước thanh cao này rồi được thoát khỏi khổ ách, an lạc lâu dài,...

Huế, mùa Xuân 2026

Tường Nhân Sư

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu

PUBBABHĀGA – PHẦN MỞ ĐẦU 1

I. Visuddhimagga – Thanh tịnh đạo 2
II. Tilakkhaṇa – Tam tướng 2
III. Anupassanā – Tùy quán 2
IV. Vipassanāñāṇa – Tuệ quán 2
V. Vimokkha – Giải thoát 3
VI. Vimokkhamukkha – Giải thoát môn 3

VISUDDHI – THANH TỊNH 4

I. Sīlavisuddhi – Giới thanh tịnh 5
II. Cittavisuddhi – Tâm thanh tịnh 8
III. Diṭṭhivisuddhi – Kiến thanh tịnh 9
IV. Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi – Đoạn nghi thanh tịnh 10
V. Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi – Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh 12
VI. Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi – Hành tri kiến thanh tịnh 16
VII. Ñāṇadassanavisuddhi – Tri kiến thanh tịnh 18

TILAKKAṆA – TAM TƯỚNG 20

I. Aniccalakkhaṇa – Vô thường tướng 20
II. Dukkhalakkhaṇa – Khổ não tướng 21
III. Anattalakkhaṇa – Vô ngã tướng 23

ANUPASSANĀ – TÙY QUÁN 26

I. Aniccānupassanā – Vô thường tùy quán 28
II. Dukkhānupassanā – Khổ não tùy quán 40
III. Anattānupassanā – Vô ngã tùy quán 46

SOḶASA VIPASSANĀÑĀṆĀNI – MƯỜI SÁU TUỆ QUÁN 52

I. Nāmarūpararicchedañāṇa – Danh sắc phân biệt tuệ 52
II. Paccayapariggahañāṇa – Liễu duyên tuệ 63
III. Sammasanañāṇa – Thẩm sát tuệ 69

IV. Udayabbayañāṇa – Sinh diệt tuệ 88
V. Bhaṅgañāṇa – Hoại diệt tuệ 101
VI. Bhayañāṇa – Kinh hãi tuệ 105
VII. Ādīnavañāṇa – Nguy hiểm tuệ 111
VIII. Nibbidāñāṇa – Nhàm chán tuệ 115
IX. Muñcitukamyatāñāṇa – Dục thoát tuệ 120
X. Paṭisaṅkhāñāṇa – Quán sát tuệ 124
XI. Saṅkhārupekkhāñāṇa – Hành xả tuệ 131
XII. Anulomañāṇa – Thuận thứ tuệ 175
XIII. Gotrabhūñāṇa – Chuyển tánh tuệ 179
XIV. Maggañāṇa – Đạo tuệ 191
XV. Phalañāṇa – Quả tuệ 193
XVI. Paccavekkhaṇañāṇa – Hồi quán tuệ 204

VIMOKKHA – GIẢI THOÁT, VIMOKKHAMUKHA – GIẢI THOÁT MÔN 208

I. Vimokkha – Giải thoát 208
II. Vimokkhamukha – Giải thoát môn 209

SAMĀPATTIBHEDA – PHÂN LOẠI NHẬP ĐỊNH 211

I. Phalasamāpatti – Nhập quả định 211
II. Nirodhasamāpatti – Nhập diệt định 216

AVASĀNABHĀGA – PHẦN KẾT THÚC 221

Tài liệu tham khảo 223

Sau khi trình bày xong phần *Samatha – Chỉ tịnh,* Đức trưởng lão *Anuruddha* viết tiếp phần thứ hai của chương Kammaṭṭhāna – Nghiệp Xứ, là *Vipassanā – Minh sát*. Trong phần này, ngài giảng giải về pháp hành Vipassanā, về các điều kiện tiên quyết để hành giả thực hành đưa đến chứng đắc các bậc thiền Minh sát, chứng ngộ Đạo, Quả, Niết-bàn theo tuần tự.

Gāthāsaṅgaha:

1. VIPASSANĀ KAMMAṬṬHĀNE NAYO PANA VIJJĀNAYO
   ĀDIMHI SĪLAVISUDDHI TATO CITTAVISUDDHI CA
2. TATO TU DIṬṬHIVISUDDHI KAṄKHĀVITARAṆĀPI CA
   TATO PARAṂ MAGGĀMAGGA- ÑĀṆADASSANANĀMIKĀ
3. TATHĀ PAṬIPADĀÑĀṆA- DASSANAÑĀṆADASSANĀ
   ICCĀNUKKAMATO VUTTĀ SATTA HONTI VISUDDHIYO

Nên biết rằng đường lối của minh sát nghiệp xứ chính là đường lối của minh, gồm có giới thanh tịnh là bước đầu, tiếp đến là tâm thanh tịnh, rồi kiến thanh tịnh, đoạn nghi thanh tịnh, đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, hành tri kiến thanh tịnh và tri kiến thanh tịnh, chung lại 7 thanh tịnh, như đã được nêu theo tuần tự.

Từ ***vipassanā*** dịch là *minh sát, quán chiếu, v.v...*, như Pāḷi định nghĩa:

**** Aniccādivasena vividhākarena passatī'ti vipassanā.***

Pháp nào thấy các hành qua các trạng thái khác biệt như vô thường chẳng hạn, do vậy pháp ấy gọi là *vipassanā*, dịch là *minh sát.*

Ở đây, ***Vipassanākammaṭṭhāna – Minh sát nghiệp xứ*** chính là con đường dẫn đến sự thanh tịnh hoàn toàn, nên được gọi là *Visuddhimagga – Thanh tịnh đạo*.

Có tất cả 5 con đường dành cho chúng sinh trên vũ trụ nhân hoàn này, đó là:

(01), *Đường dẫn đến Khổ cảnh (Apāya)*

(02), *Đường dẫn đến Nhân loại (Manussa)*

(03), *Đường dẫn đến Thiên giới (Sagga)*

(04), *Đường dẫn đến Phạm thiên (Brahma)*

(05), *Đường dẫn đến Niết-bàn (Nibbāna)*

Trong tất cả 5 con đường đã nêu, ở đây chỉ nói đến con đường thứ 5, là đường dẫn đến Niết-bàn mà thôi. Đây chính là *Ekāyanamaggo – Đạo lộ độc nhất* như đã được trình bày trong *Kinh Niệm Xứ (Satipaṭṭhānasutta)*, là con đường mà Đức Đạo Sư đã phát hiện, và là con đường duy nhất dẫn đến Niết-bàn. Con đường này cũng chính là *Visuddhimagga – Thanh tịnh đạo,* bao gồm 7 bước hay 7 giai đoạn, được ví như 7 trạm xe hay 7 bậc cấp.

I. VISUDDHIMAGGA – THANH TỊNH ĐẠO

(01), *Sīlavisuddhi – Giới thanh tịnh*

(02), *Cittavisuddhi – Tâm thanh tịnh*

(03), *Diṭṭhivisuddhi – Kiến thanh tịnh*

(04), *Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi – Đoạn nghi thanh tịnh*

(05), *Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi – Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh*

(06), *Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi – Hành tri kiến thanh tịnh*

(07), *Ñāṇadassanavisuddhi – Tri kiến thanh tịnh*

II. TILAKKHAṆA – TAM TƯỚNG

Tất cả danh sắc hay ngũ uẩn đều có 3 trạng thái, dấu hiệu hay tướng (lakkhaṇa), và được gọi là *Sāmaññalakkhaṇa – Tướng chung*, nghĩa là đồng đều nhau, đó là:

(01), *Aniccalakkhaṇaṃ – Vô thường tướng*

(02), *Dukkhalakkhaṇaṃ – Khổ não tướng*

(03), *Anattalakkhaṇaṃ – Vô ngã tướng*

III. ANUPASSANĀ – TÙY QUÁN

Có 3 pháp ***Anupassanā – Tùy quán***, đó là:

(01), *Aniccānupassanā – Vô thường tùy quán*

(02), *Dukkhānupassanā – Khổ não tùy quán*

(03), *Anattānupassanā – Vô ngã tùy quán*

IV. VIPASSANĀÑĀṆA – TUỆ QUÁN

Có 10 pháp ***Vipassanāñāṇa – Tuệ quán***, đó là:

(01), *Sammasanañāṇa – Thẩm sát tuệ*

(02), *Udayabbayañāṇa – Sinh diệt tuệ*

(03), *Bhaṅgañāṇa – Hoại tuệ*

(04), *Bhayañāṇa – Kinh hãi tuệ*

(05), *Ādīnavañāṇa – Nguy hiểm tuệ*

(06), *Nibbidāñāṇa – Nhàm chán tuệ*

(07), *Muñcitukamyatāñāṇa – Dục thoát tuệ*

(08), *Paṭisaṅkhāñāṇa – Quán sát tuệ*

(09), *Saṅkhārupekkhāñāṇa – Hành xả tuệ*

(10), *Anulomañāṇa – Thuận thứ tuệ*

V. VIMOKKHA – GIẢI THOÁT

Có 3 pháp ***Vimokkha – Giải thoát***, đó là:

(01), *Suññatavimokkha – Không tánh giải thoát*

(02), *Animittavimokkha – Vô tướng giải thoát*

(03), *Appaṇihitavimokkha – Vô nguyện giải thoát*

VI. VIMOKKHAMUKKHA – GIẢI THOÁT MÔN

Có 3 pháp ***Vimokkhamukkha – Giải thoát môn***, đó là:

(01), *Suññatānupassanā – Không tánh tùy quán*

(02), *Animittānupassanā – Vô tướng tùy quán*

(03), *Appaṇihitānupassanā – Vô nguyện tùy quán*

VISUDDHI – THANH TỊNH

Hành giả muốn tiến tu thiền Minh sát cần phải học tập 3 pháp sau đây:

(01). Đối tượng của thiền Minh sát, chính là danh-sắc hay ngũ uẩn, v.v...

(02). Pháp làm nhân sinh khởi và trụ lại, đó là *Giới thanh tịnh (Sīlavisuddhi)* và *Tâm thanh tịnh (Cittavisuddhi)*.

(03). Pháp là tự thân của Minh sát, bao gồm 5 Thanh tịnh còn lại:

- Kiến thanh tịnh (Diṭṭhivisuddhi)
- Đoạn nghi thanh tịnh (Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi)
- Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh (Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi)
- Hành tri kiến thanh tịnh (Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi)
- Tri kiến thanh tịnh (Ñāṇadassanavisuddhi)

Từ ***visuddhi*** được dịch là ***thanh tịnh***, nghĩa là thanh tịnh, trong sạch khỏi phiền não, cấu uế của nội tâm, như Pāḷi định nghĩa:

* ***Visujjhatī'ti = visuddhi.***
Pháp nào trong sạch một cách đặc biệt, pháp ấy gọi là *visuddhi*, dịch là *thanh tịnh*.

* ***Visodhetī'ti = visuddhi.***
Pháp nào làm trong sạch thân, khẩu, ý một cách đặc biệt, do vậy pháp ấy gọi là *visuddhi*, dịch là *thanh tịnh*.

* ***Visujjhati etāyā'ti = visuddhi.***
Thân, khẩu, ý được trong sạch một cách đặc biệt nhờ pháp ấy, do vậy pháp ấy gọi là *visuddhi*, dịch là *thanh tịnh*.

* ***Visujjhanaṃ = visuddhi.***
Sự trong sạch một cách đặc biệt gọi là *visuddhi*, dịch là *thanh tịnh*.
(Đây chính là sự thanh tịnh của giới, định, tuệ trong 7 thanh tịnh.)

Do đó, việc tu tiến Minh sát cũng chính là tu tập, thực hành 7 Thanh tịnh theo tuần tự. Bởi thế, hành giả cần phải hành trì *Giới thanh tịnh* và *Tâm thanh tịnh* trước nhất.

I. SĪLAVISUDDHI – GIỚI THANH TỊNH

Gāthāsaṅgaha:

4. PARISUDDHIMHI SĪLASMIṂ DHITO KĀRAKAPUGGALO
SAMATHAVIPASSĀNAṂ VĀ BHĀVAYANTO YATHĀRAHAṂ
UPACĀRAṂ APPANAṂ VĀ UPPĀDETVĀ SAMAHITO
Hành giả giữ giới thanh tịnh, tiến tu chỉ tịnh và minh sát một cách phù hợp, khiến cho cận hành định hoặc an chỉ định khởi sinh, là người có tâm an định.

Sīlavisuddhi – Giới thanh tịnh là sự thanh tịnh về giới hạnh, bao gồm *Catu-pārisuddhisīla – Tứ thanh tịnh giới*, đó là:

- Pāṭimokkhasaṃvarasīla – Biệt biệt giải thoát thu thúc giới
- Indriyasaṃvarasīla – Căn thu thúc giới
- Ājīvapārisuddhisīla – Chánh mạng thanh tịnh giới
- Paccayasannissitasīla – Quán tưởng vật dụng giới

1, Pāṭimokkhasaṃvarasīla – Biệt biệt giải thoát thu thúc giới:

Giới phát sinh từ sự phòng hộ, thu thúc trong giới bổn *Pāṭimokkha* mà Đức Thế Tôn đã chế định cho hàng tứ chúng.

Pāḷi chiết tự:

Pāṭimokkhasaṃvarasīla = pāṭimokkha + saṃvara + sīla

- *pāṭimokkha:* biệt biệt giải thoát
- *saṃvara:* thu thúc, phòng hộ
- *sīla:* giới

Pāḷi định nghĩa:

* ***Pāṭimokkhasaṃvaro ca so sīlaṃ cā'ti = pāṭimokkhasaṃvarasīlaṃ.***
Vừa là biệt biệt giải thoát thu thúc vừa là giới, gọi là *biệt biệt giải thoát thu thúc giới*.

Hành giả phòng hộ, thu thúc *Pāṭimokkhasaṃvarasīla* này sẽ không bị đọa vào 4 Khổ cảnh (Apāya). Chi pháp chính là *Tín tâm sở (Saddhācetasika)* trong 8 Đại thiện tâm với đối tượng là 5 giới, 8 giới, 10 giới và 227 giới.

2, Indriyasaṃvarasīla – Căn thu thúc giới:

Giới phát sinh từ sự phòng hộ, thu thúc 6 căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

Pāḷi chiết tự:

Indriyasaṃvarasīla = indriya + saṃvara + sīla

- *indriya:* căn
- *saṃvara:* thu thúc, phòng hộ
- *sīla:* giới

Pāḷi định nghĩa:

* ***Indriyasaṃvaro ca so sīlaṃ cā'ti = indriyasaṃvarasīlaṃ.***
Vừa là thu thúc căn môn vừa là giới, gọi là *căn thu thúc giới.*

Chi pháp chính là *Niệm tâm sở (Saticetasika)* trong 8 Đại thiện tâm tại thời điểm có sự phòng hộ khi 6 căn tiếp xúc với 6 trần.

Việc phòng hộ trong khi các căn tiếp xúc đối tượng qua 6 môn là không được chấp thủ *tướng chung (nimitta)* và *tướng riêng (anubyañjana)*, nghĩa là không bám víu vào đối tượng Chế định (Paññatti). Chẳng hạn, một bộ phận nào đó trong cơ thể như: đầu, tay, chân, v.v…, gọi là *tướng riêng*; hoặc toàn bộ vóc dáng thân thể, chế định thành người, nam, nữ, con thú, v.v…, gọi là *tướng chung*. Hành giả chỉ nhận đối tượng thuộc về Chân nghĩa pháp (Paramattha) bao gồm: danh pháp, sắc pháp đang xuất hiện trước mắt mà thôi, gọi là đối tượng hiện tại.

3, Ājīvapārisuddhisīla – Chánh mạng thanh tịnh giới:

Giới phát sinh từ chánh mạng nuôi thân, hành giả nuôi mạng sống của mình bằng nghề nghiệp chân chánh, đúng theo lời Phật dạy.

Pāḷi chiết tự:

Ājīvapārisuddhisīla = ājīva + pārisuddhi + sīla

- *ājīva:* nghề nghiệp, sự nuôi mạng
- *pārisuddhi:* thanh tịnh, trong sạch
- *sīla:* giới

Pāḷi định nghĩa:

* ***Ājīvapārisuddhi ca so sīlaṃ cā'ti = ājīvapārisuddhisīlaṃ.***
Vừa là nuôi mạng thanh tịnh vừa là giới, gọi là *nuôi mạng thanh tịnh giới.*

Chi pháp chính là *Chánh mạng tâm sở (Sammāājīvacetasika)* trong các Đại thiện tâm. Hàng cư sĩ tại gia phải tránh các nghề nghiệp nuôi thân bất hảo, dựa trên Thân ác hạnh (Kāyaduccarita) và Khẩu ác hạnh (Vacīduccarita); còn với hàng tu sĩ xuất gia thì nghề nghiệp chân chánh nhất mà Đức Phật cho phép là khất thực nuôi mạng.

4, Paccayasannissitasīla – Quán tưởng vật dụng giới:

Giới phát sinh từ việc quán tưởng 4 món vật dụng thường dùng hàng ngày, đó là: áo quần, vật thực, trú xứ và thuốc trị bệnh.

Pāḷi chiết tự:

Paccayasannissitasīla = paccaya + sannissita + sīla

- *paccaya:* duyên, vật dụng
- *sannissita:* y cứ, dựa vào, suy xét
- *sīla:* giới

Pāḷi định nghĩa:

**** Paccayasannissita ca so sīlaṃ cā'ti = paccayasannissitasīlaṃ.***
Vừa là quán tưởng vật dụng vừa là giới, gọi là *quán tưởng vật dụng giới.*

Chi pháp chính là *Tuệ tâm sở (Paññācetasika)* trong các Đại thiện tâm hợp trí.

Hành giả trước, trong và sau khi sử dụng 4 món vật dụng như vừa nêu cần phải quán tưởng rằng bản thân thọ dụng tứ sự đó để nuôi mạng, để có đủ sức khỏe, để tránh mưa che nắng, để bảo vệ thân thể, v.v… nhằm tu tập giải thoát, không phải để hưởng thụ cho vinh thân phì da, thỏa mãn lòng ham muốn của cá nhân hay để khoe khoang, tự mãn gì cả.

ĐIỀU KIỆN GIÚP GIỚI THANH TỊNH

Hành giả muốn giới của mình thanh tịnh thì cần thực hành 4 điều sau:

- Desanāsuddhi – Thanh tịnh do sám hối
- Saṃvarasuddhi – Thanh tịnh do phòng hộ
- Eṭṭhisuddhi – Thanh tịnh do tránh việc nuôi mạng bất chánh
- Paccavekkhaṇasuddhi – Thanh tịnh do quán tưởng

Nói chung, *niccasīla – thường giới* được gọi là *Giới thanh tịnh*. Cư sĩ giữ 5 giới là *thường giới*; cận sự nam, nữ giữ 8 giới trong ngày uposatha là *thường giới*; sa-di giữ 10 giới là *thường giới*, tỳ-khưu giữ 227 giới là *thường giới*, gọi là *Giới thanh tịnh*. Tuy nhiên, việc giữ giới như đã nêu để trở thành *thường giới* là điều khó làm đối với phàm nhân, vì họ khó có thể giữ giới thường xuyên được.

Đối với phàm nhân, việc phòng hộ các căn (indriyasaṃvara) chính là việc tu tiến *Niệm xứ (Satipaṭṭhāna)*, nó giúp cho *Giới thanh tịnh* thường xuyên. Do vậy, *Giới*

thanh tịnh là giới có *Niệm xứ* làm đối tượng, tức là tại thời điểm tiến tu *Niệm xứ* hay tiến tu *Đạo (Magga)* còn được gọi là *Trung đạo (Majjhimāpaṭipadā)* vậy.

II. CITTAVISUDDHI – TÂM THANH TỊNH

Cittavisuddhi – Tâm thanh tịnh là sự thanh tịnh, trong sạch của tâm khi thoát khỏi phiền não, cấu uế của nội tâm.

Pāḷi định nghĩa:

* ***Citassa visuddhi = cittavisuddhi.***
Sự thanh tịnh của tâm, gọi là tâm thanh tịnh.

Việc làm tâm trong sạch, việc tẩy rửa tâm cho hết phiền não, chướng ngại gọi là *Tâm thanh tịnh*, đây chính là *samādhi – định* vậy.

Chi pháp của *Tâm thanh tịnh* là *Nhất tâm tâm sở (Ekaggatācetasika)* trong các Đại thiện tâm, Đại duy tác tâm, Đại hành thiện tâm và Đại hành duy tác tâm.

Tâm thanh tịnh này sinh khởi với các hành giả lưu tâm và thực hành thiền Chỉ tịnh, gọi là *Samathayānika – Chỉ hành giả*. Còn hành giả lưu tâm và thực hành thiền Minh sát thì gọi là *Vipassanāyānika – Quán hành giả*.

HAI LOẠI TÂM THANH TỊNH

Như đã biết, thiền Chỉ tịnh có 2 loại định là:

- Upacārasamādhi – Cận hành định
- Appanāsamādhi – An chỉ định

Đối với thiền Minh sát chỉ có một loại định là *Khaṇikasamādhi – Sát-na định*.

Tâm thanh tịnh hay sự an định thanh tịnh, xa rời phiền não và các pháp chướng ngại, là các *Triền cái (Nivaraṇa)*, đứng đầu là *Tham dục triền cái (Kāmachanda-nivaraṇa)*. *Tâm thanh tịnh* bao gồm 2 loại, đó là:

- Samathasamādhi – Chỉ tịnh định
- Khaṇikasamādhi – Sát-na định

Ở đây, *Sát-na định* có chi pháp là *Nhất tâm tâm sở,* sinh khởi trong các Đại thiện tâm hoặc Đại duy tác tâm của *Quán hành giả,* có đối tượng là danh pháp, sắc pháp, được xem như *Cận hành định* trong Chỉ tịnh nghiệp xứ. Còn *An chỉ định* là loại định sinh khởi trong các Đại hành tâm, có đối tượng là các đề mục của thiền Chỉ tịnh.

III. DIṬṬHIVISUDDHI – KIẾN THANH TỊNH

Diṭṭhivisuddhi – Kiến thanh tịnh là sự thanh tịnh, trong sạch của sự thấy biết đúng như chân như thật.

Pāḷi định nghĩa:

*** *Diṭṭhiyeva visuddhi = diṭṭhivisuddhi.***
Sự thanh tịnh của tri kiến ấy, gọi là *kiến thanh tịnh.*

Chi pháp của *Kiến thanh tịnh* là *Paññācetasika – Tuệ tâm sở*, sinh khởi trong 4 Đại thiện tâm hợp trí, với đối tượng là danh pháp, sắc pháp.

Gāthāsaṅgaha:

5. PAÑÑĀYA BHĀVANĀYOGAṂ KURUMĀNO TADUTTARIṂ
SAMMADEVA NĀMARŪPAṂ PARIGGAHAṂ LAKKHAṆĀDITO
SAṄKHĀRAMATTATO DISVĀ ṬHITO DIṬṬHIVISUDDHIYAṂ
Hành giả nỗ lực, phát triển trí tuệ vượt trội, quán sát danh sắc theo đặc tính, v.v... một cách đúng đắn, thấy rõ chỉ là pháp hữu vi, gọi là đạt tri kiến thanh tịnh.

Ở đây, từ *lakkhaṇadito* dịch là *theo đặc tính, v.v...*; nghĩa là theo đặc tính, theo phận sự, theo quả hiện hữu và theo nhân gần mà ta thường gọi là *lakkhaṇadicatuka – bốn tính chất* của một thực tính pháp nào đó. Trong trường hợp này, đây chính là bốn tính chất của danh pháp hoặc sắc pháp đang làm đối tượng cho *Tuệ tâm sở*.

Lakkhaṇādicatuka – Bốn tính chất của Sắc pháp:

a, Ruppanalakkhaṇaṃ: Có đặc tính là bị hoại diệt
b, Vikiraṇarasaṃ: Có phận sự tách rời khỏi nhau
c, Abyākatapaccuppaṭṭhānaṃ: Có quả hiện hữu là pháp vô ký
d, Viññāṇapadaṭṭhānaṃ: Có nhân gần là thức

Lakkhaṇādicatuka – Bốn tính chất của Tâm danh pháp:

a, Vijjānanalakkhaṇaṃ: Có đặc tính là biết đối tượng
b, Pubbaṅgamarasaṃ: Có phận sự đứng đầu các pháp
c, Paṭisandhipaccuppaṭṭhānaṃ: Có quả hiện hữu là sự tục sinh
d, Saṅkhārapadaṭṭhānaṃ: Có nhân gần là 3 hành

Lakkhaṇādicatuka – Bốn tính chất của Tâm sở danh pháp:

a, Namanalakkhaṇaṃ: Có đặc tính là hướng đến

b, Sampayogarasaṃ: Có phận sự kết hợp với tâm

c, Avinibbhogapaccuppaṭṭhānaṃ: Có quả hiện hữu là không tách rời tâm

d, Viññāṇapadaṭṭhānaṃ: Có nhân gần là thức

Trí tuệ thấy biết thực tính pháp, đặc tính,… của danh pháp, sắc pháp không phải là ngã, là ta, là của ta gọi là *Kiến thanh tịnh*; bởi vì sự thấy biết này trong sạch, thanh tịnh khỏi *Thân kiến (Sakkāyadiṭṭhi)*, là tà kiến cho rằng danh sắc, ngũ uẩn này là ta, của ta, tự ngã của ta. Nếu quy vào 16 tầng tuệ thì *Kiến thanh tịnh* chính là *Nāmarūpapariccheda ñāṇa – Danh sắc phân biệt tuệ*.

IV. KAṄKHĀVITARAṆAVISUDDHI – ĐOẠN NGHI THANH TỊNH

Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi – Đoạn nghi thanh tịnh là sự thanh tịnh, trong sạch của trí tuệ khi thoát khỏi sự hoài nghi.

Pāḷi chiết tự:

Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi = kaṅkhā + vitaraṇa + visuddhi

- *kaṅkhā:* hoài nghi, nghi hoặc
- *vitaraṇa:* vượt qua
- *visuddhi:* thanh tịnh

Pāḷi định nghĩa:

*** *Kaṅkhāvitaraṇā eva visuddhi = kaṅkhāvitaraṇavisuddhi.***

Trí tuệ biết rõ nhân phát sinh của danh sắc, gọi là *đoạn nghi thanh tịnh*.

Nghĩa là, trí tuệ biết rằng danh pháp, sắc pháp dựa vào vô minh, ái dục, v.v… làm nhân, làm duyên để sinh khởi trong mọi thời, mọi kiếp; nào đâu phải do bàn tay của một đấng tạo hóa nào đó nặn vẽ nên. Trí tuệ này gọi là *Đoạn nghi thanh tịnh* bởi vì có khả năng phá hủy tà kiến cho rằng có một đấng sáng tạo chủ tạo ra thế giới và muôn loài chúng sinh. Sự thấy biết sai lệch và nỗi hoài nghi này bị đoạn diệt bởi trí tuệ thấy rõ nhân duyên của danh sắc theo thực tính pháp như chân như thật.

DUYÊN KHỞI SINH CỦA DANH SẮC

(01). *Duyên khởi sinh danh sắc (tâm, tâm sở, nghiệp khởi sắc) trong thời Tục sinh:* Vô minh, Ái, Thủ, Nghiệp hữu.

(02). *Duyên khởi sinh danh (tâm, tâm sở) trong thời Thường nhật gồm:*

• 6 Vật (Vatthu): Nhãn vật, Nhĩ vật, v.v... là Vật tiền sanh y duyên (Vatthu-purejātanissayapaccaya).

• 6 Trần (Ārammaṇa): Sắc, Thinh, v.v... là Cảnh duyên (Ārammaṇapaccaya).

(03). *Duyên khởi sinh sắc trong thời Thường nhật gồm:* Nghiệp, Tâm, Thời tiết và Vật thực.

(04). *Duyên khởi sinh danh (tâm quả, tâm sở kết hợp) gồm:* Thiện, Bất thiện.

(05). *Duyên khởi sinh danh (môn hướng tâm, tâm sở kết hợp) là:* Hộ kiếp tâm dừng lại (Bhavaṅgupaccheda) do năng lực của Vô gián duyên (Anantarapaccaya).

Chi pháp của *Đoạn nghi thanh tịnh* là *Tuệ tâm sở (Paññācetasika)* trong 4 Đại thiện tâm hợp trí, thấy rõ đối tượng là nhân duyên sinh khởi của danh sắc pháp.

16 MỐI HOÀI NGHI THEO TẠNG KINH

Khi quy về 16 tầng tuệ thì *Đoạn nghi thanh tịnh* tương ưng với *Paccaya-pariggahañāṇa – Liễu duyên tuệ*. Đây là trí tuệ biết được duyên sinh của danh sắc pháp, khiến cho hành giả đoạn tận các mối hoài nghi trong 3 thời, và theo tạng Kinh, đó là:

a, Hoài nghi về 5 uẩn thuộc quá khứ có 5 chi:

(01). *Ahosiṃ nu kho ahaṃ atītamaddhānaṃ:* Ta từng sinh ở quá khứ chăng?

(02). *Na nu kho ahosiṃ atītamaddhānaṃ:* Ta chưa từng sinh ở quá khứ chăng?

(03). *Kiṃ nu kho ahosiṃ atītamaddhānaṃ:* Ta từng sinh làm hạng người nào ở quá khứ?

(04). *Kathaṃ nu kho ahosiṃ atītamaddhānaṃ:* Ta có hình dạng ra sao ở quá khứ?

(05). *Kiṃ hutvā kiṃ ahosiṃ atītamaddhānaṃ:* Ta từng sinh là cái gì và là cái gì trong quá khứ?

b, Hoài nghi về 5 uẩn thuộc vị lai có 5 chi:

(01). *Bhāvissāmi nu kho ahaṃ anāgatamaddhānaṃ:* Ta sẽ sinh ở vị lai chăng?

(02). *Na nu kho bhāvissāmi anāgatamaddhānaṃ:* Ta sẽ không sinh ở vị lai chăng?

(03). *Kiṃ nu kho bhāvissāmi anāgatamaddhānaṃ:* Ta sẽ sinh làm hạng người nào ở vị lai?

(04). *Kathaṃ nu kho bhāvissāmi anāgatamaddhānaṃ:* Ta sẽ có hình dạng ra sao ở vị lai?

(05). *Kiṃ hutvā kiṃ bhāvissāmi nu kho ahaṃ anāgatamaddhānaṃ:* Ta sẽ sinh là cái gì và sẽ là cái gì ở vị lai?

c, Hoài nghi về 5 uẩn thuộc hiện tại có 6 chi:

(01). *Ahaṃ nu kho'smi:* Ta đang hiện hữu chăng?
(02). *Na kho kho'smi:* Ta đang không hiện hữu chăng?
(03). *Kiṃ nu kho'smi:* Ta đang là gì vậy?
(04). *Kathaṃ nu kho'smi:* Ta đang như thế nào vậy?
(05). *Ayaṃ nu kho satto kuto āgato:* Chúng sinh này đến từ đâu?
(06). *So kuhiṃ gāmī bhavissati:* Nó sẽ đi về đâu?

TÁM LOẠI HOÀI NGHI THEO TẠNG VI DIỆU PHÁP

(01). *Buddhe kaṅkhati:* Hoài nghi về Đức Phật
(02). *Dhamme kaṅkhati:* Hoài nghi về Đức Pháp
(03). *Saṅghe kaṅkhati:* Hoài nghi về Đức Tăng
(04). *Sikkhāya kaṅkhati:* Hoài nghi về điều học
(05). *Pubbante kaṅkhati:* Hoài nghi về 5 uẩn quá khứ
(06). *Aparante kaṅkhati:* Hoài nghi về 5 uẩn vị lai
(07). *Pubbantāparante kaṅkhati:* Hoài nghi về 5 uẩn quá khứ và vị lai
(08). *Idappaccayatāpaṭiccasamuppannesu dhammesu kaṅkhati:* Hoài nghi trong các pháp duyên sinh

V. MAGGĀMAGGAÑĀṆADASSANAVISUDDHI – ĐẠO PHI ĐẠO TRI KIẾN THANH TỊNH

Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi – Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh là sự thanh tịnh, trong sạch của trí tuệ khi thấy rõ *đạo* và *không phải đạo*.

Pāḷi chiết tự:

Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi = magga + amagga + ñāṇa + dasana + visuddhi

- *magga:*	đạo, đối tượng	- *amagga:*	phi đạo
- *ñāṇa:*	trí tuệ	- *dassana:*	kiến, thấy
- *visuddhi:*	thanh tịnh		

Ở đây, *Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh* mang nghĩa là trí tuệ của hành giả có

nhận thức đúng đắn, chắc chắn rằng đối tượng này là đối tượng tiến tu để dẫn đến Niết-bàn hoặc không phải.

Chi pháp của *Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh* là *Tuệ tâm sở (Paññācetasika)* trong 4 Đại thiện tâm hợp trí, có đối tượng là *Tam tướng (Tilakkhaṇa)* hoặc *Tùy phiền não quán (Vipassanūpakkilesa)*.

Nếu quy tập về 16 tầng tuệ thì *Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh* được xem là Tuệ thứ 3 và Tuệ thứ 4, đó là:

- Sammasanañāṇa – Thẩm sát tuệ
- Udayabbayañāṇa – Sinh diệt tuệ

Gāthāsaṅgaha:

6. TATO TESVEVA DHAMMESU SAMMASAṂ LAKKHAṆATTAYAṂ
TESU PACCAYAVASENA CEVA KHAṆAVASENA CA
UDAYABBAYAÑĀṆENA SAMPASSAṂ UDAYABBAYAṂ

Tiếp đến, hành giả quán sát tam tướng chính tại các pháp ấy, thấy rõ sự sinh và sự diệt nơi các pháp ấy nhờ vào năng lực các duyên, nhờ vào năng lực sát-na tâm và nhờ vào tuệ sinh diệt.

Nghĩa là, khi hành giả tiến tu đến *Tuệ thẩm sát* về Tam tướng và biết rằng cái thấy của mình còn thô thiển. Lại nữa, việc thẩm sát Tam tướng này có 4 loại:

- Kalāpasammasana – Khối thẩm sát
- Addhāsammasana – Thời thẩm sát
- Santatisammasana – Tương tục thẩm sát
- Khaṇasammasana – Sát-na thẩm sát

(01). *Kalāpasammasana – Khối thẩm sát:* Việc thẩm sát Tam tướng này là việc thẩm sát danh sắc pháp theo trạng thái Vô thường, Khổ, Vô ngã luôn cả *khối (kalāpa)*, gộp chung lại. Chẳng hạn việc thẩm sát 5 uẩn gom chung cho đến khi thấy được đặc tính Vô thường, Khổ, Vô ngã. Hoặc thẩm sát 12 xứ ..., 18 giới ..., 6 môn ..., 6 trần ..., 6 thức ..., 6 xúc ..., 6 thọ ..., 6 tưởng ..., v.v... đến lúc thấy rõ Tam tướng gọi là *Khối thẩm sát*. Trí tuệ của hành giả tu tập theo *Khối thẩm sát* như thế gọi là *Thẩm sát tuệ*, là Tuệ thứ 3 trong 16 tầng tuệ.

(02). *Addhāsammasana – Thời thẩm sát:* Hành giả thẩm sát danh sắc pháp theo trạng thái Vô thường, Khổ, Vô ngã và thấy rằng trong thời quá khứ danh sắc sinh diệt và chỉ sinh diệt trong quá khứ mà thôi, không kéo đến hiện tại; trong thời hiện

tại, hành giả quán sát thấy rằng danh sắc sinh diệt theo trạng thái Vô thường, Khổ naõ, Vô ngã chỉ trong hiện tại thôi, không đến vị lai; và trong thời vị lai, hành giả quán sát thấy danh sắc sinh diệt theo trạng thái Vô thường, Khổ, Vô ngã chính trong thời vị lai mà thôi. Khi hành giả thẩm sát như thế được gọi là *Thời thẩm sát*. Việc thẩm sát này tỉ mỉ, sâu sát hơn loại thẩm sát trước, và được xếp vào *Thẩm sát tuệ* trong 16 tầng tuệ.

(03). *Santatisammasana – Tương tục thẩm sát:* Hành giả thẩm sát danh-sắc pháp sinh diệt tiếp nối nhau theo trạng thái Vô thường, Khổ, Vô ngã. Chẳng hạn, Sắc ở tư thế nằm sinh diệt tại thời điểm nằm ấy, không đợi đến thời điểm ngồi; Sắc ở tư thế ngồi sinh diệt chính tại thời điểm ngồi ấy, không đến thời điểm đứng; ... , không đến thời điểm đi, v.v... Lạc thọ sinh diệt tại thời điểm thọ lạc ấy, không đến thời điểm biến thành thọ khổ, thọ xả, v.v... Và luôn cả Tưởng, Hành, Thức cũng vậy. Hành giả thẩm sát thấy danh-sắc pháp sinh ở nơi nào thì cũng diệt ở nơi đó theo trạng thái Vô thường, Khổ não, Vô ngã. Trí tuệ thẩm sát như thế gọi là *Tương tục thẩm sát*, và được xếp vào *Thẩm sát tuệ* trong 16 tầng tuệ.

(04). *Khaṇasammasana – Sát-na thẩm sát:* Việc thẩm sát thấy sự sinh diệt của một sắc pháp tiếp nối một sắc pháp, thấy một tâm sinh khởi rồi diệt đi, lại một tâm sinh khởi rồi diệt đi không gián đoạn, v.v... gọi là *Thẩm sát sát-na*. Đây là loại thẩm sát vi tế nhất so với 3 loại trên, chỉ có Đức Phật Chánh Đẳng Giác mới có khả năng thẩm sát như thế được. Trí tuệ *Sát-na thẩm sát* được xếp vào *Thẩm sát tuệ* trong 16 tầng tuệ.

Thẩm sát tuệ có khả năng đoạn trừ được sự lầm tưởng thành khối, thành nhóm, tức là sự chấp thủ vào chế định rằng: ta, người, chúng sinh, v.v...

Khi hành giả thẩm sát danh sắc pháp theo trạng thái của Tam tướng thường xuyên bằng *Thẩm sát tuệ* đến lúc Tuệ thứ 4 sinh khởi, có tên gọi là *Ubayabbayañāṇa – Sinh diệt tuệ*. Đây là loại tuệ thấy rõ danh sắc pháp sinh diệt, gồm có 2 loại: Taruṇa-udayabbayañāṇa – Nhược sinh diệt tuệ và Balava-udayabbayañāṇa – Cường sinh diệt tuệ. Nếu hành giả tiến tu đến Nhược sinh diệt tuệ này, khi đó *Tùy phiền não quán* có cơ hội sẽ phát sinh.

VIPASSANŪPAKKILESA – TÙY PHIỀN NÃO QUÁN

Vipassanūpakkilesa – Tùy phiền não quán là 10 loại phiền não sinh khởi đối với hành giả trong quá trình tiến tu thiền Minh sát đến cấp độ Taruṇa-udayabbayañāṇa – Nhược sinh diệt tuệ.

Gāthāsaṅgaha:

7. OBHĀSO PĪTI PASSADDHI ADHIMOKKHA CA PAGGAHO
SUKHAṂ ÑĀṆAMUPAṬṬHĀNA- MUPEKKHĀ CA NIKANTI CA

Tùy phiền não quán có 10 loại: ánh sáng, phỉ, tịnh an, thắng giải, tinh cần, lạc, trí, niệm trú, xả và thích thú.

(01). *Obhāsa – Ánh sáng:* Là ánh sáng phát ra từ thân thể của hành giả, sinh khởi do tâm kết hợp với tuệ Minh sát, khiến cho hành giả nghĩ rằng mình đã chứng đắc.

(02). *Pīti – Phỉ:* Là niềm hỷ lạc khởi sinh đến hành giả, gồm 5 loại *Phỉ* như đã biết trong phần thiền Chỉ tịnh, đồng sinh với tâm Minh sát, khiến cho hành giả nghĩ rằng mình đã chứng đắc.

(03). *Passaddhi – Tịnh an:* Là sự an tịnh thân và tâm, chấm dứt sự bồn chồn bất an của thân và tâm, đồng sinh với tâm Minh sát, khiến cho hành giả nghĩ rằng mình đã chứng đắc.

(04). *Adhimokkha – Thắng giải:* Là đức tin mạnh mẽ, vượt trội, khiến hành giả bỏ quên đề mục tiến tu Minh sát đang thực hiện, khiến cho hành giả nghĩ rằng mình đã chứng đắc.

(05). *Paggaha – Tinh cần:* Là nỗ lực, cần mẫn, tinh chuyên dõng mãnh, không biết mệt mỏi của hành giả, làm cho bản thân hiểu lầm mình chứng đắc rồi.

(06). *Sukha – Lạc:* Là sự an lạc vi tế, sinh khởi khắp cả châu thân và nội tâm hành giả, là loại an lạc tinh vi, khác thường so với những loại lạc mà tự thân đã trải nghiệm; khiến cho hành giả dễ hiểu sai rằng đó là an lạc tối thượng Niết-bàn.

(07). *Ñāna – Trí:* Là tuệ quán sắc bén khởi sinh lúc thực hành, hành giả thấy rõ sự sinh và diệt của danh-sắc pháp một cách tường tận khiến hành giả tưởng nhầm mình đã chứng đạo bằng trí tuệ này.

(08). *Upaṭṭhāna – Niệm trú:* Là sự nhớ lại luôn luôn, không lơ đãng và khéo an trú một cách vững chãi của hành giả; khi hành giả tác ý nghĩ đến đối tượng nào thì đối tượng ấy sẽ xuất hiện, khiến cho hành giả nghĩ rằng mình đã chứng đắc.

(09). *Upekkhā – Xả:* Gồm cả 2 loại xả:

• Tatramajjhattatupekkhā – Trung hòa xả: chính là chi *Xả* trong *Thất giác chi (Sambojjhaṅga)*, là sự thản nhiên khi quan sát các *Hành (Saṅkhāra)*.

• Āvajjanupekkhā – Hướng tâm xả: là sự thản nhiên sinh khởi ở Ý môn.

Khi tiến tu Minh sát, các trạng thái xả này phát sinh trong tâm khiến cho hành giả cảm thấy không vui buồn trước mọi sự, tâm không dao động, như người không còn phiền não và hành giả tưởng mình đã chứng đắc.

(10). *Nikanti – Ái nhiễm:* Là sự dính mắc, ưa thích trong lúc tiến tu Minh sát (vipassanānikanti). Sự ưa thích này là một trạng thái vi tế làm cho hành giả thỏa mãn, thích thú với đề mục Minh sát đang hành và khó nhận ra đó là phiền não.

TIGĀHA – BA CHẤP TRƯỚC

Tùy phiền não quán gồm 10 loại như đã nêu, sở dĩ được gọi tên như vậy vì chúng là đối tượng hoặc là trú xứ của phiền não. Ngoại trừ *Ái nhiễm (Nikanti)* ra, 9 loại còn lại không phải là bất thiện hay phiền não (kilesa) gì cả.

Tùy phiền não quán khi nói theo đối tượng hoặc là trú xứ gồm có 10 loại, chẳng hạn như *Ánh sáng,* v.v... nhưng khi nói theo sự chấp trước (gāha) thì phân thành 3 loại:

(01). *Diṭṭhigāha – Tà kiến chấp trước:* Là sự chấp trước do năng lực của *Tà kiến*. Chẳng hạn, hành giả cho rằng ánh sáng này của ta, v.v...

(02). *Mānagāha – Mạn chấp trước:* Là sự chấp trước do năng lực của *Mạn*. Chẳng hạn hành giả cho rằng ánh sáng của ta thật đẹp, hơn hẳn của người khác, v.v...

(03). *Taṇhāgāha – Ái chấp trước:* Là sự chấp trước do năng lực của *Ái*. Chẳng hạn hành giả cảm thấy hân hoan, thích thú với ánh sáng ấy, v.v...

Với 10 loại *Tùy phiền não quán* và 3 sự chấp trước cho mỗi loại thì có cả thảy 30 loại chấp trước khác nhau có khả năng sinh khởi nơi hành giả trong lúc tiến tu Minh sát.

❋ Khi hành giả không cho rằng các *Tùy phiền não quán* đang xuất hiện như vậy không từng sinh khởi trước đây với mình, không nghĩ rằng mình đã đắc Đạo, Quả và suy luận về trạng thái của *đạo (đường, đối tượng)* rằng *Ánh sáng* này, v.v... không phải là *đạo*, mà do bởi *Ái (Taṇhā)* và *Mạn (Māna)* làm nền tảng; sự thật chính là các *Tùy phiền não quán* đang hiện hành. Minh sát tuệ trong lộ trình thoát khỏi các *Tùy phiền não quán* mà đứng đầu là *Ánh sáng* mới thật là *đạo,* được gọi là ***Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh*** bởi vì biết, tức là thấy *đạo (đường, đối tượng)* và *phi đạo (không phải đường, không phải đối tượng)*, đồng thời tẩy sạch sự lầm tưởng sai trái về *đạo* và *phi đạo*, khiến cho trong sạch, thanh tịnh.

VI. PAṬIPADĀÑĀṆADASSANAVISUDDHI – HÀNH TRI KIẾN THANH TỊNH

Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi – Hành tri kiến thanh tịnh là sự thanh tịnh, trong sạch của trí tuệ thấy rõ pháp thực hành để đạt đáo Niết-bàn một cách chắc chắn.

Pāḷi chiết tự:

Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi = paṭipadā + ñāṇa + dasana + visuddhi

- *paṭipadā:*	hành, thực hành	- *ñāṇa:*	trí tuệ
- *dassana:*	kiến, thấy	- *visuddhi:*	thanh tịnh

Hành tri kiến thanh tịnh có chi pháp là *Tuệ tâm sở (Paññācetasika)* trong 4 Đại thiện tâm hợp trí (Mahākusalacittañāṇasampayutta), tại thời điểm quán chiếu danh sắc theo Tam tướng.

Hành tri kiến thanh tịnh là tuệ Minh sát thật sự, được quy về 9 loại tuệ trong 16 tầng tuệ, đó là:

(01). *Balava-udayabbayañāṇa – Cường sinh diệt tuệ*
(02). *Bhaṅgañāṇa – Hoại diệt tuệ*
(03). *Bhayatūpaṭṭhānañāṇa – Kinh hãi tuệ*
(04). *Ādīnavañāṇa – Nguy hiểm tuệ*
(05). *Nibbidāñāṇa – Nhàm chán tuệ*
(06). *Muñcitukamyatāñāṇa – Dục thoát tuệ*
(07). *Paṭisaṅkhāñāṇa – Quán sát tuệ*
(08). *Saṅkhārupekkhāñāṇa – Hành xả tuệ*
(09). *Anulomañāṇa – Thuận thứ tuệ*

Gāthāsaṅgaha:

8. PARIPANTHA VIMUTTO VA UDAYABBAYAÑĀṆATO
PAṬṬHĀYA YĀVĀNULOMĀ NAVAÑĀṆĀNI BHĀVIYA
ṬHITO PAṬIPADĀÑĀṆA- DASSANASMIṂ VISUDDHIYAṂ.
Hành giả thoát khỏi các hiểm nguy rồi, tiến tu 9 tuệ minh sát, tính từ sinh diệt tuệ đến thuận thứ tuệ, gọi là trú tại hành tri kiến thanh tịnh.

Nghĩa là, khi hành giả tinh cần, nỗ lực tiến tu Minh sát tuệ, không thối thất, không dính mắc vào các ấn tướng, thoát ngoài các pháp chướng ngại, xa rời các tùy phiền não quán, Minh sát tuệ sẽ phát triển theo tuần tự từ *Sinh diệt tuệ, Hoại diệt tuệ,...,* cho đến *Thuận thứ tuệ*. Cả 9 loại tuệ này được gọi là *Hành tri kiến thanh tịnh*, là thanh tịnh thứ 6, trên con đường dẫn đến thanh tịnh thứ 7 là *Ñāṇadassanavisuddhi – Tri kiến thanh tịnh*.

VII. ÑĀṆADASSANAVISUDDHI – TRI KIẾN THANH TỊNH

Ñāṇadassanavisuddhi – Tri kiến thanh tịnh là sự thanh tịnh, trong sạch của trí tuệ xuyên suốt cả Tứ thánh đế một cách trọn vẹn.

Pāḷi chiết tự:

Ñāṇadassanavisuddhi = ñāṇa + dasana + visuddhi

- *ñāṇa:* trí tuệ
- *dassana:* kiến, thấy
- *visuddhi:* thanh tịnh

Pāḷi định nghĩa:

* ***Catusaccaṃ jānātī'ti = ñāṇaṃ.***
Biết tứ thánh đế gọi là *ñāṇa*, dịch là *trí (trí tuệ)*.

* ***Paccakkhato passatī'ti = dassanaṃ.***
Thấy rõ Niết-bàn gọi là *dassana*, dịch là *kiến*.

* ***Kilesamalato visujjhantī'ti = visuddhi.***
Trong sạch khỏi phiền não, bợn nhơ gọi là *visuddhi*, dịch là *thanh tịnh*.

Chi pháp của *Tri kiến thanh tịnh* là *Tuệ tâm sở (Paññācetasika)* đồng sinh với 4 Đạo tâm (Maggacitta), có đối tượng là Niết-bàn. Như vậy cả 4 Đạo tuệ: Nhập Lưu Đạo tuệ, v.v… đều gọi là *Tri kiến thanh tịnh* vì đã gột rửa tâm thoát khỏi bợn nhơ là các phiền não – là thực tính pháp si mê, lầm lạc (Vô minh), không thấy rõ 8 pháp đang đoanh vây chúng sinh:

(01). *Không biết rằng thân và tâm này là khổ*

(02). *Không biết rằng sự ham thích là nguyên nhân của khổ*

(03). *Không biết rằng Niết-bàn là sự diệt khổ*

(04). *Không biết rằng Thánh đạo tám ngành là đường lối thực hành dẫn đến Niết-bàn*

(05). *Không biết rằng từng có kiếp trước, không tin vào kiếp sống quá khứ*

(06). *Không biết rằng sẽ có kiếp sau, không tin vào kiếp sống vị lai*

(07). *Không biết rằng từng có kiếp trước và sẽ có kiếp sau, không tin vào kiếp sống quá khứ và vị lai, chỉ tin vào kiếp hiện tại này do cha mẹ sinh ra, và chết đi là hết*

(08). *Không biết rằng sự diễn tiến của chúng sinh là nương vào pháp duyên sinh, duyên diệt, có nhân có quả tương thích mà chỉ tin rằng chúng sinh sinh ra, tồn tại là do một đấng sáng tạo chủ tạo tác ra,…*

Tri kiến thanh tịnh thuộc về Siêu thế tuệ (Lokuttarapaññā), còn các thanh tịnh trước đó thuộc về Hiệp thế tuệ (Lokiyapaññā).

Khi xếp vào 16 tầng tuệ thì *Tri kiến thanh tịnh* chính là *Maggañāṇa – Đạo tuệ*, là Tuệ thứ 14. Ngoài ra, Tuệ thứ 15 là *Phalañāṇa – Quả tuệ*, thuộc về Siêu thế tâm cũng được xem là *Tri kiến thanh tịnh* một cách gián tiếp vì tuệ này có đối tượng là Niết-bàn. Ngay cả *Paccavekkhaṇañāṇa – Hồi khán tuệ* là tuệ thứ 16, thuộc về Hiệp thế tâm, nhưng đã kinh qua Đạo, Quả và Niết-bàn nên cũng được quy về *Tri kiến thanh tịnh*.

TỔNG KẾT VỀ BẢY THANH TỊNH

Hành giả có nguyện vọng giác ngộ giải thoát, chứng đắc Thánh đạo, Thánh quả, nhập Niết-bàn cần phải biết tầm quan trọng của 7 Thanh tịnh như đã nêu trên. Trong đó, nền tảng của việc tu tiến là *Giới thanh tịnh* và *Tâm thanh tịnh,* đây là mấu chốt cơ bản mà hành giả cần tu tập để dẫn đến các Thanh tịnh tiếp theo. Nếu hành giả có sự tinh cần, nỗ lực (ātāpī), duy trì niệm (satimā) liên tục trên đối tượng là danh-sắc pháp, trau dồi trí tuệ Minh sát (Sampajāno) thì *Kiến thanh tịnh* sẽ thành tựu nhanh chóng và các bước tiếp theo cũng vậy, nhất là *Hành tri kiến thanh tịnh* sẽ thành tựu. Cuối cùng ***Lộ trình đạo tâm*** sẽ sinh khởi, hành giả đạt đến *Tri kiến thanh tịnh*. Nếu 2 Thanh tịnh đầu tiên là *Giới thanh tịnh* và *Tâm thanh tịnh* mà hành giả không thành tựu được thì các Thanh tịnh về sau cũng không thể khởi sinh với hành giả.

(01). *Giới thanh tịnh:* Bao gồm Tứ thanh tịnh giới, là nền tảng của thiền Minh sát, hoặc là giới trong đối tượng của Niệm xứ (Satipaṭṭhāna), cũng là giới được quy về Bát thánh đạo.

(02). *Tâm thanh tịnh:* Bao gồm 3 loại định là: Sát-na định (Khaṇikasamādhi), Cận hành định (Upacārasamādhi) và An chỉ định (Appanāsamādhi) là nền tảng của thiền Minh sát.

(03). *Kiến thanh tịnh*
(04). *Đoạn nghi thanh tịnh*
(05). *Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh*
(60). *Hành tri kiến thanh tịnh*
} Minh sát tuệ (Vipassanāñāṇa), thuộc về Hiệp thế tuệ (Lokiyapaññā)

(07). *Tri kiến thanh tịnh* ——— Siêu thế tuệ (Lokuttarapaññā)

TILAKKAṆA – TAM TƯỚNG

Tilakkhaṇa – Tam tướng là 3 tính chất của tất cả danh-sắc pháp, đó là:

- Aniccalakkhaṇa – Vô thường tướng
- Dukkhalakkhaṇa – Khổ não tướng
- Anattalakkhaṇa – Vô ngã tướng

3 tính chất này được gọi là *Sāmaññalakkhaṇa – Tính chất chung* vì là tính chất giống nhau, đồng đều nhau với mọi danh-sắc pháp.

Gāthāsaṅgaha:

9. ANICCALAKKHAṆAṂ DUKKHA-ANATTALAKKHAṆAÑCETI LAKKHAṆAṂ KAMATO ṬHITO TĪNEVA LAKKHAṆĀNI CA

Cả 3 tính chất là vô thường tướng, khổ não tướng và vô ngã tướng đã được nêu ra theo tuần tự.

Tất cả các pháp, dù là Hữu vi pháp (Saṅkhatadhamma) hay Vô vi pháp (Asaṅkhata-dhamma), dù là Danh pháp (Nāmadhamma) hay Sắc pháp (Rūpadhamma), luôn cả loài Hữu tình chúng sinh (Saviññāṇasatta) hay Vô tình chúng sinh (Aviññāṇasatta) đều biểu hiện dấu hiệu cho tuệ Minh sát thấy rõ, ấy chính là *Tam tướng* này vậy.

I. ANICCALAKKHAṆA – VÔ THƯỜNG TƯỚNG

1, Aniccaṃ – Vô thường:

Vô thường là trạng thái không bền vững, mang ý nghĩa là diệt, như trong *Thanh Tịnh Đạo* có nêu: ***"Aniccaṃ khayaṭṭhena"***, bởi vì mọi danh-sắc pháp sinh rồi phải diệt. Hoặc là: ***"Hutvā abhāvaṭṭhena aniccā"***, nghĩa là: "Có rồi lại không, tức là không thường hằng". Do vậy, Đức Phật dạy:

"Sabbe saṅkhārā aniccā."
"Tất cả các pháp hữu vi là vô thường."

Các Hữu vi pháp bao gồm danh-sắc pháp trong Tam giới, 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, v.v… đều sinh diệt là thường theo lẽ tự nhiên của chúng.

2, Vô thường tướng (Aniccalakkhaṇa):

Vô thường tướng là tính chất biến động thay đổi của pháp *Hữu vi*, không giữ nguyên trạng thái ban đầu. Bộ *Thanh Tịnh Đạo* trình bày các trạng thái chi tiết của *Vô thường tướng* như sau:

(01). *Aniccato – Vô thường:* Trạng thái không thường hằng

(02). *Addhuvato – Không bền vững:* Trạng thái không tồn tại lâu dài, không bền vững

(03). *Asārato – Không cốt lõi:* Trạng thái không có cốt lõi, mềm yếu, dễ bị bẻ gãy, vô dụng

(04). *Cavato – Dao động:* Trạng thái bị dao động, rúng động do bệnh tật, do các pháp thế gian (được-mất, khen-chê, v.v...).

(05). *Palokato – Rã tan:* Trạng thái tiêu hoại, rã tan, hoại diệt

(06). *Vipariṇāmato – Biến đổi:* Trạng thái biến đổi theo tự nhiên thông qua già và chết

(07). *Maraṇadhammato – Tử diệt:* Trạng thái có sự chết là lẽ thường tình

(08). *Vibhavato – Không tấn hóa:* Trạng thái không tấn hóa, không phát triển, suy thoái

(09). *Saṅkhatato – Hữu vi:* Trạng thái bị tạo tác do nhân và duyên

(10). *Pabhaṅguto – Mong manh:* Trạng thái mong manh, bị phá hủy dần, rã tan do tự mình và tác nhân bên ngoài

II. DUKKHALAKKHAṆA – KHỔ TƯỚNG

1, Dukkhaṃ – Khổ não:

Khổ não là trạng thái mang ý nghĩa là đáng kinh sợ, trong *Thanh Tịnh Đạo* có nêu: ***"Dukkhaṃ bhayaṭṭhena"***, bởi vì mọi danh-sắc pháp sinh rồi phải diệt không ngừng nghỉ nên đáng kinh sợ. ***"Uppādavayapaṭipīḷanaṭṭhena dukkhā"***, nghĩa là: "Sự sinh, sự diệt luôn luôn hành hạ, có ý nghĩa là *Khổ não*". Do vậy, Đức Phật dạy:

"Sabbe saṅkhārā dukkhā."
"Tất cả các pháp hữu vi là khổ não."

Ba loại *Khổ*:

(01). *Dukkhadukkha – Khổ khổ:* Đây là Khổ thọ (Dukkhavedanā), là trạng thái khó chịu đựng nổi, như khổ thân, khổ tâm.

(02). *Vipariṇāmadukkha – Hoại khổ:* Đây là Lạc thọ (Sukhavedanā), do vô thường, sinh rồi diệt khiến cho biến chất, nên Lạc thọ biến thành *Khổ đế*.

(03). *Saṅkhāradukkha – Hành khổ:* Đây là tất cả các Hữu vi pháp, danh-sắc pháp sinh diệt liên tục, không ngừng hành hạ nên chỉ có khổ mà thôi.

2, Khổ tướng (Dukkhalakkhaṇa):

Khổ tướng là tính chất khổ não của Hữu vi pháp, là trạng thái không chịu đựng được, do vô thường biến động, thay đổi; đúng như lời dạy của Đức Thế Tôn trong bài kinh Vô Ngã Tướng (Anattalakkhaṇasutta):

"Yadaniccaṃ, taṃ dukkhaṃ."
"Pháp nào vô thường, pháp ấy là khổ não."

Bộ *Thanh Tịnh Đạo* trình bày các trạng thái chi tiết của *Khổ tướng* như sau:

(01). *Dukkhato – Khổ não:* Trạng thái khổ não do sự bức bách của sinh và diệt, là trú xứ của khổ

(02). *Bhayato – Đáng sợ:* Trạng thái đáng sợ hãi vì là nơi sinh của mọi sự lo âu, sợ hãi

(03). *Ītito – Hoạn nạn:* Trạng thái hoạn nạn vì sẽ dẫn đến mất mát, điêu tàn

(04). *Upaddavato – Nguy hiểm:* Trạng thái nguy hiểm vì đem đến điều không ích lợi và là trú xứ của mọi hiểm nguy

(05). *Upasaggato – Chướng ngại:* Trạng thái chướng ngại ngăn cản

(06). *Rogato – Bệnh tật:* Trạng thái luôn bị bệnh tật hành hạ, cần có chữa trị, và là nơi nương sinh của bệnh hoạn

(07). *Ābādhato – Đau ốm:* Trạng thái luôn bị đau ốm, mệt mỏi, sinh nhiều bất tiện

(08). *Gaṇḍato – Mụt ghẻ:* Trạng thái như mụt ghẻ, đau nhức vì là nơi rò rỉ ra các thứ dơ uế là phiền não

(09). *Sallato – Mũi tên:* Trạng thái như mũi tên đâm xuyên, ghim vào khó mà rút ra

(10). *Aghato – Phi công đức:* Trạng thái đáng chê trách vì đem đến sự suy hoại, lụn bại, nguồn gốc của các tội lỗi

(11). *Atāṇato – Không bảo hộ:* Trạng thái không có sự bảo hộ, không an toàn, phải diễn biến theo nhân duyên

(12). *Aleṇato – Không kín đáo:* Trạng thái không được che đậy, không thể ẩn náu được

(13). *Asaraṇato – Không nương tựa:* Hành giả quán sát ngũ uẩn là nơi không thể nương tựa được vì là nơi không ngăn cản, đoạn trừ sự sợ hãi cho chúng sinh cần nương tựa

(14). *Ādīnavato – Tội chướng:* Trạng thái tội chướng vì phải chịu khổ do diễn tiến trong luân hồi

(15). *Aghamūlato – Nhân khổ đau:* Trạng thái nguồn gốc dẫn đến mọi khổ đau, bất hạnh

(16). *Vadhakato – Đao phủ:* Trạng thái như kẻ sát hại, cầm đao giết người, như kẻ thù có gương mặt chính là mình

(17). *Sāsavato – Lậu hoặc:* Trạng thái mang tính lậu hoặc (āsava), do là đường lối dẫn đến các lậu hoặc như Dục lậu, Hữu lậu, v.v...

(18). *Mārāmissato – Mồi của ma vương:* Trạng thái là miếng mồi ngon của ma vương dụ chúng sinh đến cái chết

(19). *Jātidhammato – Sinh thường:* Trạng thái có tính sinh ra là chuyện thường tình, do sinh nên có khổ, nhưng không thể trốn thoát khỏi sự sinh và sinh rồi thì phải khổ

(20). *Jarādhammato – Lão thường:* Trạng thái có tính già lão là chuyện thường tình, không thể ngăn cản được, đã sinh thì phải già

(21). *Byādhidhammato – Bệnh thường:* Trạng thái có bệnh hoạn là chuyện thường tình, không ai tránh thoát được

(22). *Sokadhammato – Sầu ưu thường:* Trạng thái có sự ưu sầu là chuyện thường tình do bệnh tật, do gia sản điêu tàn, do thân quyến mất mát, v.v...

(23). *Paridevadhammato – Than vãn thường:* Trạng thái có sự than vãn là chuyện thường tình vì là nhân của bi thống, buồn đau do bệnh tật, do gia sản điêu tàn, do thân quyến mất mát, v.v...

(24). *Upāyāsadhammato – Uất ức thường:* Trạng thái có sự uất ức là chuyện thường tình, vì là nhân sinh ra uất ức do bệnh tật, do gia sản điêu tàn, do thân quyến mất mát, v.v...

(25). *Saṅkilesadhammato – Phiền não thường:* Trạng thái bị ô nhiễm phiền não là chuyện thường tình

III. ANATTALAKKHAṆA – VÔ NGÃ TƯỚNG

1, Anattā – Vô ngã:

Vô ngã là trạng thái mang ý nghĩa vô dụng, như trong bộ *Thanh Tịnh Đạo* có nêu: ***"Anattā asārakaṭṭhena"***, bởi vì không phải ta, không phải của ta, không theo ý muốn của ta.

Theo Chú giải, *Vô ngã* có 4 nghĩa như sau:

(01). *Avasavattanaṭṭha:* Không chiều theo ý muốn của một ai cả

(02). *Asāmikaṭṭha:* Vô chủ, không có ai làm chủ cả

(03). *Suññataṭṭha:* Không phải ta, không phải của ta, không phải của ai cả

(04). *Attapaṭikkhepaṭṭha:* Phủ nhận thuyết tà kiến, chấp ngã của ngoại đạo

Do vậy, Đức Phật dạy:

"Sabbe dhammā anattā."
"Tất cả các pháp là vô ngã."

Các pháp ở đây chính là Hữu vi pháp (Saṅkhatadhamma) và Vô vi pháp (Asaṅkhata-dhamma):

* *Hữu vi pháp* bao gồm danh-sắc pháp trong Tam giới, 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới, v.v… chúng bị tạo tác bởi 4 yếu tố: Nghiệp, Tâm, Thời tiết và Vật thực.

* *Vô vi pháp* bao gồm Niết-bàn (Nibbāna) và Chế định pháp (Paññattidhamma), là những pháp không bị tạo tác bởi 4 yếu tố nêu trên.

3, Vô ngã tướng (Anattalakkhaṇa):

Vô ngã tướng là tính chất không có bản ngã của *Vạn pháp*, là trạng thái không điều khiển, không ra lệnh được, không phải là ta, không phải của ta, không phải tự ngã của ta.

Trong bài kinh *Vô Ngã Tướng (Anattalakkhaṇasutta)*, Đức Phật đã thuyết:

"Yaṃ dukkhaṃ, tadanattā."
"Pháp nào khổ, pháp ấy là vô ngã."

Bộ *Thanh Tịnh Đạo* trình bày các trạng thái chi tiết của *Vô ngã tướng* như sau:

(01). *Anattato – Không có ngã:* Trạng thái không có cái gọi là bản ngã, không phải là chủ nhân, không theo quyền lực của một ai, v.v...

(02). *Parato – Cái khác lạ:* Trạng thái không bền vững, sẽ biến thành cái khác, kẻ khác, cái khác lạ, v.v...

(03). *Rittato – Trống rỗng:* Trạng thái rỗng không, không có thường, lạc, ngã, v.v...

(04). *Tucchato – Không cốt lõi:* Trạng thái không cốt lõi, không có nền móng, v.v...

(05). *Suññato – Không tính:* Trạng thái không phải chúng sinh, không phải người, v.v...

Như vậy, 3 Tính chất chung (Sāmaññalakkhaṇa) của danh-sắc pháp được phân chia tỉ mỉ thành 40 tính chất chi tiết, mỗi tính chất chi tiết này được hiện rõ đối với hành giả thực hành thiền Minh sát tùy theo ba-la-mật mà họ đã tích lũy, tùy thuộc vào năng lực các Căn (Indriya) của họ và còn tùy vào quá trình tiến tu của hành giả nữa.

ANUPASSANĀ – TÙY QUÁN

Anupassanā – Tùy quán là phép quán sát danh-sắc pháp một cách thường xuyên, liên tục của hành giả – người đang tiến tu thiền Minh sát theo Tam tướng. Có 3 pháp *Tùy quán,* đó là:

- Aniccānupassanā – Vô thường tùy quán
- Dukkhānupassanā – Khổ não tùy quán
- Anattānupassanā – Vô ngã tùy quán

Gāthāsaṅgaha:

10. ANICCĀNUPASSANĀ CA TATO DUKKHĀNUPASSANĀ
ANATTĀNUPASSANĀ'TI TISSO ANUPASSANĀ

Từ đây, nên biết rằng tùy quán có 3 loại: "Vô thường tùy quán, khổ tùy quán và vô ngã tùy quán."

Pāḷi chiết tự:

Anupassanā = anu + passanā

- *anu:* thường xuyên, tùy, theo
- *passanā:* quán, thấy, theo dõi

Pāḷi định nghĩa:

* ***Aniccassa anupassanā = aniccānupassanā.***
Sự thường xuyên quán sát, theo dõi danh-sắc pháp là vô thường cho đến khi vô thường tướng xuất hiện gọi là *vô thường tùy quán*.

* ***Dukkhassa anupassanā = dukkhānupassanā.***
Sự thường xuyên quán sát, theo dõi danh-sắc pháp là khổ cho đến khi khổ tướng xuất hiện gọi là *khổ não tùy quán*.

* ***Anattāya anupassanā = anattānupassanā.***
Sự thường xuyên quán sát, theo dõi danh-sắc pháp là vô ngã cho đến khi vô ngã tướng xuất hiện gọi là *vô ngã tùy quán*.

Chi pháp của *Tùy quán* chính là *Tuệ tâm sở (Paññācetasika)* trong 4 Đại thiện tâm hợp trí và 4 Đại duy tác tâm hợp trí với đối tượng là sự sinh diệt của danh-sắc pháp.

AṬṬHARASA MAHĀVIPASSANĀ – MƯỜI TÁM PHÁP ĐẠI QUÁN

Bộ *Thanh Tịnh Đạo* có nêu 18 Pháp Đại Quán như sau:

"Aṭṭharasa mahāvipassanā nāma aniccānupassanādikā paññā:

"Trí tuệ thường xuyên quán sát danh-sắc pháp theo tính vô thường, v.v... gọi là 18 Pháp Đại Quán:

(01). ***Yāsu aniccānupassanaṃ bhāvento niccasaññaṃ pajahati.***
Khi tiến tu Vô thường tùy quán, hành giả đoạn trừ được Thường tưởng.

(02). ***Dukkhānupassanaṃ bhāvento sukhasaññaṃ pajahati.***
Khi tiến tu Khổ não tùy quán, hành giả đoạn trừ được Lạc tưởng.

(03). ***Anattānupassanaṃ bhāvento attāsaññaṃ pajahati.***
Khi tiến tu Vô ngã tùy quán, hành giả đoạn trừ được Ngã tưởng.

(04). ***Nibbidānupassanaṃ bhāvento nandiṃ pajahati.***
Khi tiến tu Yểm ly tùy quán, hành giả đoạn trừ được niềm Hân hoan.

(05). ***Virāgānupassanaṃ bhāvento rāgaṃ pajahati.***
Khi tiến tu Ly tham tùy quán, hành giả đoạn trừ được lòng Tham luyến.

(06). ***Nirodhānupassanaṃ bhāvento samudayaṃ pajahati.***
Khi tiến tu Đoạn diệt tùy quán, hành giả đoạn trừ được sự Tập khởi.

(07). ***Paṭinissaggānupassanaṃ bhāvento ādānaṃ pajahati.***
Khi tiến tu Xả ly tùy quán, hành giả đoạn trừ được sự Dính mắc.

(08). ***Khayānupassanaṃ bhāvento ghānasaññaṃ pajahati.***
Khi tiến tu Diệt tận tùy quán, hành giả đoạn trừ được Khối tưởng.

(09). ***Vayānupassanaṃ bhāvento āyūhanaṃ pajahati.***
Khi tiến tu Tiêu diệt tùy quán, hành giả đoạn trừ được sự Tích trữ.

(10). ***Vipariṇāmānupassanaṃ bhāvento dhuvasaññaṃ pajahati.***
Khi tiến tu Biến hoại tùy quán, hành giả đoạn trừ được sự Trường tồn.

(11). ***Animittānupassanaṃ bhāvento nimittaṃ pajahati.***
Khi tiến tu Vô tướng tùy quán, hành giả đoạn trừ được Ấn tướng.

(12). ***Appaṇihitānupassanaṃ bhāvento paṇidhiṃ pajahati.***
Khi tiến tu Vô nguyện tùy quán, hành giả đoạn trừ được sự Cầu mong.

(13). ***Suññatānupassanaṃ bhāvento abhinivesaṃ pajahati.***
Khi tiến tu Không tánh tùy quán, hành giả đoạn trừ được sự Thiên chấp ngã.

(14). ***Adhipaññādhammavipassanaṃ bhāvento sārādānābhinivesaṃ pajahati.***
Khi tiến tu Thắng tuệ pháp quán, hành giả đoạn trừ được sự Thực thể thiên chấp.

(15). ***Yathābhūtañāṇadassanaṃ bhāvento sammohābhinivesaṃ pajahati.***
Khi tiến tu Như thật tri kiến, hành giả đoạn trừ được Si mê thiên chấp.

(16). ***Adīnavānupassanaṃ bhāvento ālayābhinivesaṃ pajahati.***
Khi tiến tu Hiểm nguy tùy quán, hành giả đoạn trừ được sự Ái luyến thiên chấp.

(17). ***Paṭisaṅkhānupassanaṃ bhāvento appaṭisaṅkhaṃ pajahati.***
Khi tiến tu Quán sát tùy quán, hành giả đoạn trừ được Phi giản trạch.

(18). ***Vivaṭṭānupassanaṃ bhāvento saṃyogābhinivesaṃ pajahati".***
Khi tiến tu Đoạn luân tùy quán, hành giả đoạn trừ được sự Trói buộc thiên chấp."

Trường hợp hành giả là người *Tam nhân (Tihetukapuggala)*, có sự nỗ lực, tinh cần (Ātāpī), chuyên Niệm (Sati), có Định (Samādhi), có Tuệ (Paññā) quán sát danh-sắc pháp thường xuyên:

• Theo *Vô thường* hoặc thấy danh-sắc pháp là *Vô thường,* bởi vì trong quá khứ từng là người tu tập *Giới* chuẩn mực.

• Theo *Khổ não* hoặc thấy danh-sắc pháp là *Khổ,* bởi vì trong quá khứ từng là người tu tập *Định* chuẩn mực.

• Theo *Vô ngã* hoặc thấy danh-sắc pháp là *Vô ngã,* bởi vì trong quá khứ từng là người tu tập *Tuệ* chuẩn mực.

Khi Minh sát tuệ khởi sinh thì chỉ một trong *Tam tướng* sẽ hiện lên; lúc đó, hành giả sẽ xuyên suốt cả 3 tướng, đúng như lời dạy của Đức Thế Tôn trong bài kinh *Vô Ngã Tướng (Anattalakkhaṇasutta)*:

"Yadaniccaṃ, taṃ dukkhaṃ. Yaṃ dukkhaṃ, tadanattā."
"Pháp nào vô thường, pháp ấy là khổ não. Pháp nào khổ não, pháp ấy là vô ngã."

I. ANICCĀNUPASSANĀ – VÔ THƯỜNG TÙY QUÁN

1, Aniccānupassanā – Vô thường tùy quán:

Vô thường tùy quán là trí tuệ thường xuyên quán sát thấy danh-sắc, ngũ uẩn không bền vững, luôn biến đổi.

Chi pháp chính là *Tuệ tâm sở (Paññācetasika)* trong 4 Đại thiện tâm hợp trí và 4 Đại duy tác tâm hợp trí lúc đang quán sát, theo dõi danh-sắc pháp.

Chúng ta cần phân biệt rõ các khái niệm:

• *Aniccaṃ – Vô thường:* Pháp không bền vững, luôn biến động, sinh diệt

• *Aniccalakkhaṇa – Vô thường tướng:* Dấu hiệu không bền vững, biến động

• *Aniccānupassanā – Vô thường tùy quán:* Trí tuệ quán sát thấy sự không bền vững nơi danh-sắc, ngũ uẩn

Chú giải Thanh Tịnh Đạo có nêu:

* ***"Aniccan'ti khandhapañcakaṃ. Kasmā? Uppādavayaññathattabhāvā hutvā abhāvato vā uppādavayaññathattaṃ aniccalakkhaṇaṃ hutvā abhāvasaṅkhāto vā ākāravikāro."*** (Paṭipadāñāṇadassanavisuddhivaṇṇanā)

"Ngũ uẩn gọi là 'Vô thường'. Vì sao? Bởi vì có sự biến dạng thay đổi do sinh diệt, hay nói khác đi là sinh khởi rồi tiêu hoại không còn dư sót. Trạng thái diễn tiến làm biến dạng thay đổi thành thứ khác do sinh diệt gọi là 'Vô thường tướng'. Hoặc là trạng thái diễn tiến sinh rồi hoại diệt, không còn gì gọi là 'Vô thường tướng'."

* ***"Nibbattānaṃ tenevākārena aṭṭhatvā khaṇabhaṅgena bhedoti attho, aniccānupassanā'ti tassā aniccatāya vasena rūpādīsu aniccan'ti anupassanā."*** (Ānāpānassativaṇṇanā)

"Nghĩa là, sự tiêu hoại do sự diệt đi của danh-sắc, ngũ uẩn đã sinh ra mà không duy trì chỉ trong trạng thái đó. Việc quán sát thấy biết sắc pháp v.v... không thường hằng bởi năng lực của Vô thường tướng ấy gọi là 'Vô thường quán'."

Các pháp bị tạo tác bởi 4 yếu tố là Nghiệp, Tâm, Thời tiết và Vật thực gọi là các Hữu vi pháp (Saṅkhātadhamma). Thông thường, các Hữu vi pháp luôn có sự sinh khởi (uppāda), trụ lại (ṭhiti) và diệt đi (bhaṅga), đây cũng chính là dấu hiệu để nhận biết Hữu vi pháp; và cả 3 trạng thái này còn gọi là jāti (sinh) – jarā (lão) – maraṇa (tử), hay Hữu vi tướng (Saṅkhātalakkhaṇa). Khi quán sát bằng Minh sát tuệ, hành giả thấy Hữu vi pháp là Vô thường và Hữu vi tướng là *Vô thường tướng*. Do vậy, mỗi sát-na sinh – trụ – diệt cũng chính là *Vô thường tướng* hết thảy. Riêng với tiểu sát-na diệt (bhaṅgakkhaṇa), thời điểm này đã biểu hiện rõ tính vô thường một cách đầy đủ, chính xác theo đặc tính của cái gọi là *aniccaṃ* hơn cả 2 tiểu sát-na trước. Bởi thế, nếu chỉ quán sát đến tiểu sát-na sinh (uppādakkhaṇa), tiểu sát-na trụ (ṭhitikkhaṇa) mà không lưu ý đến tiểu sát-na diệt (bhaṅgakkhaṇa) thì việc quán sát như thế vẫn chưa thấy rõ sự thật của tính vô thường. Điều đó chỉ nói được là có sự suy luận từ các pháp ấy rằng khi có sự sinh khởi, trụ lại thì cũng sẽ có sự diệt đi; nếu có sự diệt thì các pháp ấy tất phải vô thường thôi. Khi đã có mối suy luận như thế thì nào đâu phải là sự thấy biết tính vô thường thật sự! Cho nên, khi quán sát thấy sát-na diệt của Hữu vi pháp một cách rõ ràng và đầy đủ tại thời điểm đó mới gọi là thấy tính vô thường thật sự.

2, Vô thường tùy quán thật và giả:

Cả 2 pháp: *Vô thường* và *Vô thường tướng* có sự khác biệt nhau như đã nêu trên. Dẫu vậy, nếu có sự thấy biết pháp vô thường, tức là khi thấy danh-sắc đang sinh khởi trước mắt thì thế nào *Vô thường tướng* cũng hiện khởi; và cũng thấy được tính vô thường tại thời điểm ấy đồng đều nhau. Việc thấy biết tính vô thường bằng sự quán sát như vậy gọi là *Vô thường tùy quán thật*.

Nếu không có sự quán sát pháp vô thường đang sinh khởi trước mắt mà chỉ là sự nghĩ tưởng về *Vô thường tướng* bằng cách niệm thầm *Tất cả hữu vi là vô thường (Sabbe saṅkhārā aniccā)* – là vô thường chế định – thì *Vô thường tướng* sẽ không có cơ hội hiển hiện ra được. Pháp thực hành như thế gọi là *Vô thường tùy quán giả*. Như Đức trưởng lão *Buddhaghosa* đã nêu trong bộ *Aṭṭhasālinīaṭṭhakathā:*

• ***Vuṭṭhānagāminī pana vipassanā kimārammaṇā'ti? Lakkhaṇārammaṇā'ti.***
Minh sát đưa đến xuất ly có đối tượng là gì? Đối tượng là Tam tướng.

• ***Lakkhaṇaṃ nāma paññattigatikaṃ navattabbadhammabhūtaṃ.***
Tam tướng ấy thuộc về pháp chế định, không phải là Tam giới pháp.

• ***Yo pana aniccaṃ dukkhaṃ anattā'ti tīṇi lakkhaṇāni sallakkheti, tassa pañcakkhandhā kaṇṭhe baddhakuṇapaṃ viya honti.***
Còn hành giả nào quán sát Tam tướng: "Vô thường, Khổ não, Vô ngã" thì ngũ uẩn sẽ hiện hữu trước tuệ Minh sát của hành giả ấy, giống như xác thối treo nơi cổ.

• ***Saṅkhārārammaṇameva ñāṇaṃ saṅkhārato vuṭṭhāsi.***
Chính tuệ quán đối tượng hữu vi ấy vượt thoát khỏi pháp Hữu vi.

• ***Yathā hi eko bhikkhu pattaṃ kiṇitukāmo pattavāṇijena pattaṃ ābhataṃ disvā haṭṭhapahaṭṭho gaṇhissāmī'ti cintetvā, vīmaṃsamāno tīṇi chiddāni passeyya.***
Giống như một vị tỳ-khưu muốn mua bình bát, sau khi thấy cái bát mà chủ tiệm cầm ra, thấy hài lòng, vị ấy nghĩ: 'ta sẽ lấy'; đang xem xét thì thấy có 3 cái lỗ thủng.

• ***So na chiddesu nirālayo hoti, patte pana nirālayo hoti.***
Vị ấy không phải không hài lòng nơi các lỗ thủng mà không hài lòng nơi cái bát.

• ***Evameva tīṇi lakkhaṇāni sallakkhetvā saṅkhāresu nirālayo hoti. Saṅkhārārammaṇeneva ñāṇena saṅkhārato vuṭṭhātī'ti veditabbaṃ.***
Điều ấy cũng như sau khi quán sát Tam tướng, sự hài lòng nơi pháp Hữu vi là không còn nữa. Bậc hiền trí nên biết: 'Hành giả thoát khỏi Hữu vi pháp bằng chính tuệ quán đối tượng Hữu vi'.

3, Tương tục chế định (santatipaññatti) và nhóm khối chế định (ghanapaññatti):

Sự sinh khởi liên tiếp nhau của đối tượng bên ngoài và lộ trình tâm nhận biết

đối tượng bên trong gọi là *tương tục chế định (santatipaññatti)*. Chính sự sinh khởi liên tiếp nhau của đối tượng bên ngoài và lộ trình tâm nhận biết đối tượng bên trong tựa như một khối, một nhóm gọi là *nhóm khối chế định (ghanapaññatti)*. Khi *tương tục chế định* hiện bày trong tâm thì *nhóm khối chế định* cũng đồng thời hiện bày trong tâm, cho nên có thể gộp chung thành *tương tục nhóm khối chế định (santatighanapaññatti)*.

Chính *tương tục nhóm khối chế định* này luôn che chắn, bao bọc sự sinh diệt của pháp Hữu vi danh-sắc, khiến cho người không có *niệm (sati)* khi quán sát danh-sắc đang sinh khởi trước mắt sẽ không thấy biết được sự sinh diệt của *Vô thường tướng* vậy.

Khi hành giả quán sát pháp Hữu vi danh-sắc đang hiện khởi trước mắt theo thực tính pháp sinh ra từ nhân duyên, *tương tục chế định (santatipaññatti)* và *nhóm khối chế định (ghanapaññatti)* đang che chắn, bao bọc sự sinh diệt của pháp Hữu vi danh-sắc sẽ bị đứt đoạn và tan rã, trở thành cái thấy biết thanh tịnh; lúc bấy giờ, Minh sát tuệ của hành giả cũng đạt đến *Vô thường tùy quán*.

Thật vậy, với người không có sự thấy biết pháp Hữu vi danh-sắc đang hiện khởi trước mắt tại mỗi thời đoạn của tâm và sắc pháp thì đừng nói chi đến sự sinh diệt của pháp Hữu vi danh-sắc mà ngay cả danh-sắc đang sinh khởi trước mắt cũng không biết, không thấy; chỉ thấy biết toàn chế định, quy ước mà thôi. Chẳng hạn khi thấy màu, thấy sắc thì chỉ biết, chỉ hiểu ở những sự việc như: nam, nữ, trẻ, già, súc vật, cây cối, nhà cửa, áo quần, v.v...; khi nghe âm thanh thì chỉ biết, chỉ hiểu ở những sự việc như: tiếng người nam, tiếng người nữ, tiếng trẻ con, tiếng người già, v.v...; khi ngửi mùi thì chỉ biết, chỉ hiểu ở những sự việc như: mùi nước hoa, mùi thức ăn, mùi nước tiểu, mùi phân, v.v...; khi nếm vị thì chỉ biết, chỉ hiểu ở những sự việc như: vị me, vị chanh, vị cam, vị ớt, vị muối, vị đường v.v...; khi xúc chạm với nóng lạnh, cứng mềm, căng chùng thì chỉ biết, chỉ hiểu ở những sự việc như: nước đá, nước sôi, lửa, bông gòn, cây gỗ, dao, gạch, xẹp, phồng, v.v... Sở dĩ như thế bởi vì *tương tục chế định* và *khối nhóm chế định* đang che chắn, bao bọc các loại đối tượng bên ngoài và cả lộ trình tâm nhận đối tượng bên trong, cho nên mới có sự hiểu biết như đã nêu. Đấy gọi là *tương tục chế định* không đứt đoạn và *khối nhóm chế định* không tan rã.

Nhưng thật ra thì khi thấy một vật gì đó, sắc trần cũ sẽ diệt đi, sắc trần mới sinh khởi tương tục nhau, không đứt đoạn. Người thấy ắt chỉ thấy toàn sắc trần mới sinh khởi suốt thời gian quan sát, lộ trình tâm sinh ra nhận sắc trần là cái thấy ấy, còn cái thấy cũ diệt đi cái thấy mới sinh ra thay thế, nối tiếp nhau không ngừng nghỉ. Tuy nhiên, người thấy sẽ hiểu sai về sắc trần và việc quan sát của mình rằng sắc trần mà

mình đang xem cũng như cái thấy của mình đang thấy ở thời điểm đầu và thời điểm cuối ắt cùng là một, giữ nguyên như cũ. Lúc đang nghe, ngửi, nếm, xúc chạm thì tiếng với cái nghe; mùi với sự ngửi; vị với việc nếm; cứng mềm, nóng lạnh, căng chùng với sự xúc chạm ắt cũng cùng bản chất như nhau. Ấy là cũ diệt đi, mới sinh ra, tương tục nhau không đứt đoạn. Và rồi, người đó có sự hiểu lầm rằng chúng cùng một loại, giữ nguyên không đổi.

Về phần hành giả quán sát pháp Hữu vi danh-sắc đang sinh khởi trước mắt với *niệm (sati)* đang biết liên tục, không gián đoạn; hành giả thấy biết thấu suốt, rõ ràng *tương tục nhóm khối chế định* đang che đậy, bao bọc sự sinh diệt của pháp Hữu vi danh-sắc dựa vào sự thấy biết lộ trình tâm sinh khởi trước và lộ trình tâm sinh khởi về sau. Trong thời đoạn thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm với nóng lạnh, cứng mềm, căng chùng, mỏi, đau, nhức, buồn, vui, nghĩ ngợi, v.v... đang bị đứt thành từng đoạn, không còn nguyên khối thống nhất nữa. Bên phía sắc pháp, hành giả quán sát sắc sinh khởi trước, sắc sinh khởi về sau, tại thời đoạn phồng lên, xẹp xuống, hít vào, thở ra, nhấc tay, nhấc chân, bước tới, bước lui, đứng lên, ngồi xuống, quay trái, quẹo phải, nháy mắt, há miệng cũng bị đứt thành đoạn, không còn giữ nguyên một thể nữa. Chính sự thấy biết lộ trình tâm và đối tượng bị phân ra, cắt rời như thế gọi là *tương tục chế định* đứt đoạn và *khối nhóm chế định* tan rã. Vô thường tướng là sự sinh diệt cũng sẽ hiển hiện. Như thế, tuệ quán của hành giả đạt đến *Vô thường tùy quán thật*.

Khi Minh sát tuệ đã đạt đến *Vô thường tùy quán thật* rồi thì việc quán sát các đại tiểu oai nghi, hơi thở vào ra, nghe, thấy, mệt mỏi, vui, buồn, nghĩ suy v.v... tại thời đoạn này, hành giả có thể biến đổi thành sự quán sát bằng cách thực hiện trong tâm về vô thường, như thế cũng được. (Trường hợp *Khổ não tùy quán thật*, *Vô ngã tùy quán thật* đã sinh khởi, có thể biến đổi thành sự quán sát bằng cách thực hiện trong tâm về khổ não, vô ngã, không phải tôi, nó v.v... đều được cả). Tuy nhiên, việc thay đổi thành sự quán sát này không quan trọng. Mấu chốt vấn đề là ở chỗ thấy rõ *Vô thường tướng*, v.v... tại mỗi một thời điểm đang quán sát đó mà thôi. Rồi hành giả lại hiểu nhầm rằng tự thân đang thấy biết *Vô thường tướng* do năng lực của Minh sát tuệ mà không hay. Do vậy, việc biến đổi sang quán sát như thế không quan trọng. Những giải thích trên đây được ngài Chú giải sư nêu lên trong phần *Hành tri kiến thanh tịnh (Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi)* trong bộ *Thanh Tịnh Đạo:*

**** "Aniccalakkhaṇaṃ tāva udayabbayānaṃ amanasikārā santatiyā paṭicchannattā na upaṭṭhāti."***

"Vô thường tướng được Đức Thế Tôn thuyết ra đầu tiên không hiện bày vì không quán sát thấy sự sinh diệt và vì bị che đậy bởi tương tục chế định."

* ***"Udayabbayaṃ pana pariggahetvā santatiyā vikopitāya aniccalakkhaṇaṃ yāthāvasarasato upaṭṭhāti."***

"Nhưng sau khi quán sát thấy sự sinh diệt, phá vỡ tương tục chế định, Vô thường tướng sẽ hiện khởi theo thực tính của mình như chân như thật."

4, Các pháp được đoạn trừ bởi Vô thường tùy quán:

Khi Minh sát tuệ thấy biết *Vô thường tướng* đúng như thật thì *tưởng* là sự nhớ về thường hằng, không biến đổi gọi là *Thường tưởng điên đảo (Niccasaññāvipallāsa)* sẽ biến mất. *Thường kiến điên đảo (Niccadiṭṭhivipallāsa)* và *Thường tâm điên đảo (Nicca-cittavipallāsa)* cũng đồng thời giảm thiểu. Qua đó, việc đoạn trừ Phiền não luân (Kilesavaṭṭa), Nghiệp luân (Kammavaṭṭa), Quả luân (Vipākavaṭṭa) dựa vào *Thường tưởng điên đảo* để phát sinh sẽ giảm đi đáng kể.

Phiền não luân chính là Vô minh (Avijjā) – sự không hiểu biết thực tính pháp đang hiện bày trước mắt; và Ái dục (Taṇhā) – lòng tham muốn, thích thú, dính mắc, chấp thủ nơi đối tượng do năng lực của tham và tà kiến. *Nghiệp luân* chính là Hành (Saṅkhāra) – sự tạo tác, sắp xếp thân, khẩu, ý trong các thiện sự và bất thiện sự và Nghiệp hữu (Kammabhava) – là sự thực hiện, bắt tay làm qua thân, khẩu, ý trong các thiện sự và bất thiện sự. *Quả luân* chính là Thức (Viññāṇa), Danh-sắc (Nāmarūpa), Lục xứ (Saḷāyatana), Xúc (Phassa), Thọ (Vedanā), Sinh (Jāta), Lão tử (Jarāmaraṇa).

Lại nữa, việc xuất hiện của *Vô thường tùy quán* này, nếu tính theo Minh sát tuệ thì sẽ xuất hiện lúc *Thẩm sát tuệ (Sammasanañāṇa)* và *Sinh diệt tuệ (Ubhayabbayañāṇa)* sinh khởi nhưng chưa được tròn đủ mà thôi, bởi vì tại thời điểm đó *Thường tưởng (Niccasaññā)* chưa được diệt tận do *tương tục nhóm khối chế định* chưa tan rã.

Việc đoạn trừ các pháp của *Vô thường tùy quán* như đã nêu trên có thể tìm thấy minh chứng trong *Phân Tích Đạo (Paṭisambhidāmagga)* và trong *Đại sớ giải Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimaggamahāṭīkā):*

* ***"Aniccato anupassanto niccasaññaṃ pajahati."***

"Hành giả quán sát pháp Hữu vi là Vô thường sẽ đoạn trừ được Thường tưởng."

* ***"Niccasaññan'ti niccagāhaṃ saññāsīsena niddeso sukkhasaññaṃ atta-saññan'ti etthāpi eseva nayo."***

"Việc chấp thủ pháp Hữu vi thường hằng gọi là: 'Thường tưởng', từ 'Thường tưởng' này là từ được nêu ra trước nhất, đứng đầu. Các từ: 'Lạc tưởng, Ngã tưởng" nên hiểu cùng dạng như vậy."

** **"Niccasaññāyā'ti saṅkhatadhammā niccā sassatā'ti evaṃ pavattāya micchā-saññāya saññaggahaṇeneva diṭṭhicittānampi gahaṇaṃ daṭṭhabbaṃ esanayo ito parāsu."***

"Từ 'niccasaññāya' là sự hớn hở, hài lòng bởi thường tưởng. Sự hớn hở, hài lòng bởi thường tưởng là cái nhớ sai lầm như vầy: 'Các pháp Hữu vi là thường hằng không biến đổi'. Cần biết rằng khi nêu 'tưởng' lên thì Thường kiến điên đảo và Thường tâm điên đảo cũng được nêu ra theo. Ngoài ra, trong Khổ não tùy quán và Vô ngã tùy quán cũng nên hiểu theo như thế."

VIỆC THOÁT BA THỜI CỦA CÁC PHIỀN NÃO BỊ ĐOẠN TRỪ

Hỏi: "Các phiền não như 'Thường tưởng điên đảo' v.v... bị Vô thường tùy quán đoạn trừ thuộc về thời quá khứ, thời hiện tại hay thời vị lai?"

Đáp: "Không thuộc về thời nào cả, thuộc về *Thoát thời (Kālavimutti)*. Các phiền não này gọi là *Tùy miên (Anusaya)*, chúng ngủ ngầm trong nội tâm, chưa hiện hữu thành thực tính chân đế pháp".

Thật vậy, phiền não nào thuộc về quá khứ thì đã diệt đi rồi, phiền não nào thuộc về vị lai thì chưa sinh khởi, còn trong hiện tại thì phiền não ấy không có, bởi vì tại thời điểm ấy chỉ có *Đại thiện tâm sinh (Mahākusalacittuppāda)*, tức là *Vô thường tùy quán* đang sinh ra và trụ lại. Do vậy, phiền não bị đoạn trừ đó đều không thuộc về quá khứ, hiện tại hay vị lai gì cả, nên gọi là phiền não thoát thời, tức là *tùy miên* vậy.

Trong số các phiền não liên đới đến 3 thời hoặc thoát khỏi 3 thời đó, vị lai phiền não cùng với tùy miên phiền não có trạng thái tương tự nhau bởi chưa biểu lộ thực tính chân đế, nhưng khi nói theo sự sinh khởi thì lại khác nhau. Nghĩa là, phiền não sẽ sinh khởi một cách chắc chắn thuộc về vị lai phiền não. Chẳng hạn như, tại thời điểm có sự hớn hở, hài lòng thì phiền não loại khác ngoài *tham (lobha)*, *si (moha)* là phiền não thuộc về vị lai; tại thời điểm có sự buồn rầu, tức giận thì phiền não loại khác ngoài *sân (dosa)*, *si (moha)* là phiền não thuộc về vị lai; tại thời điểm không có đức tin mà chỉ có sự nghi ngờ nơi điều đáng tin (như ân đức Tam Bảo, v.v...) thì phiền não loại khác ngoài *hoài nghi (vicikicchā)*, *si (moha)* là phiền não thuộc về vị lai, bởi vì chúng nhất định sẽ sinh khởi một cách chắc chắn (nhất định). Phiền não sẽ sinh khởi một cách không chắc chắn (bất định) chính là *tùy miên phiền não*. *Tùy miên phiền não* này khi nói theo *nền tảng pháp (dhammādhiṭṭhāna)* thì chỉ có một loại, đó là sẽ sinh không chắc chắn; nhưng khi nói theo *nền tảng người (puggalādhiṭṭhāna)* – là nơi ngủ ngầm của *tùy miên phiền não* thì có cả thảy 4 hạng như sau:

(01). *Hạng người mà tùy miên phiền não chắc chắn sẽ sinh*

(02). *Hạng người mà tùy miên phiền não không chắc chắn sẽ sinh*

(03). *Hạng người mà tùy miên phiền não chắc chắn sẽ không sinh*

(04). *Hạng người mà tùy miên phiền não không chắc chắn sẽ không sinh*

Trong số 4 hạng người này, hạng người đang bố thí, trì giới, tu tiến, đang nằm ngủ, *tùy miên phiền não* của họ chắc chắn sẽ sinh. Hạng người tục sinh bằng *Tam nhân* đang thực hành Minh sát miên mật, đồng thời có phát nguyện sẽ tu tập đến chứng ngộ Đạo, Quả thì một số hoặc tất cả *tùy miên phiền não* của hạng người này không chắc chắn sẽ sinh. Hạng người thực hành đã thành tựu Đạo, Quả rồi thì một số hoặc tất cả *tùy miên phiền não* của hạng người này chắc chắn sẽ không sinh. Tùy vào Đạo, Quả mà tự thân họ đã chứng đắc, và *Sân tùy miên* của Nhập Lưu và Nhất Lai phạm thiên cũng chắc chắn sẽ không sinh vậy. Hạng người tục sinh bằng *Tam nhân* đang thực hành Minh sát miên mật, đồng thời có phát nguyện sẽ tu tập đến chứng ngộ Đạo, Quả thì một số hoặc tất cả *tùy miên phiền não* của hạng người này không chắc chắn sẽ không sinh, và *Sân tùy miên* của phàm nhân là phạm thiên đang thực hành Minh sát ấy cũng không chắc chắn sẽ không sinh. Do vậy, để kết lại về *tùy miên phiền não* này, nếu nói theo *nền tảng pháp* thì chúng không thể thuộc về *vị lai phiền não*, mà chỉ là *thoát thời phiền não* thôi; nhưng khi nói theo *nền tảng người* thì *tùy miên phiền não* này thuộc về *vị lai phiền não* cũng có, mà không thuộc về *vị lai phiền não* cũng có.

SỰ NGỦ NGẦM CỦA TÙY MIÊN PHIỀN NÃO VÀ PHÁP ĐOẠN TRỪ

Sự ngủ ngầm của *tùy miên phiền não* có 2 dạng:

• Ngủ ngầm trong sự khởi sinh tương tục của danh-sắc gọi là Santānānusaya-kilesa – Tương tục tùy miên phiền não.

• Ngủ ngầm trong đối tượng là *piyarūpa – sắc mãn ái*, *sātarūpa – sắc mãn ý*, *appiyarūpa – sắc phi mãn ái*, *asātarūpa – sắc phi mãn ý* gọi là Ārammaṇānusayakilesa – Cảnh tùy miên phiền não.

Trong cả 2 dạng này, cả 4 Đạo đoạn trừ được Tương tục tùy miên phiền não, còn tuệ Minh sát có đối tượng là danh-sắc sẽ đoạn trừ được Cảnh tùy miên phiền não. Như vậy, *tùy miên phiền não* mà *Vô thường tùy quán* đoạn trừ được chính là Cảnh tùy miên phiền não. Riêng Tương tục tùy miên phiền não, hành giả khi nào vẫn còn là phàm phu, dẫu từng tu tập Minh sát nhiều đến cỡ nào hoặc đang tu tập hay đã chứng các bậc thiền, đắc thần thông, thị hiện vô số thần lực, thậm chí được sinh lên

các cõi trời Phạm thiên nhiều kiếp liên tục cũng vậy thôi. Tương tục tùy miên phiền não vẫn hiện hữu đầy đủ như thường, bởi lẽ chúng chưa được đoạn trừ dù chỉ là một tí. Đối với *Cảnh tùy miên phiền não*, khi tuệ Minh sát của hành giả đạt đến *Hoại diệt tuệ (Bhaṅgañāṇa)* thì Cảnh tùy miên phiền não sẽ bị đoạn trừ tức khắc, kể từ tuệ này trở đi, đúng như lời Đức Thế Tôn đã dạy trong bộ *Phân Tích (Vibhaṅga):*

"Sattānusayā kāmarāgānusayo, paṭighānusayo, mānānusayo, diṭṭhānusayo, vicikicchānusayo, bhavarāgānusayo, avijjānusayo. Yaṃ loke piyarūpaṃ, sātarūpaṃ, ettha sattānaṃ rāgānusayo anuseti, yaṃ loke appiyarūpaṃ, asātarūpaṃ ettha sattānaṃ paṭighānusayo anuseti, iti imesu dvīsu dhammesu avijjā anupatitā, tadekaṭṭho māno ca diṭṭhi ca vicikicchā ca daṭṭhabbā."

"Có 7 tùy miên là Dục ái tùy miên, Sân hận tùy miên, Mạn tùy miên, Kiến tùy miên, Hoài nghi tùy miên, Hữu ái tùy miên, Vô minh tùy miên. Sắc mãn ái, sắc mãn ý nào có mặt trên thế gian, Dục ái tùy miên của các chúng sinh ngủ ngầm nơi các pháp ấy. Sắc phi mãn ái, sắc phi mãn ý nào có mặt trên thế gian, Sân hận tùy miên của các chúng sinh ngủ ngầm nơi các pháp ấy. Cũng vậy, Vô minh tùy miên ngủ ngầm nơi cả hai pháp là Dục ái và Sân hận ấy; còn Mạn, Tà kiến và Hoài nghi tùy miên trú cùng một tâm với tâm có Vô minh, hành giả nên biết như thế."

a, Santānānusayakilesa – Tương tục tùy miên phiền não: Đây là loại phiền não ngủ ngầm trong căn tánh của chúng sinh, chưa hiển lộ ra bên ngoài, tức là chưa đạt đến 3 tiểu sát-na (sinh-trụ-diệt). Do vậy, người chưa đoạn trừ các phiền não ngủ ngầm này một cách tuyệt đối (samuccheda) thì được gọi là phàm phu. Kẻ phàm phu dù còn trong bụng mẹ, hoặc là thanh niên, thiếu nữ, hay trung niên, lão đại cũng thế; dù là cư sĩ hay đã xuất gia, chí đến những vị chứng thiền, đắc thần thông, thi triển đủ loại phép thuật, hay sinh ra ở các cõi trời phạm thiên nhiều đời, nhiều kiếp thì vẫn còn phiền não ngủ ngầm cả thảy. Thậm chí khi đã chứng quả Dự Lưu, Nhất Lai, các vị vẫn còn 5 Tùy miên, chỉ mới đoạn trừ được Tà kiến và Hoài nghi mà thôi. Khi đã chứng quả Bất Lai, các ngài vẫn còn 3 Tùy miên sót lại là Hữu ái, Mạn và Vô minh. Như vậy, cả 4 hạng người này vẫn còn phiền não ngủ ngầm. Giống như người đang bị sốt chưa khỏi, nếu ai đến hỏi rằng 'bạn khỏe chưa?', dù lúc đó không lên cơn sốt nhưng vẫn trả lời rằng 'đang sốt' bởi vì nghĩ việc từng bị sốt và sẽ còn sốt tiếp nữa. Hoặc như người chưa từ bỏ việc ăn thịt cá, khi có ai đó hỏi 'bạn có ăn thịt không?', cho dù lúc đó không ăn thịt vẫn trả lời 'tôi ăn thịt' vì nghĩ đến việc từng ăn và sẽ ăn tiếp trong những ngày tới. Cũng vậy, trong bộ *Song Đối (Yamaka)*, chương *Tùy Miên Song (Anusayayamaka)*, Đức Phật đã thuyết:

"Yassa kāmarāgānusayo uppajjati, tassa paṭighānusayo uppajjatī'ti?"

"Dục ái tùy miên đang sinh với người nào, Sân hận tùy miên đang sinh với người ấy, phải không?"

"Āmantā"
"Phải rồi"

*** *"Yassa kāmarāgo uppajjati, tassa paṭigho uppajjatī'ti?"***
"Dục ái đang sinh với người nào, Sân hận đang sinh với người ấy, phải không?"

"Nuppajjati!"
"Không phải đang sinh!"

*** *"Yassa kāmarāgānusayo anuseti, tassa paṭighānusayo anusetī'ti?"***
"Dục ái tùy miên ngủ ngầm trong nội tâm của người nào, Sân hận tùy miên đang ngủ ngầm trong nội tâm của người ấy, phải không?"

"Āmantā!"
"Phải rồi!"

Do vậy, sự đoạn trừ Tương tục tùy miên phiền não một cách tuyệt đối chỉ có thể là Đạo tuệ (Maggañāṇa). Còn với Minh sát tuệ thì chỉ đoạn trừ nhất thời (tadaṅga), với thiền chỉ tịnh chỉ đoạn trừ bằng cách đè nén (vikkhambhana) trong một thời gian dài hơn, có thể là nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm, nhiều kiếp, nhiều đại kiếp.

b, Ārammaṇānusayakilesa – Cảnh tùy miên phiền não: Đây là loại phiền não khởi sinh không dứt trước đối tượng mà hành giả không có sự thấy biết theo đúng thực tánh pháp bằng Minh sát tuệ, bằng Đạo tuệ. Bởi thế, khi giáo giới cho chư tỳ-khưu, Đức Thế Tôn đã dạy trong *Tương Ưng Bộ Kinh*:

"Sukhāya, bhikkhave, vedanāya rāgānusayo pahātabbo, dukkhāya vedanāya paṭighānusayo pahātabbo, adukkhamasukhāya vedanāya avijjānusayo pahātabbo."

"Này chư tỳ-khưu, các người cần phải đoạn trừ Dục ái tùy miên trong Lạc thọ, cần phải đoạn trừ Sân hận tùy miên trong Khổ thọ, cần phải đoạn trừ Vô minh tùy miên trong Phi khổ phi lạc thọ."

Lời giáo giới này chính là đề cập đến *Cảnh tùy miên phiền não*. Tuy nhiên, ở đây, Đức Phật không trình bày cách thực hành để đoạn trừ *Cảnh tùy miên phiền não* mà Ngài chỉ nhắc nhở chúng đệ tử thực hành theo Niệm xứ (Satipaṭṭhāna) mà thôi. Thật vậy, ngoài Tứ niệm xứ ra, không có phương cách nào khác để đoạn trừ được *Cảnh tùy miên phiền não* này cả. Do vậy, nếu hành giả thực hành Tứ niệm xứ một cách nghiêm túc, miên mật thì có thể nói được rằng có sự đoạn trừ phiền não trong khi tiếp nhận đối tượng.

ASMIMĀNA – NGÃ SỞ MẠN

Asmimāna – Ngã sở mạn nghĩa là sự chấp thủ bản thân rằng ta là này, là kia. Các bậc Thánh nhân ngoại trừ Thánh A-ra-hán, dù không còn Thân kiến (Sakkāyadiṭṭhi) là sự hiểu sai về danh-sắc là tôi, là ta, là người, chúng sinh, linh hồn v.v... giống như các phàm phu thấy, hiểu; nhưng *Ngã sở mạn* là việc chấp thủ tự thân là này, là kia dựa trên công đức, thiện hạnh của mình vẫn còn hiện hữu. Bởi vì, *Ngã sở mạn* này thuộc về *Mạn* đúng với sự thật (Yathāvamāna), chứ không phải là *Mạn* không đúng với sự thật (Ayathāvamāna). Do vậy, hành động, lời nói, ý nghĩ của 3 bậc Thánh Hữu học có khi hợp với *Ngã sở mạn*. Chẳng hạn như các ngài cho rằng mình là bậc Thánh, có đức tin bất động nơi Tam Bảo, có giới thanh tịnh; nếu là bậc Thánh Bất Lai, đôi khi các ngài còn chấp rằng mình không còn niềm vui thích hay phật ý trước đối tượng ngũ dục tốt hay xấu; nếu có khả năng, trình độ thì cho rằng mình có khả năng, trình độ, đôi khi chỉ nghĩ trong tâm, đôi khi thể hiện ra ngoài qua hành động hay lời nói, có biểu hiện tựa như Thân kiến vậy. Bởi thế, *Ngã sở mạn* còn được gọi là *Diṭṭhimāna – Ngã kiến* và việc nói rằng Chánh kiến trong 3 Thánh Đạo bậc trên có phận sự đoạn trừ Tà kiến chính là muốn nói đến *Ngã sở mạn* này vậy. Trong số các Chánh kiến ở 3 Thánh Đạo bậc trên, chỉ có Chánh kiến trong A-ra-hán Đạo mới đoạn trừ *Ngã sở mạn* một cách tuyệt đối. Nói khác đi, với các phàm phu đang quán sát danh-sắc, một khi Vô thường tưởng, Khổ não tưởng hay Vô ngã tưởng hiện hữu, tại thời điểm đó, các phàm phu ấy đang đoạn trừ được phần nào *Ngã sở mạn* nhưng không phải là đoạn trừ tuyệt đối.

VÔ THƯỜNG TƯỚNG, KHỔ NÃO TƯỚNG THEO CHẾ ĐỊNH VÀ VÔ NGÃ TƯỚNG

Trong 3 loại tướng trạng này, *Vô thường tướng* và *Khổ não tướng* có 2 dạng:

- Theo Sammuttidhamma – Chế định pháp
- Theo Sabhāvadhamma – Thực tính pháp

(01). *Theo Sammuttidhamma – Chế định pháp:* Pháp này nằm trong ranh giới của *Thân kiến (Sakkāyadiṭṭhi)*, là quy ước thường tình của dân gian hay nói với nhau. Nghĩa là, khi thấy đồ vật nào đó bị bể vỡ, hư hoại hay con người, con vật chết đi; họ đã từng giàu có quay sang nghèo khổ, có địa vị cao sang, quyền lực lại bị mất hết địa vị, quyền lực, thì sẽ nói với nhau rằng *"vô thường, vô thường"*. Khi bản thân hoặc người khác bị đau ốm hoặc bị đánh đập, bị đâm chém thành thương tích, bị gai nhọn đâm, tai nạn sứt đầu vỡ trán, dẫn đến sầu ưu, rầu rĩ, v.v... thì thường nói với nhau

rằng *"khổ thật, khổ thật"*. Đấy chính là *anicca – vô thường*, *dukkha – khổ não* theo *Chế định pháp* mà dân gian thường nói, thường nghĩ. Riêng về *Vô ngã tướng (Anattā-lakkhaṇa)*, dân gian thường nhìn không thấy và không thể nhìn thấy được, cho nên họ không nói rằng *annattā – vô ngã* vậy.

(02). *Theo Sabhāvadhamma – Thực tính pháp:* Pháp này nằm trong ranh giới của *Chánh kiến (Sammādiṭṭhi)*, là khả năng của Đức Phật Chánh Đẳng Giác, nghĩa là, có thực tính sinh diệt như đã nêu. Bởi vậy, khi thế gian vắng bóng Phật giáo thì chẳng có ai nói lên được thực tính pháp của *vô thường*, *khổ*. Thậm chí lúc Đức Độc Giác Phật (Paccekabuddha) ra đời, hay chư vị Bồ-tát (Bodhisatta) hiện hữu cũng không thể trình bày *Thực tánh pháp* của *vô thường* và *khổ* cho dân chúng nghe; có chăng cũng chỉ nói theo *Chế định pháp* mà thôi. Đối với *Vô ngã tướng* thì ngay cả Đức Độc Giác Phật hay chư vị Bồ-tát cũng không từng đề cập hay thuyết ra. Do vậy, khi dân chúng nghe pháp *vô thường* và *khổ não* từ Đức Độc Giác Phật hay chư vị Bồ-tát thì cũng không thể chứng Đạo, đắc Quả được; cao lắm chỉ làm cho tâm thức trở nên đại thiện mà thôi.

Lại nữa, sự thành tựu trong việc thấy biết và trình bày pháp về *vô thường*, *khổ não* và *vô ngã* theo *Thực tính pháp* là khác nhau. Sự thấy biết thành tựu nhờ tu tiến Minh sát tuệ; còn sự trình bày pháp thành tựu là do việc học tập Vi Diệu Pháp (Abhidhamma). Do thế, chư Độc Giác Phật thấy biết vô thường, khổ não và vô ngã theo *Thực tánh pháp* đến mức đắc Thánh quả A-ra-hán, nhưng các ngài lại thiếu sự học tập Vi Diệu Pháp thuộc về Pháp học, bởi vì cớ này mà các ngài không thể thuyết được về thực tính của *vô thường* và *khổ* được.

Kết lại, *Vô thường tướng* và *Khổ não tướng* theo *Thực tánh pháp* nằm trong ranh giới của Chánh kiến và Vô ngã tướng ấy chỉ có Đức Phật và chư vị Thanh văn đệ tử đã được học Vi Diệu Pháp một cách trọn vẹn mới có thể thuyết giảng, trình bày được. Như Đức trưởng lão *Buddhaghosa* đã trình bày trong bộ *Chú giải Sammohavinodanī*:

"Aniccadukkhalakkhaṇāni uppādā vā Tathāgatānaṃ anuppādā vā paññāyanti."

"Như Lai có ra đời hay không ra đời, Vô thường tướng và Khổ tướng vẫn hiện hữu."

"Anattalakkhaṇaṃ vinā Buddhuppādā na paññāyati, Buddhuppādeyeva paññāyati."

"Ngoài thời Đức Phật ra đời, Vô ngã tướng không hiện hữu; chính thời Đức Phật ra đời, Vô ngã tướng mới hiện hữu."

"Mahiddhikā hi mahānubhāvā tāpasaparibbājakā Sarabhaṅgasatthārādayo'pi 'aniccaṃ dukkhan'ti vuttaṃ sakkonti, 'anattā'ti vuttaṃ na sakkonti."

"Các đạo sĩ, du sĩ, ngay cả đạo sư Sarabhaṅga chẳng hạn có nhiều thần thông, nhiều oai lực cũng chỉ có thể nói được 'tính vô thường, khổ não' mà không thể nói được 'tính vô ngã'."

"Anattalakkhaṇaṃ paññāpananhi aññassa kassaci avisayo Sabbaññū-buddhānameva visayo."

"Thật ra, sự hiện hữu của Vô ngã tướng không phải khả năng của một người nào khác, mà chỉ là khả năng của Đức Phật Toàn Giác thôi."

"Evametaṃ anattalakkhaṇaṃ apākaṭaṃ."

"Vô ngã tướng không hiện hữu trong thời không có Phật giáo vậy."

"Tasmā Satthā anattalakkhaṇaṃ dassento aniccena vā dassesi dukkhena vā aniccadukkhena vā."

"Vì thế, Đức Đạo Sư khi thuyết về Vô ngã tướng, Ngài đã thuyết thông qua tính vô thường hoặc khổ não hoặc cả vô thường và khổ não."

II. DUKKHĀNUPASSANĀ – KHỔ NÃO TÙY QUÁN

1, Dukkhānupassanā – Khổ não tùy quán:

Khổ não tùy quán là trí tuệ thường xuyên quán sát thấy danh-sắc, ngũ uẩn là khổ cho đến khi *Khổ tướng* xuất hiện, như Pāḷi định nghĩa: ***"Dukkhassa anupassanā dukkhānupassanā"***. Một định nghĩa khác:

"Dukkhatāya anupassanā dukkhānupassanā."

"Sự quán sát tính khổ một cách đều đặn gọi là khổ não tùy quán."

Chi pháp của *Khổ não tùy quán* chính là *Paññācetasika – Tuệ tâm sở*.

Chúng ta cần phân biệt rõ các khái niệm:

• *Dukkhadhamma – Khổ não pháp:* Pháp thuộc về khổ, bao gồm danh-sắc

• *Dukkhalakkhaṇa – Khổ não tướng:* Dấu hiệu xác định biết là khổ của danh-sắc. Đó là sự sinh diệt nối tiếp nhau không ngừng nghỉ

• *Dukkhānupassanā – Khổ não tùy quán:* Trí tuệ quán sát thấy sự khổ não nơi danh-sắc, hay lúc đang thấy sự sinh diệt của danh-sắc

Khổ não tùy quán chính là trí tuệ quán sát thấy sự không chịu đựng được của danh-sắc dựa trên sự hiểu rõ tính áp bức do trạng thái sinh diệt liên tục, không gián đoạn tại thời điểm thấy biết danh-sắc theo thực tánh pháp của chính nó.

2, Giải thích về Khổ não tùy quán:

Thông thường, ai ai cũng hiểu đời sống của chúng sinh rằng phạm thiên thì

hạnh phúc; chư thiên bậc cao thì an lạc, chư thiên bậc thấp thì còn khổ não; nhân loại có sắc thân vẹn toàn, sức khỏe tốt, giàu sang là hạnh phúc, nhân loại có sắc thân không đầy đủ, sức khỏe kém, nghèo hèn là bất hạnh, khổ sở; súc sinh một số thì sung sướng, một số thì khổ; chúng sinh địa ngục, ngạ quỷ, a-tu-la thì chỉ có khổ. Những nhận thức như trên đều có những điều đúng đắn trong chừng mực nào đó vì dựa trên sự dung nạp đối tượng là các thọ khổ-lạc-ưu-hỷ của các chúng sinh. Nhưng thật ra thì lạc thân, lạc tâm hay khổ thân, khổ tâm đều có tính sinh khởi rồi diệt đi, không bền vững, tiếp tục sinh lại diệt không ngừng nghỉ. Do vậy, danh-sắc có lạc hay không đi nữa thì vẫn mãi là khổ, chỉ có khổ mà thôi.

Khổ não khi nói theo *nền tảng pháp (dhammādhiṭṭhāna)* có 3 loại:

a, Dukkhadukkha – Khổ khổ: Gọi là khổ vì khó chịu đựng, là khổ thật, bao gồm khổ thân và khổ tâm.

b, Vipariṇāmadukkha – Hoại khổ: Gọi là khổ vì biến động không ngừng, bao gồm lạc thân, lạc tâm.

c, Saṅkhāradukkha – Hành khổ: Gọi là khổ vì có sự sắp đặt, tạo tác bởi sự sinh diệt, bao gồm danh-sắc hay thân tâm nói chung.

Trong 3 loại khổ trên, khổ thân, khổ tâm gọi là *Khổ khổ* vì thân có các triệu chứng như đau nhức, tê mỏi, đau đầu, đau bụng, trật khớp, nhức răng, mụt ghẻ, bị đâm chém, sốt cao, bệnh hoạn các loại, v.v... như thường thấy. Về tâm thì trạng thái buồn rầu, nóng giận, lo sợ vì gặp phải những mối hiểm nguy khác nhau đang hiện hữu mỗi ngày. Cả 2 dạng khổ này đều khó chịu đựng, nên được gọi là *Khổ khổ* vậy.

Lạc thân, lạc tâm gọi là *Hoại khổ* vì có sự biến động, thay đổi, không giữ nguyên được trạng thái ban đầu. Ví như khi thân thể nhận luồng gió mát thổi đến, sự mát mẻ, thoải mái phát sinh, đó là lạc thân; và khi gió ngừng thổi, lạc thân ấy cũng biến mất. Do vậy, trong đời sống thường ngày, chúng ta thường hay tắm gội để cho lạc thân, lạc tâm sinh khởi. Các cảm thọ lạc thân, lạc tâm ấy phát sinh từ sự thấy, sự nghe, sự ngửi, sự nếm; khi ngừng thấy, ngừng nghe, ngừng ngửi, ngừng nếm thì lạc thân, lạc tâm đó cũng biến mất. Muốn làm cho có lại thì cần hỗ trợ, bổ sung thêm để lạc thân, lạc tâm không dừng lại. Cũng bởi lý do này cho nên lạc thân, lạc tâm gọi là *Hoại khổ*.

Danh-sắc gọi là *Hành khổ* vì có sự xếp đặt, tạo tác bởi sinh diệt. Trong khoảng thời gian búng ngón tay, tâm thức sinh diệt 100 nghìn koṭi (1000 tỷ) lần, còn sắc sinh diệt hơn 5.000 koṭi (50 tỷ) lần. Việc sinh diệt như thế chỉ những bậc tu tiến Minh sát hoặc những vị đã học tập nghiêm túc về diễn tiến của danh-sắc pháp mới

có thể biết được mà thôi; còn những người khác thì không thể biết được như thế. Tuy nhiên, dẫu cho ai có thấy biết hay không thì thực tánh của danh và sắc cũng vẫn luôn thế, không thể khác đi được. Giống như hình ảnh xuất hiện trên màn ảnh chiếu phim hay trong vô tuyến truyền hình, các hình ảnh xuất hiện này là dựa vào sự nối tiếp liên tục nhau của thước phim đã được quay thành từng tấm nhỏ rồi đem kết nối với nhau một cách chuẩn xác để trình chiếu tạo thành một thể thống nhất. Chỉ trong một phút, phim được trình chiếu, hàng trăm bức ảnh đã trôi qua nhưng không phải ai cũng biết điều đó. Vấn đề này như thế nào thì danh-sắc nối tiếp nhau sinh diệt, không gián đoạn cũng như thế ấy. Bởi thế, các ngài nói rằng mọi danh-sắc đều là *Hành khổ*.

Trong 3 loại khổ này, chỉ có *Hành khổ* là hiện hữu nơi các pháp Hữu vi nói chung, ở cả chúng hữu tình lẫn chúng vô tình. Điều này được Đức trưởng lão *Dhammapāla* nêu lên trong bộ *Visuddhimaggamahāṭīkā:* ***"Tīsu dukkhatāsu saṅkhāra-dukkhatāva byāpīni".***

3, Dukkhalakkhaṇa – Khổ tướng:

Khổ tướng là dấu hiệu làm nhân tố để biết được *Khổ*, gồm 3 dạng:

a, Dukkhadukkhalakkhaṇa – Khổ khổ tướng: Dấu hiệu làm nhân tố để biết được *Khổ khổ*, chính là khổ thật sự, là trạng thái không chịu đựng được, hiện hữu bên trong thân và tâm lúc đang thụ hưởng đối tượng.

b, Vipariṇāmadukkhalakkhaṇa – Hoại khổ tướng: Dấu hiệu làm nhân tố để biết được *Hoại khổ*, là không phải khổ thật và không ai nghĩ đến dạng khổ này, là trạng thái không bền vững của lạc đang hiện hữu bên trong thân và tâm lúc đang thụ hưởng đối tượng.

c, Saṅkhāradukkhalakkhaṇa – Hành khổ tướng: Dấu hiệu làm nhân tố để biết được *Hành khổ*, là dạng khổ nói chung khó nhận biết được, là trạng thái sinh khởi rồi diệt đi liên tục không gián đoạn.

Cả 3 dạng khổ nêu trên, không một vị chư thiên hay phạm thiên có thần lực nào, ngay cả vị Chánh Đẳng Giác Phật có thể tạo tác hay định đặt được. Chỉ có đặc tính có sẵn nơi nội tại của 3 dạng khổ ấy quyết định rằng các pháp này là khổ. Giống như loài rắn với nhiều chủng loại đều có hình dạng tròn tròn, dài dài như nhau; tuy nhiên, chúng vẫn có những tướng trạng, dấu hiệu cho biết rằng đây là rắn độc, kia là rắn không độc, và hơn thế nữa còn biết loại này là rắn hổ mang, rắn lục thường, rắn sọc dưa, rắn mai gầm, v.v...

4, Ba dạng Khổ não tùy quán:

Khổ tùy quán là tuệ quán thấy khổ thường xuyên trên danh-sắc, gồm 3 dạng:

a, Dukkhadukkhānupassanā – Khổ khổ tùy quán: Tuệ quán thấy khổ là khổ thật.

b, Vipariṇāmadukkhānupassanā – Hoại khổ tùy quán: Tuệ quán thấy khổ không phải là khổ thật mà con người ta thường không nghĩ đến khổ này.

c, Saṅkhāradukkhānupassanā – Hành khổ tùy quán: Tuệ quán thấy khổ nói chung, khó mà nhận biết.

Trong cả 3 dạng *Khổ khổ tùy quán* này, 2 dạng *Khổ khổ tùy quán* và *Hoại khổ tùy quán* là Khổ não tùy quán giả, nghĩa là sự thấy biết trong Khổ khổ và Hoại khổ vẫn là cách thấy biết thuộc về chế định, không đúng với ý của Đức Phật thuyết trong việc chứng ngộ Đạo Quả. Riêng *Hành khổ tùy quán* là Khổ tùy quán thật, nghĩa là sự thấy biết Hành khổ là sự thấy biết về diễn tiến của danh-sắc theo thực tánh không pha trộn với chế định và có khả năng đoạn trừ tuyệt đối các phiền não, đúng như lời Phật dạy trong *Pháp Cú Kinh (Dhammapada)*, kệ thi số 278:

"Sabbe saṅkhārā dukkhā'ti	***Yadā paññāya passati***
Atha nibbindati dukkhe	***Esa maggo visuddhiyā."***
"Khi trí tuệ quán chiếu	Thấy hữu vi khổ không
Liền thoát ly khổ não	Đó là Thanh tịnh đạo."

Lại nữa, danh-sắc được gọi là khổ đó cũng bởi vì vô thường, có sinh rồi lại diệt. Còn trạng thái sinh diệt đó là *Khổ não tướng* – dấu hiệu cho biết rằng các pháp ấy là khổ. Bởi thế Đức trưởng lão *Buddhaghosa* đã nêu rõ trong bộ *Thanh Tịnh Đạo:*

"Yadaniccaṃ taṃ dukkhan'ti vacanato tadeva khandhapañcakaṃ, kasmā? Abhiṇhappaṭipīḷanā abhiṇhappaṭipīḷanākāro dukkhalakkhaṇaṃ."

"Chính ngũ uẩn ấy là khổ, bởi vì Đức Thế Tôn đã dạy: 'Pháp nào Vô thường, pháp đó là Khổ não', vì sao vậy? Bởi vì ngũ uẩn thường xuyên bị sự sinh diệt bức bách, trạng thái bức bách do sự sinh diệt thường xuyên ấy, gọi là Khổ não tướng."

SỰ KHÁC NHAU GIỮA NGƯỜI CÓ NIỆM VÀ NGƯỜI THẤT NIỆM

Người thất niệm, không có niệm ghi nhận danh-sắc thì không thể thấy biết sự bức bách bởi trạng thái sinh diệt đang diễn tiến trên danh-sắc pháp một cách không ngừng nghỉ qua 6 môn. Do vậy, khi trạng thái đau, nhức, tê, mỏi, nóng, v.v... là các khổ thân sinh khởi do một trong các tư thế (oai nghi) đi, đứng, ngồi, nằm quá mức, thì tại thời điểm ấy, họ không biết cái khổ đang có trong thân là do bởi pháp Hữu vi,

danh-sắc gì cả. Họ chỉ hiểu biết theo chế định dựa trên thân kiến cho rằng ta đau, ta nhức, ta tê, ta mỏi, ta nóng v.v... vì ngồi hoặc nằm quá mức rồi thay đổi qua tư thế mới. Giống như em bé thấy hình con hổ chớp mắt, há miệng, di chuyển tới lui do con người điều khiển bằng máy móc rồi tưởng rằng đó là hổ thật, bèn sợ hãi, không dám lại gần mà bỏ chạy. Bởi thế, khổ thân thuộc về *Khổ khổ* và trạng thái khó chịu đựng được chính là *Khổ khổ tướng* không thể hiển lộ thực tính pháp theo chân đế trước tâm thức được. Cũng vậy, *Hoại khổ* và *Hoại khổ tướng* thậm chí *Hành khổ và Hành khổ tướng* chắc chắn không thể hiển lộ thực tính pháp theo chân đế trước tâm thức, điều này không cần phải nghi hoặc gì cả. Do vậy, người không có niệm mà quán sát danh-sắc đang sinh khởi nơi *Khổ não* và *Khổ não tướng* dưới dạng thô thiển sẽ không thể hiển lộ thực tính pháp theo chân đế trước tâm thức được, và Khổ não tùy quán thật – pháp đưa đến lộ trình chứng Đạo – sẽ không thể phát sinh được.

Người có niệm tiến hành quán sát danh-sắc, sẽ thấy biết sự bức bách bởi quá trình sinh diệt đang diễn tiến trên danh-sắc một cách liên tục nơi 6 môn. Do vậy, khi *Hoại khổ tướng* hiện hành, tức là lạc thân sinh khởi tại thời điểm đầu tiên của một tư thế nào đó, rồi sau đó lại biến mất, người ấy có khả năng thấy biết *Hoại khổ tướng* này, luôn cả thấy biết trong cái đau, nhức, tê, mỏi, nóng, v.v... đang sinh khởi tại thời điểm đó thuộc về pháp Hữu vi, chỉ là danh-sắc, không liên đới một tí gì đến cảm nhận rằng ta đau, ta nhức, ta tê, ta mỏi, ta nóng, v.v... vì đấy chỉ là các pháp thuộc về chế định. Khi quán sát các trạng thái đau, nhức, tê, mỏi, nóng, v.v... một thời gian dài, đến lúc không thể chịu đựng được nữa, tâm nghĩ sẽ thay đổi tư thế, hành giả ghi nhận cả thời điểm tâm cần thay đổi ấy, chí đến lúc đang thay đổi tư thế theo tuần tự nữa. Sau khi thay đổi tư thế xong, lạc thân khởi sinh, hành giả cũng có khả năng biết được sự an lạc trên thân ấy. Tiếp đến, lạc thân ấy sẽ biến mất, hành giả cũng biết rõ sự việc đó. Như vậy, niệm đang nhận biết được *Hành khổ* và *Hành khổ tướng, Hoại khổ* và *Hoại khổ tướng, Khổ khổ* và *Khổ khổ tướng* đang hiện khởi nơi các tư thế khác nhau một cách tuần tự, liên tục, không ngừng nghỉ. Do vậy, hành giả đang thực hành thấy biết trên một trong bốn tư thế (oai nghi) như đã nói trên. Pháp thực hành như thế gọi là *lật oai nghi*, xem như là Khổ não tùy quán thật – pháp đưa đến lộ trình chứng Đạo – sẽ phát sinh với hành giả. Đúng như Đức trưởng lão *Buddhaghosa* đã viết trong bộ *Thanh Tịnh Đạo:*

"Dukkhalakkhaṇaṃ abhiṇhasampaṭipīḷanassa amanasikārā iriyāpathena paṭicchannattā na upaṭṭhāti, abhiṇhasampaṭipīḷanaṃ manasikatvā iriyāpathe ugghāṭite dukkhalakkhaṇaṃ yathāvasarasato upaṭṭhāti."

"Khổ não tướng không hiển lộ vì không quán sát đến sự bức bách thường xuyên và vì bị che đậy do oai nghi, nhưng sau khi quán sát đến sự bức bách thường xuyên và lật các oai nghi thì Khổ não tướng hiển lộ bằng thực tính như thật của mình."

Lại nữa, lời của Đức trưởng lão đã nói lên sự hiển lộ đồng thời của 3 dạng *Khổ não tướng*. Nghĩa là, *Khổ khổ tướng* được biểu hiện qua cụm từ ***"iriyāpathe ugghāṭite"***, còn *Hoại khổ tướng* và *Hành khổ tướng* được biểu hiện qua cụm từ ***"abhiṇhasampaṭipīḷanaṃ manasikatvā".***

SỰ ĐOẠN TRỪ BA ĐIÊN ĐẢO BẰNG KHỔ NÃO TÙY QUÁN

Khổ não tùy quán thật (thấy biết danh-sắc, ngũ uẩn là khổ) sinh khởi dựa trên sự hiển lộ của *Khổ não tướng* tại thời điểm nào; tại thời điểm đó sẽ đoạn trừ được 3 loại *điên đảo (vipallāsa)*, đó là *Lạc tưởng điên đảo (Sukhasaññāvipallāsa)*, *Lạc tâm điên đảo (Sukhacittavipallāsa)* và *Lạc kiến điên đảo (Sukhadiṭṭhivipallāsa)*, cùng với các phiền não tùy tùng, cho đến các việc làm tốt, xấu là các nghiệp thiện, nghiệp bất thiện.

Nghĩa là, theo lệ thường, khả năng tâm thức của con người ta khi có cái thấy, sự nghe, v.v... luôn đến tư duy, suy nghĩ về cá nhân mình hay ai đó sinh khởi; lúc ấy cả 3 loại *điên đảo(vipallāsa)* sẽ phát sinh thường xuyên. Chẳng hạn như, tại thời điểm thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, suy nghĩ, lúc đó chỉ có sự nhớ, sự nghĩ, sự nhận biết trong cái thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm ấy là dễ chịu hoặc khi đang suy nghĩ những chuyện khác, cảm thấy dễ chịu, thoải mái; tại thời điểm ấy, các loại phiền não như ái dục, mạn, tà kiến, luôn đến các việc làm tốt, xấu là các nghiệp thiện, nghiệp bất thiện cũng đã khởi sinh do nương gá tâm. Hoặc lúc đang thay đổi các tư thế lớn như đi, đứng, ngồi, nằm, cũng như quay trái quay phải, cúi lưng ngẩng đầu, co tay duỗi chân, nháy mắt há miệng là những tiểu oai nghi; lúc mà thân thấy mát mẻ trong mùa nóng, thân thấy ấm vào mùa lạnh, cũng như thân nhẹ nhàng thoải mái, có sự nhớ, nghĩ, thấy thoải mái, khỏe khoắn; lúc đó các loại phiền não như ái dục, mạn, tà kiến, luôn đến các việc làm tốt, xấu là các nghiệp thiện, nghiệp bất thiện cũng đã khởi sinh. Đấy chính là *3 pháp điên đảo* cùng với các phiền não tùy tùng thiện nghiệp, bất thiện nghiệp đã sinh khởi do nương gá thân. Khi đã như thế, 4 Quả danh uẩn (Vipākanāmakhandha) và Nghiệp khởi sắc (Kammajarūpa) sẽ khởi sinh, tạo tác nên chúng sinh, con người là kết quả của nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, khiến họ luân hồi nổi trôi trong Tam giới, không có cơ hội cắt đứt để dừng lại được. Sự sinh khởi của các *pháp điên đảo* chí đến nghiệp thiện, nghiệp bất thiện là nhân tố và sự sinh khởi của quả tạo tác là chúng sinh, con người như đã nói thảy đều là lỗi lầm do việc không thấy biết khổ não hiện hữu nơi thân và tâm vậy.

Khi đã thấy biết rõ thân tâm là khổ dựa trên sự hiện khởi của *Khổ não tướng*; bấy giờ, trí tuệ thấy biết tính khổ nơi thân tâm, tức là *Khổ não tùy quán*, sẽ đoạn trừ

3 pháp điên đảo cùng với các phiền não tùy tùng, luôn cả thiện và bất thiện, không cho chúng sinh khởi. Một khi pháp nhân tố không sinh ra được thì pháp kết quả cũng không thể hiện khởi như nhau. Thông qua diễn tiến này mà có thể nói được rằng việc đoạn trừ *pháp điên đảo* bằng *Khổ não tùy quán* vậy.

III. ANATTĀNUPASSANĀ – VÔ NGÃ TÙY QUÁN

1, Attā – Ngã và Anattā – Vô ngã:

Pāḷi chiết tự:

* ***Anattā = Na + attā***

- *na:* không, không phải
- *attā:* tâm, thân, thực tính, chân ngã hoặc thức đặc biệt

a, Attā – ngã gồm bốn nghĩa:

(01). *Attā* nghĩa là *tâm*, xuất phát từ Pāḷi định nghĩa:

* ***Attānaṃ damayanti paṇḍitā.***
Các bậc trí luôn rèn luyện tự thân.

Ở đây, *tự thân* chính là *tâm*.

(02). *Attā* nghĩa là *thân*, xuất phát từ Pāḷi định nghĩa:

* ***Natthi attasamaṃ pemaṃ.***
Không có tình yêu nào hơn yêu bản thân.

Ở đây, *bản thân* chính là *thân*.

(03). *Attā* nghĩa là *thực tính*, xuất phát từ Pāḷi định nghĩa:

* ***Attadīpā bhikkhave viharatha.***
Này chư tỳ-khưu, hãy nương tựa nơi mình.

Ở đây, *mình* chính là *thực tính*, đó là các Thiện pháp (Kusaladhamma).

(04). *Attā* nghĩa là *chân ngã*, xuất phát từ Pāḷi định nghĩa:

* ***Ayaṃ attā nicco dhuvo sassato avipariṇāmadhammo.***
Ngã này là pháp thường hằng, bền vững, trường tồn, không hoại diệt.

Ở đây, *ngã* chính là *chân ngã* hay là *thức đặc biệt* mà dân Ấn Độ chấp chặt.

Trong cả 4 định nghĩa trên, định nghĩa quan trọng nhất là định nghĩa thứ tư: *ngã là trường tồn, thường hằng* như quan niệm của người dân Ấn Độ suốt mọi thời. Riêng 3 định nghĩa còn lại: *tâm, thân, thực tính* thì đúng theo nền tảng của mình. Cho

nên, định nghĩa *ngã là trường tồn, thường hằng* rất quan trọng, nó nghịch lại với *anattā – vô ngã*, dịch là *không phải là ngã*, ám chỉ *ngã* trong câu thứ tư.

b, Anattā – vô ngã gồm hai nghĩa:

(01). *Anattā* nghĩa là *vô ngã*, xuất phát từ Pāḷi định nghĩa:

* ***Na + attā = anattā.***
Danh-sắc, ngũ uẩn không phải là ngã, nên gọi là *anattā*, dịch là *vô ngã*.

(02). *Anattā* nghĩa là *vô ngã*, xuất phát từ Pāḷi định nghĩa:

* ***Natthi attā etassa khandhapañcakassā'ti = anattā .***
Ngũ uẩn không có ngã, nên gọi là *anattā*, dịch là *vô ngã*.

Ngoài danh-sắc, ngũ uẩn ra, ngay cả Niết-bàn và chế định cũng không có ngã, cho nên tất cả các *Hữu vi pháp (Saṅkhatadhamma)* và *Vô vi pháp (Asaṅkhatadhamma)* cũng được gọi là *vô ngã*.

Riêng Vô thường và Khổ não chỉ thuộc về *Hữu vi pháp*, còn Vô ngã gồm cả *Hữu vi pháp* lẫn *Vô vi pháp,* luôn đến Niết-bàn và chế định. Do vậy, Đức Thế Tôn từng dạy:

"Sabbe saṅkhārā aniccā, sabbe saṅkhārā dukkhā, sabbe dhammā anattā"

Bên cạnh đó, Ngài cũng thuyết trong *Tạng Luật (Vinayapiṭaka)*, phẩm *Parivāra*:

"Anicca sabbasaṅkhatā Dukkhānattā ca lakkhitā
Nibbānaṃ ceva paññatti Anattā iti nicchitā."

"Tất cả pháp Hữu vi ghi nhớ là vô thường, là khổ não, là vô ngã. Niết-bàn cũng như chế định, quyết là vô ngã vậy."

(03). *Anattā* nghĩa là *không cốt lõi*, xuất phát từ Pāḷi định nghĩa:

* ***Anattā asārakaṭṭhena.***
Vì không có cốt lõi, không ở dưới quyền lực của ai, nên gọi là *anattā*, dịch là *vô ngã*.

Thông thường sắc pháp không có cốt lõi, mỗi sát-na đều đi đến diệt vong. Một khi thiếu cả 3 duyên là *mạng sống (jīvita)*, *hơi nóng (usmātejo)* và *thức (viññāṇa)* thì không một sắc pháp nào vận hành được cả. Lúc cận tử cũng vậy, lấy sắc pháp làm nòng cốt rồi vận hành bất cứ cái gì cũng không thể được; nói theo tướng trạng thì chỉ có tính luôn sinh diệt mà thôi. Do thế, Đức Thế Tôn đã so sánh sắc pháp như bọt nước: ***"Phenapiṇḍūpamaṃ rūpaṃ"***. Còn về danh pháp cũng vậy, xúc chạm hay nắm bắt là không thể. Thọ, Tưởng sinh rồi diệt, ngăn không cho sinh diệt là không được, đem ra vận hành cái gì đều không xong. Bởi thế, theo thực tính gọi là *Anattā – Vô ngã*.

2, Sự khác nhau giữa Anattā – Vô ngã, Anattalakkhaṇa – Vô ngã tướng và Anattānupassanā – Vô ngã tùy quán:

a, Anattā – Vô ngã: Danh-sắc, ngũ uẩn là vô ngã. Đức Đạo Sư cũng dạy rằng pháp nào khổ thì pháp ấy là vô ngã, bởi vì danh-sắc, ngũ uẩn không dưới quyền ra lệnh hay điều khiển của bất cứ ai. Đúng như trong bộ *Thanh Tịnh Đạo* có ghi:

"Yaṃ dukkhaṃ tadanattā'ti pana vacanato tadeva khandhapañcakaṃ anattā, kasmā? Asavattanato."

b, Anattalakkhaṇa – Vô ngã tướng:

Pāḷi có những định nghĩa sau:

* ***Avasavattanākāro anattalakkhaṇaṃ.***
Trạng thái không nằm dưới uy lực điều khiển của một ai gọi là *vô ngã tướng.*

* ***Anattassa lakkhanaṃ anattalakkhaṇaṃ.***
Dấu hiệu của tất cả các pháp không phải ngã, gọi là *vô ngã tướng.*

Đó là tính không có cốt lõi, tách khỏi ta, người, không bị sai sử, điều khiển theo ý muốn của ai cả.

c, Anattānupassanā – Vô ngã tùy quán:

Pāḷi có những định nghĩa sau:

* ***Anattassa anupassanā anattānupassanā.***
Việc quán sát danh-sắc là vô ngã thường xuyên đến khi vô ngã tướng hiện khởi, gọi là *vô ngã tùy quán.*

* ***Anattatāya anupassanā anattānupassanā.***
Việc quán sát một cách đều đặn tính không có cốt lõi, tách khỏi ta, người, không bị sai sử, điều khiển theo ý muốn của một ai, gọi là *vô ngã tùy quán.*

Như vậy, *Vô ngã tùy quán* là trí tuệ quán sát thấy không có sự điều khiển, ép buộc của danh-sắc mà xuất phát từ việc thấy biết rõ ràng của pháp không phải là ta, người, không có bản ngã, chỉ có trạng thái sinh ra rồi diệt đi một cách liên tục không đứt đoạn. Tại thời điểm thấy biết danh-sắc đúng với thực tính pháp đó, trí tuệ ấy gọi là *Anattānupassanā – Vô ngã tùy quán*.

3, Việc quán sát Ngã và Vô ngã:

Kesā-tóc, lomā-lông, nakhā-móng, dantā-răng, taco-da,
Maṃsaṃ-thịt, nhāru-gân, aṭṭhi-xương, aṭṭhimiñjaṃ-tủy, vakkaṃ-thận,
Hadayaṃ-tim, yajanaṃ-gan, kilomakaṃ-cơ hoành, pihakaṃ-dạ dày, papphāsaṃ-phổi,

Antaṁ-ruột già, antaguṇaṃ-ruột non, udariyaṃ-thức ăn, karīsaṃ-phân, mattaluṅgaṃ-não.

Cả 20 bộ phận thân thể này được Đức Đạo Sư thuyết trong Tạng Kinh lẫn Tạng Vi Diệu Pháp là *Địa giới (Paṭhavīdhātu)*.

Khi hành giả quán sát chúng, *Vô ngã tướng* không hiện khởi vì bị *nhóm khối (ghana)* che đậy. Nếu *nhóm khối* bị phá vỡ, thì *Vô ngã tướng* sẽ được thấy rõ. Đúng như Đức trưởng lão *Buddhaghosa* viết trong bộ *Thanh Tịnh Đạo*:

"Anattalakkhaṇaṃ nānādhātuvinibbhogassa amanasikārā ghanena paṭicchannattā na upaṭṭhāti. Nānādhātuyo vinibbhujjitvā, ghanavinibbhoge kate, anattalakkhaṇaṃ yāthāvasarasato upaṭṭhāti."

"Vô ngã tướng không hiện khởi, bởi vì không quán sát sự tách rời của các giới khác nhau, vì bị che đậy bởi nhóm khối. Sau khi tách rời các giới khác nhau, nhóm khối bị phá vỡ, vô ngã tướng hiện khởi như thật theo thực tính pháp."

Ở đây, *các giới khác nhau (nānādhātuyo)* chính là *sắc giới (rūpadhātu)* và *danh giới (nāmadhātu)*. Còn từ *nhóm khối (ghana)*, nghĩa là sinh khởi thành khối, thành nhóm. Đây là nhân tố khiến cho chúng sinh hiểu nhầm rồi chấp thủ đó là người, là ta, là con vật, v.v... và gọi với nhau rằng tôi, ta – *ngã (attā)*; đến khi nhóm khối bị phá vỡ, *ngã* biến mất thì *vô ngã (anattā)* hiển lộ rõ ràng tức thì.

VẤN ĐỀ ĐẶC BIỆT CỦA CHẾ ĐỊNH VÀ CHÂN ĐẾ

Đức trưởng lão *Mahādhammapāla* đã viết trong bộ *Visuddhimaggamahāṭīkā*:

"Nanu ca tajjāpaññattivasena sabhāvadhammo gaṇhāyatī'ti?"

"Thực tính pháp mà hành giả bám lấy do năng lực của chế định sinh khởi từ nó chăng?"

"Saccaṃ gaṇhāyati pubbabhāge, bhāvanāya pana vaḍḍhamānāya paññattiṃ samatikkamitvā sabhāveyeva cittaṃ tiṭṭhati."

"Đúng vậy, bám lấy giai đoạn đầu; khi pháp tu tiến triển, tâm vượt khỏi chế định rồi sẽ trụ lại chính nơi thực tính pháp."

Bước đầu, pháp tu Minh sát tuệ là thiết lập *niệm (sati)* ghi nhận danh-sắc, đi kinh hành v.v... Người ta có thể nghi ngờ rằng việc ghi nhận như thế là thuộc về chế định, khi đã như thế thì không thể xem là Minh sát tuệ được.

Thật ra, cách nghi ngờ như vậy không sai, nhưng cũng không hoàn toàn đúng. Nghĩa là, trong giai đoạn đầu, hành giả phải thiết lập *niệm* trên đối tượng chế định trước, nếu không làm thế thì tâm sẽ không có chỗ để đặt *niệm*. Do thực tính chân đế là pháp khó nhận biết được, nên khi trí tuệ tiến triển hơn lên, đối tượng chế định sẽ biến mất và chỉ còn thực tính chân đế mà thôi.

Việc này cũng giống như một người cần có gạo sạch để nấu cơm. Khi lấy gạo dính bẩn từ chỗ chứa gạo, người ấy phải đem ra sàn, sẩy, quạt, chắt lọc nhiều lần mới thu được gạo sạch, không còn dính bụi bẩn, hạt cát, hạt sạn, phân chuột, phân gián, v.v... sau đó mới đem đi nấu thành cơm được. Hành giả cũng thế, giai đoạn đầu phải dựa vào đối tượng chế định trước, rồi từ từ sàn, sẩy, với nỗ lực tu tiến, trí tuệ tăng trưởng dần, sẽ thấy được thực tính chân đế như thật.

Kết lại, trong giai đoạn đầu, hành giả quán sát đối tượng đang là chế định, *ngã* hiện hữu và *vô ngã* biến mất; về sau trí tuệ tu tập tiến triển mạnh lên, đối tượng chế định không còn nữa, đối tượng chân đế sinh khởi thay thế, chính lúc đối tượng chân đế hiển lộ ấy, *vô ngã* hiện hữu và *ngã* biến mất.

Khi hành giả quán sát danh-sắc, Hữu vi pháp đang sinh khởi trước mắt theo thực tính pháp được sinh khởi từ nhân duyên, *tương tục chế định (santatipaññatti)* và *nhóm khối chế định (ghanapaññatti)* đang che đậy sự sinh diệt của danh-sắc, Hữu vi pháp sẽ tan vỡ đi. Đấy là cái thấy biết thanh tịnh, sự thấy biết thanh tịnh này khởi sinh tại thời điểm nào, thì tại thời điểm đó tuệ Minh sát của hành giả đạt đáo tính *Vô ngã tùy quán*, v.v...

Người không quán sát danh-sắc, Hữu vi pháp đang sinh trước mắt trong mỗi giai đoạn của tâm và sắc thì sự sinh diệt của danh-sắc, Hữu vi pháp diễn ra trước mắt cũng không thấy, không biết gì cả. Có chăng cũng chỉ thấy biết chế định mà thôi. Chẳng hạn, khi thấy màu sắc thì cũng chỉ hiểu theo những cái khác rằng đây là nam, nữ, trẻ con, người lớn, con vật, cây cối, nhà cửa, v.v... Khi nghe âm thanh thì hiểu rằng đây là tiếng đàn ông, tiếng đàn bà, tiếng loài vật, tiếng đàn, tiếng cười, tiếng khóc, v.v... Khi ngửi mùi thì hiểu rằng đây là mùi hoa, mùi nước hoa, mùi thức ăn, mùi phân, nước tiểu, v.v... Khi nếm vị thì hiểu rằng đây là vị me, vị chanh, vị cam, tiêu, muối, đường, v.v... Khi xúc chạm với cứng mềm, nóng lạnh, căng chùng thì hiểu rằng đây là đất, bông, lửa, nước đá, nước nóng, cây, cục gạch, thân thể nhẹ nhàng, da căng, co chân, duỗi tay, v.v... Do bởi *tương tục chế định* và *nhóm khối chế định* đang che đậy sự sinh diệt của các loại đối tượng bên ngoài và bên trong cũng như che đậy lộ trình tâm nhận biết đối tượng bên trong, nên mới có sự thấy biết sai lầm như thế. Sự việc này gọi là *tương tục chế định* không bị đứt và *nhóm khối chế định* không bị vỡ. Tuy nhiên, thật ra khi con người ta thấy một sự vật gì đó thì sắc trần cũ sẽ diệt đi và sắc trần mới sẽ sinh ra một cách liên tục, không gián đoạn. Người xem chỉ thấy toàn sắc trần mới sinh suốt quãng thời gian đang nhìn ấy, lộ trình tâm khởi sinh nhận sắc trần, tức là việc thấy đó có cái thấy cũ diệt đi, cái thấy mới sinh ra, nối tiếp nhau không gián đoạn. Nhưng rồi người xem, người thấy lại hiểu nhầm nơi sắc

trần và cái thấy của mình rằng sắc trần mà mình đang xem cũng như cái thấy mà mình đang thấy ở thời điểm đầu và thời điểm sau đều là một thể xuyên suốt, gọi là *tương tục chế định*. Sự khởi sinh liên tiếp nhau của đối tượng bên trong, bên ngoài và lộ trình tâm nhận đối tượng bên trong ấy giống như một khối, một nhóm, gọi là *nhóm khối chế định*. Trong cả 2 loại chế định này, khi *tương tục chế định* hiển lộ trong tâm thì *nhóm khối chế định* cũng đồng hiển lộ, do đó cả hai được gộp chung lại, gọi là *tương tục nhóm khối chế định* vậy.

Tương tục nhóm khối chế định có phận sự che đậy thực tính pháp, khiến cho người không có *niệm* ghi nhận danh-sắc đang sinh khởi trước mắt sẽ không thấy được sự sinh diệt và sự xa rời khỏi khái niệm tôi, ta đang điều khiển, ra lệnh cho diễn tiến theo đúng thực tính là *Vô ngã tướng* được.

Về phần hành giả quán sát danh-sắc, Hữu vi pháp đang sinh khởi trước mắt, là người có *niệm* ghi nhận đối tượng liên tục, không gián đoạn, họ sẽ thấy thấu suốt, rõ ràng *tương tục chế định* và *nhóm khối chế định* đang che đậy sự sinh diệt của danh-sắc, Hữu vi pháp. Thông qua sự thấy biết lộ trình tâm sinh khởi trước và lộ trình tâm sinh khởi sau tại các thời đoạn: thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm nóng lạnh, cứng mềm, căng chùng, mỏi mệt, đau nhức, vui buồn, suy nghĩ các loại; chúng sẽ đứt, vỡ thành khúc, thành đoạn, không còn là một thực thể thống nhất nữa, và không có cốt lõi, tách rời tôi, ta đang điều khiển, ra lệnh theo ý muốn. Đối với sắc pháp, hành giả có *niệm* ghi nhận, thấy biết sắc sinh khởi trước, sắc sinh khởi về sau, trong thời đoạn ghi nhận danh-sắc, các tư thế lớn nhỏ (đại tiểu oai nghi) cũng sẽ đứt đoạn thành khúc, thành đoạn, không còn là một thực thể thống nhất nữa. Sự thấy biết lộ trình tâm và đối tượng đứt thành từng đoạn này gọi là *tương tục chế định* bị đứt và *nhóm khối chế định* bị vỡ. Khi đó, *Vô ngã tướng* (trạng thái không có cốt lõi, xa rời tôi, ta mà không thể điều khiển, ra lệnh theo ý muốn) của vạn pháp sẽ hiển lộ, xem như Minh sát tuệ của hành giả ấy đạt đáo Vô ngã tùy quán thật.

SOḶASA VIPASSANĀÑĀṆĀNI – MƯỜI SÁU TUỆ QUÁN

Trong 18 pháp Đại quán, khi hành giả thấy được Tam tướng nơi các Hữu vi pháp thì xem như thấu suốt Vô thường tùy quán, Khổ não tùy quán và Vô ngã tùy quán và cũng xem như là thấu suốt *Vô tướng tùy quán (Animittānupassanā)*, *Vô nguyện tùy quán (Appaṇihitānupassanā)* và *Không tánh tùy quán (Suññatānupassanā)*; bởi vì, chúng giống với 3 tùy quán đã nêu trên, chỉ khác nhau ở thuật ngữ mà thôi. Về phần *Thắng tuệ pháp quán (Adhipaññādhammavipassanā)* và *Như thật tri kiến (Yathābhūtañāṇdasana)* được xếp vào *Đoạn nghi thanh tịnh*.

Mười sáu Tuệ quán trong pháp hành Minh sát tuệ được liệt kê như sau:

(01). *Nāmarūpapariccheda ñāṇa – Danh sắc phân biệt tuệ*
(02). *Paccayapariggahanañāṇa – Liễu duyên tuệ*
(03). *Sammasanañāṇa – Thẩm sát tuệ*
(04). *Udayabbayañāṇa – Sinh diệt tuệ*
(05). *Bhaṅgañāṇa – Hoại diệt tuệ*
(06). *Bhayañāṇa – Kinh hãi tuệ*
(07). *Ādīnavañāṇa – Hiểm nguy tuệ*
(08). *Nibbidāñāṇa – Nhàm chán tuệ*
(09). *Muñcitukamyatāñāṇa – Dục thoát tuệ*
(10). *Paṭisaṅkhāñāṇa – Quán sát tuệ*
(11). *Saṅkhārupekkhāñāṇa – Hành xả tuệ*
(12). *Anulomañāṇa – Thuận thứ tuệ*
(13). *Gotrabhūñāṇa – Chuyển tánh tuệ*
(14). *Maggañāṇa – Đạo tuệ*
(15). *Phalañāṇa – Quả tuệ*
(16). *Paccavekkhaṇañāṇa – Hồi quán tuệ*

I. NĀMARŪPAPARICCHEDAÑĀṆA – DANH SẮC PHÂN BIỆT TUỆ

Nāmarūpapariccheda ñāṇa – Danh sắc phân biệt tuệ là trí tuệ có khả năng biết được danh pháp, sắc pháp theo đặc tính (lakkhaṇa), phận sự (rasa), quả hiện hữu

(paccuppaṭṭhāna) và nhân gần (padaṭṭhāna). Nói theo Bảy thanh tịnh thì đó là *Kiến thanh tịnh (Diṭṭhivisuddhi)*. Chi pháp chính là *Tuệ tâm sở (Paññācetasika)* thấy biết bốn tính chất của danh-sắc pháp như sau:

1, Cittassa lakkhaṇādicatuka – Bốn tính chất của tâm:

a, Vijjānanalakkhaṇaṃ: Có đặc tính nhận biết đối tượng
b, Pubbaṅgamarasaṃ: Có phận sự dẫn đầu các pháp đồng sinh
c, Paṭisandhipaccuppaṭṭhānaṃ: Có quả hiện hữu là sự tục sinh
d, Saṅkhārapadaṭṭhānaṃ: Có nhân gần là các Hành

2, Cetasikassa lakkhaṇādicatuka – Bốn tính chất của tâm sở:

a, Namanalakkhaṇaṃ: Có đặc tính hướng đến đối tượng
b, Sampayogarasaṃ: Có phận sự kết hợp với tâm
c, Avinibbhogapaccuppaṭṭhānaṃ: Có quả hiện hữu là không tách rời tâm
d, Viññāṇapadaṭṭhānaṃ: Có nhân gần là thức

3, Rūpassa lakkhaṇādicatuka – Bốn tính chất của sắc:

a, Ruppanalakkhaṇaṃ: Có đặc tính biến động, thay đổi
b, Vikiraṇarasaṃ: Có phận sự phân tán
c, Abyākatapaccuppaṭṭhānaṃ: Có quả hiện hữu pháp vô ký
d, Viññāṇapadaṭṭhānaṃ: Có nhân gần là thức

4, Phương pháp thực hành bước đầu:

Đối với hành giả thiên về Chỉ tịnh (samathayānika), có nguyện vọng đạt đáo *Kiến thanh tịnh (Diṭṭhivisuddhi)*, muốn thực hành quán sát danh-sắc thì khi xuất khỏi một trong 5 bậc thiền Sắc giới hoặc 3 bậc thiền Vô sắc giới (trừ Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền) hành giả cần quán sát các thiền chi như Tầm (Vitakka) chẳng hạn hoặc quán sát các thực tính pháp kết hợp với thiền chi, ví dụ: Xúc (Phassa), Tưởng (Saññā), v.v...

Trong việc quán sát thiền chi hoặc các thực tính pháp kết hợp với thiền chi đó, trước nhất hành giả cần phải quán sát các thực tính pháp ấy thông qua đặc tính (lakkhaṇa), phận sự (rasa), quả hiện hữu (paccuppaṭṭhāna) và nhân gần (padaṭṭhāna); tiếp đến quán sát tất cả các thực tính pháp ấy có pháp tính hướng đối tượng. Khi quán sát các danh pháp ấy khít khao hơn, tâm sẽ theo dõi rằng các pháp ấy nương tựa cái gì và biết được là nương tựa sắc Ý vật (Hadayavatthurūpa), giống như chủ nhà thấy con rắn trong căn nhà mình, theo dõi và biết nơi trú ngụ của nó.

Khi đã biết được sắc Ý vật là trú xứ của các danh pháp ấy rồi, hành giả quán sát tiếp rằng dẫu sắc Ý vật cũng cần nương tựa sắc Tứ đại (Mahābhūtarūpa), là Địa đại, Thủy đại, Hỏa đại và Phong đại mà khởi sinh. Và 23 sắc Phụ thuộc (Upādāyarūpa) cũng phải nương nhờ vào sắc Tứ đại mới khởi sinh được. Rồi hành giả quán sát tiếp rằng tất cả các sắc pháp là những thực tính pháp có trạng thái biến đổi, tiêu hoại.

Như vậy, đối với hành giả thiên về Chỉ tịnh, sau khi xuất khỏi các thiền tâm rồi sẽ quán sát các danh pháp có đặc tính sự hướng tâm đến đối tượng hoặc quán sát các sắc pháp có đặc tính biến đổi, tiêu hoại.

5, Quán sát danh sắc theo Tứ đại:

Đối với hành giả Thuần quán (Vipassanāyānika) hoặc thiên về Chỉ tịnh (Samathayānika), khi quán sát sắc Tứ đại cho hiển lộ đặc tính và phận sự rồi, các sắc pháp khác với sắc Tứ đại cũng sẽ hiện hữu.

❋ Chẳng hạn sợi tóc, ngoài Địa đại có đặc tính cứng và mềm là chủ yếu ra còn kết hợp với 44 sắc pháp khác nữa:

(1). *20 Nghiệp khởi sắc (Kammajarūpa)* bao gồm:

• Thân mười sắc khối (Kāyadasakakalāpa) = 8 Bất ly sắc (Avinibbhogarūpa), 1 Thân tịnh sắc (Kāyapasāda), 1 sắc Mạng căn (Jīvitarūpa)

• Giới tính mười sắc khối (Bhāvadasakakalāpa) = 8 Bất ly sắc (Avinibbhogarūpa), 1 sắc Giới tính (Bhāvapasāda), 1 sắc Mạng căn (Jīvitarūpa)

(2). *8 Tâm khởi sắc (Cittajarūpa)* gồm Thuần tám sắc khối (Suddhaṭṭhakakalāpa) = 8 Bất ly sắc.

(3). *8 Thời tiết khởi sắc (Utujarūpa)* gồm Thuần tám sắc khối (Suddhaṭṭhakakalāpa) = 8 Bất ly sắc.

(4). *8 Vật thực khởi sắc (Āhārajarūpa)* gồm Thuần tám sắc khối (Suddhaṭṭhakakalāpa) = 8 Bất ly sắc.

❋ Trường hợp mồ hôi, nước mắt, nước bọt, nước mũi ngoài Thủy đại có đặc tính chảy và dính là chủ yếu ra còn kết hợp với 16 sắc pháp khác nữa:

(1). *8 Tâm khởi sắc (Cittajarūpa)* gồm Thuần tám sắc khối (Suddhaṭṭhakakalāpa) = 8 Bất ly sắc.

(2). *8 Thời tiết khởi sắc (Utujarūpa)* gồm Thuần tám sắc khối (Suddhaṭṭhakakalāpa) = 8 Bất ly sắc.

❋ Với thức ăn, phân, mủ, nước tiểu ngoài Địa đại có đặc tính cứng và mềm là chủ yếu ra còn kết hợp với 8 sắc pháp khác nữa, đó là *8 Thời tiết khởi sắc (Utujarūpa)*, gồm Thuần tám sắc khối (Suddhaṭṭhakakalāpa) = 8 Bất ly sắc.

Riêng phần 4 Hỏa đại và 6 Phong đại cũng có phân chia khác, cụ thể là:

❋ Với chất lửa làm tiêu hóa thức ăn (Pācakatejo) ngoài Hỏa đại có đặc tính nóng và lạnh là chủ yếu ra còn kết hợp với 9 sắc pháp khác nữa, đó là *9 Nghiệp khởi sắc (Kammajarūpa)*, gồm Mạng căn chín sắc khối (Jīvitanavakakalāpa) = 8 sắc Bất ly, 1 sắc Mạng căn.

❋ Với chất gió là hơi thở vào ra (Assāsapassāsavāyo) ngoài Phong đại có đặc tính căng và chùng là chủ yếu ra còn kết hợp với 9 sắc pháp khác nữa, đó là *9 Tâm khởi sắc (Cittajarūpa)*, gồm Tiếng chín sắc khối (Saddanavakakalāpa) = 8 sắc Bất ly, 1 sắc Âm thanh.

❋ Với 3 Hỏa đại còn lại gồm chất lửa làm cơ thể ấm áp (Usmātejo), chất lửa làm cho mau già (Jiraṇatejo), chất lửa quá mức gây sốt (Santāpanatejo), và 5 Phong đại còn lại gồm chất gió sinh lên trên (Uddhaṅgamavāyo), chất gió thổi xuống dưới (Adhogamavāyo), chất gió trong bụng (Kucchisayavāyo), chất gió trong ruột (Koṭṭhāsayavāyo), chất gió di chuyển khắp thân (Aṅgamaṅgānusārivāyo); ngoài Hỏa đại có đặc tính nóng lạnh và Phong đại có đặc tính căng chùng là chủ yếu ra còn kết hợp với 33 sắc pháp khác nữa, đó là:

(1). *8 Nghiệp khởi sắc (Kammajarūpa):* gồm Mạng căn chín sắc khối (Jīvitanavakakalāpa) = 8 sắc Bất ly, 1 sắc Mạng căn.

(2). *8 Tâm khởi sắc (Cittajarūpa):* gồm Thuần tám sắc khối (Suddhaṭṭhaka-kalāpa) = 8 Bất ly sắc

(3). *8 Thời tiết khởi sắc (Utujarūpa):* Thuần tám sắc khối (Suddhaṭṭhakakalāpa) = 8 Bất ly sắc

(4). *8 Vật thực khởi sắc (Āhārajarūpa):* Thuần tám sắc khối (Suddhaṭṭhaka-kalāpa) = 8 Bất ly sắc

Khi 42 thể trược này sinh khởi và hiển lộ trước hành giả thuần quán và hành giả thiên về chỉ tịnh với trạng thái của sắc Tứ đại và sắc Phụ thuộc một cách chi tiết rồi, thì 60 sắc pháp nữa trong Nhãn mười sắc khối, ... cho đến Ý vật mười sắc khối, là những sắc pháp liên đới đến vật và môn cũng sẽ hiển lộ trước trí tuệ của hành giả.

Hành giả quán sát các sắc pháp này đều thấy có một đặc tính giống nhau là

biến đổi và hoại diệt, khi đã thấy như thế, các danh pháp cũng sẽ hiển lộ qua Ý môn của hành giả. Những danh pháp ấy gồm 81 Hiệp thế tâm và 52 tâm sở kết hợp. Riêng 8 Siêu thế tâm và 36 tâm sở kết hợp thì hành giả thuần quán và hành giả thiên về chỉ tịnh không thể quán sát được vì các danh pháp ấy chưa từng khởi sinh đối với họ. Đồng thời, khi hành giả quán sát các danh pháp đều thấy có một đặc tính giống nhau là hướng đến đối tượng.

6, Quán sát danh sắc theo 18 Giới (Dhātu):

Đối với hành giả thực hành Minh sát, khi quán sát danh sắc theo 18 Giới (Dhātu) cần tiến hành như sau:

Trên tấm thân này gồm Nhãn giới (Cakkhudhātu), Nhĩ giới (Sotadhātu), Tỷ giới (Ghānadhātu), v.v... Khối thịt mà các sợi gân bám giữ, gắn vào hốc mắt, có hình dạng dài và rộng, tuyệt mỹ với các màu trắng, đen và đen đậm, được thế gian gọi là con mắt; nhưng thật ra thì khối thịt mà dân gian gọi là con mắt đó chỉ là tập hợp gồm 54 sắc pháp, đó là: Nhãn mười sắc khối (Cakkhudasakakalāpa), Thân mười sắc khối (Kāyadasakakalāpa), Giới tính mười sắc khối (Bhāvadasakakalāpa), 8 Tâm khởi sắc (Cittajarūpa), 8 Thời tiết khởi sắc (Utujarūpa), 8 Vật thực khởi sắc (Āhārajarūpa). Trong số 54 sắc pháp này, chỉ có Nhãn tịnh sắc (Cakkhupasādarūpa) gọi là Nhãn (Cakkhu) hay Nhãn giới (Cakkhudhātu) mà thôi; 53 sắc pháp còn lại không phải là Nhãn.

Khi quán sát và biết rằng Nhãn tịnh sắc là thực tính pháp có tên là Nhãn rồi, hành giả cũng biết đến đặc tính của Nhãn tịnh sắc luôn, ấy là trạng thái biến đổi và suy hoại, đấy cũng là trạng thái của các sắc pháp.

Ngay cả Nhĩ giới, Tỷ giới, Thiệt giới cũng tương tự như Nhãn giới. Riêng về Thân giới chỉ kết hợp với 43 sắc pháp thôi, gồm Thân chín sắc khối (Kāyanavakakalāpa) (trừ Thân tịnh sắc), Giới tính mười sắc khối, 8 Tâm khởi sắc, 8 Thời tiết khởi sắc, 8 Vật thực khởi sắc.

12 Thô sắc gồm 5 Tịnh sắc (Pasādarūpa) thành Nhãn giới (Cakkhudhātu), Nhĩ giới (Sotadhātu), Tỷ giới (Ghānadhātu), Thiệt giới (Jivhādhātu), Thân giới (Kāyadhātu); 7 sắc Đối tượng (Visayarūpa) thành Sắc giới (Rūpadhātu), Thinh giới (Saddadhātu), Hương giới (Gandhadhātu), Vị giới (Rasadhātu), Xúc giới (Phoṭṭhabbadhātu); 16 Tế sắc (Sukhumadhātu) còn lại là một phần của Pháp giới (Dhammadhātu).

Đối với danh pháp, về phần tâm gồm:

• 10 Ngũ song thức tâm (Dvipañcaviññāṇacitta) thành Ngũ thức giới (Pañcaviññāṇadhātu) là Nhãn thức giới (Cakkhuviññāṇadhātu), Nhĩ thức giới (Sotaviññāṇadhātu),

Tỷ thức giới (Ghānaviññāṇadhātu), Thiệt thức giới (Jivhāviññāṇadhātu), Thân thức giới (Kāyaviññāṇadhātu).

• 1 Ngũ môn hướng tâm (Pañcadvārāvajanacitta), 2 Tiếp thọ tâm (Sampaṭicchana-citta) là Ý giới (Manodhātu).

• 68 Hiệp thế tâm còn lại là Ý thức giới (Manoviññāṇadhātu).

Danh pháp là các tâm sở kết hợp trong 81 Hiệp thế tâm là một phần của Pháp giới.

Như vậy, trong số 18 Giới thì 10 Giới cộng một phần Pháp giới (16 Tế sắc) thuộc về sắc pháp và 7 Giới cộng một phần Pháp giới (52 tâm sở) thuộc về danh pháp.

7, Quán sát danh sắc theo 12 Xứ (Āyatana):

Đối với hành giả thực hành Minh sát tuệ, khi quán sát danh sắc theo 12 Xứ (Āyatana) cần tiến hành giống như quán sát danh sắc theo 18 Giới, khác nhau ở chỗ 81 Hiệp thế tâm hay 7 Thức giới thành Ý xứ (Manoyatana). Trong 12 Xứ đó, 10 Xứ cộng với một phần Pháp xứ (Dhammāyatana) là 16 Tế sắc thuộc về sắc pháp và 1 Xứ cộng với một phần Pháp xứ là 52 tâm sở sắc thuộc về danh pháp.

8, Quán sát sắc để danh hiển lộ:

Khi hành giả quán sát sắc pháp rồi trở qua quán sát danh pháp nhưng danh pháp ấy chưa hiển lộ thì không nên nản lòng mà bỏ cuộc, không quán sát nữa. Hành giả cần lưu tâm quán sát các sắc pháp ấy lặp đi lặp lại, bởi vì khi đã quán sát tốt rồi, thanh lọc cho thanh tịnh rồi, thấy rõ ràng rồi thì danh pháp có đối tượng là sắc pháp ấy sẽ tự hiển lộ ra. Ví dụ như:

(1). Một người soi mặt mình trong tấm gương mờ vì bụi bẩn, hình ảnh trong gương không rõ nét, người ấy không bỏ cuộc, lấy khăn lau bụi bám trên gương cho đến khi gương sáng loáng, trong gương tự hiện rõ mặt của người đó.

(2). Một người cần dùng dầu mè bèn vẩy nước vào đống hạt mè rồi đem đi ép. Ép được 2, 3 lần nhưng dầu mè vẫn chưa chảy ra, người ấy không chịu bỏ cuộc, lại dùng nước ấm vẩy lên đống hạt mè rồi ép tiếp nhiều lần; cuối cùng người ấy thu được dầu mè như mong muốn.

(3). Một người cần nước trong, bèn lấy phèn chua bỏ vào thùng nước đang vẩn đục. Dùng tay quậy nước 2, 3 lần, nước vẫn chưa trong như ý, người ấy không bỏ cuộc mà thêm phèn chua vào nước rồi quấy đi quấy lại nhiều lần; cuối cùng, người ấy đã có được thùng nước trong như sở cầu.

SỰ HIỂN LỘ CỦA DANH SẮC

Khi việc quán sát sắc pháp lặp đi lặp lại đến độ rõ ràng và trong sáng rồi, các phiền não là pháp đối nghịch của việc quán sát danh pháp cũng sẽ yên tịnh xuống và danh pháp tự nó sẽ hiển lộ ra. Sự hiển lộ của danh pháp khởi sinh qua 3 hướng, đó là: qua Xúc (Phassa), qua Thọ (Vedanā) và qua Thức (Viññāṇa).

Khi hành giả quán sát thực tính pháp của sắc pháp đến lúc hiển lộ rõ ràng, chẳng hạn như quán sát Địa đại có đặc tính cứng-mềm, Xúc là pháp tính sinh khởi từ việc xúc chạm giữa đối tượng và người nhận đối tượng; và tại thời điểm đó: Thọ, Tưởng, Hành (Tác ý chẳng hạn), Thức là những pháp đồng sinh với Xúc ấy cũng hiện khởi. Các danh pháp hiển lộ qua hướng Xúc theo phương cách như vậy.

Khi hành giả quán sát thực tính pháp của sắc pháp đến lúc hiển lộ rõ ràng, chẳng hạn như quán sát Địa đại nơi sợi tóc có đặc tính cứng-mềm, Thọ là pháp tính thụ hưởng đối tượng (Khổ thọ, Lạc thọ, Xả thọ) sẽ khởi sinh; và tại thời điểm đó: Xúc, Tưởng, Hành (Tác ý chẳng hạn), Thức là những pháp đồng sinh với Thọ ấy cũng hiện khởi. Các danh pháp hiển lộ qua hướng Thọ theo phương cách như vậy.

Khi hành giả quán sát thực tính pháp của sắc pháp đến lúc hiển lộ rõ ràng, chẳng hạn như quán sát Địa đại nơi hơi thở vào ra có đặc tính cứng-mềm, Thức là pháp tính nhận hay biết đối tượng sẽ khởi sinh; và tại thời điểm đó: Xúc, Thọ, Tưởng, Hành (Tác ý chẳng hạn) là những pháp đồng sinh với Thức ấy cũng hiện khởi. Các danh pháp hiển lộ qua hướng Thức theo phương cách như vậy.

Khi hành giả đang quán sát sắc pháp rồi lại bỏ đi, chuyển sang quán sát danh pháp, việc thực hành như thế không thể giúp cho tuệ Minh sát sinh khởi. Việc quán sát sắc pháp đến lúc hiển lộ rõ ràng mới là nhân tố làm cho danh pháp hiển lộ qua hướng Xúc, Thọ và Thức.

Các pháp diễn biến trong Tam giới (Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới) là 18 Giới, 12 Xứ, 5 Uẩn, quy lại là danh pháp và sắc pháp. Giống như mở cuốn sách ra, sách sẽ chia làm 2 phần; cũng vậy, bổ quả sầu riêng thì nó cũng gồm 2 phần tách nhau. Ngoài danh và sắc ra, thì kiếm đâu được người, chúng sinh, chư thiên, phạm thiên!

Mục đích của việc quán sát danh sắc:

- Nhằm đoạn trừ tên gọi do thế gian định đặt
- Nhằm thoát khỏi sự hiểu nhầm rằng có người, chúng sinh, v.v...
- Để cho tâm kết hợp với trí tuệ, nghĩa là thấy biết như thật

Trong *Kinh Vajirā, Phẩm Tương Ưng Tỳ-khưu-ni, Thiên Có Kệ, Tương Ưng Bộ Kinh* có ghi:

"Yathā hi aṅgasambhārā	***Hoti saddo ratho iti***
Evaṃ khandhesu santesu	***Hoti satto'ti sammati."***
"Như bộ phận quy tụ	Tên xe được nói lên
Cũng vậy, uẩn quy tụ	Thông tục gọi chúng sanh.
"Dukkhameva hi sambhoti	***Dukkhaṃ tiṭṭhati veti ca***
Nāññatra dukkhā sambhoti	***Nāññatra dukkhā nirujjhatī'ti***
Chỉ có khổ được sanh	Khổ tồn tại, khổ diệt
Ngoài khổ, không gì sanh	Ngoài khổ không gì diệt."
	(Hòa thượng Minh Châu dịch)

YATHĀBHŪTADASSANA – THẤY BIẾT NHƯ THẬT

Khi có trục, bánh, thùng, càng kết hợp lại với nhau thì từ "xe" xuất hiện. Khi các ngón như ngón cái, ngón trỏ,... cùng chụm lại với nhau thành một khối thì từ "nắm tay" có mặt. Các thành phần như thùng đàn, dây đàn, v.v... hợp thành một thể mới có cái gọi là "cây đàn".

Khi thành quách, nhà cửa, cổng thành đặt chung lại với nhau thì gọi là "kinh thành". Khi thân cây, lá cây, cành cây, v.v... hợp lại thành một thể thì gọi là "cây cối". Và cũng vậy, khi 5 uẩn hợp thành một khối thì các từ: "chúng sinh", "con người", ... ra đời.

Cái gọi là xe, nhà, thành, cây đàn, nắm tay, cây cối, chúng sinh, con người, v.v... nếu nhìn dưới góc độ thực tính chân đế thì không có cái gì như thế cả, chỉ có danh sắc mà thôi. Ai có cái nhìn theo thực tính pháp như vậy gọi là *Tri kiến như thật.*

QUAN ĐIỂM TỤT HẬU VÀ VƯỢT MẶT

Khi đã chối từ *Tri kiến như thật* ắt phải có chấp thủ vào con người, chúng sinh; một khi đã chấp nhận con người, chúng sinh hiện hữu thì phải chấp nhận sự hoại diệt và không hoại diệt của chúng sinh, con người. Việc nhận thức có sự không hoại diệt sẽ rơi vào quan kiến *Thường hằng (Sassataditthi)*, nghĩa là trường tồn, bền vững. Việc nhận thức có sự hoại diệt sẽ rơi vào quan kiến *Đoạn diệt (Ucchedaditthi)*, nghĩa là biến mất.

Người nào chấp chặt rằng chúng sinh trường tồn thì được xem là có quan

kiến *tụt hậu*, còn người nào chấp chặt rằng chúng sinh chết rồi là hết, biến mất thì được xem là có quan kiến *vượt mặt*. Cho nên, Đức Thế Tôn thuyết rằng chư thiên và nhân loại bị ngự trị bởi 2 tà kiến, là tà kiến *tụt hậu* và tà kiến *vượt mặt*.

Một số chư thiên và nhân loại có niềm vui thích, hân hoan trong *Hữu (Bhava)*, khi Đức Phật thuyết pháp để diệt *Hữu* thì các vị đó không thấu hiểu, không tin tưởng, vị nào có quan điểm như vậy gọi là *tụt hậu*.

Một số chư thiên và nhân loại chán ngán, ghét bỏ, không hài lòng trong *Hữu (Bhava)*, ngợi ca việc thoát khỏi *Hữu* với suy nghĩ rằng lúc nào thân này của ta sẽ tiêu hoại và biến mất, bởi vì khi mà thân thể này hoại diệt sau cái chết, đấy mới là sự yên tịnh, quan điểm như thế gọi là *vượt mặt*.

Đức Phật thuyết pháp rằng các vị tỳ-khưu có trí tuệ thấy chúng sinh (bhūta) đúng theo thực tính pháp, tức là thấy đúng như thật chỉ là 5 uẩn. Khi đã thấy đúng với thực tính pháp nơi 5 uẩn rồi thì được gọi là người thực hành pháp do chán ngán, muốn rời bỏ ái dục và để diệt tận cái gọi là chúng sinh (bhūta). Đây chính là tư cách của bậc trí, người có *Nhãn (Cakkhu)*.

DANH SẮC NƯƠNG TỰA NHAU

Con rối là đồ vật trống rỗng, không có sự sống, không thể chuyển động được, nhưng nhờ vào sự kết hợp của cây gỗ và những sợi dây kéo mà con rối cử động và di chuyển được, có những biểu hiện như đang tồn tại sự sống bên trong nó. Cũng giống như vậy, danh-sắc là những thực thể rỗng không, không có sự sống, không thể chuyển động được, nhưng nhờ vào sự nương tựa lẫn nhau nên danh sắc mới cử động và di chuyển được, có biểu hiện của sự sống đang tồn tại. Bởi vậy, trong bộ *Abhidhammavātāra*, Đức trưởng lão *Buddhadatta* có ghi:

> ***"Nāmañca rūpañca idhatthi saccato***
> ***Na hettha satto manujova vijjati***
> ***Saññaṃ idaṃ yantamivābhisaṅkhataṃ***
> ***Dukkhassa puñjo tiṇkaṭṭhasādiso."***
>
> "Thật ra, trên thế gian này chỉ có danh và sắc, chẳng có con người hay chúng sinh gì đâu. Sắc danh này rỗng không, bị duyên tạo tác như con rối, là đống khổ tương tự như cỏ và cây vậy."

Danh-sắc trong Ngũ uẩn cảnh giới (Pañcavokārabhūmi) nương tựa vào nhau, bên này hỗ trợ bên kia, khi pháp này hoại vong do bị phá vỡ thì pháp kia cũng bị phá vỡ do hoại vong. Giống như hai bó sậy, sau khi được cột chặt lại rồi đem dựng sát nhau và chúng đứng vững được, nếu một bó bị ngã xuống thì bó kia cũng bị đổ theo. Bởi vậy, cũng trong bộ *Abhidhammavātāra*, Ngài trưởng lão đã nêu:

"Yamakaṃ nāmarūpañca Ubho aññoññanissitā
Ekasmiṃ bhijjamānasmiṃ Ubho bhijjanti paccayā."

"Danh sắc là pháp song đôi, cả hai nương tựa lẫn nhau, trợ duyên cho nhau; khi một cái tiêu hoại thì hoại vong cả hai."

Tiếng khởi sinh do nương vào trống bị đánh bởi cái dùi. Cái trống là một thể và tiếng là một thể khác, trống và tiếng không trộn lẫn vào nhau, không phải là một thể thống nhất, nơi trống không có tiếng và nơi tiếng không có trống. Cũng như thế, danh khởi sinh là nương nhờ vào sắc, đó là: vật (vatthu), môn (dvāra) và đối tượng (ārammaṇā). Sắc là một dạng, danh lại là một dạng khác, danh và sắc không trộn lẫn vào nhau, không phải là một dạng thống nhất, trong danh không có sắc, trong sắc không có danh. Lại nữa, danh dựa vào sắc mà khởi sinh giống như tiếng dựa vào trống mới phát ra được. Bởi thế, chư vị tiền bối từng nói:

"Xúc sinh khởi qua 5 môn, không phải sinh từ mắt hay sắc, hoặc là giữa mắt với sắc; không phải sinh từ tai hay tiếng, hoặc là giữa tai với tiếng; không phải sinh từ mũi hay mùi, hoặc là giữa mũi với mùi; không phải sinh từ lưỡi hay vị, hoặc là giữa lưỡi với vị; không phải sinh từ thân hay xúc, hoặc là giữa thân với xúc; mà Xúc sinh khởi qua 5 môn là thực tính pháp có các duyên tạo tác nương vào các nhân, đó là sự xúc chạm giữa môn và đối tượng thì mới khởi sinh, giống như tiếng dựa vào nhân là việc đánh trống mới khởi sinh được.

DANH SẮC KHÔNG CÓ NĂNG LỰC CỦA CHÍNH MÌNH

Trong danh và sắc này, danh không có năng lực, không có khả năng của riêng mình, không thể ăn, uống, nói năng hoặc hoàn thành một oai nghi nào. Ngay cả sắc cũng thế, không có khả năng hay mong muốn ăn, uống, nói năng hoặc hoàn thành một oai nghi nào cả. Sắc vận hành được phải nhờ danh, danh diễn tiến được cũng nhờ sắc. Khi danh mong cầu điều gì thì sắc vận hành như thế, để làm cho dễ hiểu rõ hơn, các Giáo thọ sư đã nêu ví dụ như sau:

Một người mù bẩm sinh, không thể tự mình nhìn thấy được gì, gặp một

người què, không thể tự mình đi lại được; nếu cả hai người kết hợp với nhau, nghĩa là người mù cõng người què trên lưng, nhờ người què chỉ đường cho mà cả hai người có thể đi tới những nơi theo mong muốn một cách dễ dàng. Nhưng nếu hai người tách rời nhau, không nương nhờ vào nhau thì cả hai không thể đi đến mọi nơi được, bởi vì họ đều là những người khuyết tật. Danh và sắc cũng giống như thế, danh không có năng lực để hoàn thành mọi hành động và sắc cũng không có năng lực để hoàn thành mọi hành động, nhưng các hành động khác nhau ấy được thành tựu nhờ vào việc nương tựa lẫn nhau giữa danh và sắc vậy. Bởi thế, Đức trưởng lão *Buddhadatta* đã viết trong bộ *Abhidhammavātāra*:

"Ubho nissāya gacchanti Manussā nāvā ca aṇṇave
Evaṃ nāmañca rūpañca Ubho aññoññanissitā."

"Người và thuyền nương nhau mới đi trên biển cả được. Cũng vậy danh và sắc, cả hai phải nương tựa lẫn nhau."

Hành giả có niệm, quán sát đối tượng danh sắc đến mức tách được danh, được sắc và thấy rõ rằng chỉ có danh với sắc mà thôi, ngoài danh và sắc ra, không có gì nữa cả. Sở dĩ như thế bởi vì hành giả quyết tâm rất tốt mới thấy được; nếu không quyết tâm quán sát, không có định tâm thì không thể thấy biết như vậy được. Do tâm được yên tịnh, xa rời các pháp chướng ngại (Nīvaraṇa – Triền cái) nên danh sắc mới hiển lộ, và khi hiển lộ sắc sẽ hiển lộ trước và danh sẽ hiển lộ theo sau.

Trong việc tiến tu Minh sát và đạt đến Tuệ thứ nhất là *Tuệ phân biệt danh sắc (Nāmarūpapariccheda ñāṇa)*, để ngăn ngừa sự hiểu lầm về sau, Đức *Saddhammajotika* đã hướng dẫn cụ thể như sau:

"Được gọi là đạt đáo *Tuệ phân biệt danh sắc*, nghĩa là trí tuệ quán sát danh sắc một cách rõ ràng như đã nêu, và cần hiểu rằng phải là thấy biết bằng trí tuệ khởi sinh từ việc tu tiến của chính mình, không phải từ việc học được theo Pháp học (Pariyattidhamma) mà biết rằng sắc là như thế, danh là như thế, có số lượng như này, như này, rồi dùng trí nghĩ suy theo như giáo trình đã nêu lên, xong lại suy nghĩ trong tâm rằng sắc là như này, danh là như này. Việc học tập và tự nghĩ suy kiểu như này không phải là Minh sát tuệ, bởi vì việc tự suy, tự nghĩ như vậy chỉ là *Văn tuệ (Sutamayapaññā)* là trí tuệ thành tựu do việc học hỏi, nghe pháp và chỉ là *Tư tuệ (Cintamayapaññā)* là trí tuệ thành tựu do việc tư duy suy nghĩ của bản thân mà thôi; chưa đạt đến *Tu tuệ (Bhāvanāmayapaññā)* là trí tuệ thành tựu do việc tu tiến Minh sát tuệ – trí tuệ vi tế, tối thượng, thâm sâu – vì là trí tuệ có thể đoạn trừ phiền não, ái dục như sở nguyện".

Do vậy, cần phải hiểu rằng cái thấy, cái biết trong việc thực hành Minh sát là cái thấy, cái biết khởi sinh từ việc tu tập Minh sát tuệ một cách trực tiếp; không phải là cái thấy, cái biết khởi sinh từ việc tự suy, tự nghĩ, tự phỏng đoán, là những cái thấy biết không chắc chắn. Còn cái thấy biết khởi sinh từ việc tu tập Minh sát tuệ mà đang đề cập đến ở đây là cái thấy biết chắc chắn tuyệt đối, đấy mới là *Tu tuệ* thật sự bởi vì có khả năng đoạn trừ phiền não, ái dục là điểm mấu chốt cuối cùng.

Khi hành giả cảm nhận được rằng chỉ có danh với sắc mà thôi, không có tôi, ta, người; sự thấu hiểu đúng như thế sẽ đoạn trừ được *Thân kiến (Sakkāyadiṭṭhi)*, và được gọi là *Kiến thanh tịnh (Diṭṭhivisuddhi)*, tức là thấy biết thanh tịnh.

Một khi hành giả có khả năng thấy rõ danh-sắc như chân như thật sẽ đoạn trừ được *chúng sinh tưởng (sattasaññā)*, là sự lầm tưởng cho rằng có chúng sinh, có con người và hành giả an trú nơi không còn mê lầm. Đó là sự thấy biết thanh tịnh (*Kiến thanh tịnh*), hoặc gọi là sự quán sát thấy biết danh và sắc (nāmarūpavavaṭṭhāna), hay là sự quán sát phân biệt pháp hữu vi (saṇkhārapariccheda). Tất cả đều là tên gọi của cái thấy danh và sắc theo đúng sự thật.

II. PACCAYAPARIGGAHAÑĀṆA – LIỄU DUYÊN TUỆ

Paccayapariggahañāṇa – Liễu duyên tuệ là trí tuệ quán sát thấy biết *duyên (paccaya)* hay *nhân (hetu)* của danh-sắc theo đúng sự thật. Hành giả mong muốn đạt đến *Đoạn nghi thanh tịnh (Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi)* cần tìm hiểu nhân duyên của danh-sắc. Giống như vị bác sĩ phẫu thuật giỏi giang, khi gặp bệnh rồi mới tiếp tục tìm ra căn nguyên của bệnh; hoặc như một người có lòng từ, thấy đứa bé sơ sinh nằm trong ngõ hẻm bèn nghĩ rằng bé này là con của ai nhỉ?

1, Việc tìm nhân của danh-sắc:

Danh-sắc là thực tính pháp có nhân khởi, không thể sinh ra mà không có nhân được. Nếu nói rằng nhân của danh-sắc là thiên chủ thì không phải, bởi vì mọi sự mọi vật ngoài danh sắc ra là không thể có. Hoặc nếu nói rằng danh-sắc chính là thiên chủ, dẫu thế thì danh-sắc cũng phải có nhân khởi vậy.

Khi tìm kiếm nhân của danh-sắc, hành giả cần quán sát nhân của sắc thân trước, rằng thân này không phải sinh trong đóa hoa sen này nọ, cũng không phải sinh nơi ngọc ma-ni các loại, mà sinh khởi giữa bao tử, thức ăn mới và cũ, phía trước là mặt bụng, phía sau là xương sống, bao quanh là ruột già, ruột non, chứa đầy đồ bẩn thỉu, hôi hám, giống con dòi sinh trong chiếc bánh thối rữa, nước bùn dơ uế.

Nhân duyên làm cho sắc pháp sinh khởi gồm 5 pháp: 1. Vô minh (Avijjā), 2. Ái

(Taṇhā), 3. Thủ (Upādāna), 4. Nghiệp (Kamma) và 5. Vật thực (Āhāra). Trong đó, 4 loại đầu là Vô minh, Ái, Thủ và Nghiệp xếp vào *nhân*, còn Vật thực xếp vào *duyên* vì đấy là pháp trợ thủ.

Lại nữa, trong 5 pháp nêu trên, các ngài giáo thọ sư sắp đặt như sau:

• Vô minh, Ái, Thủ là nơi nương tựa của sắc pháp, giống như mẹ là nơi nương tựa của con cái.

• Nghiệp là đấng sinh thành, giống như cha là người làm cho con cái sinh ra.

• Vật thực là pháp trợ lực cho sắc thân này duy trì, giống như người bảo mẫu chăm sóc đứa trẻ.

Khi quán sát nhân duyên của sắc như thế, thì cũng thấy được nhân duyên của danh tiếp theo như vầy: "Nhãn thức tâm sinh khởi do nhờ Nhãn tịnh sắc và Sắc trần", v.v...

Hành giả thấy được nhân duyên của danh-sắc đúng như thật một cách đều đặn và thường xuyên rằng danh-sắc trong hiện tại có nhân duyên như này, ngay cả trong quá khứ và vị lai cũng có nhân duyên dạng như thế. Khi biết được rồi, hành giả sẽ đoạn trừ 16 mối hoài nghi theo 3 thời, cụ thể là:

(01). *Trong quá khứ, ta đã có hay không?*
(02). *Trong quá khứ, ta đã không có hay sao?*
(03). *Trong quá khứ, ta đã là gì?*
(04). *Trong quá khứ, ta đã là thế nào?*
(05). *Trong quá khứ, ta đã là thế nào, rồi đến đây như này?*
(06). *Trong tương lai, ta sẽ có hay không?*
(07). *Trong tương lai, ta sẽ không có hay sao?*
(08). *Trong tương lai, ta sẽ là gì?*
(09). *Trong tương lai, ta sẽ thế nào?*
(10). *Trong tương lai, ta sẽ là thế nào, sau kiếp này?*
(11). *Hiện tại đây, ta có hay không?*
(12). *Hiện tại đây, ta không có hay sao?*
(13). *Hiện tại đây, ta là gì?*
(14). *Hiện tại đây, ta là thế nào?*
(15). *Ta đến từ đâu?*
(16). *Sau khi chết, ta sẽ đi về đâu?*

2, Nhân duyên của danh-sắc theo Vi Diệu Pháp:

Nhân duyên của danh-sắc có 2 loại:

• Sādhāraṇapaccaya – Phổ quát duyên

• Asādhāraṇapaccaya – Phi phổ quát duyên

a, Nhân duyên của danh: 6 môn (dvāra) và 6 trần (ārammaṇa) là *Phổ quát duyên* của danh vì diễn tiến cho mọi trường hợp của danh pháp. Còn các pháp khác như tác ý, v.v... là *Phi phổ quát duyên* của danh vì diễn tiến cho trường hợp riêng của danh mà thôi. Ví dụ: Như thật tác ý trợ duyên cho danh thuộc về thiện, còn Phi như thật tác ý trợ duyên cho danh thuộc về bất thiện; nghiệp trợ duyên cho danh thuộc về quả dị thục, và hộ kiếp trợ duyên cho danh thuộc về duy tác.

b, *Nhân duyên của sắc:* Nghiệp, tâm, thời tiết và vật thực là nhân duyên của sắc pháp. Chỉ có nghiệp quá khứ là duyên trợ là Nghiệp khởi sắc (Kammajarūpa).

Khi quán sát nhân duyên của danh-sắc như vậy thường xuyên, hành giả sẽ biết được danh-sắc trong quá khứ cũng như trong vị lai sẽ diễn tiến như thế và có thể đoạn trừ được 16 mối hoài nghi như đã nêu trên.

3, Quán sát nhân duyên của danh-sắc theo Lý duyên khởi:

Khi thấy sự già và sự hoại diệt của pháp Hữu vi, đó chính là Lão-Tử thì quán sát rằng Lão-Tử sinh khởi là do Sanh. Sanh sinh khởi vì có Hữu, Hữu sinh khởi vì có Thủ, Thủ sinh khởi vì có Ái, Ái sinh khởi vì có Thọ, Thọ sinh khởi vì có Xúc, Xúc sinh khởi vì có Lục xứ, Lục xứ sinh khởi vì có Danh-sắc, Danh-sắc sinh khởi vì có Hành, Hành sinh khởi vì có Vô minh. Đây là sự quán sát theo chiều nghịch, hành giả quán sát và thấy được như thế sẽ đoạn trừ được các mối hoài nghi. Còn quán sát theo chiều thuận sẽ là: Vì có Vô minh là duyên sinh Hành,..., vì có Sanh là duyên sinh Lão-Tử, và như thế, hành giả cũng đoạn trừ được hoài nghi.

a, Quán sát nhân duyên của danh-sắc thông qua nghiệp và quả:

• 5 pháp trong kiếp trước: Vô minh, Hành, Ái, Thủ, Nghiệp hữu là nhân duyên của Tục sinh trong kiếp hiện tại.

• Tục sinh trong kiếp hiện tại gồm Thức, Danh sắc, Lục xứ, Xúc và Thọ là quả của nghiệp đã tạo trong kiếp trước.

• Khi các Xứ đã lớn mạnh, vững chãi trong kiếp này; 5 pháp gồm Vô minh, Hành, Ái, Thủ và Nghiệp hữu là nhân duyên của Tục sinh trong kiếp tiếp theo.

b, Quán sát nhân duyên của danh-sắc thông qua 12 loại nghiệp:

(01). *Nghiệp cho quả theo thời gian:* Gồm có 4 loại:

• Diṭṭhadhammavedanīyakamma – Hiện báo nghiệp: Nghiệp cho quả

trong kiếp này. Chi pháp chính là Tác ý tâm sở (Cetanācetasika) trong Tốc hành tâm (Javanacitta) thứ nhất.

• Upapajjavedanīyakamma – Sanh báo nghiệp: Nghiệp cho quả trong kiếp tiếp sau (kiếp thứ nhì). Chi pháp chính là Tác ý tâm sở trong Tốc hành tâm thứ bảy.

• Aparāpariyavedanīyakamma – Hậu báo nghiệp: Nghiệp cho quả từ kiếp thứ 3 cho đến khi nhập Niết-bàn. Chi pháp chính là Tác ý tâm sở trong các Tốc hành tâm từ thứ 2 đến thứ 6.

• Ahosikamma – Vô hiệu nghiệp: Nghiệp không có cơ hội cho quả.

(02). *Nghiệp cho quả theo tuần tự:* Gồm có 4 loại:

• Garukamma – Trọng yếu nghiệp: Nghiệp cực nặng như giết cha, giết mẹ, tu thiền định đắc quả.

• Āsannakamma – Cận tử nghiệp: Nghiệp trổ lúc gần chết như nhớ đến việc tốt, việc xấu mà mình đã làm khi sắp lìa đời.

• Āciṇṇakamma – Tập quán nghiệp: Nghiệp thường quen làm như bố thí, trì giới, sát sinh, trộm cắp thành thói quen hằng ngày

• Kaṭattākamma – Tích lũy nghiệp: Nghiệp chỉ tạo cho có làm, thường làm rồi mà không lưu tâm, không chú ý nhiều khi thực hiện.

(03). *Nghiệp phân chia theo phận sự:* Gồm có 4 loại:

• Janakakamma – Sanh nghiệp: Nghiệp dẫn dắt sinh khởi tại Thời tục sinh và Thời thường nhật.

• Upatthambhakakamma – Trì nghiệp: Nghiệp làm phận sự trợ lực, giúp đỡ việc trổ quả của các nghiệp khác.

• Upapīḷakakamma – Chướng nghiệp: Nghiệp hãm hại, ngăn cản nghiệp đối nghịch, kìm hãm danh-sắc, ngũ uẩn của nghiệp đối nghịch ấy.

• Upaghātakakamma – Đoạn nghiệp: Nghiệp sát hại, cắt đứt nghiệp khác, và sát hại, cắt đứt danh-sắc, ngũ uẩn là quả của nghiệp khác

Nhân loại hiểu biết đến các đặc tính và phận sự của 12 loại nghiệp nêu trên là nhờ vào trí tuệ hiểu biết về nghiệp quả của chư Phật; riêng các hành giả tiến tu Minh sát tuệ thì chỉ có thể hiểu biết một vài phần nào mà thôi.

Danh-sắc là quả của nghiệp, do vậy nhân duyên của danh-sắc chính là *Nghiệp luân (Kammavaṭṭa)*. Khi quán sát nhân duyên của danh-sắc theo *Nghiệp luân*

và *Quả luân (Vipākavaṭṭa)* thì hành giả sẽ thấy rằng danh-sắc tại thời điểm này diễn tiến theo nhân duyên, ngay cả trong quá khứ và vị lai cũng diễn tiến như thế. Thậm chí nghiệp và quả của nghiệp, nghiệp luân và quả luân, sự vận hành của nghiệp và sự diễn tiến của quả, sự tiếp nối của nghiệp và sự tiếp nối của quả cũng tiến hành cùng một kiểu cách như vậy. Bởi thế, trong bộ *Thanh Tịnh Đạo* có nêu:

"Kammā vipākā vattanti Vipāko kammasambhavo
Kammā punabbhavo hoti Evaṃ loko pavattati."

"Các quả diễn tiến bởi nghiệp, quả sinh từ nghiệp và kiếp sống mới cũng phát sinh từ nghiệp, thế gian luân chuyển do nghiệp và quả như vậy."

Khi hành giả quán sát nhân duyên của danh-sắc theo nghiệp và quả thường xuyên, 16 mối hoài nghi khởi sinh trong 3 Hữu (Bhava), 4 Loài (Yoni), 5 Cảnh đến (Gati), 7 Thức trú (Viññāṇaṭhiti), 9 Hữu tình cư (Sattāvāsa), v.v... sẽ biến mất, chỉ còn hiện hữu danh-sắc mà thôi. Danh-sắc này sẽ diễn tiến theo mối tương quan giữa nhân và quả, không có người tạo tác và người dụng nạp nào cả. Hành giả, khi đã thấy như thế, gọi là thấy bằng trí tuệ đúng đắn. Tuy nhiên, khi hiểu rõ nhân quả, bậc thức giả vẫn phải nói theo chế định để truyền thông rằng: "có người tạo tác", "có người dụng nạp". Cho nên, chư vị tiền bối đã nêu:

"Kammassa kārako natthi Vipākassa ca vedako
Suddhadhammā pavattanti Evetaṃ sammadassanaṃ."

"Không có người tạo nghiệp và cũng không có người nhận quả, thuần chỉ có pháp diễn tiến mà thôi. Đấy là chánh kiến."

Việc quán sát thấy nhân duyên của danh-sắc theo nghiệp luân và quả luân rồi đoạn trừ được các mối hoài nghi trong 3 thời, xem như thấu hiểu pháp cả trong quá khứ, hiện tại lẫn vị lai. Sự thấy biết như vậy, gọi là ***Ñātapariññā – Trí liễu tri***, là trí tuệ thấu hiểu trạng thái riêng của mỗi danh pháp, sắc pháp.

VÍ DỤ VỀ NHÂN VÀ QUẢ

Các uẩn sinh khởi trong quá khứ do nghiệp làm duyên cũng đã diệt rồi. Về phần các uẩn sinh khởi trong kiếp hiện tại là một nhóm khác, không phải là các uẩn có từ quá khứ. Cũng vậy, các uẩn sẽ sinh khởi trong kiếp vị lai lại là một nhóm khác nữa, không phải là các uẩn có từ kiếp này. Ví dụ như:

(01). Cách tụng kinh của đệ tử với cách tụng kinh của thầy không giống nhau, không phải là một; nhưng cách tụng kinh của đệ tử có được là nhờ vào cách tụng kinh của thầy làm nhân, làm duyên.

(02). Gương mặt thật được trang điểm với gương mặt được trang điểm xuất hiện trong tấm kính không giống nhau, không phải là một; nhưng gương mặt được trang điểm xuất hiện trong tấm kính có được cũng là nhờ vào gương mặt thật được trang điểm làm nhân, làm duyên.

(03). Lửa của một ngọn đèn đem mồi cho ngọn đèn thứ nhì, lửa của 2 ngọn đèn này không phải là một, chúng không giống nhau; nhưng lửa của ngọn đèn thứ nhì có được là do ngọn đèn thứ nhất làm nhân, làm duyên vậy.

Các pháp trong kiếp quá khứ không theo đến kiếp hiện tại hay kiếp vị lai. Nhưng các uẩn, xứ, giới sinh khởi trong kiếp hiện tại này phải nương vào các uẩn, xứ, giới sinh khởi trong kiếp quá khứ làm nhân, làm duyên; và các uẩn, xứ, giới sẽ sinh khởi trong kiếp vị lai phải nương vào các uẩn, xứ, giới sinh khởi trong kiếp hiện tại làm nhân, làm duyên.

LIỄU DUYÊN TUỆ TRONG DANH XƯNG KHÁC

Tuệ quán thấy rõ nhân duyên của danh-sắc gọi là *Liễu duyên tuệ* thông qua sự sinh diệt của danh-sắc. Một khi năng lực của Liễu duyên tuệ mạnh mẽ hơn lên sẽ có khả năng đoạn trừ 16 mối hoài nghi, chí đến 8 hoài nghi và cả 62 tà kiến cũng làm cho tĩnh lặng.

Sự thấy biết thanh tịnh do vượt qua những hoài nghi trong 3 thời nhờ việc quán sát thấy nhân duyên của danh-sắc gọi là *Đoạn nghi thanh tịnh (Kaṅkhāvitaraṇa-visuddhi)*. Việc quán sát thấy biết vững vàng của thực tính pháp là do duyên sinh, gọi là Pháp trụ trí (Dhammaṭhitiñāṇa). Việc quán sát thấy danh-sắc đúng như chân như thật gọi là Như thật trí (Yathābhūtañāṇa). Sự thấy biết chân chánh gọi là Chân kiến (Sammādassana). Cả 3 từ: Pháp trụ tuệ (Dhammaṭhitiñāṇa), Như thật trí (Yathābhūtañāṇa), và Chân kiến (Sammādassana) đều cùng mang ý nghĩa như từ: *Đoạn nghi thanh tịnh (Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi).*

QUẢ BÁU CỦA LIỄU DUYÊN TUỆ

Hành giả tiến tu Minh sát tuệ đến lúc trí tuệ vững chãi, thấy danh-sắc rõ ràng, có thể biết chắc rằng cả danh lẫn sắc ấy đều là nhân, là quả, là duyên qua lại với nhau. Nghĩa là, danh là nhân, sắc là quả hoặc ngược lại sắc là nhân, danh là quả; nào có đâu tôi, ta, người, chúng sinh, v.v... Khi đó, hành giả thoát khỏi mọi sự hoài nghi, gọi là *Đoạn nghi thanh tịnh*.

Giá trị của trí tuệ này trong Phật giáo gọi là ***Cūḷasotāpanna – Tiểu Nhập Lưu***, là bậc được nhẹ lòng khi lìa trần trong kiếp này. Thật vậy, nếu trí tuệ mà hành giả đã đạt được không bị suy thoái thì trong kiếp tới, nối tiếp với kiếp này, hành giả sẽ tục sinh vào Lạc cảnh (Sugatibhūmi), không bị đọa vào 4 Khổ cảnh một cách chắc chắn. Tuy nhiên, ở kiếp tiếp theo, tức là kiếp thứ ba thì không chắc là đọa hay không đọa vào 4 đường ác nữa. Nếu hành giả muốn đóng cửa 4 Khổ cảnh tuyệt đối thì phải tinh cần nỗ lực, tiến tu Minh sát miên mật đến khi đắc được Thánh đạo, Thánh quả, sẽ không còn rơi vào các đọa xứ. Đúng như trong *Thanh Tịnh Đạo* đã dạy:

"Iminā pana ñāṇena samannāgato vipassako buddhasāsane laddhassāso laddhapatiṭṭho niyatagatiko cūḷasotāpanno nāma hoti."

"Hành giả đạt đáo tuệ này rồi, sẽ được nhẹ lòng, có nơi nương tựa trong Phật giáo, có nơi tái sinh chắc chắn, gọi là Tiểu Nhập Lưu."

Trong *Visuddhimaggamahāṭīkā* cũng nêu rõ:

"Aparihīṇakaṅkhāvitaraṇavisuddhiko vipassako lokiyāhi sīlasamādhipaññā-sampadāhi samannāgatattā uttariṃ appaṭivijjhanto sugatiparāyaṇo ca hotī'ti vuttaṃ 'niyatagatiko'ti. Tato yeva cūḷasotāpanno nāma hoti."

"Hành giả tiến tu Minh sát, là bậc có đoạn nghi thanh tịnh chưa đoạn tận, chưa thấu suốt tột độ vì là bậc song hành với giới định tuệ hiệp thế, và là bậc đi đến lạc cảnh trong kiếp tới, nên được gọi là 'có nơi tái sinh chắc chắn'. Do vậy, có danh xưng là 'Tiểu Nhập Lưu'."

III. SAMMASANAÑĀṆA – THẨM SÁT TUỆ

Trí tuệ quán sát thấy biết danh-sắc theo Tam tướng (Tilakkhaṇa) khởi sinh đến hành giả tinh cần, nỗ lực tiến tu Minh sát, gọi là ***Sammasanañāṇa – Thẩm sát tuệ***.

Pāḷi định nghĩa:

* ***Khandhādīnaṃ kalāpato sammasanasappavattaṃ ñāṇaṃ sammasanañāṇaṃ.***
Trí tuệ diễn tiến do năng lực quán sát các pháp như uẩn, v.v... theo khối, nhóm, gọi là *sammasanañāṇa*, dịch là *thẩm sát tuệ*.

Chi pháp chính là *Tuệ tâm sở (Paññācetasika)* trong 4 Đại thiện tâm hợp trí.

Hành giả tiến tu *Thẩm sát tuệ*, có nguyện vọng chứng đạt *Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh (Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi)*, trước hết cần có sự nỗ lực, tinh cần quán sát thực tính pháp là khối, là nhóm (kalāpasammasana). Khi các Tùy phiền não (Vipassanūpakilesa), ví dụ như ánh sáng, v.v... phát sinh đến hành giả, điều này cho thấy *Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh* cũng đã khởi sinh và *Khối thẩm sát tuệ (Kalāpa-*

sammasanañāṇa) mới là trí tuệ khởi đầu của Minh sát tuệ.

Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh sinh khởi và diễn tiến theo ***Tīraṇapariññā* – *Thẩm liễu tri***. Loại liễu tri này khởi sinh tiếp nối sau *Trí liễu tri*, bởi thế, hành giả có nguyện vọng chứng đạt *Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh* phải tinh cần tu tiến, quán sát thực tánh pháp liên quan đến khối, nhóm trước hết.

1, Lokiyapariññā – Hiệp thế liễu tri:

Đây là sự quán sát thấy biết trạng thái của các pháp thế gian, gồm có 3 loại:

- Ñātapariññā – Trí liễu tri: Sự quán sát bằng cách thấy biết rõ
- Tīraṇapariññā – Thẩm liễu tri: Sự quán sát thấy biết bởi cân nhắc, xem xét
- Pahānapariññā – Đoạn liễu tri: Sự quán sát thấy biết bởi đoạn trừ

- Trí tuệ quán sát thấy đặc tính của các pháp; chẳng hạn sắc có đặc tính suy thoái, tiêu hoại, thọ có đặc tính dụng nạp đối tượng, v.v... gọi là Trí liễu tri.

- Trí tuệ lấy Tam tướng làm đối tượng, nghĩa là, lấy các pháp đưa vào các tính chất chung; chẳng hạn sắc là vô thường, thọ là vô thường, v.v... gọi là Thẩm liễu tri.

- Trí tuệ lấy Tam tướng làm đối tượng và diễn tiến cùng với sự đoạn trừ các điên đảo vọng tưởng, như thường tưởng (niccasaññā), v.v... gọi là Đoạn liễu tri.

2, Minh sát tuệ trong các liễu tri:

Trong cả 3 loại liễu tri ấy, tính từ *Danh-sắc phân biệt tuệ* đến *Liễu duyên tuệ* thuộc về Trí liễu tri, bởi vì giai đoạn này là giai đoạn thấu suốt đặc tính riêng của các pháp ấy.

Từ *Thẩm sát tuệ* đến *Sinh diệt tuệ* thuộc về Thẩm liễu tri, bởi vì giai đoạn này là giai đoạn thấu suốt đặc tính chung.

Từ *Hoại diệt tuệ* đến *Thuận thứ tuệ* và các tuệ bậc cao *(Đạo tuệ)* thuộc về Đoạn liễu tri, bởi vì giai đoạn này là giai đoạn sinh khởi của 7 Tùy quán, khiến cho thành tựu các phận sự. Đó là đoạn trừ các sự nhớ tưởng sai lầm, cụ thể là:

(01). *Khi thường xuyên thấy với tính vô thường sẽ đoạn trừ được sự nhớ tưởng là thường (thường tưởng)*

(02). *Khi thường xuyên thấy với tính khổ não sẽ đoạn trừ được sự nhớ tưởng là lạc (lạc tưởng)*

(03). *Khi thường xuyên thấy với tính vô ngã sẽ đoạn trừ được sự nhớ tưởng là có ngã (ngã tưởng)*

(04). *Khi chán nản sẽ đoạn trừ được sự thích thú, hân hoan (yểm ly tùy quán)*

(05). *Khi rời xa đắm nhiễm sẽ đoạn trừ được tham ái (ly tham tùy quán)*
(06). *Khi diệt tận sẽ đoạn trừ được nhân làm sinh khởi (đoạn diệt tùy quán)*
(07). *Khi buông bỏ sẽ đoạn trừ được chấp thủ (xả ly tùy quán)*

Hành giả thành tựu Trí liễu tri vì đã làm cho *Danh sắc phân biệt tuệ* và *Liễu duyên tuệ* khởi sinh. Hai loại liễu tri kế tiếp, hành giả cũng cần đạt đáo, bởi vì Thẩm liễu tri sẽ sinh khởi tiếp sau Trí liễu tri. Khi Thẩm liễu tri đang vận hành thì *Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh* cũng khởi sinh. Do vậy, hành giả có nguyện vọng chứng đạt *Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh* phải tinh cần, nỗ lực trong việc quán sát thực tánh pháp thông qua sự quán sát nhóm, khối trước nhất.

3, Đối tượng của Thẩm sát tuệ:

Các pháp nào là khối, là nhóm, thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai, bên trong, bên ngoài, thô, tế, hạ liệt, thù thắng, gần, xa, diễn tiến trong môn cùng với môn và đối tượng phải quán sát bằng trí tuệ qua tính vô thường, khổ não, vô ngã. Các pháp ấy gồm 25 nhóm:

(01). *05 Khandha – Uẩn*
(02). *06 Dvāra – Môn*
(03). *06 Ārammaṇa – Trần cảnh*
(04). *06 Viññāṇa – Thức*
(05). *06 Phassa – Xúc*
(06). *06 Vedanā – Thọ*
(07). *06 Saññā – Tưởng*
(08). *06 Cetanā – Tác ý*
(09). *06 Taṇhā – Ái*
(10). *06 Vitakka – Tầm*
(11). *06 Vicāra – Tứ*
(12). *06 Dhātu – Giới*
(13). *10 Kasiṇa – Biến xứ*
(14). *32 Koṭṭhāsa – Thể trược*
(15). *12 Āyatana – Xứ*
(16). *18 Dhātu – Giới*
(17). *22 Indriya – Căn*
(18). *03 Dhātu – Giới*[(1)]
(19). *03 Bhava – Hữu*[(2)]
(20). *03 Bhava – Hữu*[(3)]
(21). *03 Bhava – Cảnh giới*[(4)]
(22). *04 Rūpajjhāna – Sắc thiền*
(23). *04 Appamaññā – Vô lượng*
(24). *04 Arūpasamāpatti – Vô sắc định*
(25). *12 Paṭiccasamuppāda – Duyên khởi*

Chú thích:

(18). *03 Dhātu – Giới*[(1)] = Kāmadhātu – Dục giới
Rūpadhātu – Sắc giới
Arūpadhātu – Vô sắc giới

(19). *03 Bhava – Hữu*[(2)] = Kāmabhava – Dục hữu
Rūpabhava – Sắc hữu
Arūpabhava – Vô sắc hữu

(20). *03 Bhava – Hữu*[(3)] = Saññābhava – Tưởng hữu

Asaññābhava – Vô tưởng hữu
Nevasaññānāsaññābhava – Phi tưởng phi phi tưởng hữu

(21). *03 Bhava – Cảnh giới*[4] = Ekavokārabhava – Nhất uẩn cảnh giới
Catuvocārabhava – Tứ uẩn cảnh giới
Pañcavocārabhava – Ngũ uẩn cảnh giới

Trong bộ *Thanh Tịnh Đạo*, phần *Thẩm Sát Tuệ* phân ra 25 nhóm nêu trên, tổng là 201 pháp, mỗi pháp gồm 11 loại (quá khứ, hiện tại, vị lai, v.v...) thành 2211 loại pháp. Mỗi loại pháp đều có 3 trạng thái là Vô thường, Khổ não, Vô ngã, và mỗi trạng thái là một *Thẩm sát tuệ*, như vậy tổng cộng 6633 loại *Thẩm sát tuệ*.

4, Thẩm sát tuệ riêng biệt:

Phương pháp quán sát biết pháp một cách riêng biệt của *Thẩm sát tuệ* gồm 11 loại. Dưới đây là ví dụ về sự quán sát trạng thái Vô thường của Sắc uẩn theo 11 loại:

(01). *Sắc uẩn nào trong quá khứ:* Sắc uẩn ấy đã diệt trong quá khứ, không sót lại đến hiện tại. Do vậy, Sắc uẩn ấy là vô thường, vì có sự diệt mất.

(02). *Sắc uẩn nào trong vị lai:* Sắc uẩn ấy sẽ diệt trong vị lai, không còn sót lại sắc sau khác. Do vậy, Sắc uẩn ấy là vô thường, vì sẽ diệt mất.

(03). *Sắc uẩn nào trong hiện tại:* Sắc uẩn ấy diệt trong hiện tại, không còn sót lại đến vị lai. Do vậy, Sắc uẩn ấy là vô thường, vì đã diệt mất.

(04). *Sắc uẩn nào thuộc về bên trong:* Sắc uẩn ấy diệt ngay bên trong, không còn sót lại đến sắc bên ngoài. Do vậy, Sắc uẩn ấy là vô thường, vì đã diệt mất.

(05). *Sắc uẩn nào thuộc về bên ngoài:* Sắc uẩn ấy diệt ngay bên ngoài, không còn sót lại đến sắc bên trong. Do vậy, Sắc uẩn ấy là vô thường, vì đã diệt mất.

(06). *Sắc uẩn nào là sắc thô:* Sắc uẩn ấy diệt ngay khi là sắc thô, không còn sót lại đến sắc tế. Do vậy, Sắc uẩn ấy là vô thường, vì đã diệt mất.

(07). *Sắc uẩn nào là sắc tế:* Sắc uẩn ấy diệt ngay khi là sắc tế, không còn sót lại đến sắc thô. Do vậy, Sắc uẩn ấy là vô thường, vì đã diệt mất.

(08). *Sắc uẩn nào là sắc thấp hèn:* Sắc uẩn ấy diệt ngay khi là sắc thấp hèn, không còn sót lại đến sắc cao quý. Do vậy, Sắc uẩn ấy là vô thường, vì đã diệt mất.

(09). *Sắc uẩn nào là sắc cao thượng:* Sắc uẩn ấy diệt ngay khi là sắc cao thượng, không còn sót lại đến sắc thấp hèn. Do vậy, Sắc uẩn ấy là vô thường, vì đã diệt mất.

(10). *Sắc uẩn nào là sắc xa:* Sắc uẩn ấy diệt ngay khi là sắc xa, không còn

sót lại đến sắc gần. Do vậy, Sắc uẩn ấy là vô thường, vì đã diệt mất.

(11). *Sắc uẩn nào là sắc gần:* Sắc uẩn ấy diệt ngay khi là sắc gần, không còn sót lại đến sắc xa. Do vậy, Sắc uẩn ấy là vô thường, vì đã diệt mất.

Cả 11 loại này đều là *Thẩm sát tuệ* khi quán sát Sắc uẩn theo trạng thái *Vô thường*. Cũng vậy, khi quán sát Sắc uẩn theo trạng thái *Khổ não* (vì đáng kinh sợ) sẽ có 11 loại và theo trạng thái *Vô ngã* (vì không có cốt lõi) cũng có 11 loại. Tổng cộng, khi quán sát Sắc uẩn theo *Tam tướng* sẽ có 33 loại *Thẩm sát tuệ*.

Như vậy, khi quán sát Ngũ uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức uẩn) theo sẽ có tất cả là 165 *Thẩm sát tuệ*.

5, Một dạng khác của Thẩm sát tuệ :

Sự quán sát thấy biết các pháp bằng *Thẩm sát tuệ* theo trạng thái *Vô thường* đã được nêu cụ thể ở trên. Bên cạnh đó, hành giả quán sát theo trạng thái *Khổ não*, bởi vì đó là pháp đáng kinh sợ, hoặc vì có nguy hiểm đối mặt chắc chắn. Pháp nào là vô thường, pháp ấy đem lại sự kinh sợ. Ngay cả việc quán sát thấy biết các pháp theo trạng thái *Vô ngã*, bởi vì là pháp không có cốt lõi, tức là không có ai thường trực ở đó, không có người tạo tác, cũng không có người nhận lãnh, không có quyền lực gì cả. Sắc nào vô thường, sắc ấy là khổ não, không thể ngăn chặn tính vô thường hoặc tính bức bách trước mắt bởi sự sinh và sự diệt. Nếu pháp ấy là ngã thì không thể làm mồi cho bệnh hoạn được. Do vậy, *Thẩm sát tuệ* quán sát các pháp theo Tam tướng tiến hành theo 6 phương cách khác nhau:

(01). *Tuệ trong việc tóm gọn quán sát thấy:* Sắc thuộc về quá khứ, vị lai và hiện tại gọi là Vô thường vì có sự hoại diệt, gọi là Khổ não vì có sự kinh sợ, gọi là Vô ngã vì không có cốt lõi.

(02). *Tuệ trong việc tóm gọn quán sát thấy:* Sắc thuộc về quá khứ, vị lai và hiện tại là pháp Vô thường, do duyên tạo tác, nương duyên khởi sinh, bị hoại diệt là thường, rời xa tham ái là thường, bị diệt tận là thường.

(03). *Tuệ trong việc tóm gọn quán sát thấy:* Do Sanh (Jāti) làm duyên nên có Lão (Jarā) và Tử (Maraṇa), khi không có Sanh thì không có Lão, Tử.

(04). *Tuệ trong việc tóm gọn quán sát thấy:* Cả trong thời quá khứ và thời vị lai, do Sanh làm duyên nên có Lão và Tử; khi không có Sanh thì không có Lão, Tử.

(05). *Tuệ trong việc tóm gọn quán sát thấy:* Do Hữu (Bhava) làm duyên nên có Sanh, v.v..., do Vô minh (Avijjā) làm duyên nên có các Hành (Saṅkhāra). Khi không

có Vô minh thì không có các Hành.

(06). *Tuệ trong việc tóm gọn quán sát thấy:* Cả trong thời quá khứ và thời vị lai, do Vô minh làm duyên nên có các Hành, khi không có Vô minh thì không có các Hành.

Sammasanañāṇa – Thẩm sát tuệ gọi là ***Trí (Ñāṇā)*** vì mang nghĩa là *đã thấy biết*, gọi là ***Tuệ (Paññā)*** vì mang nghĩa là *thấy biết trọn vẹn*.

Phần lớn đối tượng của *Thẩm sát tuệ* là các pháp hiển lộ rõ ràng và quán sát thấy biết một cách dễ dàng, tất cả đều là Hiệp thế pháp (Lokiyadhamma), ngoại trừ các Siêu thế pháp (Lokuttaradhamma).

PHƯƠNG CÁCH TIẾN TU MINH SÁT TUỆ CAO HƠN

Hành giả muốn cho Minh sát tuệ tiến triển cao cần đào luyện Ngũ căn (Indriya – Tín, Tấn, v.v...) vững chãi hơn qua 9 phương pháp như sau:

(01). *Tinh cần quán sát thấy rõ sự diệt của các Hành (Danh-sắc) đã khởi sinh*

(02). *Tại thời điểm thấy rõ sự diệt của các Hành cần nỗ lực thiết lập Niệm*

(03). *Tinh cần làm cho Minh sát tuệ sinh khởi liên tục*

(04). *Tinh cần làm cho Minh sát tuệ tiến triển thuận lợi*

(05). *Tinh cần làm cho Minh sát tuệ ấy quán sát ấn tướng (nimitta) của Định*

(06). *Tinh cần làm cho Minh sát tuệ tiến triển phù hợp với Thất giác chi*

(07). *Tinh cần để không dính mắc nơi sắc thân và mạng sống*

(08). *Tinh cần để không dính mắc nơi sắc thân và mạng sống bằng cách đè nén (các khổ thọ đang sinh khởi)*

(09). *Tinh cần để không dính mắc nơi sắc thân và mạng sống bằng cách bỏ dở hay ngừng nghỉ giữa chừng, nên tránh xa các pháp bất lợi (7 asappāya) và hành theo các pháp thuận lợi (7 sappāya)*

6, Phương pháp quán sát thấy biết sắc pháp trong Thẩm sát tuệ :

Hành giả cần quán sát sự sinh khởi của sắc pháp, theo lệ thường, sắc khởi sinh do 4 nhân tố là nghiệp, tâm, thời tiết và vật thực. Trong 4 khởi xứ ấy, sắc của mọi chúng sinh đều khởi sinh do nghiệp là trước nhất.

Đối với hàng Thai sanh (Gabbhaseyyaka), tại thời Tục sinh (Upādakkhaṇa – Tiểu sát-na sinh của Paṭisandhicitta – Tục sinh tâm) có 30 sắc pháp khởi sinh:

- 10 Kāyadasakakalāpa – Thân mười sắc khối
- 10 Bhāvadasakakalāpa – Giới tính mười sắc khối
- 10 Vatthudasakakalāpa – Ý vật mười sắc khối

Cả 30 sắc pháp này vẫn tiếp tục khởi sinh tại tiểu sát-na trụ (ṭhitikhaṇa) và tại tiểu sát-na diệt (bhaṅgakkhaṇa) của Tục sinh tâm, chưa diệt đi và tiếp tục sinh khởi thêm tại mỗi tiểu sát-na tâm là 30 sắc pháp như thế cho đến khi có sự thay đổi.

Tuổi thọ của danh (tâm) và sắc khác nhau, tuổi thọ của sắc lâu hơn tuổi thọ của danh. Tiểu sát-na sinh và tiểu sát-na diệt của danh và sắc là như nhau và bằng một tiểu sát-na tâm. Riêng sát-na trụ của sắc bằng 49 tiểu sát-na trụ của danh, tức là 49 tiểu sát-na tâm; và tiểu sát-na trụ của danh bằng một tiểu sát-na tâm. Chẳng hạn, Sắc ý vật (Hadayavatthurūpa) sinh khởi cùng lúc với tiểu sát-na sinh của Tục sinh tâm, chưa diệt đi và đang còn duy trì sẽ là nơi nương tựa của Hộ kiếp tâm thứ nhất. Cũng vậy, Sắc ý vật sinh khởi cùng lúc với Hộ kiếp tâm thứ nhất, chưa diệt đi và đang còn duy trì sẽ là nơi nương tựa của Hộ kiếp tâm thứ nhì.

Với người sắp chết, 16 tâm sẽ sinh khởi nương nhờ một Sắc ý vật đã khởi sinh trước đó và đang còn duy trì. Sắc pháp sinh khởi ở tiểu sát-na sinh của Tục sinh tâm sẽ cùng diệt với tâm thứ 16 tính từ Tục sinh tâm trở đi. Còn sắc pháp sinh khởi ở tiểu sát-na trụ của Tục sinh tâm sẽ diệt cùng với tiểu sát-na sinh của tâm thứ 17 tính từ Tục sinh tâm. Cũng vậy, sắc pháp sinh ở tiểu sát-na diệt của Tục sinh tâm sẽ diệt cùng với tiểu sát-na trụ của tâm thứ 17 tính từ Tục sinh tâm.

Kết lại, diễn tiến của danh pháp đến lúc nào thì sắc pháp cũng diễn tiến đến lúc ấy. Thậm chí cả loài Hóa sanh (Opapātika), tại tiểu sát-na sinh của Tục sinh tâm cũng có đến 70 sắc pháp khởi sinh, đó là: 10 Nhãn mười sắc khối, 10 Nhĩ mười sắc khối, 10 Tỷ mười sắc khối, 10 Thiệt mười sắc khối, 10 Thân mười sắc khối, 10 Giới tính mười sắc khối, 10 Ý vật mười sắc khối.

a, Phân tích Nghiệp khởi sắc: Nghiệp bao gồm 13 Hiệp thế thiện tác ý (Lokiyakusalacetanā) (trừ 4 Vô sắc thiện) và 12 Bất thiện tác ý (Akusalacetanā), cộng thành 25 tác ý.

• *Nghiệp khởi xứ sắc (Kammasamuṭṭhānikarūpa)*, *Nghiệp duyên sắc (Kammapaccayarūpa)* là sắc pháp khởi sinh do nghiệp, có nghiệp trợ duyên gọi là Nghiệp khởi sắc (Kammajarūpa) bao gồm 18 sắc pháp: 5 sắc Tịnh, 2 sắc Giới tính, 1 sắc Ý vật, 1 sắc Mạng căn, 8 sắc Bất ly, 1 sắc Chân không. Nói theo sắc khối thì có 9 sắc khối: Nhãn mười sắc khối, Nhĩ mười sắc khối, Tỷ mười sắc khối, Thiệt mười sắc khối, Thân mười sắc khối, Nữ tính mười sắc khối, Nam tính mười sắc khối, Ý vật mười sắc khối, Mạng căn mười sắc khối.

• *Nghiệp duyên tâm khởi xứ sắc (Kammapaccayacittasamuṭṭhānikarūpa)* là Tâm khởi sắc (Cittajarūpa) có nghiệp làm nền tảng. Nghĩa là, sắc pháp sinh khởi từ các

tâm quả dị thục (Vipākacitta). Các tâm quả dị thục này là quả dị thục của các Thiện tâm hoặc Bất thiện tâm, kết hợp với Tác ý tâm sở – pháp tạo nghiệp.

• *Nghiệp duyên vật thực khởi xứ sắc (Kammapaccayāhārasamuṭṭhānaikarūpa)* là Vật thực khởi sắc (Āhārajarūpa) có nghiệp làm nền tảng. Đó là sắc Dưỡng tố (Ojārūpa) trong 9 Nghiệp khởi sắc khối (Kammajakalāpa) tại thời điểm đang duy trì, giúp cho các sắc khối khác khởi sinh; và sắc Dưỡng tố ở trong các sắc khối ấy, tại thời điểm đang duy trì sẽ làm cho các sắc khối khác khởi sinh nữa, nối tiếp nhau như thế 4 hoặc 5 lần.

• *Nghiệp duyên thời tiết khởi xứ sắc (Kammapaccayūtusamuṭṭhānikarūpa)* là Thời tiết khởi sắc (Utujarūpa) có nghiệp làm nền tảng. Nghĩa là, Hỏa đại (Tejodhātu) trong 9 Nghiệp khởi sắc khối (Kammajakalāpa) tại thời điểm đang duy trì, giúp cho các Thời tiết khởi sắc khối khác khởi sinh; và Hỏa đại ở trong các sắc khối ấy, tại thời điểm đang duy trì sẽ làm cho các sắc khối khác khởi sinh nữa, nối tiếp nhau như thế 4 hoặc 5 lần.

b, Phân tích Tâm khởi sắc: Tâm bao gồm 75 tâm (trừ 10 Ngũ song thức tâm và 4 Vô sắc giới quả tâm) là nhân làm sắc khởi sinh như sau:

• 13 tâm là: 4 Tham căn tâm thọ hỷ (Somanassalobhamūlacitta), 1 Tiếu sanh tâm (Hasituppādacitta), 4 Duy tác tâm thọ hỷ (Somanassakiriyācitta) làm Tâm khởi sắc liên quan đến sự cười sinh ra.

• 02 tâm là: 2 Sân căn tâm (Dosamūlacitta) làm Tâm khởi sắc liên quan đến sự khóc sinh ra.

• 32 tâm là: 1 Ý môn hướng tâm (Manodvārāvajjanacitta), 29 Dục giới tốc hành tâm (Kāmajavanacitta), 2 Thắng trí tâm (Abhiññācitta) làm Tâm khởi sắc liên quan đến các tiểu oai nghi, 4 đại oai nghi và sự nói năng sinh ra.

• 58 tâm là: 1 Ý môn hướng tâm, 29 Dục giới tốc hành tâm, 2 Thắng trí tâm, 26 An chỉ tốc hành tâm (Appanājavanacitta) làm Tâm khởi sắc liên quan đến 4 đại oai nghi ổn định sinh ra.

• 16 tâm là: 10 Ngũ song thức tâm, 1 Tục sinh tâm của tất cả chúng sinh, 1 Tử tâm của bậc Thánh A-ra-hán, 4 Vô sắc giới quả tâm (Arūpavacaravipākacitta) không làm cho Tâm khởi sắc sinh ra.

Như vậy, *Tâm khởi xứ sắc (Cittasamuṭṭhānikarūpa)* là các sắc pháp có tâm làm nền tảng bao gồm 15 Tâm khởi sắc (Cittajarūpa): sắc Âm thanh (Saddarūpa), 2 sắc Cử động (Viññattirūpa), 3 sắc Biến chuyển (Vikārarūpa), 8 sắc Bất ly (Avinibbhogarūpa), 1 sắc Chân không (Paricchedarūpa).

Còn *Tâm duyên sắc (Cittapaccayarūpa)* là sắc pháp có tâm trợ duyên, bao gồm

Tam thân sinh (Tijakāya) hoặc Tứ thân sinh (Catujakāya) khởi sinh trước, tâm và tâm sở sinh ra sau làm *Hậu sinh duyên* (Xem Vi Diệu Pháp Toát Yếu, Tập VIII, trang 108).

c, Phân tích Vật thực khởi sắc: Vật thực (Āhāra) ở đây chính là Đoàn thực, tức là sắc Dưỡng tố (Ojārūpa).

Sắc pháp có vật thực làm nền tảng gọi là *Āhārasamuṭṭhānikarūpa – Vật thực khởi xứ sắc*; bao gồm 12 Vật thực khởi sắc (Āhārajarūpa): 3 sắc Biến chuyển, 8 sắc Bất ly, 1 sắc Chân không.

• *Vật thực duyên sắc (Āhārapaccayarūpa)* là sắc pháp có vật thực làm trợ duyên. Đó là Tam thân sinh (Tijakāya) hoặc Tứ thân sinh (Catujakāya) sinh khởi do có vật thực trợ duyên.

• *Vật thực duyên vật thực khởi xứ sắc (Āhārapaccayāhārasamuṭṭhānikarūpa)* là Vật thực khởi sắc có vật thực làm nền tảng, bao gồm Dưỡng tố ở trong *Vật thực khởi sắc khối (Āhārajakalāpa)* tại thời điểm đang duy trì, làm cho các *Vật thực khởi sắc khối* khác khởi sinh tiếp tục như thế 10 đến 12 lần. Chẳng hạn như thức ăn mà chúng ta ăn vào sẽ trợ lực cho sắc pháp trong cơ thể sống được 7 ngày, nếu là vật thực của chư thiên ăn vào sẽ nuôi mạng các vị suốt 1 đến 2 tháng.

Vật thực khởi sắc khởi sinh do nghiệp được gọi là *Upādinnakāhāra – Chấp thủ vật thực* (vì là Vật thực khởi sắc sinh khởi với chúng sinh có mạng sống). Tại thời điểm *Chấp thủ vật thực* đang duy trì, khiến cho sắc Dưỡng tố và các Vật thực khởi sắc khác khởi sinh theo, tiếp tục như thế 4 đến 5 lần.

• *Vật thực duyên thời tiết khởi xứ sắc (Āhārapaccayūtusamuṭṭhānikarūpa)* là Vật thực khởi sắc có thời tiết làm nền tảng. Đó chính là Hỏa đại (Tejodhātu) có trong Vật thực khởi sắc khối và tại thời điểm đang duy trì ấy sẽ giúp cho Thời tiết khởi sắc khối khởi sinh.

Vật thực khởi xứ này làm trợ duyên cho Vật thực khởi sắc khởi sinh và trợ duyên cho Nghiệp khởi sắc, Tâm khởi sắc và Thời tiết khởi sắc khởi sinh theo do năng lực của *Y chỉ duyên (Nissayapaccaya)*, *Vật thực duyên (Āhārapaccaya)*, *Hiện hữu duyên (Atthipaccaya)* và *Bất ly duyên (Avigatapaccaya)*.

d, Phân tích Thời tiết khởi sắc: Thời tiết (Utu) chính là cái nóng và cái lạnh, tức là Hỏa đại (Tejodhātu).

• *Utusamuṭṭhānikarūpa – Thời tiết khởi xứ sắc* là sắc pháp có thời tiết làm nền tảng. Đó là: 13 Thời tiết khởi sắc (Utujarūpa), bao gồm 3 sắc Biến chuyển, 1 sắc Âm thanh (Saddārūpa), 8 sắc Bất ly và 1 sắc Chân không.

• *Utupaccayarūpa – Thời tiết duyên sắc* là sắc pháp do thời tiết trợ duyên, bao gồm cả 4 loại Khởi xứ sắc (Samuṭṭhānarūpa), có sự diễn tiến và sự hoại diệt là thường.

• *Thời tiết duyên thời tiết khởi xứ sắc (Utupaccayūtusamuṭṭhānikarūpa)* là Thời tiết khởi sắc (Utujarūpa) có thời tiết làm nền tảng. Đó chính là Hỏa đại có thời tiết làm nền tảng tại thời điểm đang duy trì, khiến cho Thời tiết khởi sắc khối (Uturajakalāpa) khởi sinh tiếp tục; và Hỏa đại trong Thời tiết khởi sắc khối này cũng làm cho Thời tiết khởi sắc khối phát sinh tiếp nữa. Thời tiết khởi sắc đang sinh khởi với vật không có mạng sống sẽ tiếp diễn mãi mãi như vậy.

• *Thời tiết duyên vật thực khởi xứ sắc (Utupaccayāhārasamuṭṭhānikarūpa)* là Vật thực khởi sắc có thời tiết làm nền tảng. Đó chính là Dưỡng tố có thời tiết làm nền tảng tại thời điểm đang duy trì, khiến cho các sắc khối khác khởi sinh; và Dưỡng tố trong các sắc khối ấy làm cho các sắc khối khác cũng khởi sinh nữa, tiếp tục như thế 10 đến 12 lần.

Thời tiết khởi xứ (Utusamuṭṭhāna) trợ duyên cho Thời tiết khởi sắc khởi sinh và cũng trợ duyên cho Nghiệp khởi sắc sinh khởi, Tâm khởi sắc sinh khởi, Thời tiết khởi sắc sinh khởi theo do năng lực của *Y chỉ duyên (Nissayapaccaya)*, *Hiện hữu duyên (Atthipaccaya)* và *Bất ly duyên (Avigatapaccaya)*.

Khi hành giả thấy được sự sinh khởi của sắc pháp theo như các phần đã được trình bày ở trên, thì được gọi là thấy biết theo thời (kāla), tức là tại một thời điểm hay một sát-na.

7, Phương pháp quán sát thấy biết danh pháp trong Thẩm sát tuệ :

Khi hành giả thực hành quán sát sắc pháp, có thể thấy sự sinh khởi của sắc; và cũng như thế khi hành giả quán sát danh pháp, có thể thấy được sự sinh khởi của danh. Việc thấy được sự sinh khởi của danh pháp cần quán sát 81 Hiệp thế tâm sinh (Lokiyacittuppāda), có 19 Tục sinh tâm sinh (Paṭisandhicittuppāda) sinh ra trước tại Thời tục sinh (Paṭisandhikāla) do năng lực của nghiệp trong Thời tục sinh và do năng lực của nghiệp trong kiếp quá khứ. Sự sinh khởi của 19 Tục sinh tâm sinh được trình bày trong phần Lý Duyên Khởi.

Sự sinh khởi lần đầu của danh pháp chính là 19 Tục sinh tâm sinh, tiếp đó chuyển thể thành Hộ kiếp tâm sinh (Bhavaṅgacittuppāda) và cuối cùng là khi hết tuổi thọ hay chấm dứt mạng sống sẽ chuyển thành Tử tâm (Cuticitta). Trong 19 Tục sinh tâm đó, tâm nào thuộc về Dục giới tâm thì tâm ấy còn làm phận sự Tiếp đối tượng

tâm (Tadālambanacitta) tại thời điểm nhận đối tượng có năng lực mạnh qua 6 môn.

Tuy nhiên, trong Thời thường nhật, khi Sắc trần hiển hiện trước Nhãn môn, với Nhãn tịnh sắc vẫn tốt, nhờ vào ánh sáng và sự lưu tâm (manasikāra) nên Nhãn thức tâm khởi sinh cùng với các pháp tương ưng – là 7 Biến hành tâm sở. Thật vậy, trong khoảng thời gian trụ (ṭhitipatta) của Nhãn tịnh sắc là 49 tiểu sát-na tâm, khi Sắc trần xuất hiện và tiếp xúc với Nhãn tịnh sắc khiến cho các Hộ kiếp tâm khởi sinh là: Hộ kiếp tâm quá khứ, Hộ kiếp tâm rung động rồi Hộ kiếp tâm cắt đứt; rồi Ngũ môn hướng tâm và tiếp đó là Nhãn thức tâm (Thiện quả hoặc Bất thiện quả) sinh khởi nhận đối tượng, kế đến Tiếp thọ tâm sinh ra tiếp nhận đối tượng, Suy đạc tâm khởi sinh xem xét đối tượng, tiếp theo là Xác định tâm sinh ra làm phận sự quyết định đối tượng Sắc trần ấy. Tiếp nữa là Tốc hành tâm khởi sinh liên tiếp 5 hoặc 7 sát-na, chúng là các Dục giới thiện tâm, Dục giới bất thiện tâm hoặc Dục giới duy tác tâm; cuối cùng một Tiếp đối tượng tâm nào đó trong 11 tâm làm phận sự tiếp đối tượng, khởi sinh 2 sát-na tùy phù hợp với Tốc hành tâm.

Ngay cả ở các môn khác trong Ngũ môn cũng có sự diễn tiến của lộ trình tâm nhận đối tượng Ngũ trần như trên. Về phần Ý môn, các Đại hành tâm cũng sinh khởi được khi hành giả có khả năng thấy sự sinh của danh pháp như đã nêu trên, đó gọi là thấy biết danh-sắc theo thời (kāla).

Hành giả thấy biết danh và sắc theo thời như đã nói ở trên, ắt sẽ quán sát thấy Tam tướng theo tuần tự sẽ chứng được *Sinh diệt tuệ (Udayabbayañāṇa)*, có khả năng thành tựu Tuệ quán.

8, Việc quán sát sắc pháp qua Sắc chân đế (Rūpaparamattha):

Việc quán sát sắc pháp nhằm thấy rõ Tam tướng có 7 cách như sau:

(01). *Do quán sát sự bám víu và sự buông bỏ*
(02). *Do quán sát sự hoại diệt của sắc trưởng thành theo độ tuổi*
(03). *Do quán sát sắc sinh từ vật thực*
(04). *Do quán sát sắc sinh từ thời tiết*
(05). *Do quán sát sắc sinh từ nghiệp*
(06). *Do quán sát sắc sinh từ tâm*
(07). *Do quán sát sắc trong tự nhiên*

Chư vị Giáo thọ sư tiền bối có nêu:

"Ādānanikkhepanato Vayovuḍḍhatthagāmito
Āhāro ca ututo Kammato cāpi cittato
Dhammatārūpato satta Vitthārena vipassati."

"Hành giả thấy rõ tam tướng theo 7 cách: do sự bám víu và buông bỏ, do sự hoại diệt của sắc trưởng thành theo độ tuổi, do vật thực, do thời tiết, do nghiệp, do tâm và do sắc thiên nhiên."

a, Do quán sát sự bám víu và sự buông bỏ: Ở đây, từ sự bám víu mang nghĩa *Tục sinh (Paṭisandhi)*, từ sự buông bỏ mang nghĩa *Tử (Cuti)*. Quán sát sự bám víu trong các Hành (Saṅkhāra) là một giai đoạn, quán sát sự buông bỏ trong các Hành là một giai đoạn, rồi đưa Tam tướng vào trong các Hành rằng:

Các Hành là vô thường vì:

- Có sinh khởi và suy hoại
- Luôn biến động và thay đổi
- Chỉ tồn tại chốc lát
- Trái nghịch với thường hằng

Các Hành là khổ não vì:

- Bị bức bách thường xuyên
- Có trạng thái khổ não
- Nơi trú ngụ của khổ
- Trái nghịch với an lạc
- Khó chịu đựng
- Là nhân tố mà bất cứ ai cũng không có quyền lực trước 3 điều:
  - Các Hành đã sinh hãy trụ lại
  - Đã trụ lại rồi đừng già lão
  - Đã già lão rồi đừng hoại diệt

Các Hành là vô ngã vì:

- Vật rỗng không
- Vô chủ
- Không theo điều khiển của ai
- Phi ngã

b, Do quán sát sự hoại diệt của sắc trưởng thành theo độ tuổi:

i, *Phân chia 100 năm thành 3 thời:* Hành giả xác định chia đời sống thành 3 thời là thời sơ niên (paṭhamavaya) 33 năm, thời trung niên (majjhimavaya) 33 năm và thời hậu niên (pacchimavaya) 33 năm. Khi đã phân chia tuổi thọ đời người như thế rồi, hành giả quán sát cả 3 thời để thấy rõ Tam tướng như sau:

"Sắc diễn tiến ở thời sơ niên, chưa đến thời trung niên thì đã diệt đi trong thời sơ niên ấy. Vì thế, sắc ấy là vô thường; pháp nào là vô thường, pháp ấy khổ não; pháp nào là khổ não, pháp ấy là vô ngã. Sắc diễn tiến ở thời trung niên, chưa đến thời hậu niên thì đã diệt đi trong thời trung niên ấy. Vì thế, sắc ấy là vô thường, khổ não và vô ngã. Ngay cả sắc diễn tiến suốt 33 năm ở thời hậu niên cũng không thể tồn tại sau cái chết; vì thế, sắc ấy là vô thường, khổ não và vô ngã."

ii, *Phân chia 100 năm thành 10 thời:* Hành giả phân chia 100 năm ra

thành 10 thời kỳ:

(01), *Thời thiếu niên (Maṇḍadasakavaya):* từ 01 tuổi đến 10 tuổi
(02), *Thời thanh niên (Khiḍḍādasakavaya):* từ 10 tuổi đến 20 tuổi
(03), *Thời nhan sắc (Vaṇṇadasakavaya):* từ 20 tuổi đến 30 tuổi
(04), *Thời sức lực (Baladasakavaya):* từ 30 tuổi đến 40 tuổi
(05), *Thời trí tuệ (Paññādasakavaya):* từ 40 tuổi đến 50 tuổi
(06), *Thời suy thoái (Hānidasakavaya):* từ 50 tuổi đến 60 tuổi
(07), *Thời rùn người (Pabbhāradasakavaya):* từ 60 tuổi đến 70 tuổi
(08), *Thời còng lưng (Vaṅkadasakavaya):* từ 70 tuổi đến 80 tuổi
(09), *Thời mê lẫn (Momūhadasakavaya):* từ 80 tuổi đến 90 tuổi
(10), *Thời nằm dài (Sayanadasakavaya):* từ 90 tuổi đến 100 tuổi

Việc phân chia tuổi thọ 100 năm của loài người thành 10 thời kỳ tùy theo thọ mạng của từng giai đoạn. Nếu trong giai đoạn mà thọ mạng giảm thì số lượng năm của mỗi thời kỳ cũng giảm theo. Rồi hành giả quán sát 10 thời kỳ này để thấy sự sinh diệt của sắc pháp như sau:

Sắc diễn tiến ở thời thiếu niên (10 năm đầu tiên), chưa đến thời thanh niên (10 năm thứ nhì) thì đã diệt đi trong thời thiếu niên ấy; vì thế, sắc đó là vô thường, khổ não và vô ngã, v.v... Sắc diễn tiến ở thời nằm dài (10 năm cuối cùng), chưa đến kiếp sau cũng sẽ hoại diệt trong 10 năm của thời nằm dài ấy; vì thế, sắc đó là vô thường, khổ não và vô ngã."

Hành giả có thể chia 100 năm tuổi thọ thành 20 thời kỳ, mỗi thời kỳ 5 năm; hoặc hành giả có thể chia thành 25 thời kỳ, 33 thời kỳ, 50 thời kỳ hoặc 100 thời kỳ rồi quán sát theo dạng như trên.

iii, *Phân chia 1 năm thành 3 mùa:* Hành giả phân chia 1 năm ra thành 3 mùa là *mùa mưa (vassana)*, *mùa khô (hemanta)* và *mùa nóng (gimanha)*, rồi quán sát như vầy:

"Sắc diễn tiến ở mùa mưa, chưa đến mùa lạnh thì đã diệt đi trong mùa mưa ấy; vì thế, sắc đó là vô thường, khổ não và vô ngã. Sắc diễn tiến ở mùa lạnh, chưa đến mùa nóng thì đã diệt đi trong mùa lạnh ấy; vì thế, sắc đó là vô thường, khổ não và vô ngã. Sắc diễn tiến ở mùa nóng, chưa đến mùa mưa thì đã diệt đi trong mùa nóng ấy; vì thế, sắc đó là vô thường, khổ não và vô ngã."

iv, *Phân chia 1 tháng thành 2 tuần:* Hành giả phân chia 1 tháng thành 2 tuần là *thượng huyền (trăng lên)* và *hạ huyền (trăng xuống)*, rồi quán sát như vầy:

"Sắc diễn tiến ở tuần thượng huyền, chưa đến tuần hạ huyền thì đã diệt đi trong tuần thượng huyền ấy; vì thế, sắc đó là vô thường, khổ não và vô ngã. Sắc diễn tiến ở

tuần hạ huyền, chưa đến tuần thượng huyền thì đã diệt đi trong tuần hạ huyền ấy; vì thế, sắc đó là vô thường, khổ não và vô ngã."

v, *Phân chia 1 ngày thành 2 ban:* Hành giả phân chia 1 ngày thành 2 ban là *ban ngày* và *ban đêm*, rồi quán sát như vầy:

"Sắc diễn tiến ở ban ngày, chưa đến ban đêm thì đã diệt đi trong ban ngày ấy; vì thế, sắc đó là vô thường, khổ não và vô ngã. Sắc diễn tiến ở ban đêm, chưa đến ban ngày thì đã diệt đi trong ban đêm ấy; vì thế, sắc đó là vô thường, khổ não và vô ngã."

vi, *Phân chia 1 ngày thành 6 phần:* Hành giả phân chia 1 ngày thành 6 phần là *buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, canh đầu, canh giữa* và *canh cuối*, rồi quán sát như vầy:

"Sắc diễn tiến ở buổi sáng, chưa đến buổi trưa thì đã diệt đi trong buổi sáng ấy; vì thế, sắc đó là vô thường, khổ não và vô ngã. Sắc diễn tiến ở buổi trưa, chưa đến buổi chiều thì đã diệt đi trong buổi trưa ấy; vì thế, sắc đó là vô thường, khổ não và vô ngã, v.v... Sắc diễn tiến ở canh cuối, chưa đến buổi sáng của ngày hôm sau thì đã diệt đi trong canh cuối ấy; vì thế, sắc đó là vô thường, khổ não và vô ngã."

vii, *Phân chia theo 6 tư thế:* Hành giả phân chia các tư thế của thân thể ra thành 6 loại: *đi tới*, *đi lui*, *nhìn trước*, *ngoái sau*, *co vào* và *duỗi ra*, rồi quán sát như vầy:

"Sắc diễn tiến ở tư thế đi tới, chưa kịp đi lui thì đã diệt đi trong tư thế đi tới ấy, v.v... Sắc diễn tiến ở tư thế co vào, chưa kịp duỗi ra thì đã diệt đi trong tư thế co vào ấy; vì thế, sắc đó là vô thường, khổ não và vô ngã."

viii, *Phân chia bước đi theo 6 công đoạn:* Hành giả phân chia bước đi của mình ra thành 6 loại: *giở (uddharahaṇa)*, *nhấc (atirahaṇa)*, *bước (vītirahaṇa)*, *hạ (vossajjana)*, *đặt (sannikkhepana)*, *đạp (samnirumbhana)*.

Sắc Tứ đại (Mahābhūtarūpa) trong 6 công đoạn bước đi được quy định như sau:

• Trong công đoạn *giở* chân lên, Địa đại và Thủy đại ít và yếu, còn Hỏa đại và Phong đại nhiều và mạnh. Công đoạn *nhấc* và *bước* cũng tương tự như thế.

• Trong công đoạn *hạ* chân xuống, Địa đại và Thủy đại nhiều và mạnh, còn Hỏa đại và Phong đại ít và yếu. Công đoạn *đặt* và *đạp* cũng tương tự như thế.

Rồi hành giả quán sát như vầy:

"Sắc Tứ đại diễn tiến ở công đoạn *giở* chân hoặc cũng như các sắc pháp nương vào sắc tứ đại ấy, các sắc pháp ấy chưa kịp đi đến sông đoạn *nhấc* thì đã diệt đi trong công đoạn *giở* chân ấy; vì thế, tất cả các sắc đó là vô thường, khổ não và vô ngã. Các Hành đã khởi sinh nơi các công đoạn ấy, như việc giở chân chẳng hạn, chưa kịp đến công đoạn khác cũng bị hủy hoại thành từng đoạn, từng phần, tạo thành tiếng lách tách, giống

việc đem những hạt mè đặt lên tấm ngói nung nóng, sẽ có tiếng nổ lách tách và vỡ vụn ra. Vì thế, các Hành là vô thường, khổ não và vô ngã."

Việc quán sát thấy sắc của các Hành theo từng phần như thế là sự quán sát thấy một cách vi tế, và có những ví dụ so sánh như sau:

• Việc biết rằng ngọn đuốc sẽ tắt khi hết dầu và hết tim cũng giống việc quán sát thấy sự diệt của sắc pháp tại thời đoạn của *sự bám víu (Tục sinh)* và tại thời đoạn của *sự buông bỏ (Tử)*.

• Việc biết rằng ngọn đuốc sẽ tắt khi tim bị đốt cháy một trong ba phần giống việc quán sát thấy sự diệt của sắc pháp vào *thời sơ niên*, *thời trung niên* và *thời hậu niên*.

• Việc biết rằng ngọn đuốc sẽ tắt khi tim bị đốt cháy mỗi một đoạn bằng một đốt ngón tay giống việc quán sát thấy sự diệt của sắc pháp vào từng thời kỳ lúc phân chia 100 năm tuổi thọ thành *10 năm, 5 năm, 4 năm, 3 năm, 2 năm và 1 năm*.

• Việc biết rằng ngọn đuốc sẽ tắt khi tim bị đốt cháy mỗi một đoạn bằng nửa đốt ngón tay giống việc quán sát thấy sự diệt của sắc pháp vào từng thời kỳ lúc phân chia 1 năm thành *3 mùa*.

• Việc biết rằng ngọn đuốc sẽ tắt khi tim bị đốt cháy mỗi một sợi chỉ giống việc quán sát thấy sự diệt của sắc pháp vào từng thời kỳ lúc phân chia một tháng thành *2 tuần (thượng huyền và hạ huyền)*, phân chia một ngày thành *2 ban (ban ngày và ban đêm)* và thành *6 phần (buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, canh đầu, canh giữa và canh cuối)*.

• Việc biết rằng ngọn đuốc sẽ tắt khi tim bị đốt cháy mỗi một lông tơ của sợi chỉ giống việc quán sát thấy sự diệt của sắc pháp vào từng thời kỳ lúc phân chia mỗi bước chân đi thành *6 công đoạn (giở, nhấc, bước, hạ, đặt và đạp)*.

c, Do quán sát sắc sinh từ vật thực: Sắc sinh từ vật thực chính là *Vật thực khởi sắc (Āhārajarūpa)*. Hành giả cần quán sát như vầy:

"Sắc diễn tiến tại thời điểm đói khát, gầy còm, kiệt sức, da dẻ xanh xao, chưa đến lúc no đủ thì diệt ngay lúc ấy; ngay cả sắc diễn tiến tại thời điểm no đủ, chưa đến lúc đói khát thì diệt ngay lúc ấy; vì thế, sắc sinh từ vật thực là vô thường, khổ não và vô ngã."

d, Do quán sát sắc sinh từ thời tiết: Sắc sinh từ thời tiết chính là *Thời tiết khởi sắc (Utujarūpa)*. Hành giả cần quán sát như vầy:

"Sắc diễn tiến tại thời điểm nóng, chưa đến lúc lạnh thì diệt ngay lúc ấy; ngay cả sắc diễn tiến tại thời điểm lạnh, chưa đến lúc nóng thì diệt ngay lúc ấy; vì thế, sắc sinh từ thời tiết là vô thường, khổ não và vô ngã."

e, Do quán sát sắc sinh từ nghiệp: Sắc sinh từ nghiệp chính là *Nghiệp khởi sắc (Kammajarūpa)*. Hành giả cần quán sát như vầy:

"Sắc diễn tiến tại Nhãn môn, chưa đến Nhĩ môn thì diệt ngay tại Nhãn môn ấy, v.v... sắc diễn tiến tại Thân môn, chưa đến Ý môn thì diệt ngay tại Thân môn ấy; vì thế, sắc sinh từ nghiệp là vô thường, khổ não và vô ngã."

f, Do quán sát sắc sinh từ tâm: Sắc sinh từ tâm chính là *Tâm khởi sắc (Cittajarūpa)*. Hành giả cần quán sát như vầy:

"Sắc diễn tiến tại thời điểm tham, chưa đến lúc sân thì diệt ngay tại thời điểm tham ấy; ngay cả sắc diễn tiến tại thời điểm sân, chưa đến lúc hỷ thì diệt ngay tại thời điểm sân ấy; vì thế, sắc sinh từ tâm là vô thường, khổ não và vô ngã."

Khi hành giả quán sát thấy sự diệt của *Tâm khởi sắc* rồi, sẽ hiểu được rằng:

"Jīvitaṃ attabhāvo ca Sukhadukkhā ca kevalā
Ekacittasamāyuttā Lahuso vattate khaṇo."

"Cuộc sống, tự thân, lạc và khổ, mỗi loại chỉ tồn tại trong sát-na tâm mà thôi, chúng trôi qua rất mau lẹ."

"Nibbattena na jāto Paccuppannena jīvati
Cittabhaṅgā mato loko Paññatti paramatthiyā."

"Vì tâm chưa sinh nên chúng sinh gọi là chưa sinh, vì tâm đang sinh nên chúng sinh gọi là đang sống, vì tâm hoại diệt nên chúng sinh gọi là chết. Đây là chế định dựa vào chân nghĩa pháp."

g, Do quán sát sắc trong tự nhiên: Sắc sinh trong tự nhiên kể từ bắt đầu Kiếp trụ (Vivaṭṭakappa), là sắc pháp ở bên ngoài, không dựa vào căn mạng (indriya). Ví dụ: sắt, đồng, chì, vàng, bạc, đá, đất, ngọc, núi, cây, cỏ, v.v... Chúng được gọi là sắc tự nhiên. Sắc tự nhiên này hiển hiện trước hành giả đang tu tập Minh sát, chẳng hạn như với lá của loài cây vô ưu (asoka) như sau:

"Sắc diễn tiến tại thời điểm lá cây vô ưu có màu đỏ non, chưa đến lúc có màu đỏ đậm (khoảng 2, 3 ngày) thì đã diệt đi rồi.

Sắc diễn tiến tại thời điểm lá cây vô ưu có màu đỏ đậm, chưa đến lúc có màu đỏ tía thì đã diệt đi rồi.

Sắc diễn tiến tại thời điểm lá cây vô ưu có màu đỏ tía, chưa đến lúc có màu lục non thì đã diệt đi rồi.

Sắc diễn tiến tại thời điểm lá cây vô ưu có màu lục non, chưa đến lúc có màu lục đậm thì đã diệt đi rồi.

Sắc diễn tiến tại thời điểm lá cây vô ưu có màu lục đậm, chưa đến lúc có màu lục đen thì đã diệt đi rồi.

Sắc diễn tiến tại thời điểm lá cây vô ưu có màu lục đen, chưa đến lúc có màu vàng thì đã diệt đi rồi.

Sắc diễn tiến tại thời điểm lá cây vô ưu có màu vàng, chưa đến lúc rụng khỏi cành thì đã diệt đi rồi.

Vì thế, sắc tự nhiên như lá cây vô ưu là vô thường, khổ não và vô ngã."

9, Việc quán sát danh pháp:

Việc quán sát danh pháp nhằm thấy rõ Tam tướng có 7 cách như sau:

(01). *Kalāpato* quán sát danh pháp theo nhóm, khối

(02). *Yamakato* quán sát danh pháp theo cặp đôi

(03). *Khaṇikato* quán sát danh pháp theo sát-na tâm

(04). *Paṭipāṭito* quán sát danh pháp theo tuần tự

(05). *Diṭṭhiugghāṭaṇato* quán sát danh pháp bằng cách nhổ bỏ tà kiến

(06). *Mānasamugghāṭaṇato* quán sát danh pháp bằng cách nhổ bỏ mạn

(07). *Nikantipariyādānato* quán sát danh pháp bằng cách chấm dứt dục ái

Giải thích:

a, Quán sát danh pháp theo nhóm, khối: Các danh pháp có nhóm 5 của Xúc (nhóm 5 của Xúc là: Xúc, Thọ, Tưởng, Tác ý và Thức) đã khởi sinh tại thời điểm quán sát rằng *Tóc* là vô thường, khổ não và vô ngã, v.v...; các danh pháp có nhóm 5 của Xúc đã khởi sinh tại thời điểm quán sát rằng *Não* là vô thường, khổ não và vô ngã. Và các sắc pháp, đứng đầu là *Tóc* phải suy hoại thành cụm, thành đoạn, tạo tiếng tách tách như hạt mè nổ tách tách khi đặt trên tấm ngói nung nóng. Do vậy, các danh pháp có nhóm 5 của Xúc cũng vô thường, khổ não và vô ngã.

Hành giả quán sát biết tâm đang diễn tiến rằng: *"7 cách quán sát như đã nêu trên cho thấy sắc pháp là vô thường, khổ não và vô ngã, và đó là sự quán sát bằng một tâm. Chính tâm đang quán sát sắc pháp này cũng vô thường, khổ não và vô ngã."*

b, Quán sát danh pháp theo cặp đôi: Hành giả quán sát biết bằng tâm đang vận hành rằng: *"Sắc pháp đoạn giữa sự bám víu và sự buông bỏ là vô thường, khổ não và vô ngã".* Và bằng một tâm khác, hành giả quán sát thấy rằng: *"Ngay cả tâm đang quán sát sắc pháp ấy cũng là vô thường, khổ não và vô ngã",* v.v... Hành giả quán sát biết tâm đang vận hành rằng: *"Sắc pháp đoạn giữa sự bám víu và sự buông bỏ là vô thường, khổ não và vô ngã".* Và bằng một tâm khác, hành giả quán sát thấy rằng: *"Ngay cả tâm đang quán sát sắc thông thường là vô thường, khổ não và vô ngã"*. Rồi bằng một tâm khác, hành giả quán sát thấy rằng: *"Ngay cả tâm đang quán sát sắc thông thường ấy cũng là vô thường, khổ não và vô ngã."*

Việc quán sát như vậy gọi là quán sát thấy danh pháp và sắc pháp theo cặp đôi.

c, Quán sát danh pháp theo sát-na tâm: Hành giả quán sát thấy sắc pháp đoạn giữa sự bám víu và sự buông bỏ là vô thường, khổ não và vô ngã; rồi hành giả quán sát tâm thứ nhất bằng tâm thứ nhì, quán sát tâm thứ nhì bằng tâm thứ ba, quán sát tâm thứ ba bằng tâm thứ tư, quán sát tâm thứ tư bằng tâm thứ năm, thấy rằng: *"Cả tâm thứ nhất, thứ nhì, thứ ba và thứ tư đều vô thường, khổ não và vô ngã"*, v.v... Tiếp đến hành giả quán sát thấy sắc tự nhiên là vô thường, khổ não và vô ngã; rồi hành giả quán sát tâm thứ nhất bằng tâm thứ nhì, quán sát tâm thứ nhì bằng tâm thứ ba, quán sát tâm thứ ba bằng tâm thứ tư, quán sát tâm thứ tư bằng tâm thứ năm, thấy rằng: *"Cả tâm thứ nhất, thứ nhì, thứ ba và thứ tư đều vô thường, khổ não và vô ngã"*.

d, Quán sát danh pháp theo tuần tự: Hành giả quán sát danh pháp theo tuần tự cũng giống như quán sát danh pháp theo sát-na tâm, chỉ cần thêm số lượng sát-na tâm đến sát-na thứ 10 là được.

e, Quán sát danh pháp bằng cách nhổ bỏ tà kiến, nhổ bỏ mạn và chấm dứt dục ái: Hành giả quán sát sắc pháp và danh pháp mà không thấy gì khác, cái gọi là chúng sinh, người thì xem như hành giả đã nhổ bỏ được sự lầm tưởng là chúng sinh (sattasaññā); và một khi quán sát thấy các Hành bằng tâm thoát khỏi sự lầm tưởng là chúng sinh đó rồi thì *tà kiến* không sinh khởi, tức là nhổ bỏ được *tà kiến*. Khi hành giả quán sát thấy các Hành bằng tâm đã nhổ bỏ được tà kiến thì *mạn* cũng không sinh khởi, nghĩa là đã nhổ bỏ được *mạn*. Và khi hành giả quán sát thấy các Hành bằng tâm đã nhổ bỏ được *mạn* thì *ái dục (taṇhā)* cũng không sinh khởi, nghĩa là đã bỏ được *dục ái*, tức là *dục ái (nikanta)* cũng không còn nữa.

* Khi hành giả chấp rằng *tôi đã thấy rõ, Minh sát tuệ là của tôi*, như vậy gọi là chưa nhổ bỏ tà kiến; nhưng nếu hành giả thấy rằng *chỉ có các Hành thấy rõ, quán sát, xác định, phân tích các Hành*, như vậy gọi là nhổ bỏ được tà kiến. Khi hành giả chấp rằng *tôi đã thấy rất rõ ràng, tôi thấy rõ điều vừa lòng*, như vậy gọi là chưa nhổ bỏ mạn; nhưng nếu hành giả thấy rằng *chỉ có các Hành thấy rõ, quán sát, xác định, phân tích các Hành*, như vậy gọi là nhổ bỏ được mạn. Hoặc là khi hành giả hài lòng với Minh sát rằng *tôi có khả năng thấy rõ*, như vậy gọi là chưa nhổ bỏ dục ái; nhưng nếu hành giả thấy rằng *chính các Hành thấy rõ, quán sát, xác định, phân tích các Hành*, như vậy gọi là chấm dứt được dục ái.

* Nếu hành giả thấy rằng các Hành là tự ngã thì việc cố chấp tự ngã cũng đáng; nhưng các Hành là vô ngã, không phải là tự ngã, do vậy các Hành phải là vô ngã, bởi vì không diễn tiến theo quyền lực; là vô thường vì có rồi không có, tức là sinh rồi diệt; là khổ não vì bị sinh và diệt bức bách; như thế mới gọi là nhổ bỏ tà kiến.

* Nếu hành giả thấy rằng các Hành là thường thật sự thì việc cố chấp là thường cũng đáng; nhưng các Hành là vô thường, không phải là thường, do vậy các Hành phải là vô thường, bởi vì có rồi không có, tức là sinh rồi diệt; là khổ não vì bị sinh và diệt bức bách; là vô ngã, bởi vì không diễn tiến theo quyền lực; như thế mới gọi là nhổ bỏ mạn.

* Nếu hành giả thấy rằng các Hành là lạc thật sự thì việc cố chấp là lạc cũng đáng; nhưng các Hành là khổ, không phải là lạc, do vậy các Hành phải là khổ, bởi vì bị sinh và diệt bức bách; là vô thường vì có rồi không có, tức là sinh rồi diệt; là vô ngã, bởi vì không diễn tiến theo quyền lực; như thế mới gọi là chấm dứt dục ái.

Kết luận về việc nhổ bỏ tà kiến, mạn và chấm dứt dục ái:

- Khi hành giả thấy rằng các Hành theo Vô ngã tính thì gọi là nhổ bỏ tà kiến.
- Khi hành giả thấy rằng các Hành theo Vô thường tính thì gọi là nhổ bỏ mạn.
- Khi hành giả thấy rằng các Hành theo Khổ não tính thì gọi là chấm dứt dục ái.

TỔNG KẾT VỀ THẨM SÁT TUỆ

Sự quán sát vắn tắt theo tính chất của Thẩm sát tuệ gồm 5 dạng:

(01). *Kalāpasammasana – Khối thẩm sát:* Quán sát danh-sắc thuộc về quá khứ, vị lai, hiện tại, bên ngoài, bên trong, thô, tế, hạ liệt, thù thắng, xa, gần. Tất cả các pháp này đều là vô thường, khổ não và vô ngã vì diệt xong không trở lại, khó chịu đựng và không có cốt lõi, không dưới quyền điều khiển, ra lệnh của ai cả.

(02). *Addhānasammasana – Thời thẩm sát:* Quán sát danh-sắc đã sinh diệt lâu rồi, tức là quán sát danh-sắc trong thời quá khứ, không quay trở lại thành danh-sắc trong thời hiện tại; danh-sắc trong thời hiện tại không quay trở lại thành danh-sắc trong thời vị lai. Danh-sắc bên trong không trở thành danh-sắc bên ngoài. Danh-sắc thời quá khứ sinh diệt trong thời quá khứ, danh-sắc thời vị lai sinh diệt trong thời vị lai, danh-sắc thời hiện tại không sinh trở lại trong kiếp sau; nhưng có nhân, có duyên tương tục, tiếp nối nhau. Nếu hiện tại tốt thì vị lai cũng tốt, nếu hiện tại xấu thì vị lai cũng xấu. Giống như khuôn dấu, khi đóng dấu xuống tờ giấy thì hình của khuôn dấu sẽ in trên mặt giấy nhưng con dấu thì không dính theo tờ giấy được; và điều tốt, điều xấu cũng như thế, nếu ta làm tốt thì điều tốt đã đóng dấu rồi, không mất mát đi đâu cả.

(03). *Santatisammasana – Tương tục thẩm sát:* Quán sát thấy sự tiếp nối nhau của danh-sắc. Chẳng hạn như: sắc nóng diệt đi, sắc lạnh khởi sinh, sắc lạnh diệt đi, sắc nóng sinh khởi; loanh quanh đổi thay như thế mãi nên danh-sắc là pháp vô thường, khổ não và vô ngã thật sự.

(04). *Khaṇasammasana – Sát-na thẩm sát:* Quán sát thấy sự diễn tiến của danh-sắc theo từng sát-na. Quán sát thấy sự sinh khởi, trụ lại và diệt đi của danh-sắc, gọi là *sinh (uppāda)*, *trụ (ṭhiti)* và *diệt (bhaṅga)*. Cho dù là đứng, đi, ngồi, nằm, hoặc gì đi nữa thì danh-sắc cũng sinh diệt như thế suốt ngày lẫn đêm. Do vậy, danh-sắc là pháp vô thường, khổ não và vô ngã.

Việc thấy danh-sắc sinh diệt như đã nêu gọi là *Thẩm sát tuệ*.

Cách thấy danh-sắc sinh diệt theo *Thẩm sát tuệ* này, sẽ thấy lúc sắc mới khởi sinh rồi mới thấy sắc cũ diệt đi. Chẳng hạn, hành giả đang quán sát tư thế ngồi, khi đã đổi tư thế ngồi sang một tư thế khác thì mới thấy được tư thế ngồi đã diệt đi. Sở dĩ như thế vì *trí tuệ (paññā)* trong *Thẩm sát tuệ* này đang còn non yếu.

Lại nữa, kể từ *Danh sắc phân biệt tuệ, Liễu duyên tuệ* đến *Thẩm sát tuệ*, cả 3 tuệ này đều là tuệ dựa trên Văn tuệ (Sutamayapaññā) và Tư tuệ (Cintāmayapaññā). *Thẩm sát tuệ* này, nói theo *Thanh Tịnh Đạo* sẽ được xếp vào *Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh (Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi)*, là tuệ thứ nhất trong 10 Minh sát tuệ, hay là tuệ thứ ba trong 16 Tuệ quán (Soḷasañāṇa).

IV. UDAYABBAYAÑĀṆA – SINH DIỆT TUỆ

Pāḷi chiết tự:

Udayabbayañāṇa = udaya + vaya + ñāṇa

- *udaya:* sự sinh khởi
- *vaya:* sự hoại diệt
- *ñāṇa:* trí, tuệ

Udayabbayañāṇa dịch là trí tuệ thấy sự sinh khởi và sự hoại diệt của danh-sắc.

Pāḷi định nghĩa:

* ***Uppādabhaṅgānupassanāvasappavattaṃ ñāṇaṃ udayabbayañāṇaṃ.***
Trí tuệ vận hành do năng lực tùy quán sự sinh khởi và sự hoại diệt của các hành, gọi là *udayabbayañāṇa*, dịch là *sinh diệt tuệ*.

Như vậy ***Udayabbayañāṇa – Sinh diệt tuệ*** là trí tuệ thấy biết một cách thường xuyên sự biến động, thay đổi của các pháp hiện tại. Trí tuệ thấy biết sự biến động của các pháp hiện tại chính là trí tuệ thấy biết sắc pháp sinh khởi trong hiện tại (udaya) và thấy được sự biến đổi của sắc pháp ấy, tức là đang hoại diệt (vaya), v.v... Hoặc trí tuệ thấy biết thường xuyên nơi đặc tính của sự sinh hay trạng thái mới của danh-sắc gọi là sự sinh khởi (udaya) và thấy biết thường xuyên nơi đặc tính của sự

biến đổi, sự suy thoái, sự diệt mất gọi là sự hoại diệt (vaya).

Hành giả cần quán sát rằng trước khi sinh khởi thì danh-sắc không ở nơi đâu cả, thậm chí khi danh-sắc sinh khởi rồi cũng không từ đâu tới cả; và ngay cả khi danh-sắc đang diệt đi cũng không trú tại chỗ nào cả. Giống như việc chơi đàn, trước khi tiếng đàn vang lên thì không có nơi cất trữ, tiếng đàn ấy không có từ trước nhưng dựa vào cây đàn, sự đánh đàn và sự nỗ lực thì tiếng đàn mới xuất hiện; cũng như thế, các pháp là danh và sắc pháp không có rồi hiện hữu, xong lại diệt đi.

Udayabbayañāṇa – Sinh diệt tuệ có 2 dạng:

(01). *Taruṇaudayabbayañāṇa – Nhược sinh diệt tuệ:* Sinh diệt tuệ dạng yếu kém, còn có các Tùy phiền não quán (Vipassanūpakilesa) trộn lẫn vào, gọi là *Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh (Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi)*. Nghĩa là, đang ở trong giai đoạn xem xét đạo hay không phải đạo; khi dính mắc vào Tùy phiền não quán thì gọi là Phi đạo (Amagga), nếu không dính mắc vào thì gọi là Đạo (Magga).

(02). *Balavaudayabbayañāṇa – Cường sinh diệt tuệ:* Sinh diệt tuệ dạng mạnh mẽ. Trí tuệ thấy biết danh-sắc đã vượt qua các chướng ngại, nguy hiểm; tức là vượt được các Tùy phiền não quán, tiến hành trực tiếp theo Hành đạo (Maggapaṭipadā), quán sát thấy sự sinh diệt của danh-sắc.

1, Sự sinh diệt của ngũ uẩn:

Sự sinh diệt của ngũ uẩn có 50 trạng thái:

a, Thấy sự sinh của sắc uẩn có 5 trạng thái:

- Thấy sắc uẩn sinh do vô minh sinh
- Thấy sắc uẩn sinh do ái sinh
- Thấy sắc uẩn sinh do nghiệp sinh
- Thấy sắc uẩn sinh do vật thực sinh
- Thấy sắc uẩn sinh do tướng trạng của sự sinh

b, Thấy sự diệt của sắc uẩn có 5 trạng thái:

- Thấy sắc uẩn diệt do vô minh diệt
- Thấy sắc uẩn diệt do ái diệt
- Thấy sắc uẩn diệt do nghiệp diệt
- Thấy sắc uẩn diệt do vật thực diệt
- Thấy sắc uẩn diệt do tướng trạng của sự biến đổi

c, Thấy sự sinh của thọ, tưởng, hành uẩn, mỗi loại có 5 trạng thái:

- Thấy thọ, tưởng, hành uẩn sinh do vô minh sinh
- Thấy thọ, tưởng, hành uẩn sinh do ái sinh
- Thấy thọ, tưởng, hành uẩn sinh do nghiệp sinh
- Thấy thọ, tưởng, hành uẩn sinh do vật thực sinh
- Thấy thọ, tưởng, hành uẩn sinh do tướng trạng của sự sinh

d, Thấy sự diệt của thọ, tưởng, hành uẩn, mỗi loại có 5 trạng thái:

- Thấy thọ, tưởng, hành uẩn diệt do vô minh diệt
- Thấy thọ, tưởng, hành uẩn diệt do ái diệt
- Thấy thọ, tưởng, hành uẩn diệt do nghiệp diệt
- Thấy thọ, tưởng, hành uẩn diệt do vật thực diệt
- Thấy thọ, tưởng, hành uẩn diệt do tướng trạng của sự biến đổi

e, Thấy sự sinh của thức uẩn có 5 trạng thái:

- Thấy thức uẩn sinh do vô minh sinh
- Thấy thức uẩn sinh do ái sinh
- Thấy thức uẩn sinh do nghiệp sinh
- Thấy thức uẩn sinh do vật thực sinh
- Thấy thức uẩn sinh do tướng trạng của sự sinh

f, Thấy sự diệt của thức uẩn có 5 trạng thái:

- Thấy thức uẩn diệt do vô minh diệt
- Thấy thức uẩn diệt do ái diệt
- Thấy thức uẩn diệt do nghiệp diệt
- Thấy thức uẩn diệt do vật thực diệt
- Thấy thức uẩn diệt do tướng trạng của sự biến đổi

Hành giả quán sát như thế rồi sẽ thấy *Nhược sinh diệt tùy quán trí (Taruṇa-udayabbayānupassanāñāṇa)* thanh tịnh hơn lên.

2, Việc thấy danh-sắc theo duyên và sát-na:

Việc thấy sự sinh khởi và hoại diệt của sắc pháp dựa vào vô minh, ái, v.v... là việc thấy theo duyên (paccaya). Còn việc thấy trạng thái của sự sinh khởi chỉ tại thời điểm sinh hoặc việc thấy trạng thái của sự biến đổi chỉ tại thời điểm biến đổi thôi là việc thấy theo sát-na (khaṇa). Khi hành giả thấy danh-sắc theo duyên và sát-na như thế, Tứ Thánh đế sẽ hiển lộ, ấy là:

a, Việc thấy sự sinh khởi theo theo duyên, Tập đế sẽ hiển lộ, bởi vì biết

đến duyên khiến cho sinh.

b, Việc thấy sự sinh khởi theo theo sát-na, Khổ đế sẽ hiển lộ, bởi vì biết rằng sinh là khổ; hoặc việc thấy sự hoại diệt theo sát-na và biết rằng sự hoại diệt là khổ, Khổ đế sẽ hiển lộ.

c, Việc thấy sự hoại diệt theo theo duyên, Diệt đế sẽ hiển lộ, bởi vì biết rằng các pháp không sinh do không có duyên.

d, Việc thấy sự sinh khởi và hoại diệt theo duyên và theo sát-na sẽ đoạn trừ sự si ám nơi sự sinh khởi và hoại diệt là Đạo đế phía Hiệp thế.

Lý duyên khởi (Paṭiccasamuppāda) sẽ hiển lộ như vầy:

- Chiều thuận (Anuloma): Thấy sự sinh khởi theo duyên vì biết được: *"Khi pháp này hiện hữu thì pháp này mới có" (Imasmiṃ sati, imaṃ hoti)*.

- Chiều nghịch (Paṭiloma): Thấy sự hoại diệt theo duyên vì biết được: *"Do pháp này diệt thì pháp này mới diệt" (Imassa nirodhā, imaṃ nirujjhati)*.

BỐN PHƯƠNG CÁCH HIỂN LỘ

Bốn phương cách hiển lộ đối với hành giả tiến tu trong giai đoạn này là:

(01). *Ekattanaya – Duy nhất cách:* Việc thấy sự sinh khởi theo duyên và biết đến sự không gián đoạn và tiếp nối của nhân và quả, dẫn đến sự giảm trừ *Đoạn kiến (Ucchedadiṭṭhi)* nhiều hơn lên.

(02). *Nānattanaya – Dị biệt cách:* Việc thấy sự sinh khởi theo sát-na và biết đến sự sinh khởi của các hành (saṅkhāra) mới, dẫn đến sự giảm trừ *Thường kiến (Sassatadiṭṭhi)* nhiều hơn lên.

(03). *Abyāpāranaya – Phi tấn cách:* Việc thấy sự sinh khởi và hoại diệt theo duyên và biết rằng các pháp không diễn tiến theo quyền lực, dẫn đến sự giảm trừ *Ngã kiến (Attadiṭṭhi)* nhiều hơn lên.

(04). *Evaṃ dhammatānaya – Tự nhiên pháp cách:* Việc thấy sự sinh khởi theo duyên và biết đến sự sinh khởi của quả tùy phù hợp với duyên, dẫn đến sự giảm trừ *Vô hành kiến (Akiriyadiṭṭhi)* nhiều hơn lên.

TAM TƯỚNG HIỂN LỘ

Tam tướng cũng hiển lộ đối với hành giả tiến tu trong giai đoạn này là:

(01). *Anattalakkhaṇa – Vô ngã tướng:* Việc thấy sự sinh khởi theo duyên và biết rằng các pháp diễn tiến liên tục do duyên, không có người thực hiện.

(02). *Aniccalakkhaṇa – Vô thường tướng:* Việc thấy sự sinh khởi và sự hoại diệt theo sát-na và biết đến sự hiện hữu rồi lại không hiện hữu, biết sự rỗng không ở khởi đầu và kết thúc.

(03). *Dukkhalakkhaṇa – Khổ não tướng:* Việc thấy sự bức bách trước mắt do sự sinh khởi và sự hoại diệt, ngay cả thực tính pháp cũng đang hiển hiện vì hướng tới chính pháp ấy (danh-sắc) đang sinh và đang diệt. Thậm chí pháp Hữu vi đang diễn tiến trong chốc lát đó cũng hiển lộ rõ thực tính pháp, bởi vì biết rằng không có sự hoại diệt tại thời điểm đang sinh khởi và biết rằng không có sự sinh khởi tại thời điểm đang hoại diệt.

ĀRADDHAVIPASSAKO – HÀNH GIẢ TUỆ QUÁN SƠ CƠ

Khi hành giả thấy sự khác nhau của *Đế (Sacca), Duyên khởi (Paṭicca-samuppāda), Phương cách (Naya)* và *Trạng thái (Lakkhaṇa)* hiển lộ rõ như thế, các Hành (Saṅkhāra) cũng hiển lộ là pháp luôn luôn mới rằng các pháp này chưa từng sinh khởi trước đây, bây giờ lại khởi sinh; khởi sinh rồi lại hoại diệt đi. Và, không chỉ các Hành hiển lộ là pháp mới, mà còn hiển lộ thường xuyên trong chốc lát mà thôi; tựa như giọt sương, bong bóng nước, dấu vạch trên mặt nước, hạt cải trên mũi kiếm nhọn, tia chớp, v.v... Các Hành còn hiển lộ tính không thực thể, không có cốt lõi, giống trò ảo thuật, như ảo ảnh, như giấc mơ, vung que lửa, xây lâu đài trên cát, cây chuối, v.v...

Với phương cách thực hành như trên, hành giả được gọi là đạt đến *Nhược sinh diệt tùy quán trí (Taruṇaudayabbayānupassanāñāṇa)* vì đã thấu suốt 50 trạng thái theo phương châm: *"Pháp có sự hoại diệt là thường ấy sẽ khởi sinh và khi khởi sinh rồi sẽ đi đến sự hoại diệt"*. Hành giả thực hành như thế gọi là ***Āraddhavipassako – Hành giả tuệ quán sơ cơ***.

Trong tiến trình tu tập của hành giả, theo tuần tự của *Nhược sinh diệt tuệ* hay *Nhược sinh diệt tùy quán trí* này, thì pháp làm cho Minh sát tuệ uế nhiễm sẽ phát sinh đến hành giả trong bước đầu tiến tu chính là *Vipassanūpakilesa – Tùy phiền não quán*. *Tùy phiền não quán* này sẽ không phát sinh đến các hạng người như sau:

• Bậc Thánh nhân đã đắc Đạo, Quả, Niết-bàn rồi.

• Hành giả thực hành Minh sát tuệ sai đường lối, bắt đầu từ *Giới thanh tịnh (Sīlavisuddhi)* trở đi.

• Hành giả bỏ bê việc thực hành Minh sát tuệ.

• Hành giả lười biếng, mặc dầu từ đầu đã thực hành đúng.

Song, *Tùy phiền não quán* này sẽ phát sinh đến các hành giả thực hành Minh sát tuệ với sự tinh cần nỗ lực đúng đắn và là hành giả sơ cơ trong tiến trình tu tiến Minh sát tuệ.

3, Mười Tùy phiền não quán (Vipassanūpakilesa):

- *Obhāsa – Ánh sáng*
- *Pīti – Phỉ*
- *Sukha – Lạc*
- *Paggaha – Tinh cần*
- *Upekkhā – Xả*
- *Ñāṇa – Trí tuệ*
- *Pasaddhi – Tịnh*
- *Adhimokkha (Saddhā) – Tín*
- *Upaṭṭhāna (Sati) – Niệm*
- *Nikanti – Dục*

Mười loại *Tùy phiền não quán* này sẽ sinh khởi đối với hành giả có sự tinh cần tiến tu Minh sát tuệ lúc hành giả đạt đến *Nhược sinh diệt tuệ*. Nếu sơ suất, mê lầm với các Tùy phiền não quán đó, hành giả sẽ rơi vào tình trạng không thể nỗ lực tiến tu Minh sát tuệ tiếp tục, bởi vì hành giả hiểu sai và cho rằng mình đã chứng đắc, đã đoạn tận phiền não, thành bậc Thánh A-ra-hán rồi. Đấy cũng là nguyên nhân khiến cho hành giả cảm thấy hoan hỷ sung mãn và thiếu sự tinh cần thực hành tiếp nữa. Tuy nhiên, nếu hành giả là người có căn cơ, đủ đầy ba-la-mật từ kiếp quá khứ, tức là người có khả năng chứng đắc Đạo, Quả do tục sinh là người Tam nhân và có thể tự mình vượt qua các Tùy phiền não này thì Minh sát tuệ sẽ tiến triển theo đường hướng của danh-sắc, có trạng thái sinh diệt rõ ràng và càng rõ ràng hơn lên. Đây chính là sự biểu hiện cho thấy những vị nào tinh tấn thực hành Minh sát tuệ, đạt đến *Cường sinh diệt tuệ*, sẽ tiến lên các bậc tuệ giác cao hơn nữa.

Đức Tướng quân Chánh pháp *Sārīputta* nói về tâm bị Tùy phiền não chế ngự:

"Vị tỳ-khưu khi đang tác ý đến tính vô thường thì ánh sáng (obhāsa) khởi sinh. Vị ấy nghĩ đến ánh sáng này: 'Ánh sáng là pháp', v.v...; trạo cử hay phóng tâm (uddhacca) liền chế ngự nội tâm của tỳ-khưu ấy – vị không quán sát thấy sự hiển lộ của tính vô thường như thực tính pháp, không quán sát thấy sự hiển lộ của tính khổ não như thực tính pháp và không quán sát thấy sự hiển lộ của tính vô ngã như thực tính pháp."

Các Tùy phiền não khác như *Trí (Ñāṇa)* cho đến *Dục (Nikanti)* cũng diễn tiến theo một dạng giống *Ánh sáng* vậy.

(01). *Obhāsa – Ánh sáng:* Đây chính là ánh sáng trong thiền Minh sát (Vipassanobhāsa). Khi ánh sáng trong lúc hành thiền Minh sát sinh khởi, hành giả nghĩ rằng: *"Ánh sáng này chưa từng xuất hiện với ta, ắt hẳn là ta đã chứng đắc Đạo, Quả*

rồi." Trong lúc nghĩ như thế, hành giả cho rằng cái không phải đạo là đạo, cái không phải quả là quả; đấy chính là nhân tố khiến cho Minh sát tuệ bước ra khỏi đạo lộ đúng đắn, bởi hành giả bỏ đối tượng của Minh sát trước đó hay pháp hành căn bản từ đầu, rồi quay sang tán thán ánh sáng phát sinh trong lúc thực hành Minh sát do năng lực của Ái, Mạn và Tà kiến.

Vipassanobhāsa hay Ánh sáng trong Minh sát này có sức chiếu rọi không bằng nhau đối với một số hành giả:

- Phát sáng chỉ nơi tọa cụ
- Phát sáng đến bên ngoài phòng
- Phát sáng đến một dặm
- Phát sáng đến một do-tuần
- Phát sáng đến ba do-tuần, v.v...
- Phát sáng khắp căn phòng
- Phát sáng khắp ngôi chùa
- Phát sáng đến nửa do-tuần
- Phát sáng đến hai do-tuần
- Phát ánh sáng đồng nhất thể từ mặt đất đến cõi trời Sắc Cứu Cánh (Akaniṭṭha)
- Riêng Đức Phật Chánh Đẳng Giác phát sáng suốt 10.000 thế giới ta-bà.

(02). *Ñāṇa – Trí tuệ:* Đây chính là Minh sát tuệ tại thời điểm hành giả đang so sánh, suy ngẫm danh pháp và sắc pháp. Dòng trí tuệ nhanh nhẹn, sắc bén, mạnh mẽ, rõ ràng khởi sinh giống như vua trời Đế-thích (Sakka) ném chày kim cương đi. Do tính chất đặc biệt của trí tuệ phát sinh với hành giả tại lúc đó, nên hành giả ngỡ rằng mình đã chứng đắc bằng trí tuệ này rồi.

(03). *Pīti – Phỉ:* Sự hoan hỷ, no đầy, sung mãn kết hợp với Minh sát tuệ. Phỉ sinh khởi lúc này có 5 loại:

- Khuddakāpīti – Tiểu hỷ: Sự vui vẻ, no đầy nho nhỏ
- Khaṇikāpīti – Sát-na hỷ: Sự vui vẻ, no đầy trong từng chốc lát
- Okantikāpīti – Hải triều hỷ: Sự vui vẻ, no đầy dâng lên như sóng biển
- Ubbeṅgāpīti – Khinh thân hỷ: Sự vui vẻ, no đầy nhẹ nhàng như bay bổng
- Pharaṇāpīti – Sung mãn hỷ: Sự vui vẻ, no đầy tràn khắp châu thân

(04). *Passaddhi – Tịnh:* Đây là sự yên tịnh trong Minh sát. Hành giả thực hành Minh sát, khi đang ngồi tại trú xứ của mình vào ban đêm cũng như ban ngày; tại thời điểm đó thân và tâm của hành giả yên tịnh, thoát khỏi các điều quấy rối sau:

- Lo âu, bồn chồn
- Cứng cỏi
- Bệnh tật
- Nặng nề
- Không thích ứng
- Toan tính gian lận

Và thân tâm của hành giả luôn có các pháp tốt đẹp kết hợp:

- Yên tịnh
- Nhẹ nhàng
- Mềm mại
- Thích ứng
- Trong sáng
- Chánh trực

Hành giả có được những pháp yên tịnh như thế sẽ phát sinh niềm hân hoan mà điều này không dễ phát sinh với người bình thường nói chung. Vì thế, Đức Phật từng thuyết:

"Suññāgāraṃ paviṭṭhassa Santacitassa bhikkhuno
Amānusī ratī hoti Sammā dhammaṃ vipassato
Yato yato sammasati Khandhānaṃ udayabbayaṃ
Labhatī pītipāmojjaṃ Amataṃ taṃ vijānataṃ."

"Niềm hân hoan không phát sinh cho con người nói chung, nhưng có thể khởi sinh đến vị tỳ-khưu ở trú xứ yên vắng và có tâm tịch lặng, thấy pháp một cách đúng đắn. Khi vị tỳ-khưu quán sát thấy sự sinh và diệt của các uẩn bằng Sinh diệt tuệ nơi danh pháp hoặc sắc pháp, sẽ phát sinh phỉ lạc, hân hoan. Phỉ lạc và hân hoan của vị tỳ-khưu – bậc đã thấy rõ ấy – chính là pháp bất tử."

(05). *Sukha – Lạc:* Đây là sự an lạc kết hợp với Minh sát tại thời điểm hành giả bước đầu thực hành. Sự an lạc vi tế khởi sinh khắp châu thân và tâm ý của hành giả, khó lòng để diễn tả cho đúng được, bởi vì niềm an lạc đó có hương vị tuyệt diệu và khác thường; là sự an lạc tối thượng hơn tất cả mọi an lạc mà loài người từng nếm trải. Tóm gọn, trong tất cả an lạc thế gian, không có lạc nào sánh bằng *Minh sát lạc (Vipassanāsukha)*. Do vậy, nếu sự chú tâm không tốt sẽ khiến cho hành giả hiểu lầm mình đã đắc Đạo, Quả rồi.

(06). *Adhimokkha – Tín:* Đây là đức tin (saddhā) kết hợp với Minh sát. Đức tin này là Tùy phiền não, là sự trong sáng, thanh tịnh cao độ của tâm và tâm sở, là lòng tin có năng lực mạnh mẽ. Khi đang hân hoan với đức tin dõng mãnh như thế, hành giả sẽ quên đi đề mục thiền hành của mình, nghĩa là đặt niệm quán sát đối tượng khiến cho bỏ rơi nghiệp xứ (kammaṭṭhāna). Thật ra, đức tin đang khởi sinh là điều tốt, bởi vì đó là đức tin phát sinh lúc tâm ý đang thanh tịnh, trong sáng mà người bình thường khó lòng khởi phát được đức tin tầm cỡ như thế. Tuy nhiên, nó vẫn là Tùy phiền não, bởi vì khi tâm hành giả hân hoan với đức tin thì lại bỏ rơi đề mục tu tập của mình, và hành giả cần đặt niệm trở lại, làm mất thời gian của việc thực hành Minh sát. Bên cạnh đó, nếu hành giả quán sát trở lại mà không tốt, các bất thiện

pháp như Ái, Mạn, Tà kiến cũng sẽ trà trộn, xen lẫn vào, khiến cho pháp hành không vững chắc hoặc không tiến triển tốt.

(07). *Paggaha – Tinh cần:* Đây là sự tinh tấn, nỗ lực kết hợp với Minh sát, là sự nỗ lực không chùng quá, không căng quá. Hành giả phải tinh cần không biết mệt mỏi trong pháp hành Minh sát. Trước đây, dẫu thiền sư luôn nhắc nhở phải tinh tấn, nỗ lực thì hành giả luôn cảm thấy khó khăn, uể oải, mệt mỏi, hết tinh chuyên; nhưng giờ đây, suy nghĩ như thế biến mất, hành giả siêng năng hết mực, khiến cho bản thân thấy là lạ, rằng do nhân gì mà mình tinh tấn nhiều thế, không biết mệt nhọc trong việc thực hành đến thế. Và khi hành giả thiếu lưu tâm, Hành ý (Manasikāra) không tốt sẽ cho rằng mình đã chứng đắc Đạo, Quả; do vậy *Paggaha – Tinh cần* chính là Tùy phiền não.

(08). *Upaṭṭhāna (Sati) – Niệm:* Đây là niệm kết hợp với Minh sát. Niệm này thiết lập một cách chắc chắn, vững chãi, sâu xa, không dao động, không lơ đễnh, giống như một hòn núi lớn. Niệm với tên gọi là *Upaṭṭhāna* này, khi phát sinh đến hành giả, nếu hành giả suy tư đến đối tượng nào thì đối tượng ấy cùng với niệm nhanh chóng chiếm ngự nội tâm của hành giả, tựa như thế giới khác xuất hiện trước vị có thiên nhãn.

(09). *Upekkhā – Xả:* Chính là Minh sát xả và Hướng tâm xả.

- Vipassanūpekkhā – Minh sát xả: Trạng thái trung dung trong tất cả các pháp Hành (Saṅkhāra)

- Āvajjanūpekkhā – Hướng tâm xả: Trạng thái trung dung sinh khởi tại Ý môn

Cả hai loại *Xả* này khởi sinh nơi hành giả, người đang tiến tu Minh sát tuệ. Khi trạng thái *Xả* đang tiến triển như thế, hành giả suy tư đến đối tượng nào đó thì *Xả* sẽ tiến triển một cách mạnh mẽ, sắc bén; không vui không buồn, chẳng thương chẳng ghét với mọi sự, giống người không có phiền não; không dao động, lo sợ trước các dạng đối tượng. Trạng thái *Xả* này hết sức mạnh mẽ, dẫu cho có đối tượng nào đến tác động, hành giả cũng không bị lay động mà bình thản trước tất cả; khiến cho tự thân thấy lạ lẫm với sự đổi thay như thế.

Nếu hành giả không tác ý tốt sẽ hiểu nhầm rằng mình đã thành bậc Thánh A-ra-hán vì tâm đang tự tại, bình thản, không buồn vui, thương ghét gì cả. Sự đoạn tận phiền não, chứng đắc Đạo, Quả là như vậy sao, đấy chính là Tà kiến xen vào. Hành giả còn nghĩ tiếp rằng bản thân có phước báu nhiều, có căn cơ tốt nên thực hành không bao lâu đã đắc Thánh quả dễ dàng, không ai sánh bằng mình; đấy chính là Mạn xen vào. Tiếp đến, hành giả lại có tư duy cho rằng tự thân thoải mái rồi, từ đây

về sau không còn lo lắng, ưu tư gì nữa; dẫu xuất khỏi thiền thì sống trên cõi này một cách yên tịnh, nhẹ nhàng, không phải thương ghét, không phải vui buồn, không rộn ràng, lo âu, phiền muộn, mong sao mình như thế mãi mãi; đấy gọi là Ái xen vào.

Tóm lại, *Xả* thật sự tốt, nhưng nếu tác ý không tốt, để cho Ái, Mạn, Tà kiến xen vào thì trở thành Tùy phiền não quán; giống như mũi tên lửa bay vào đống lá khô vậy.

(10). *Nikanti – Dục:* Chính là *Vipassanānikanti – Minh sát dục,* là sự dính mắc vào Minh sát. Dục này là trạng thái an tịnh vi tế, và khi khởi sinh sẽ khiến hành giả dính mắc ái luyến với Tùy phiền não quán, chẳng hạn như thấy ánh sáng, v.v... Dục trong Minh sát này là sự dính mắc mà hành giả khó có thể thấy biết được, đó chính là phiền não.

Cả 10 Tùy phiền não quán khởi sinh đến với mọi hành giả khi các vị đạt đến Sinh diệt tuệ dạng yếu *(Taruṇaudayabbayañāṇa – Nhược sinh diệt tuệ)*. Do vậy, đến giai đoạn này, thiền sư cần nhắc nhở, giúp thiền sinh thiết lập Niệm (Sati) trở lại, tuyệt đối đừng để thiền sinh lầm lẫn mà mê say trong Tùy phiền não quán, điều gì cần chỉ dẫn thì nên chỉ dẫn, phải rầy la thì nên rầy la, không nể nang gì cả, cần phải hướng đến lợi ích trước mắt của hành giả là điều quan trọng.

PHÂN CHIA MƯỜI TÙY PHIỀN NÃO QUÁN THEO SỰ CHẤP TRƯỚC

10 Tùy phiền não quán hay 10 Tùy phiền não, được gọi là Tùy phiền não vì là đối tượng (ārammaṇa) hay trú xứ (vatthu) của Tùy phiền não, không phải vì bất thiện gì cả; trừ Dục (Nikanti) hay ái nhiễm là Tùy phiền não cũng là đối tượng của Tùy phiền não.

Tùy phiền não quán hay Tùy phiền não này, khi nói theo đối tượng hay trú xứ gồm có 10 loại (như Ánh sáng chẳng hạn), nhưng khi nói theo *sự chấp trước (gāha)* sẽ gồm 30 loại. Nghĩa là, khi hành giả chấp thủ rằng:

• Ánh sáng đã phát sinh đến ta, gọi là *Diṭṭhigāha – Kiến trước*, sự chấp trước do năng lực của Tà kiến.

• Ánh sáng phát sinh đến ta này đẹp đẽ, thật như ý, gọi là *Mānagāha – Mạn trước*, sự chấp trước do năng lực của Mạn.

• Khi hành giả vui vẻ, ngợi ca ánh sáng đó, gọi là *Taṇhāgāha – Ái trước*, sự chấp trước do năng lực của Ái.

Mỗi loại Tùy phiền não còn lại cũng có 3 dạng chấp thủ giống như Ánh sáng, cho nên cộng lại thành 30 Tùy phiền não tính theo *sự chấp trước (gāha)* vậy.

HÀNH GIẢ KHÔNG THIỆN XẢO TRƯỚC TÙY PHIỀN NÃO

Khi Tùy phiền não sinh khởi, tâm hành giả sẽ thiếu linh lợi, không sắc bén, dao động, phóng tâm và do năng lực của các chấp trước mà hành giả luôn thấy: "Tùy phiền não là ta, ta là Tùy phiền não, Tùy phiền não là tự ngã của ta".

Các Tùy phiền não, tính từ *Ánh sáng (Obhāsa)* đến *Xả (Upekkhā)* là 9 thiện pháp thật, chúng sinh khởi nương vào sự tinh cần, nỗ lực không nhỏ của hành giả, nhưng khi xuất hiện lại trở thành các Tùy phiền não, do bởi các sự chấp trước: Tà kiến, Mạn và Ái xen vào nhiễu động. Ví như khi *Ánh sáng* khởi sinh thì Tà kiến cũng phát sinh đến với hành giả, khiến cho hành giả suy nghĩ rằng ánh sáng này khởi sinh đồng nghĩa với ta đã chứng các pháp cao thượng; tiếp đến Mạn cũng phát sinh, làm cho hành giả suy nghĩ rằng ta thật có phước, và rồi hành giả thích thú, mừng vui, mong sao trạng thái ấy hiện hữu lâu dài. Thế là, Ái phát sinh khiến cho *Ánh sáng* – bản chất là một thiện pháp, lại trở thành Tùy phiền não.

Cả 9 pháp đã nêu, từ *Ánh sáng* đến *Xả* ở trong giai đoạn này, dẫu là các thiện pháp, nhưng vẫn bị trở thành Tùy phiền não, thảy đều do Tà kiến, Mạn và Ái xen vào làm cho hành giả phải chịu tác động không ít. Tuy nhiên, khi vượt khỏi Minh sát tuệ này, cả 3 chấp trước: Tà kiến, Mạn và Ái sẽ rời đi; 9 thiện pháp sẽ trở lại như trước và còn tốt hơn trước nữa, là chúng sẽ thành các Giác chi (Bojjhaṅga), là các yếu tố giác ngộ. Riêng pháp cuối cùng là *Dục (Nikanti – Ái nhiễm)* là phiền não thực thụ, không phải nghi ngờ gì cả. Cho nên trong *Thanh Tịnh Đạo*, Đức trưởng lão *Buddhaghosa* có viết:

"Vipassanūkilesā hi paṭivedhapattassa ariyasāvakassa ceva vippaṭipannakassa ca nikkhittakammaṭṭhānassa kusītapugalassa nuppajjanti."

"Thật vậy, các Tùy phiền não sẽ không phát sinh đến các bậc Thánh đệ tử đã đạt đến Pháp thành một lần rồi phát nguyện trở lại tuệ này, bậc Thánh đệ tử cao hơn tuệ này, hành giả thực hành sai đường, cũng như hành giả lười biếng, lơ là thực hành."

Lại nữa, ngài còn viết:

"Sammāpaṭipannassa pana yuttapayutassa āraddhavipassakassa kūlaputtassa uppajjantiyeva."

"Về phần những vị thực hành đúng, tinh cần không thối chí, đạt đến Nhược sinh diệt tuệ nhất định sẽ gặp Tùy phiền não."

HÀNH GIẢ THIỆN XẢO TRƯỚC TÙY PHIỀN NÃO

Đối với hành giả có trí tuệ, sắc sảo, có tri thức, hiểu biết toàn diện về Tùy

phiền não, nhất là khi có *Ánh sáng* phát sinh chẳng hạn, hành giả sẽ thấu hiểu, suy xét kỹ lưỡng bằng trí tuệ rằng:

• Ánh sáng đã phát sinh đến ta, nhưng thực chất của ánh sáng đấy là vô thường, do các duyên tạo tác, dựa vào điều kiện mà sinh khởi, có sự suy giảm là thường, có sự băng hoại là thường, có sự hủy diệt là thường.

• Nếu ánh sáng này là ngã thì sự chấp thủ ánh sáng là bản ngã cũng phải, song ánh sáng không phải là ngã, mà là vô ngã, bởi vì không theo quyền năng; là vô thường vì có rồi lại không, là khổ não vì có sự bức bách.

Khi quán sát như thế, hành giả sẽ thấy: "Ánh sáng này không phải của ta, ta không phải là ánh sáng, ánh sáng không phải là tự ngã của ta". Ngay cả các Tùy phiền não còn lại, hành giả cũng quán sát như thế, không dao động, không run sợ trước các Tùy phiền não. Như các bậc cổ đức đã khẳng định:

"Iminā dasa ṭhānāni Paññā yassa parīcitā
Dhammuddhaccakusalo hoti Na ca vikkhepaṃ gacchati."

"Hành giả quán sát mười pháp này bằng trí tuệ, là bậc thiện xảo đã tự thoát ra khỏi các tùy phiền não và không bị phóng tâm."

Hành giả xa rời sự phóng tâm, gọi là nhổ hết cỏ dại, đó là 30 loại Tùy phiền não. Biết rõ gì là *đạo*, gì không phải là *đạo*. Chẳng hạn như Ánh sáng, v.v... không phải là *đạo*; còn Tuệ quán thoát khỏi Tùy phiền não và diễn tiến theo đường hướng của Minh sát chính là *đạo*. Trí tuệ thấy rõ *đạo* và *phi đạo* phát sinh đến hành giả nào thì vị ấy được gọi là đạt đáo *Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh*.

Khi hành giả tiến tu Minh sát tuệ, chứng đắc *Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh*. xem như đã thấu hiểu 3 chân lý qua Hiệp thế trí (Lokiyapaññā):

(01). Thấu hiểu *Dukkhasacca – Khổ đế* qua sự thấy biết danh-sắc trong *Kiến thanh tịnh (Diṭṭhivisuddhi)*.

(02). Thấu hiểu *Samudayasacca – Tập đế* qua sự thấy biết duyên của danh-sắc trong *Đoạn nghi thanh tịnh (Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi)*.

(03). Thấu hiểu *Maggasacca – Đạo đế* qua sự thấy biết đạo chân chánh trong *Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh (Maggāmaggadassanavisuddhi)*.

4, Balavaudayabbayañāṇa – Cường sinh diệt tuệ:

Balavaudayabbayañāṇa là *Sinh diệt tuệ* dạng mạnh mẽ, chín muồi. *Sinh diệt tuệ* bước đầu còn yếu kém nên không thể quán sát được Tam tướng đúng như chân

như thật, bởi vì bị 10 Tùy phiền não làm cho mê mờ. Do vậy, hành giả cần nỗ lực tiến tu hơn nữa để vượt qua 10 Tùy phiền não thì *Sinh diệt tuệ* mới vững mạnh để thoát khỏi các Tùy phiền não và có khả năng quán sát Tam tướng một cách rõ ràng, chắc chắn.

Sở dĩ Tam tướng không hiển lộ là do những nguyên nhân sau:

• *Vô thường tướng (Aniccalakkhaṇa)* không hiển lộ vì tính tương tục che đậy, và vì không tác ý đến sự sinh và sự diệt.

• *Khổ tướng (Dukkhalakkhaṇa)* không hiển lộ vì các oai nghi che đậy, và vì không tác ý đến sự bức bách sinh khởi trước mắt.

• *Vô ngã tướng (Anattalakkhaṇa)* không hiển lộ vì nhóm khối che đậy, và vì không tác ý đến sự băng hoại yếu tố cấu thành.

Một khi hành giả quán sát sự sinh và sự diệt rồi lật bỏ tính tương tục thì *Vô thường tướng* sẽ hiển lộ đúng thực tính pháp của tự thân. Khi thường xuyên tác ý đến sự bức bách sinh khởi trước mắt rồi lật bỏ các oai nghi, *Khổ não tướng* sẽ hiển lộ đúng thực tính pháp vốn có. Và khi phát tán các yếu tố cấu thành rồi chia chẻ, phân tách khối nhóm ra thì *Vô ngã tướng* sẽ hiển lộ đúng thực tính pháp của mình.

Hành giả tiến tu Minh sát tuệ, đạt đến *Cường sinh diệt tuệ* hẳn quán sát thấy Tam tướng như vầy:

(01). *Anicca – Vô thường:* Ngũ uẩn gọi là vô thường vì sinh rồi diệt, hoặc là có rồi không có.

(02). *Aniccalakkhaṇa – Vô thường tướng:* Tính chất của Vô thường, nghĩa là các Hành sinh khởi rồi diệt đi, hoặc là trạng thái hiện hữu rồi không.

(03). *Dukkha – Khổ não:* Ngũ uẩn gọi là Khổ não vì Đức Phật có dạy: ***"Yadaniccaṃ taṃ dukkhaṃ"***. Nghĩa là: "Pháp nào là Vô thường, pháp ấy là Khổ não", và bởi vì phải đối diện với sự bức bách thường xuyên.

(04). *Dukkhalakkhaṇa – Khổ não tướng:* Tính chất của Khổ não, là trạng thái thường xuyên phải đối diện với sự bức bách.

(05). *Anatta – Vô ngã:* Ngũ uẩn gọi là Vô ngã vì Đức Phật có dạy: ***"Yaṃ dukkhaṃ tadanattā"***. Nghĩa là: "Pháp nào là Khổ não, pháp ấy là Vô ngã", và bởi vì không theo quyền lực của một ai.

(06). *Anattalakkhaṇa – Vô ngã tướng:* Tính chất của Vô ngã, là trạng thái không làm theo sự điều khiển của bất cứ thế lực nào.

V. BHAṄGAÑĀṆA – HOẠI DIỆT TUỆ

Bhaṅgañāṇa – Hoại diệt tuệ là trí tuệ chỉ thấy sự hoại diệt của danh-sắc mà thôi.

Pāḷi định nghĩa:

*** *Udayaṃ muñcitvā vaye pavattaṃ ñāṇaṃ bhaṅgañāṇaṃ.***

Trí tuệ bỏ qua sự sinh rồi diễn tiến theo sự diệt gọi là *bhaṅgañāṇa*, dịch là *hoại diệt tuệ*.

Chi pháp của *Hoại diệt tuệ* là *Paññācetasika – Tuệ tâm sở* trong 4 Đại thiện tâm hợp trí (Mahākusalañāṇasampayuttacitta).

Khi hành giả quán sát và suy xét cật lực trên danh-sắc theo vô thường, khổ não và vô ngã một cách liên tục, năng lực của Minh sát tuệ mạnh mẽ hơn lên, thực tánh của các Hành hiển lộ nhanh chóng, khiến cho trí tuệ không kịp thời quán sát sự sinh khởi, sự trụ lại, sự diễn tiến hoặc ấn tướng của các Hành. Niệm (Sati) và Tuệ quán (Vipassanāñāṇa) được thiết lập và quán sát kịp thời chỉ trên *nirodha*, tức là *sự diệt tận*, *sự băng hoại* và *sự tan rã* của các Hành.

Lúc mà trí tuệ trong thiền vững mạnh hơn lên, các Hành hiển lộ với hiện tượng biến mất, đến độ hành giả không thấy được sự sinh khởi cũng như trụ lại; tính tương tục, diễn tiến bị đứt quãng, hình dạng hầu như không xuất hiện. Hành giả chỉ quán sát thấy *nirodha – sự diệt tận*, *sự băng hoại* và *sự tan rã* mà thôi.

Từ *nirodha,* mang 2 ý nghĩa:

- Uppādanirodha: Sự diệt còn có sinh khởi.
- Anuppādanirodha: Sự diệt thuộc về Đạo diệt (Magganirodha). Đây chính là sự diệt của các bậc Thánh nhập Quả định (Phalasamāpatti) hoặc nhập Diệt thọ tưởng định (Nirodhasamāpatti).

* Trong phần này, *nirodha* chính là *uppādanirodha* – sự diệt còn có sinh khởi.

Trí tuệ quán sát thấy sự diệt của đối tượng thường xuyên gọi là *Diệt tùy quán trí (Bhaṅgānupassanāñāṇa)*. Hay nói khác đi, trí tuệ quán sát thấy đối tượng bởi sự diệt tận, sự băng hoại, sự tan rã gọi là *Diệt tùy quán trí*.

1, Quán sát thường xuyên:

Ở đây, hành giả phải quán sát thường xuyên đối tượng theo sự hoại đi, mất đi, diệt đi. Trong đó, *quán sát thường xuyên* nghĩa là:

- Thấy biết đối tượng đều đặn bởi tính vô thường, không phải là thường.
- Thấy biết đối tượng đều đặn bởi tính khổ, không phải là lạc.
- Thấy biết đối tượng đều đặn bởi tính vô ngã, không phải là ngã.

Như thế hành giả sẽ phát sinh sự nhàm chán, không phải là sự hài lòng, vui vẻ (ái dục kết hợp phỉ lạc); rời xa ái nhiễm, không phải tham đắm; phát sinh sự hoại diệt, không phải sinh khởi; tạo nên sự từ bỏ, không phải chấp thủ, dính mắc.

Một khi quán sát thường xuyên thấy đối tượng theo tính vô thường, hành giả sẽ đoạn trừ được *Thường tưởng (Niccasaññā)*. Quán sát thường xuyên thấy đối tượng theo tính khổ não sẽ đoạn trừ được *Lạc tưởng (Sukhasaññā)*. Quán sát thường xuyên thấy đối tượng theo tính vô ngã sẽ đoạn trừ được *Ngã tưởng (Attasaññā)*.

Khi quán sát thường xuyên, thấy các Hành theo tính vô thường, khổ não và vô ngã, hành giả sẽ phát sinh sự chán ngán, không hân hoan, vui vẻ, rời xa ái dục (rāga), đoạn trừ ái dục. Ở giai đoạn này, các pháp diễn tiến theo năng lực của Minh sát tuệ thuộc về Hiệp thế (Lokiya).

Hành giả quán sát thường xuyên, thấy các Hành theo sự hoại diệt và là bậc đã xa rời ái nhiễm, có khả năng quán sát thấy thường xuyên các Hành mà tự thân chưa từng thấy theo sự hoại diệt do năng lực của Tuệ quán theo tuần tự và *tác ý (manasikāra)* trước các Hành này cũng chỉ thấy toàn sự hoại diệt mà thôi, không thấy sự sinh khởi. Lúc hành giả thực hành đến giai đoạn này, được gọi là giũ bỏ các Hành, không còn bám víu nữa.

Khi quán sát thường xuyên, hành giả thấy các Hành theo tính vô thường, v.v... khiến cho phát sinh sự đoạn trừ phiền não, cùng với các uẩn và các Hành (Abhisaṅkhāra) do năng lực của *đoạn trừ từng phần (tadaṅgapahāna)*, gọi là *xả ly đoạn trừ (pariccāgapaṭinissagga)*. Điều này giúp cho hành giả hướng tâm đến Niết-bàn, là thực tánh đối lập với các Hữu vi pháp (Saṅkhatadhamma) do thấy được hạn chế, yếu điểm của các Hữu vi pháp, gọi là *thể nhập đoạn trừ (pakkhandanapaṭinissagga)*.

Như vậy, khi kết hợp với các tùy quán, ví dụ như Vô thường tùy quán (Aniccānupassanā) chẳng hạn, hành giả sẽ đoạn trừ phiền não bằng sự đoạn trừ từng phần và hướng tâm đến Niết-bàn. Thêm vào đó, hành giả không còn bám víu vào phiền não bằng cách làm cho chúng phát sinh và không chấp thủ vào các Hữu vi pháp bằng cách thấy được hạn chế, yếu điểm của chúng. Do vậy, mới gọi là *xả ly, không chấp trước*.

Hành giả quán sát thấy tâm với đối tượng là sắc pháp một cách thường xuyên bởi sự hoại diệt này có 2 dạng:

- Quán sát thấy sự băng hoại, đoạn diệt của sắc (là đối tượng của tâm)
- Quán sát thấy sự băng hoại, đoạn diệt của tâm (có sắc là đối tượng) bởi một tâm khác

2, Paṭisaṅkhāvipassanā – Giác sát quán:

Paṭisaṅkhāvipassanā – Giác sát quán là sự thấy rõ bằng cách thường xuyên quán sát đối tượng. *Giác sát quán* có 3 tính chất:

a, Chuyển dời đến đối tượng: Nghĩa là, khi thấy sự hoại diệt của sắc pháp bằng một tâm nào đó thì cần thấy sự diệt của tâm ấy bằng một tâm khác tiếp theo.

b, Vững chãi trên đối tượng: Nghĩa là, tại thời điểm quán sát thấy thường xuyên ấy, cần chủ tâm kiên định chỉ trên sự hoại diệt của các Hành, không suy xét đến sự sinh khởi.

c, Sức mạnh bền vững trong tư duy: Nghĩa là, có khả năng trong việc suy nghĩ, tư duy tiếp nối nhau, không dừng nghỉ. Khi thấy sự hoại diệt của sắc pháp rồi, cần thấy sự hoại diệt của tâm tiếp theo sau.

Giác sát quán này cũng gọi là *Bhaṅgānupassanā – Hoại diệt tùy quán* vậy.

3, Vayalakkhaṇavipassanā – Diệt tướng quán:

Vayalakkhaṇavipassanā – Diệt tướng quán là sự thấy rõ trạng thái của sự hoại diệt. *Diệt tướng quán* có 2 trạng thái, đó là:

a, Các Hành sẽ hoại diệt: Khi quán sát thấy đối tượng là các Hành trong hiện tại theo sự hoại diệt, ngay cả các Hành trong quá khứ, lẫn vị lai cũng quán sát thấy như nhau; tức là thấy từng hoại diệt rồi và sẽ hoại diệt tiếp đến theo tuần tự của đối tượng từng đã thấy rồi. Đúng như chư vị Giáo thọ tiền bối đã nêu:

"Saṃvijjamānamhi visuddhadassano
Tadanvayaṃ neti atītanāgate
Sabbepi saṅkhāragatā paloniko
Ussāvabindū suriyeva uggate."

"Hành giả là vị thấy biết thanh tịnh về các hành đang có (ở hiện tại), ắt dẫn sự thấy biết thanh tịnh ấy đến các hành trong quá khứ và vị lai rằng tất cả các hành sẽ hoại diệt là thường tình, giống giọt sương sẽ bốc hơi khi vầng dương ló dạng."

b, Hướng đến sự hoại diệt: Khi quán sát sự diệt đi của đối tượng trong hiện tại, quá khứ và cả vị lai, tâm cũng hướng đến, quy về sự hoại diệt một cách chắc chắn.

4, Adhipaññāvipassanā – Tăng thượng tuệ quán:

Adhipaññāvipassanā – Tăng thượng tuệ quán là sự thấy rõ bằng trí tuệ tối thượng, gồm có 3 trạng thái:

a, Quán sát thấy đối tượng: Đối tượng chính là sắc pháp, thường xuyên bị hoại diệt.

b, Tâm quán sát diệt: Khi quán sát đối tượng là sắc pháp đang diệt đi bằng tâm nào, tại thời điểm tiếp theo phải quán sát thấy sự hoại diệt của tâm ấy.

c, Sự trống rỗng hiển hiện: Khi quán sát thấy sự hoại diệt của các Hành thường xuyên, sự trống rỗng sẽ hiển lộ rõ: "Chính các Hành là cái bị tan hoại, biến mất. Sự hoại diệt của các Hành ấy được giả định là cái chết, thực chất là không có chúng sinh, không có con người nào bị biến mất hay chết đi cả". Do vậy, chư vị Cổ đức đã viết:

"Khandhā nirujjhanti na catthi añño
Khandhāna bhedo maraṇanti vuccati
Tesaṃ khayaṃ passati appamattaṃ
Maṇiṃva vijjhaṃ vajirena yoniso."

"Các uẩn diệt đi, không có pháp (người hay chúng sinh) nào khác. Sự hoại diệt của các uẩn, gọi là 'sự chết'. Hành giả, bậc không dễ duôi, thấy rõ sự hoại diệt của các uẩn ấy bởi như lý tác ý, giống người thợ kim hoàn đục thủng ngọc mani bằng kim cương."

5, Quả báu của Hoại diệt tuệ:

Khi hành giả thực hành đến *Hoại diệt tùy quán* rồi, tâm ý sẽ không bị chao đảo trước tà kiến như Thường kiến (Sassatadiṭṭhi) chẳng hạn và là bậc luôn có tác ý: *"Pháp nào chưa diệt thì đang diệt, pháp nào chưa hoại thì đang hoại"*. Hành giả có khả năng loại bỏ tác ý đến sự sinh khởi, sự trụ lại, sự diễn tiến, ấn tướng của các Hành và chỉ thấy sự hoại diệt mà thôi. Giống như một người đang thấy sự tan vỡ của một cái đĩa dễ vỡ, hoặc thấy bụi bặm bay tung tóe trong hư không vì người ta ném hòn đá vào cục đất mịn, hoặc thấy sự nổ lốp bốp của hạt mè đang bị rang trên chảo nóng; hoặc giống như người nam đang đứng bên bờ hồ nước hay bên mé sông, khi mưa đang rơi nặng hạt, ông ta có thể thấy bong bóng nước đang phồng lên trên bề mặt nước rồi vỡ ra nhanh chóng. Bởi thế, khi nhắm đến hành giả đã đạt đến *Hoại diệt tùy quán* này, Đức Thế Tôn có dạy:

"Yathā pubbuḷakaṃ passe Yathā passe marīcikaṃ
Evaṃ lokaṃ avekkhanataṃ Maccurājā na passati."

"Ma vương không thể thấy được hành giả, người quán sát thế gian (ngũ uẩn) giống như thấy bong bóng nước hoặc giống như thấy ảo ảnh vậy."

Khi hành giả thường xuyên quán sát thấy: "Tất cả các Hành hoại diệt đi" như vậy, *Hoại diệt tùy quán* sẽ vững mạnh cùng với 8 quả báu như vầy:

(01). *Đoạn trừ được Hữu kiến (Bhavadiṭṭhi)*
(02). *Dứt bỏ ái luyến mạng sống*
(03). *Nỗ lực bền vững trong pháp thực hành*
(04). *Nuôi mạng chân chánh*
(05). *Dứt bỏ tầm cầu*
(06). *Xa rời sợ hãi*
(07). *Có đức tính nhẫn nại và nghiêm tịnh*
(08). *Chế ngự trước điều bất mãn và điều thỏa mãn*

Vì lẽ đó, chư vị Giáo thọ tiền bối đã viết:

"Imāni aṭṭhagguṇamuttamāni
Disvā tahiṃ sammasatī punappunaṃ
Ādittacelassirasūpamo muni
Bhaṅgānupassī amatassa pattiyā."

"Bậc ẩn sĩ thường thấy sự hoại diệt lặp đi lặp lại, lúc hiểu tám công đức tối thượng rồi, ví như người có khăn quấn trên đầu bị cháy sẽ quán sát thường xuyên bằng hoại diệt tùy quán trí ấy, nhằm đạt pháp bất tử vậy."

Trong *Đại Sớ Giải Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimaggamahāṭīkā)*, Đức trưởng lão *Mahādhammapāla* đã viết:

"Nanu ca tajjā paññattivasena sabhāvadhammo gaṇhāyatī'ti. Saccaṃ gaṇhāyati pubbabhāge bhāvanāya pana vaḍḍhamānāya paññattiṃ samatikkamitvā sabhāveyeva cittaṃ tiṭṭhatī'ti."

Hỏi: "Thực tính pháp mà bạn đang thủ chấp do năng lực của chế định sinh khởi từ trạng thái đó không phải sao?"

Đáp: "Phải, thủ chấp từ đầu, nhưng khi tiến tu tuệ quán, tâm đã vượt qua chế định, lập cước trên chính thực tính pháp."

VI. BHAYAÑĀṆA – KINH HÃI TUỆ

Bhayañāṇa – Kinh hãi tuệ là trí tuệ quán sát thấy danh-sắc là pháp đáng sợ hãi.

Pāḷi định nghĩa:

* ***Saṅkhārānaṃ bhayato anupassanāvasena pavattaṃ ñāṇaṃ bhayañāṇaṃ.***
Trí tuệ diễn tiến theo năng lực của tùy quán các hành bằng tính chất đáng ghê sợ, do vậy được gọi là *bhayañāṇa*, dịch là *kinh hãi tuệ*.

Chi pháp của *Kinh hãi tuệ* là *Paññācetasika – Tuệ tâm sở* trong 4 Đại thiện tâm

hợp trí (Mahākusalañāṇasampayuttacitta).

1, Nội dung của Kinh hãi tuệ:

a, Khi hành giả tiến tu *Hoại diệt tùy quán trí* vững mạnh hơn lên bởi sự quán sát thấy sự diệt tận hoặc sự băng hoại của các Hành là đối tượng tu tập. Các Hành với sự hoạt diệt có mặt trong 3 Hữu (Bhava), 4 Loài (Yoni), 5 Cảnh đến (Gati), 7 Thức trú (Viññāṇaṭhiti), 9 Hữu tình cư (Sattāvāsa) cũng sẽ hiển lộ thành trạng thái đáng kinh sợ, rất nguy hiểm tương tự như sư tử, hổ, gấu, beo, dạ-xoa, bò điên, voi dữ, rắn độc, sét đánh, bãi tha ma, hố than hừng cháy, chiến trường bom đạn, v.v... là những thứ đáng ghê sợ đối với người có tính khí nhút nhát, muốn có cuộc sống bình yên.

b, Hành giả quán sát thấy rõ rằng các Hành thuộc về quá khứ đã diệt rồi, thuộc về hiện tại thì đang diệt, thậm chí có sinh khởi trong vị lai cũng sẽ diệt. Điều này cho thấy rằng, tại đây, trí tuệ có tên là *Bhayatupaṭṭhānañāṇa – Kinh hãi lập tuệ* đang phát sinh.

c, Một vài ví dụ về Kinh hãi lập tuệ:

(01). Một phụ nữ có 3 người con trai, cả 3 người con ấy đều đắc tội với nhà vua và phải mang án tử hình. Người phụ nữ đi đến pháp trường, khi đó đao phủ thủ đã chặt đầu người con trưởng và đang chuẩn bị chém đầu đứa con thứ hai. Phụ nữ ấy thấy đầu của con trai cả bị chặt rồi và đao phủ thủ đang chém đầu con trai thứ bèn dứt bỏ lòng thương yêu nơi đứa con trai út vì nghĩ: "Rồi thằng út cũng sẽ như hai anh của nó thôi!"

Trong ví dụ này, hành giả thấy sự hoại diệt của các Hành thuộc về quá khứ, giống như việc người phụ nữ thấy đầu của con trai cả bị chặt đi. Việc hành giả thấy sự hoại diệt của các Hành thuộc về hiện tại, giống như việc người phụ nữ thấy đầu của con trai thứ đang bị chặt. Việc hành giả thấy sự hoại diệt của các Hành sẽ khởi sinh trong vị lai, giống như việc người phụ nữ ấy dứt bỏ lòng thương yêu nơi đứa con trai út vì nghĩ: "Rồi thằng út cũng sẽ như hai anh của nó thôi!" Khi hành giả thấy được như thế, tại thời điểm ấy *Kinh hãi lập tuệ* đang phát sinh.

(02). Một bà mẹ có con bị chết đến 10 đứa. Trong số 10 đứa con ấy, 9 đứa chết lúc sinh, đứa thứ 10 chết trong vòng tay ôm của mẹ, riêng đứa thứ 11 thì đang nằm trong bụng của bà. Bà mẹ thấy cả 9 đứa đã chết, đứa thứ 10 thì đang chết nên chẳng hy vọng gì, bèn dứt bỏ tình yêu thương với đứa thứ 11 đang còn mang thai mà nghĩ: "Cả bé trong bụng này cũng sẽ giống như những đứa trước thôi!"

Trong ví dụ này, hành giả thấy sự hoại diệt của các Hành thuộc về quá khứ,

giống như việc bà mẹ nhớ đến cái chết của 9 đứa con trước đây. Việc hành giả thấy sự hoại diệt của các Hành thuộc về hiện tại, giống như việc bà mẹ thấy đứa con trong vòng tay của mình đang chết dần. Việc hành giả thấy sự hoại diệt của các Hành thuộc về vị lai, giống như việc bà mẹ dứt bỏ tình yêu thương với đứa con trong bụng mình. Khi hành giả thấy được như thế, tại thời điểm đó *Kinh hãi lập tuệ* đang phát sinh.

2, Kinh hãi tuệ với sự sợ hãi:

Thật ra, *Kinh hãi tuệ* không phải là trí tuệ kết hợp với sự sợ hãi, mà *Kinh hãi tuệ* chính là trí tuệ đang xem xét rằng *các Hành thuộc về quá khứ đã diệt tận, các hành hiện tại đang diệt đi và các Hành trong vị lai rồi cũng sẽ hoại diệt một cách chắc chắn*. Do vậy, nên mới có sự so sánh với một người thấy 3 hố than cháy đỏ ở gần cổng thành; bản thân ông ta không sợ hãi gì, chỉ khởi lên sự suy xét hoặc cảm thấy rùng rợn rằng nếu có người rơi vào cả 3 hố than này thì họ sẽ chịu thống khổ biết dường nào. Hoặc giống một người thấy 3 ngọn giáo: một ngọn làm bằng gỗ, một ngọn làm bằng sắt và một ngọn làm bằng đồng, được găm xuống cạnh nhau; bản thân ông ta không sợ hãi gì, chỉ khởi lên sự suy xét hoặc cảm thấy rùng rợn rằng nếu có người rơi trên mũi 3 ngọn giáo này, chắc hẳn họ sẽ đau đớn, thống khổ như thế nào thì *Kinh hãi tuệ* cũng như thế ấy. Tự thân trí tuệ chẳng có gì là sợ hãi cả, chỉ phát sinh sự suy xét rằng *các Hành trong Tam giới tựa như hố than hừng hay mũi giáo, cái thuộc về quá khứ đã diệt tận, cái thuộc về hiện tại thì đang diệt, còn cái thuộc về vị lai ắt sẽ diệt chắc chắn*.

3, Nói về trạng thái đáng kinh sợ:

Trạng thái đáng kinh sợ được phân thành 2 dạng:

- Mūlavatthu – Căn nguyên
- Pariyāyavatthu – Gián tiếp

a, Mūlavatthu – Căn nguyên: Nền tảng gốc rễ của Khổ, gồm có 5 loại: Uppāda – Sinh khởi, Pavatta – Diễn tiến, Nimitta – Ấn tướng, Āyūhana – Tích trữ, Paṭisandhi – Tục sinh.

(01). *Uppāda – Sinh khởi:* Sự khởi sinh của ngũ uẩn dựa trên nghiệp quá khứ. Nếu không có nghiệp quá khứ (nghiệp cũ đã tạo trong kiếp trước) thì các uẩn hiện tại cũng không có. Một khi không có nghiệp vi tế thì các uẩn này thật đáng kinh sợ vì kết hợp với nhiều loại khổ.

(02). *Pavatta – Diễn tiến:* Sự vận hành không ngừng nghỉ của danh-sắc trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới là những trạng thái đáng kinh sợ, bởi vì đó là khổ, bị các loại khổ bức bách, nhiễu hại thường xuyên.

(03). *Nimitta – Ấn tướng:* Danh-sắc trong quá khứ, vị lai và hiện tại là pháp

vô thường, khổ não vì khó chịu đựng được và không điều khiển được, không ở dưới quyền lực của một ai. Danh-sắc là thứ nhỏ nhiệm, trống rỗng, vô chủ, không cốt lõi, chỉ bị hư hoại mà thôi. Do vậy, danh-sắc là pháp đáng kinh sợ đối với hành giả có trí tuệ quán sát thấy.

(04). *Āyūhana – Tích trữ:* Nghiệp là nhân tố để tạo sự tục sinh về sau. Nghĩa là, Thiện nghiệp tạo sinh chủng trong Lạc cảnh còn Bất thiện nghiệp tạo sinh chủng trong Khổ cảnh. Do vậy, danh-sắc là pháp đáng kinh sợ.

(05). *Paṭisandhi – Tục sinh:* Việc tái sinh trở lại theo quả của nghiệp mà tự thân đã tạo như đã nêu, khi nào danh-sắc sinh khởi, khi ấy khổ não liền theo sau; giống như thấy tai nấm đùn đất trồi lên lúc nào, thì đất cát cũng dính theo lúc ấy. Do vậy, danh-sắc là pháp đáng kinh sợ.

b, Pariyāyavatthu – Gián tiếp: Nơi lập cước của Khổ một cách gián tiếp, gồm có 10 loại: Gati – Cảnh đến, Nibbatti – Hiển lộ, Uppatti – Cảnh giới, Jāti – Sinh, Jarā – Lão, Byādhi – Bệnh, Maraṇa – Tử, Soka – Sầu ưu, Parideva – Than vãn, Upāyāsa – Uất ức.

(01). *Gati – Cảnh đến:* Khi thân hoại mạng chung, chúng sinh sẽ tục sinh vào một trong 2 loại Cảnh đến là Khổ cảnh (Duggati) và Lạc cảnh (Sugati). Trong đó, Khổ cảnh là Cảnh đến không tốt đẹp, chúng sinh tái sinh vào đây do năng lực của tham, sân, si; còn Lạc cảnh là Cảnh đến tốt đẹp, chúng sinh sẽ tái sinh vào cõi người, chư thiên hoặc phạm thiên do năng lực của Dục giới thiện, Sắc giới thiện hoặc Vô sắc giới thiện.

(02). *Nibbatti – Hiển lộ:* Sự hiển hiện của các uẩn, phân thành 3 loại:

- Nāmanibbatti – Danh hiển lộ: Quả tục sinh trong 4 cõi Vô sắc giới thiên
- Rūpanibbatti – Sắc hiển lộ: Quả tục sinh trong cõi Vô tưởng thiên
- Nāmarūpanibbatti – Danh-sắc hiển lộ: Quả tục sinh trong 26 cõi còn lại

(03). *Uppatti – Cảnh giới:* Cảnh giới mà chúng sinh sẽ sinh vào, đó là: Dục giới, Sắc giới hoặc Vô sắc giới.

(04). *Jāti – Sinh:* Tục sinh của chúng sinh, phân thành 3 loại:

- Ekavokārajāti – Nhất uẩn sinh: Tục sinh trong cõi Vô tưởng thiên
- Catuvokārajāti – Tứ uẩn sinh: Tục sinh trong 4 cõi Vô sắc giới thiên
- Pañcavokārajāti – Ngũ uẩn sinh: Tục sinh trong 26 cõi còn lại

Từ *Jāti – Sinh* này còn mang 3 nghĩa khác nữa:

- Sammatijāti – Giả định sinh: Sinh rồi chết của chúng sinh
- Santatijāti – Tương tục sinh: Sự tiếp diễn của danh-sắc, gồm có 5 loại:

• Vaya - Thời: Gồm 3 thời là sơ niên, trung niên, hậu niên

• Vassa - Niên: Năm chia ra 12 tháng

• Utu - Quý: Chia thành 3 mùa là mùa nóng, mùa mưa, mùa lạnh

• Divasa - Nhật: Ngày chia thành buổi, giờ, phút, giây

• Iriyāpatha - Oai nghi: Tư thế có 4 là đi, đứng, ngồi, nằm

- Khaṇikajāti – Sát-na sinh: Sự sinh khởi của danh-sắc tại mỗi một sát-na. Chẳng hạn tại thời điểm mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, v.v...

(05). *Jarā – Lão:* Sự già lão, suy yếu của danh-sắc, gồm 3 loại:

- Sammatijarā – Giả định lão: Sự già theo giả định của nhân gian, như tóc bạc, răng rụng, v.v...

- Santatijarā – Tương tục lão: Sự già lão theo tuần tự của danh-sắc, tính từ tục sinh cho đến tử tận luôn có sự tương tục.

- Khaṇikajarā – Sát-na lão: Sự già lão theo từng sát-na, đó là uppāda - sinh, ṭhiti - trụ và bhaṅga - diệt.

(06). *Byādhi – Bệnh:* Sự bệnh hoạn, thương tật, tức Khổ thọ (Dukkhavedanā) do nhiều loại bệnh tật mang lại: bệnh nơi mắt, bệnh nơi mũi, bệnh nơi tai, bệnh nơi lưỡi, bệnh nơi thân, bệnh nơi đầu, bệnh nơi miệng, bệnh răng, bệnh ho, bệnh hen, bệnh cúm, bệnh nội nhiệt, bệnh tim, gan, phổi, thận, tỳ, v.v...

(07). *Maraṇa – Tử:* Cái chết, được chia thành 3 loại:

- Kālamaraṇa – Tử thuận thời: Cái chết đúng thời, chẳng hạn chết vì hết tuổi thọ, chết vì hết nghiệp hoặc chết vì hết cả nghiệp lẫn tuổi thọ.

- Akālamaraṇa – Tử phi thời: Cái chết không đúng thời, chẳng hạn chết vì bị xe tông, bị bom rơi, đạn lạc.

Ngoài ra cái chết còn chia thành 3 loại khác nữa:

- Sammatimaraṇa – Giả định tử: Chết theo chế định của thế gian, như người chết, trâu bò chết, v.v...

- Khaṇikamaraṇa – Sát-na tử: Chết tại mỗi sát-na, chết tại mỗi bước đi, tại mỗi hơi thở vào ra, tại mỗi lúc mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm nóng lạnh, cứng mềm, căng chùng, tâm nghĩ đến pháp trần.

- Samucchedamaraṇa – Tuyệt diệt tử: Cái chết đoạn tuyệt luân hồi tử sinh, đó là cái chết của bậc Thánh A-ra-hán.

(08). *Soka – Sầu ưu:* Trạng thái buồn rầu, sầu muộn do sự suy hoại, mất

mát (byāsana) vì 5 lý do:

- Ñātibyāsanasoka: Sầu ưu vì mất mát bà con, người thân
- Bhogabyāsanasoka: Sầu ưu vì mất mát tài sản
- Rogabyāsanasoka: Sầu ưu vì bệnh tật hành hạ
- Sīlabyāsanasoka: Sầu ưu vì giới hạnh bị hủy hoại
- Diṭṭhibyāsanasoka: Sầu ưu vì chánh kiến suy hoại

(09). *Parideva – Than vãn:* Sự than vãn, khóc lóc, kêu la do sự suy hoại, mất mát (byāsana) vì 5 lý do như đã nêu trên.

(10). *Upāyāsa – Uất ức:* Sự khốn cùng, đau buồn, uất ức hết mức do sự suy hoại, mất mát (byāsana) vì 5 lý do như đã nêu trên. Chi pháp chính là Sân tâm sở (Dosacetasika).

Cả 5 loại suy hoại, mất mát (byāpāda) chính là nhân dẫn đến quả là sầu ưu (soka), than vãn (parideva), uất ức (upāyāsa).

* 5 Căn nguyên (Mūlavatthu) và 10 Gián tiếp (Pariyāyavatthu) này là những pháp đáng khiếp sợ, đáng kinh hãi. Một khi quán sát thấy danh-sắc là đáng kinh sợ như thế thì xem như hành giả đã có *Kinh hãi tuệ*.

TAM TƯỚNG VÀ SỰ KINH HÃI

Khi các Hành diễn tiến ở mọi chỗ, mọi nơi trong 3 Hữu (Bhava), 4 Loài (Yoni), 5 Cảnh đến (Gati), 7 Thức trú (Viññāṇaṭhiti), 9 Hữu tình cư (Sattāvāsa) sẽ phải đi đến sự hủy diệt do phải đối mặt với họa hoạn đang chờ sẵn và sẽ hiển lộ thành các pháp đáng kinh sợ trước trí tuệ ấy. Do vậy, trí tuệ ấy được gọi là *Bhayatupaṭṭhānañāṇa – Kinh hãi lập tuệ*.

Hành giả quán sát các Hành theo tính vô thường, dấu hiệu chính là sự hoại diệt của các Hành thuộc về quá khứ, hiện tại và vị lai, sẽ hiện hữu trước hành giả dưới dạng đáng kinh sợ.

Khi hành giả quán sát các Hành theo tính khổ não, các Hành đối diện với sự bức bách rồi được hiểu là an lạc, nhất là ở các cảnh giới Sắc và Vô sắc, những pháp ấy hiển lộ dưới trạng thái đáng kinh sợ.

Khi hành giả quán sát các Hành theo tính vô ngã, ấn tướng và diễn tiến của các Hành hiển lộ là sự rỗng không, không có chủ nhân, không ai dẫn dắt, như ngôi nhà trống, như bọt nước, như lâu đài giữa hư không; đó là trạng thái đáng kinh sợ.

VII. ĀDĪNAVAÑĀṆA – NGUY HIỂM TUỆ

Ādīnavañāṇa – Nguy hiểm tuệ là trí tuệ quán sát thấy danh-sắc, các Hành là pháp tội lỗi, sai quấy.

Pāḷi định nghĩa:

* ***Diṭṭhasaṅkhārānaṃ ādīnavato pekkhānavasena pavattaṃ ñāṇaṃ = ādīnavañāṇaṃ.***

Trí tuệ diễn tiến theo năng lực chú mục vào các hành đáng ghê sợ mà tự thân đã thấy bằng sự tội lỗi, do vậy được gọi là *ādīnavañāṇa*, dịch là *nguy hiểm tuệ*.

Chi pháp của *Nguy hiểm tuệ* là *Paññācetasika – Tuệ tâm sở* trong 4 Đại thiện tâm hợp trí (Mahākusalañāṇasampayuttacitta).

1, Nội dung của Nguy hiểm tuệ:

a, Khi hành giả tiến tu *Kinh hãi lập tuệ* vững mạnh hơn lên, không chấp thủ nơi các Hành đang vận hành trong 3 Hữu (Bhava), 4 Loài (Yoni), 5 Cảnh đến (Gati), 7 Thức trú (Viññāṇaṭhiti), 9 Hữu tình cư (Sattāvāsa), do là khắp mọi nẻo của các cảnh giới này không có nơi chống đỡ, không có chỗ trốn tránh, không có điểm sẽ đến, không có miền nương thân và nhất là không phải chốn mong cầu của hành giả. Bởi vì Tam giới hiện hữu như hố than hồng đầy than đỏ rực mà không có ngọn lửa. Tứ đại như rắn dữ có nọc độc. Ngũ uẩn như đao phủ thủ đã nâng gươm lên. Lục ngoại xứ xuất hiện như trộm cướp sẵn sàng hành động. Thất thức trú và Cửu hữu tình cư hiển hiện giống như bị đốt bởi 11 ngọn lửa rực cháy. Tất cả các Hành hiển lộ như mụt nhọt, bệnh tật, tên ghim, bất hạnh, xấu ác, là một đống tội lỗi, tai ương to lớn, không tìm thấy sự ấm áp, xa rời hương vị tốt lành.

b, *Nguy hiểm tuệ* là trí tuệ quán sát thấy các Hành là khổ não, tội lỗi, giống như người hèn nhát mà lại muốn có cuộc sống an lạc. Khi đi đến hang sâu cọp dữ, sông nước đầy thủy quái, đường sá đạo tặc ẩn mình, nhà cửa bị lửa thiêu, chiến trường lắm quân binh, kẻ thù sẵn sàng giương cung tuốt kiếm, hoặc nước uống trộn độc dược, người này sẽ khởi sinh nỗi lo âu, kinh hãi, run sợ, tóc dựng, da gà nổi, bởi vì thấy toàn điều hung ác, dữ tợn từ những cớ sự ấy trong mọi hướng mọi thời. Cũng như thế, khi tất cả các Hành hiển lộ bằng dáng vẻ đáng kinh sợ do năng lực của Hoại diệt tùy quán tuệ, hành giả có thể thấy rõ các Hành chỉ có khổ não, tội lỗi, không có ý vị, không có sự ấm lòng. Một khi trí tuệ hiển hiện như thế, gọi là *Nguy hiểm tuệ* đã khởi sinh.

2, 15 tội lỗi của các Hành:

Hành giả quán sát thấy các Hành có những hạn chế, tội lỗi như sau:

(01). *Uppādo ādīnavañāṇaṃ:* Hành giả quán sát thấy tội lỗi, khổ não trong sự sanh của danh-sắc.

(02). *Pavataṃ ādīnavañāṇaṃ:* Hành giả quán sát thấy tội lỗi, khổ não trong sự vận hành của danh-sắc theo Tam tướng là Vô thường, Khổ não và Vô ngã.

(03). *Nimittaṃ ādīnavañāṇaṃ:* Hành giả quán sát thấy tội lỗi, khổ não trong ấn tướng hay dấu hiệu của danh-sắc như sự biến động, giữ nguyên trạng thái ban đầu không được, không chịu sự điều khiển, ra lệnh.

(04). *Āyūhanā ādīnavañāṇaṃ:* Hành giả quán sát thấy tội lỗi, khổ não trong việc tích tập các loại nghiệp rồi đưa đi tục sinh, luân hồi trong các cõi, không hồi kết của danh-sắc; không tìm thấy cốt lõi, thực thể gì cả.

(05). *Paṭisandhi ādīnavañāṇaṃ:* Hành giả quán sát thấy tội lỗi, khổ não trong sự tục sinh của danh-sắc, bất luận là tục sinh trong cảnh giới nào.

(06). *Gati ādīnavañāṇaṃ:* Hành giả quán sát thấy tội lỗi, khổ não trong 5 Cảnh đến (Gati): Địa ngục, Bàng sinh, Ngạ quỷ, Nhân loại, Chư thiên. Dẫu đến cảnh nào cũng chỉ toàn khổ não mà thôi.

(07). *Nibbatti ādīnavañāṇaṃ:* Hành giả quán sát thấy tội lỗi, khổ não trong sự sinh khởi của 5 uẩn mới, nghĩa là dù sinh khởi thành sắc uẩn hay danh uẩn cũng đều là khổ cả.

(08). *Uppatti ādīnavañāṇaṃ:* Hành giả quán sát thấy tội lỗi, khổ não trong các cảnh giới đến tái sinh, dẫu cho sinh ra ở cảnh giới nào cũng vậy, không thể thoát khỏi khổ não.

(09). *Jāti ādīnavañāṇaṃ:* Hành giả quán sát thấy tội lỗi, khổ não của danh-sắc tại thời điểm đang sinh.

(10). *Jarā ādīnavañāṇaṃ:* Hành giả quán sát thấy tội lỗi, khổ não của danh-sắc khi phải già, suy thoái và hư hoại. Chẳng hạn như tóc bạc, răng long, da nhăn nheo, mắt mờ, tai lãng, sức yếu, dễ mệt, đi đứng khó khăn, v.v...

(11). *Byādhi ādīnavañāṇaṃ:* Hành giả quán sát thấy tội lỗi, khổ não của danh-sắc khi bị bệnh hoạn trăm kiểu nghìn loại hành hạ. Tay chân, mình mẩy đau nhức khắp nơi, cơ quan, nội tạng viêm nhiễm, cần tìm thầy kiếm thuốc chữa bệnh, giảm đau, v.v..., chịu đựng không được rồi chết, dẫu không chết thì nằm kham khổ chịu đau mãi hoài không dứt.

(12). *Maraṇaṃ ādīnavañāṇaṃ:* Hành giả quán sát thấy tội lỗi, khổ não của

danh-sắc lúc tử diệt, nghĩa là thấy rằng phải tiêu hoại, phải xa lìa những gì yêu thích, không hôm này thì cũng ngày khác.

(13). *Soko ādīnavañāṇaṃ:* Hành giả quán sát thấy tội lỗi, khổ não của danh-sắc khi khởi sinh sự buồn rầu, sầu ưu các kiểu do sự suy hoại, sự tan rã, sự bất cập; ví dụ như sự mất mát tài sản, người thân chết, bệnh tật hành hạ, v.v...

(14). *Paridevo ādīnavañāṇaṃ:* Hành giả quán sát thấy tội lỗi, khổ não của sự than vãn do 5 điều suy hoại, như sự suy hoại thân quyến, đang bủa vây danh-sắc ở mọi thời điểm.

(15). *Upāyāso ādīnavañāṇaṃ:* Hành giả quán sát thấy tội lỗi, khổ não của danh-sắc do bị uất ức, sầu hận.

Kết lại, *Nguy hiểm tuệ* là trí tuệ quán sát thấy khổ não, tội lỗi của danh-sắc khi đang thực hành; nghĩa là, tại thời điểm ấy, hành giả thấy danh-sắc không tốt, đáng ghét, đáng nhàm chán, đáng nhờm gớm cả thảy. Khi đã thấy rõ như thế thì Tham, Sân, Si sẽ nhẹ bớt nhiều, nhưng vẫn chưa gọi là đoạn trừ tuyệt đối (samucchedapahāna), trừ phi chứng đắc đến *Đạo tuệ (Maggañāṇa)*.

3, Trí tuệ thấu biết tịch tịnh (Santipadañāṇa):

Nhằm thấy rõ trí tuệ đối nghịch với *Nguy hiểm tuệ*, đồng thời để khởi sinh lòng nhiệt tình nơi hành giả – vị đã thấy được khổ não, tội lỗi của danh-sắc, ngũ uẩn thông qua *Kinh hãi lập tuệ*, xin được tiếp tục nêu ra trí tuệ thấu biết đường lối chứng đạt tịch tịnh, gọi là *Santipadañāṇa*, tức là Niết-bàn. Trí tuệ này gồm 15 loại, đó là:

(01). Trí tuệ biết rõ sự vô sanh là nơi an ổn, tịnh lạc, là không trộn mồi nhử (luân hồi, thế gian, phiền não), và là Niết-bàn. Còn sự hữu sanh là pháp đáng sợ, là khổ não, là trộn mồi nhử, là các Hành.

(02). Trí tuệ biết rõ việc không vận hành là nơi an ổn, tịnh lạc, là không trộn mồi nhử (luân hồi, thế gian, phiền não), và là Niết-bàn. Còn việc vận hành là pháp đáng sợ, là khổ não, là trộn mồi nhử, là các Hành.

(03). Trí tuệ biết rõ việc không có dấu hiệu là nơi an ổn, tịnh lạc, là không trộn mồi nhử (luân hồi, thế gian, phiền não), và là Niết-bàn. Còn việc có dấu hiệu là pháp đáng sợ, là khổ não, là trộn mồi nhử, là các Hành.

(04). Trí tuệ biết rõ việc không tìm kiếm là nơi an ổn, tịnh lạc, là không trộn mồi nhử (luân hồi, thế gian, phiền não), và là Niết-bàn. Còn việc tìm kiếm là pháp đáng sợ, là khổ não, là trộn mồi nhử, là các Hành.

(05). Trí tuệ biết rõ việc không tục sinh là nơi an ổn, tịnh lạc, là không trộn mồi nhử (luân hồi, thế gian, phiền não), và là Niết-bàn. Còn việc tục sinh là pháp đáng sợ, là khổ não, là trộn mồi nhử, là các Hành.

(06). Trí tuệ biết rõ việc không có cảnh giới là nơi an ổn, tịnh lạc, là không trộn mồi nhử (luân hồi, thế gian, phiền não), và là Niết-bàn. Còn việc có cảnh giới là pháp đáng sợ, là khổ não, là trộn mồi nhử, là các Hành.

(07). Trí tuệ biết rõ việc không sinh khởi là nơi an ổn, tịnh lạc, là không trộn mồi nhử (luân hồi, thế gian, phiền não), và là Niết-bàn. Còn việc sinh khởi là pháp đáng sợ, là khổ não, là trộn mồi nhử, là các Hành.

(08). Trí tuệ biết rõ sự không vào đến là nơi an ổn, tịnh lạc, là không trộn mồi nhử (luân hồi, thế gian, phiền não), và là Niết-bàn. Còn sự vào đến là pháp đáng sợ, là khổ não, là trộn mồi nhử, là các Hành.

(09). Trí tuệ biết rõ việc không sinh là nơi an ổn, tịnh lạc, là không trộn mồi nhử (luân hồi, thế gian, phiền não), và là Niết-bàn. Còn việc có sinh là pháp đáng sợ, là khổ não, là trộn mồi nhử, là các Hành.

(10). Trí tuệ biết rõ việc không già là nơi an ổn, tịnh lạc, là không trộn mồi nhử (luân hồi, thế gian, phiền não), và là Niết-bàn. Còn việc có già là pháp đáng sợ, là khổ não, là trộn mồi nhử, là các Hành.

(11). Trí tuệ biết rõ việc không bệnh là nơi an ổn, tịnh lạc, là không trộn mồi nhử (luân hồi, thế gian, phiền não), và là Niết-bàn. Còn việc có bệnh là pháp đáng sợ, là khổ não, là trộn mồi nhử, là các Hành.

(12). Trí tuệ biết rõ việc không chết là nơi an ổn, tịnh lạc, là không trộn mồi nhử (luân hồi, thế gian, phiền não), và là Niết-bàn. Còn việc có chết là pháp đáng sợ, là khổ não, là trộn mồi nhử, là các Hành.

(13). Trí tuệ biết rõ việc không sầu ưu là nơi an ổn, tịnh lạc, là không trộn mồi nhử (luân hồi, thế gian, phiền não), và là Niết-bàn. Còn việc có sầu ưu là pháp đáng sợ, là khổ não, là trộn mồi nhử, là các Hành.

(14). Trí tuệ biết rõ việc không than vãn là nơi an ổn, tịnh lạc, là không trộn mồi nhử (luân hồi, thế gian, phiền não), và là Niết-bàn. Còn việc có than vãn là pháp đáng sợ, là khổ não, là trộn mồi nhử, là các Hành.

(15). Trí tuệ biết rõ việc không uất ức là nơi an ổn, tịnh lạc, là không trộn mồi nhử (luân hồi, thế gian, phiền não), và là Niết-bàn. Còn việc có uất ức là pháp đáng sợ, là khổ não, là trộn mồi nhử, là các Hành.

VIII. NIBBIDĀÑĀṆA – NHÀM CHÁN TUỆ

Nibbidāñāṇa – Nhàm chán tuệ là trí tuệ quán sát thấy danh-sắc với trạng thái nhàm chán.

Pāḷi chiết tự:

Nibbidāñāṇaṃ = ***nibbidā*** + ***ñāṇaṃ***

- *nibbidā:* chán nản, nhàm chán
- *ñāṇaṃ:* trí tuệ

Nibbidāñāṇa – Nhàm chán tuệ là trí tuệ quán sát thấy danh-sắc theo vô thường, khổ não, vô ngã, là pháp đáng ghê sợ, tràn đầy khổ não, tội lỗi chất chồng rồi phát sinh sự chán nản, không muốn có danh có sắc, không muốn trở lại tái sinh, muốn chứng ngộ Niết-bàn nhanh chóng. Trí tuệ ở đây là ngụ ý *Tu tuệ (Bhāvanāmayapaññā)* – trí tuệ của hành giả tiến tu Minh sát tuệ đến cấp độ này mà thôi, không nói đến *Văn tuệ (Sutamayapaññā)* và *Tư tuệ (Cintāmayapaññā)*.

Từ *Nhàm chán (Nibbidā)* ở đây không có nghĩa là sự nhàm chán, chán chường mà dân gian thường dùng; chẳng hạn nhàm chán cuộc sống, nghĩ sẽ tự vẫn, v.v... Mà là sự nhàm chán nơi các Hành, tức là danh-sắc, ngũ uẩn. Các bậc Cổ đức đã đưa ra những ví dụ so sánh như sau:

1, Bốn so sánh về Nhàm chán tuệ:

(01). Con chim nọ bị người ta bắt về, nhốt vào lồng bạc, lồng vàng, lồng nạm ngọc ma-ni, lồng nạm kim cương, đều là những chiếc lồng giá trị, đắt tiền. Nhưng con chim ấy nào đâu mong muốn ở trong những chiếc lồng như vậy. Nó luôn cố gắng để thoát thân, nhằm bay khỏi những chiếc lồng đáng chán ngán đó. Sự việc này như thế nào thì hành giả đang thực hành pháp hành đến *Nhàm chán tuệ* cũng như thế ấy. Hành giả sẽ chán ngán với danh-sắc, chán ngán nơi 3 Hữu (Bhava), 4 Loài (Yoni), 5 Cảnh đến (Gati), 7 Thức trú (Viññāṇaṭhiti), 9 Hữu tình cư (Sattāvāsa), v.v...

(02). Phượng hoàng chúa hoan hỷ sống tại chân núi Cittakūṭa, không vui lòng nơi hồ cạn bẩn thỉu của đám dân hạ tiện, và rất hài lòng với 7 hồ nước lớn như thế nào thì hành giả đang thực hành pháp hành đến *Nhàm chán tuệ* cũng như thế ấy. Hành giả sẽ không vui lòng với danh-sắc đang luôn hoại diệt, không tồn tại lâu dài, chỉ có khổ não, tội lỗi. Bản thân hành giả quán sát thấy rõ ràng rồi, chỉ hân hoan với các Tùy quán, bởi vì hành giả có pháp hành luôn là ngôi nhà tinh thần, không dễ duôi.

(03). Sư tử chúa dẫu được con người nhốt trong chiếc lồng vàng vẫn không hoan hỷ, mà chỉ vui lòng với núi rừng Tuyết lĩnh, rộng hơn 3000 do-tuần như thế nào

thì hành giả đang thực hành pháp hành đến *Nhàm chán tuệ* cũng như thế ấy. Hành giả sẽ không hoan hỷ với cả 3 Lạc cảnh trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

(04). Bạch tượng 6 ngà không hoan hỷ với chốn thành thị, mà chỉ thích thú ở nơi rừng rậm có hồ nước như thế nào thì hành giả đang thực hành pháp hành đến *Nhàm chán tuệ* cũng như thế ấy. Hành giả không vui lòng với mọi danh-sắc, nhưng sẽ hân hoan với đường lối tịch tịnh (santipada) mà tự thân đã thấy. Đó là, nếu không trở lại tục sinh là điều an ổn nhất, hành giả sẽ hướng tâm đến Niết-bàn, giống như nước sông Hằng cuồn cuộn cuốn phăng những khúc cây ra biển cả.

2, Bảy Tùy quán (Anupassanā):

Anupassanā – Tùy quán gồm có 7 loại:

- Aniccānupassanā – Vô thường tùy quán
- Dukkhānupassanā – Khổ não tùy quán
- Anattānupassanā – Vô ngã tùy quán
- Nibbidānupassanā – Nhàm chán tùy quán
- Virāgānupassanā – Ly tham tùy quán
- Nirodhānupassanā – Đoạn diệt tùy quán
- Paṭinissaggānupassanā – Xả ly tùy quán

(01). *Aniccānupassanā – Vô thường tùy quán* là pháp quán sát thấy danh-sắc luôn vô thường, biến động, thay đổi, gồm có 2 dạng:

• Paccakkhāniccānupassanā: Pháp quán sát thấy danh-sắc nơi nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý là vô thường, biến động, thay đổi.

• Anumānāniccānupassanā: Pháp quán sát thấy danh-sắc bên ngoài, hiện hữu trong 31 cõi, cả thời quá khứ lẫn vị lai thảy đều vô thường, biến động, thay đổi; với nhận định rằng tất cả phải sinh diệt giống như danh-sắc hiện tại vậy.

Vô thường tùy quán về mặt chi tiết gồm có 8 loại; nghĩa là, hành giả quán sát danh-sắc thấy vô thường, biến động, mục ruỗng, không trường tồn, có sự đổi thay là thường tình, luôn suy hoại, bị tạo tác bởi các duyên, và bị diệt tận theo lẽ thường.

Khi đã quán sát như thế, hành giả sẽ đoạn trừ được *Thường tưởng (Niccasaññā)*, tức là nghĩ nhầm rằng đó là pháp thường hằng, miên viễn.

Việc quán sát thấy danh-sắc theo kiểu như trên gọi là *Vô thường tùy quán.*

(02). *Dukkhānupassanā – Khổ não tùy quán* là pháp quán sát thấy danh-sắc luôn khổ não, gồm có 2 dạng:

• Paccakkhadukkhānupassanā: Pháp quán sát thấy danh-sắc nơi nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý là khổ não một cách rõ ràng, bởi vì tràn ngập sự hành hạ, khốn khó, bị tạo tác, biến động thường xuyên, tâm sẽ phát sinh chán nản, mất đi sự an lạc.

• Anumānadukkhānupassanā: Pháp quán sát thấy danh-sắc bên ngoài, hiện hữu trong 31 cõi, cả thời quá khứ lẫn vị lai thảy đều khổ não, phải hoại diệt, khó mà chịu đựng giống như danh-sắc trong hiện tại, thoát khỏi vọng tưởng điên đảo rằng danh-sắc là lạc.

Khổ não tùy quán về mặt chi tiết gồm có 26 loại; nghĩa là, hành giả quán sát danh-sắc thấy khổ, thấy bệnh, thấy mụt ghẻ, tên độc, chật chội, bệnh tật, xấu xa, bất hạnh, tai họa, chướng ngại, bất an, không nơi ẩn náu, không chỗ nương tựa, trống rỗng, tội lỗi, chật vật, sát hại, mồi ngon của ma quỷ, có sanh là sự thường, có già là sự thường, có bệnh là sự thường, có chết là sự thường, có sầu ưu là sự thường, có khóc lóc là sự thường, có day dứt là sự thường, có thiểu não là sự thường.

Việc quán sát thấy danh-sắc theo kiểu như trên gọi là *Khổ não tùy quán.*

(03). *Anattānupassanā – Vô ngã tùy quán* là pháp quán sát thấy danh-sắc là vô ngã, thảy đều không nằm dưới quyền lực của một ai, gồm có 2 dạng:

• Paccakkhānattānupassanā: Pháp quán sát thấy danh-sắc nơi nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý là vô ngã, không phải của ta, không theo tâm ý của ai.

• Anumānānattānupassanā: Pháp quán sát thấy danh-sắc bên ngoài, hiện hữu trong 31 cõi, cả thời quá khứ lẫn vị lai thảy đều vô ngã, không có thực thể, không theo ý tưởng của ai, giống như danh-sắc trong hiện tại vậy.

Vô ngã tùy quán về mặt chi tiết gồm có 6 loại; nghĩa là, hành giả quán sát danh-sắc thấy thành vật khác, suy hoại, rỗng không, trống rỗng, vô ngã, không có cốt lõi. Khi đã quán sát như thế, hành giả sẽ đoạn trừ được *Ngã tưởng (Attasaññā)*, tức là nghĩ nhầm rằng đó là ta, của ta, tự ngã của ta.

Việc quán sát thấy danh-sắc theo kiểu như trên gọi là *Vô ngã tùy quán.*

(04). *Nibbidānupassanā – Nhàm chán tùy quán* là pháp quán sát thấy danh-sắc là pháp đáng kinh hãi, tội lỗi, khổ não rồi phát sinh sự nhàm chán, gồm có 2 dạng:

• Paccakkhanibbidānupassanā: Pháp quán sát thấy danh-sắc nơi nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý là pháp đáng kinh hãi, tội lỗi rồi phát sinh sự nhàm chán.

• Anumānanibbidānupassanā: Pháp quán sát thấy danh-sắc bên ngoài, hiện hữu trong 31 cõi, cả thời quá khứ lẫn vị lai thảy đều là pháp đáng kinh hãi, tội lỗi rồi phát sinh sự nhàm chán, giống như danh-sắc trong hiện tại vậy.

Khi quán sát danh-sắc thấy rõ ràng như vậy, hành giả sẽ đoạn trừ được niềm hân hoan, đó chính là sự hoan hỷ, hài lòng, thích thú nơi ngũ dục trưởng dưỡng, Pāḷi gọi là *sappītitaṇhā*.

(05). *Virāgānupassanā – Ly tham tùy quán* là pháp quán sát thấy danh-sắc là pháp đáng kinh hãi, tội lỗi, khổ não, phát sinh nhàm chán rồi rời xa tham ái, gồm có 2 dạng:

• Paccakkhavirāgānupassanā: Pháp quán sát thấy danh-sắc nơi nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý một cách rõ ràng sẽ phát sinh nhàm chán rồi xa rời tham ái.

• Anumānanibbidānupassanā: Pháp quán sát thấy danh-sắc bên ngoài, hiện hữu trong 31 cõi, cả thời quá khứ lẫn vị lai thảy đều là pháp đáng kinh hãi, tội lỗi, phát sinh nhàm chán rồi xa rời tham ái, giống như danh-sắc trong hiện tại vậy.

Hành giả thực hành Pháp hành đến tuệ này sẽ đoạn trừ được tham ái (rāga), tức là sự tham luyến, hài lòng với các Hành.

(06). *Nirodhānupassanā – Đoạn diệt tùy quán* là pháp quán sát thấy sự diệt đi của danh-sắc, gồm có 2 dạng:

• *Paccakkhanirodhānupassanā:* Pháp quán sát thấy sự diệt của danh-sắc tại 6 môn (dvāra) một cách rõ ràng rồi phát sinh nhàm chán, xa rời tham ái.

• *Anumānanibbidānupassanā:* Pháp quán sát thấy danh-sắc bên ngoài, hiện hữu trong 31 cõi, cả thời quá khứ lẫn vị lai bằng nhận định rằng phải có sự diệt đi giống danh-sắc trong hiện tại vậy.

Khi quán sát thấy sự diệt của danh-sắc như thế, hành giả sẽ đoạn trừ được *Tập (Samudaya)* là nguyên nhân khởi sinh của *Khổ (Dukkha)*.

(07). *Paṭinissaggānupassanā – Xả ly tùy quán* là pháp quán sát thấy danh-sắc là vô thường, khổ não, vô ngã, đáng sợ, đầy tội lỗi, rồi xả bỏ suy nghĩ sai lầm cho là thường, lạc, ngã, tịnh, gồm có 2 dạng:

• *Paccakkhapaṭinissaggānupassanā:* Pháp quán sát thấy sự diệt của danh-sắc nơi nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý một cách rõ ràng sẽ thoát khỏi *Tưởng điên đảo (Saññāvipallāsa)*.

• *Anumānapaṭinissaggānupassanā:* Pháp quán sát thấy danh-sắc bên ngoài, hiện hữu trong 31 cõi, cả thời quá khứ lẫn vị lai là vô thường, khổ não, vô ngã với nhận định rằng danh-sắc thời hiện tại cũng phải là vô thường, khổ não, vô ngã như nhau.

Khi quán sát thấy danh-sắc như thế, hành giả sẽ đoạn trừ sự chấp thủ nơi danh-sắc là thường, lạc, ngã, tịnh như đã nêu.

Hành giả thực hành Minh sát tuệ đến *Nhàm chán tuệ*, rồi sẽ hoan hỷ với 7 loại Tùy quán như đã trình bày ở trên. Tuệ này đóng vai trò quan trọng, làm nhân, làm duyên dẫn dắt hành giả nhanh chóng đạt đáo Niết-bàn.

3, Điểm chung của 3 Tuệ quán (Vipassanāñāṇa):

Trong 3 loại Tuệ quán vừa nêu, *Bhayañāṇa – Kinh hãi tuệ* là trí tuệ quán sát thấy danh-sắc đáng sợ, là tai họa; *Ādīnavañāṇa – Nguy hiểm tuệ* là trí tuệ quán sát thấy danh-sắc là tội lỗi, nguy hiểm; *Nibbidāñāṇa – Nhàm chán tuệ* là trí tuệ quán sát thấy danh-sắc đáng nhàm chán, nản lòng. Cả 3 Tuệ quán này khác nhau về mặt từ ngữ, nhưng về nội dung thì như nhau, vì thế bộ *Phân Tích Đạo (Paṭisambhidāmagga)* có nêu:

"Yā ca bhayatupaṭṭhāne paññā yañca ādīnave ñāṇaṃ ya ca nibbidā ime dhammā ekatthā byañjanameva nānaṃ."

"Cả 3 tuệ này là Kinh hãi tuệ, Nguy hiểm tuệ và Nhàm chán tuệ đều cùng một nội dung, chỉ khác nhau về từ ngữ mà thôi."

Khi hành giả tiến tu Minh sát tuệ, có các Tuệ quán khởi sinh theo tuần tự, tính từ *Danh sắc phân biệt tuệ* cho đến Tuệ quán này; nếu thời điểm nào quán sát thấy danh-sắc hiển lộ đáng ghê sợ, tại thời điểm ấy hành giả đạt đến *Kinh hãi tuệ*; nếu thời điểm nào quán sát thấy danh-sắc hiển lộ thành tội lỗi, tại thời điểm ấy *Nguy hiểm tuệ* phát sinh đến hành giả; nếu thời điểm nào quán sát thấy danh-sắc hiển lộ đáng nhàm chán, tại thời điểm ấy *Nhàm chán tuệ* đã khởi sinh với hành giả.

4, Tuần tự thực hành:

Cùng một hạng trí tuệ cũng khiến cho hoàn thành 3 phận sự, đó là quán sát thấy danh-sắc là đáng sợ, là tội lỗi và đáng nhàm chán. Điều này có nghĩa là:

• Tâm của hành giả không dính mắc, chấp thủ vào danh-sắc, bởi vì tự thân đã quán sát bằng trí tuệ ưu thắng và thấy rằng danh-sắc có nhiều tội lỗi, nhiều hạn chế.

• Tâm của hành giả muốn giải thoát, muốn thoát khỏi danh-sắc, khỏi luân hồi, bởi vì tự thân quán sát thấy rất rõ ràng rằng danh-sắc là pháp không bền vững, không trường tồn, không có cốt lõi, là pháp diễn tiến trong từng khoảnh khắc thời gian bé nhỏ mà thôi.

• Hành giả muốn thoát ra, muốn trốn khỏi danh-sắc, muốn rời xa đại dương luân hồi khổ não, chỉ hướng tâm đến tịch tịnh, Niết-bàn.

Do thế, hành giả sẽ chán ngán, không hoan hỷ với các Hành, tức là danh-sắc đang diễn tiến trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, bởi lẽ các Hành trong Tam giới đều phải suy hoại và đi đến diệt tận mà thôi.

IX. MUÑCITUKAMYATĀÑĀṆA – DỤC THOÁT TUỆ

Muñcitukamyatāñāṇa – Dục thoát tuệ là trí tuệ có nguyện vọng thoát khỏi danh-sắc, bằng sự quán sát thấy danh-sắc là pháp đáng kinh sợ, là tội lỗi, là mồi nhử mắc vào luân hồi, là các Hành tạo tác gây khốn khổ, và có trạng thái luôn biến động. Khi đó, tâm khởi sinh sự nhàm chán, muốn thoát, muốn khỏi, muốn trốn, muốn tránh các Hành (Saṅkhāradhamma), muốn ra khỏi luân hồi, hướng đến Niết-bàn.

Từ *Saṅkhāradhamma* chính là Ngũ uẩn (Khandha), bao gồm Sắc (Rūpa), Thọ (Vedanā), Tưởng (Saññā), Hành (Saṅkhāra), Thức (Viññāṇa), gọn lại chính là *danh-sắc*.

1, Saṃsāravaṭṭa – Luân hồi:

Pāḷi chiết tự:

Saṃsāravaṭṭa = ***saṃsāra*** + ***vaṭṭa***

- *saṃsāra:* du hành, đi lại không ngừng
- *vaṭṭa:* trở lại, quay, chuyển, vòng lặp

a, Saṃsāra – Du hành: Sự du hành, đi lại không ngừng nghỉ, gồm có 3 loại:

(01). *Apāyasaṃsāra – Khổ cảnh du hành:* Sự du hành trong 4 Khổ cảnh là Địa ngục, Ngạ quỷ, A-tu-la và Súc sinh. Chúng sinh du hành trong 4 cõi này do năng lực của phiền não, chính là tham, sân, si. Pāḷi gọi là *Luân hồi bậc thấp (Heṭṭhimasaṃsāra)*.

(02). *Kāmasugatisaṃsāra – Dục giới lạc cảnh du hành:* Sự du hành trong 7 Lạc cảnh thuộc về Dục giới, bao gồm cõi người và 6 cõi trời Dục giới. Chúng sinh du hành trong 7 cảnh giới này nhờ năng lực của các Đại thiện hoặc Thập thiện nghiệp. Pāḷi gọi là *Luân hồi bậc trung (Majjhimasaṃsāra)*.

(03). *Brahmasaṃsāra – Phạm thiên du hành:* Sự du hành trong Phạm thiên giới, bao gồm 16 cõi trời Sắc giới và 4 cõi trời Vô sắc giới. Chúng sinh du hành trong 20 cảnh giới này nhờ năng lực của 9 Đại hành thiện, đó là 5 Sắc giới thiện và 4 Vô sắc giới thiện. Pāḷi gọi là *Luân hồi bậc cao (Uparimasaṃsāra)*.

b, Vaṭṭa – Luân chuyển: Vaṭṭa dịch là trở lại, xoay, chuyển, luân, v.v... gồm có 3 dạng: *Phiền não luân*, *Nghiệp luân* và *Quả luân*.

Cả *Tam luân* này cũng được chia thành 3 loại như của *Du hành* ở trên. Đó là:

(01). *Apāyavaṭṭa – Khổ cảnh luân:* Luân chuyển trong 4 Khổ cảnh, có 3 dạng:

* Kilesavaṭṭa – Phiền não luân: Sự luân chuyển của phiền não. Chính là Ngã kiến (Attadiṭṭhi) hay Thân kiến (Sakkāyadiṭṭhi) với quan điểm cho là ta, người, tự ngã. Nói theo Chân nghĩa pháp thì đó là Tham căn tâm hợp với tà kiến (Diṭṭhigatasampayuttacitta).

* Kammavaṭṭa – Nghiệp luân: Sự luân chuyển của nghiệp. Một khi phiền não đã sinh khởi sẽ là nhân tạo nghiệp theo năng lực của phiền não ấy. Nghiệp ở đây chính là Bất thiện tác ý (Akusalacetanā) cùng với 10 Ác hành nghiệp (Duccaritakamma), bao gồm: Sát sinh, Trộm cắp, Tà dâm, Nói dối, Nói thô tục, Nói đâm thọc, Nói vô ích, Tham muốn, Sân hận, Tà kiến.

* Vipākavaṭṭa – Quả luân: Sự luân chuyển của quả nghiệp đã làm. Một khi phiền não sinh khởi sẽ là nhân tạo nghiệp theo năng lực của phiền não ấy. Quả của nghiệp ở đây chính là các uẩn của các chúng sinh địa ngục, ngạ quỷ, a-tu-la, súc sinh; đấy chính là quả của các nghiệp xấu ác, là 10 Bất thiện nghiệp mà tự thân đã tạo.

(02). *Kāmasugativaṭṭa – Dục giới lạc cảnh luân:* Luân chuyển trong 7 Dục giới lạc cảnh, có 3 dạng:

* Kilesavaṭṭa – Phiền não luân: Sự luân chuyển của phiền não. Đó là Dục lạc cảnh ái (Kāmasugatitaṇhā) – sự hài lòng, thích thú nơi cõi người, cõi trời Dục giới, hài lòng với sự sinh ra (jāti), với sự hiện hữu (bhava). Khi đã hài lòng như thế, sẽ là nhân tố để tạo nghiệp, nghiệp đó mà dẫn dắt chúng sinh luân hồi trong các cõi này. Các phiền não được gọi là *Phiền não luân*.

* Kammavaṭṭa – Nghiệp luân: Sự luân chuyển của nghiệp. Chính là các Đại thiện tác ý (Mahākusalacetanā) nương theo sự luân chuyển (vaṭṭa), bao gồm các Dục giới thiện (Kāmakusala) hay là 8 Đại thiện (Mahākusala) và 10 Thiện hành nghiệp (Sucaritakamma).

* Vipākavaṭṭa – Quả luân: Sự luân chuyển của quả nghiệp đã làm, bao gồm các uẩn trong 7 Dục giới lạc cảnh, tức là các uẩn của nhân loại và chư thiên 6 cõi, tính từ cõi trời Tứ đại thiên vương cho đến cõi trời Tha hóa tự tại thiên.

(03). *Brahmavaṭṭa – Phạm thiên luân:* Luân chuyển trong 20 Đại hành cảnh, có 3 dạng:

* Kilesavaṭṭa – Phiền não luân: Sự luân chuyển của phiền não. Đó là Phạm hữu ái (Brahmabhavataṇhā), là sự tham muốn hiện hữu nơi cảnh giới phạm thiên; khi có tham muốn thì sẽ xuống tay tạo nghiệp, và khi nghiệp đã thành sẽ dẫn dắt luân chuyển. Chính Phạm hữu ái này gọi là *Phiền não luân*.

* Kammavaṭṭa – Nghiệp luân: Sự luân chuyển của nghiệp. Chính là các Đại hành thiện tác ý (Mahaggatakusalacetanā) còn nương theo sự luân chuyển (vaṭṭa); tức là dựa trên 9 Đại hành thiện (Mahaggatakusalacetanā), gồm 5 Sắc giới thiện (Rūpāvacara-kusala) và 4 Vô sắc giới thiện (Arūpāvacarakusala). Để dễ hiểu thì đấy là việc tiến tu thiền Chỉ tịnh (Samathakammaṭṭhāna), cho đến khi chứng đắc Đệ nhất thiền, Đệ nhị thiền,

v.v... Quả của các thiền chứng này khiến cho chúng sinh luân chuyển trong các cõi phạm thiên, do vậy việc tiến tu thiền Chỉ tịnh đi đến chứng đắc các tầng thiền gọi là *Nghiệp luân*.

* Vipākavaṭṭa – Quả luân: Sự luân chuyển của quả nghiệp đã làm. Bao gồm các uẩn trong 20 cõi Phạm thiên giới, tức là các uẩn của các Phạm thiên hữu sắc trong 16 cõi và của các Phạm thiên vô sắc trong 4 cõi.

Tâm hành giả đạt đến *Dục thoát tuệ* này rồi, muốn thoát khỏi luân hồi như đã nói trên, bởi vì đã thấy rõ rằng việc sinh ra trong cõi này, sự diễn tiến của các uẩn đã sinh, tính vô thường của danh-sắc, việc tích lũy nghiệp làm cho tiếp tục sinh nữa, cảnh giới sẽ đi tái sinh như Khổ cảnh, Lạc cảnh, v.v..., sự khởi sinh của các uẩn, diễn tiến của quả nghiệp, sinh, già, bệnh, chết, sầu, ưu bi, khổ, than, uất,... thảy đều là hiểm họa, là khổ não, là tội lỗi, là mồi nhử khiến cho dính mắc vào cảnh giới, là các Hành tạo tác gây ra khổ sở, khốn đốn, khiến cho hành giả phát sinh sự nhàm chán, nản lòng, không hoan hỷ, không thích thú, không dính mắc. Tâm hành giả muốn thoát, muốn trốn, muốn tránh, muốn ra khỏi, vì thấy rõ rằng nếu không có danh-sắc sẽ an toàn, hỷ lạc, không có mồi nhử khiến mê lầm, là tịch tịnh Niết-bàn. Khi đó, tâm hành giả sẽ mạnh mẽ hướng đến sự giải thoát, vượt khỏi luân hồi.

2, Tám so sánh về Dục thoát tuệ:

(01). Con cá bị mắc lưới, vùng vẫy, giẫy giụa, muốn thoát khỏi lưới như thế nào, hành giả cũng như thế ấy.

(02). Con ếch bị rắn ngoạm, đang trong miệng rắn, muốn nhảy thoát ra để lặn vào nước sâu, vừa hết sức kêu la, vừa hết sức vùng vẫy như thế nào, hành giả cũng như thế ấy.

(03). Gà rừng thường ở trong rừng. Khi bị con người sập bẫy rồi đem nhốt vào lồng, nó sẽ nhảy, la, chạy quanh tìm đường thoát thân. Nó đau khổ, thiếu an lạc, muốn bay khỏi lồng, về nơi rộng rãi, thoải mái, như trước đây từng được tự do như thế nào, hành giả cũng như thế ấy.

(04). Con nai dính bẫy, hết sức giẫy giụa vì muốn thoát khỏi chiếc bẫy đó như thế nào, hành giả cũng như thế ấy.

(05). Con rắn ở trong tay của thầy bắt rắn, muốn thoát khỏi, muốn trườn đi vào rừng sâu theo ý mình như thế nào, hành giả cũng như thế ấy.

(06). Con voi sa vũng lầy sâu, muốn bứt lên, muốn ra khỏi, cố gắng hết cách để giúp mình thoát khỏi bùn lầy như thế nào, hành giả cũng như thế ấy.

(07). Mãng xà nằm trong miệng của đại bàng chúa, ắt hẳn muốn thoát ra, muốn trườn đi khỏi nanh vuốt của đại bàng như thế nào, hành giả cũng như thế ấy.

(08). Người lính bị kẻ thù bao vây, muốn thoát thân khỏi vòng vây đó, nỗ lực hết mình tìm cách bỏ chạy như thế nào, hành giả cũng như thế ấy.

Khi thực hành đến tuệ này rồi, hành giả sẽ không thích, không dính mắc vào danh-sắc – pháp chỉ có sự biến động, suy hoại, diệt đi là lẽ thường – dù chỉ là một mảy may nhỏ nhặt. Trong toàn bộ 3 Hữu, 4 Loài, 5 Cảnh đến, 7 Thức trú, 9 Hữu tình cư đang hiện hữu, tâm hành giả chỉ có ý muốn thoát ra khỏi tất cả các Hành, thoát khỏi mọi dính mắc vào các Hành. Các Hành chỉ có hiểm họa, tai ương, đáng nhàm chán, cho nên hành giả mong muốn nhanh chóng thoát ra, và nỗ lực thực hành không nản lòng.

3, Thực tính pháp của Dục thoát tuệ:

Thực tính pháp của *Dục thoát tuệ* này được hiển lộ trong bộ *Phân Tích Đạo (Paṭisambhidāmagga)*, hành giả tiến tu đến tuệ này sẽ có 15 tướng trạng như sau:

(01). Tâm hành giả muốn thoát khỏi sự sinh ra, bởi vì thấy rõ sinh ra là khổ, sinh ra là tai họa, sinh ra là cám dỗ làm cho dính mắc, sinh ra là pháp tạo tác.

(02). Tâm hành giả muốn thoát khỏi sự vận hành của danh-sắc, bởi vì thấy rõ sự diễn tiến không ngừng nghỉ của danh-sắc là khổ, là đáng kinh hãi, là cám dỗ làm cho dính mắc, là pháp tạo tác.

(03). Tâm hành giả muốn thoát khỏi *Hành tướng (Saṅkhāranimitta)*, là dấu hiệu của danh-sắc, là pháp vô thường, luôn biến động thay đổi, bởi vì thấy rõ *Hành tướng* là khổ, là đáng sợ, là cám dỗ làm cho dính mắc, là pháp tạo tác.

(04). Tâm hành giả muốn thoát khỏi việc tích lũy nghiệp, là nhân tố tục sinh trong cảnh giới mới, bởi vì thấy rõ việc tích lũy nghiệp là khổ, là đáng sợ, là cám dỗ làm cho dính mắc, là pháp tạo tác.

(05). Tâm hành giả muốn thoát khỏi việc tục sinh nữa, bởi vì thấy rõ việc tục sinh là khổ, là đáng sợ, là cám dỗ làm cho dính mắc, là pháp tạo tác.

(06). Tâm hành giả muốn thoát khỏi các cảnh đến (gati), bởi vì thấy rõ các cảnh đến như Khổ cảnh, Lạc cảnh, v.v... là khổ, là đáng sợ, là cám dỗ làm cho dính mắc, là pháp tạo tác.

(07). Tâm hành giả muốn thoát khỏi sự khởi sinh của các uẩn, bởi vì thấy rõ sự khởi sinh của các uẩn là khổ, là đáng sợ, là cám dỗ làm cho dính mắc, là pháp tạo tác.

(08). Tâm hành giả muốn thoát khỏi sự vận hành của nghiệp quả, bởi vì thấy rõ quả của nghiệp là khổ, là đáng sợ, là cám dỗ làm cho dính mắc, là pháp tạo tác.

(09). Tâm hành giả muốn thoát khỏi sinh (jāti), bởi vì thấy rõ sinh là khổ, là đáng sợ, là cám dỗ làm cho dính mắc, là pháp tạo tác.

(10). Tâm hành giả muốn thoát khỏi già (jarā), bởi vì thấy rõ già là khổ, là đáng sợ, là cám dỗ làm cho dính mắc, là pháp tạo tác.

(11). Tâm hành giả muốn thoát khỏi bệnh (byādhi), bởi vì thấy rõ bệnh là khổ, là đáng sợ, là cám dỗ làm cho dính mắc, là pháp tạo tác.

(12). Tâm hành giả muốn thoát khỏi chết (maraṇa), bởi vì thấy rõ chết là khổ, là đáng sợ, là cám dỗ làm cho dính mắc, là pháp tạo tác.

(13). Tâm hành giả muốn thoát khỏi sầu ưu (soka) do mất mát thân quyến, tài sản, bệnh tật hành hạ, v.v..., bởi vì thấy rõ sầu ưu là khổ, là đáng sợ, là cám dỗ làm cho dính mắc, là pháp tạo tác.

(14). Tâm hành giả muốn thoát khỏi than vãn (parideva) do mất mát thân quyến, tài sản, bệnh tật hành hạ, v.v..., bởi vì thấy rõ than vãn là khổ, là đáng sợ, là cám dỗ làm cho dính mắc, là pháp tạo tác.

(15). Tâm hành giả muốn thoát khỏi uất ức (upāyāsa) do mất mát thân quyến, tài sản, bệnh tật hành hạ, v.v..., bởi vì thấy rõ uất ức là khổ, là đáng sợ, là cám dỗ làm cho dính mắc, là pháp tạo tác.

X. PAṬISAṄKHĀÑĀṆA – QUÁN SÁT TUỆ

Paṭisaṅkhāñāṇa – Quán sát tuệ là trí tuệ quán sát thấy danh-sắc một cách miệt mài, chăm chỉ tiếp sau *Dục thoát tuệ*.

Pāḷi chiết tự:

Paṭisaṅkhāñāṇa = paṭi + saṅkhā + ñāṇa

- *paṭi:* riêng, đáp, trở lại, nữa, thường xuyên
- *saṅkhā:* quán sát, xem xét
- *ñāṇaṃ:* trí tuệ

Paṭisaṅkhāñāṇa – Quán sát tuệ là trí tuệ trở lại quán sát các Hành theo Tam tướng (Tilakkhaṇa) qua 40 cách:

- Quán sát các Hành là Vô thường qua 10 cách
- Quán sát các Hành là Khổ não qua 25 cách
- Quán sát các Hành là Vô ngã qua 5 cách

Như Pāḷi trong bộ *Phân Tích Đạo (Paṭisambhidāmagga)* có nêu:

"Tesaṃ dhammānaṃ cattāḷīsāya ākārehi anekādīnavarāsibhāvapaṭisaṅkhāna-vasena suṭṭhu vipphārataraṃ vipassanāñāṇaṃ paṭisaṅkhāñāṇaṃ nāma."

"Trí tuệ minh sát các pháp ấy một cách phổ quát hơn bởi năng lực quán sát thấy chúng là một đống tội lỗi vô kể bằng 40 cách, gọi là Quán sát tuệ."

1, Bốn mươi cách của Quán sát tuệ:

a, Quán sát 5 uẩn là vô thường theo 10 cách:

(01). *Anicca:* Quán sát thấy 5 uẩn là vô thường
(02). *Paloka:* Quán sát thấy 5 uẩn là suy hoại lớn lao
(03). *Cala:* Quán sát thấy 5 uẩn là biến động
(04). *Pabhaṅgu:* Quán sát thấy 5 uẩn bị phá hủy, tiêu hoại
(05). *Andhuva:* Quán sát thấy 5 uẩn không bền vững, không trường tồn
(06). *Viparināmadhamma:* Quán sát thấy 5 uẩn thay đổi là thường
(07). *Asāraka:* Quán sát thấy 5 uẩn không có cốt lõi
(08). *Vibhava:* Quán sát thấy 5 uẩn bị suy vong là thường
(09). *Saṅkhata:* Quán sát thấy 5 uẩn bị tạo tác bởi các duyên
(10). *Maraṇadhamma:* Quán sát thấy 5 uẩn bị diệt tận là thường

b, Quán sát 5 uẩn là khổ não theo 25 cách:

(01). *Dukkha:* Quán sát thấy 5 uẩn là khó chịu đựng, luôn bị bức bách
(02). *Roga:* Quán sát thấy 5 uẩn là bệnh tật, luôn bị hành hạ, đâm chích
(03). *Gaṇḍa:* Quán sát thấy 5 uẩn là mụt ghẻ, luôn nhức nhối
(04). *Salla:* Quán sát thấy 5 uẩn bị tên nhọn đâm xiên như: đau, nhức, nóng lạnh, đói, khát v.v...
(05). *Agha:* Quán sát thấy 5 uẩn là điều bất hạnh, bứt rứt, khốn khổ
(06). *Aghamūla:* Quán sát thấy 5 uẩn là gốc gác của điều bất hạnh, bứt rứt
(07). *Ābādha:* Quán sát thấy 5 uẩn là bệnh hoạn, đau nhức
(08). *Īti:* Quán sát thấy 5 uẩn chỉ có khổ, không lạc, không tốt, tệ hại
(09). *Upaddava:* Quán sát thấy 5 uẩn là nguy khốn, khổ não
(10). *Bhaya:* Quán sát thấy 5 uẩn đáng lo sợ, kinh hãi trước các hiểm họa
(11). *Upasagga:* Quán sát thấy 5 uẩn là chướng ngại, ngăn cản thuận lợi
(12). *Atāṇa:* Quán sát thấy 5 uẩn không được hộ trì, bất an
(13). *Aleṇa:* Quán sát thấy 5 uẩn không phải nơi ẩn náu, không trốn được
(14). *Asaraṇa:* Quán sát thấy 5 uẩn không nơi nương tựa, phải suy, phải hoại, phải diệt, khó chịu đựng

(15). *Ādīnava:* Quán sát thấy 5 uẩn là nhiều tội lỗi, khổ não cả bên trong lẫn bên ngoài

(16). *Vadhaka:* Quán sát thấy 5 uẩn là kẻ sát nhân, vì nó giống đao phủ thủ thường cầm đao chém tội nhân lãnh án tử hình, không bỏ sót một ai

(17). *Sāsava:* Quán sát thấy 5 uẩn là nơi phát sinh của 4 Lậu hoặc

(18). *Marāmissa:* Quán sát thấy 5 uẩn là mồi nhử khiến cho chúng sinh dính bẫy của ma vương. Mồi nhử của ma vương gồm 3 loại:

• Lokāmissa – Thế gian mồi: Mồi nhử thế tục, đấy là ngũ dục: sắc, thinh, hương, vị, xúc

• Vaṭṭāmissa – Luân hồi mồi: Mồi nhử luân hồi, đấy là sự luân hồi do bởi *Phiền não luân (Kilesavaṭṭa)*, *Nghiệp luân (Kammavaṭṭa)* và *Quả luân (Vipākavaṭṭa)* thay nhau luân chuyển trong Tam giới

• Kilesāmissa – Phiền não mồi: Mồi nhử là phiền não, khiến cho chúng sinh dính mắc, chìm đắm trong xoáy lũ của luân hồi (oghasaṃsāra), không thấy được lối ra, đạo lộ dẫn đến Đạo, Quả, Niết-bàn

(19). *Jātidhamma:* Quán sát thấy 5 uẩn có sự sinh ra gặp khổ là thường, không thể thoát khỏi khổ, sinh ra lúc nào thì nhận khổ lúc ấy, giống như tai nấm lộ lên khỏi mặt đất khi nào sẽ đội theo bụi đất khi đó

(20). *Jarādhamma:* Quán sát thấy 5 uẩn có sự già lão, sự suy yếu là thường, không ai có thể ngăn cản hay hoán cải được

(21). *Byādhidhamma:* Quán sát thấy 5 uẩn có bệnh tật là thường, không một ai có thể thoát khỏi bệnh tật

(22). *Sokadhamma:* Quán sát thấy 5 uẩn có sầu ưu là thường, sầu ưu do sự mất mát thân quyến, tài sản, v.v...

(23). *Paridevadhamma:* Quán sát thấy 5 uẩn có than vãn là thường, bởi vì bị các sự mất mát, suy hoại chi phối

(24). *Upāyāsadhamma:* Quán sát thấy 5 uẩn có uất ức là thường, bởi vì bị các sự mất mát, suy hoại chi phối

(25). *Saṅkilesadhamma:* Quán sát thấy 5 uẩn có phiền não là thường, đó là 10 phiền não: Tham, Sân, Si, Mạn, Tà kiến, Hoài nghi, Hôn trầm, Phóng tâm, Vô tàm, Vô quý

c, Quán sát 5 uẩn là vô ngã theo 5 cách:

(01). *Anattā:* Quán sát thấy 5 uẩn là vô ngã, không ra lệnh, không điều khiển được, không ở dưới quyền lực của một ai

Từ *Attā – Ngã*, là cặp đôi của *Anattā – Vô ngã*, có 2 loại *Attā*, đó là: *Paramāttā* và *Jīvāttā*.

* Paramāttā – Thượng ngã: Loài người hiểu rằng *Attā – Ngã* là ta, là mình, là cái cao quý, không tan hoại, tiếp nối từ lâu đời, bởi chấp thủ rằng tự tại, có quyền hạn, có thể biến hóa được, ban phát được, tà kiến cho là có tôi ta, vận hành theo quyền lực của mình.

* Jīvāttā – Sinh ngã: Chính là linh hồn, là vía, là phách, là kẻ tạo tác, có quyền năng, v.v... Phân thành 5 hạng là Sāmī, Kāraka, Vedaka, Nivāsī và Sayaṃvāsī:

- *Sāmī* là chủ thể, ví dụ có chủ sinh mạng nơi tay, nơi chân, v.v...

- *Kāraka* là người tạo tác, ví dụ như đi lại, nói năng đều có người điều khiển, đó là sinh ngã.

- *Vedaka* là người thụ hưởng, ví dụ như nhận khổ, nhận lạc, nhận tốt, nhận xấu là do sinh ngã. Nói rằng người này chết thì sinh ngã không chết, v.v...

- *Nivāsi* là người ở nhờ, đang sống, đang trú, đang ngự, không biến mất; sinh ngã không chết, chỉ luôn chuyển dời, ví dụ với người chết thì sinh ngã chuyển đến người mới.

- *Sayaṃvāsī* người ban phát theo ý muốn của mình, tức là của sinh ngã hay linh hồn.

Quan kiến cho rằng là tôi ta, là ngã, gọi là *Ghanasaññā*, chính loại tưởng này đã che đậy không cho thấy Vô ngã; đấy là sự lầm tưởng rằng có tôi ta, có ngã. Có 3 loại Ghana là *Ghanasaññā*, *Kiccaghana* và *Ārammaṇaghana*.

• Ghanasaññā – Khối tưởng: Gồm những khối sắc, khối danh sinh khởi, trụ lại và diệt đi. Ví dụ như đi, đứng, ngồi, nằm, v.v... lầm tưởng là ta đi, ta đứng, ta ngồi, ta nằm, v.v...

• Kiccaghana – Phận sự khối: Gồm những việc làm của khối sắc, khối danh. Ví dụ như trong việc đi, đứng, ngồi, nằm ấy; sắc có phận sự dịch chuyển giống như làm theo mệnh lệnh của danh, danh có phận sự giống như ra lệnh cho sắc; thật ra thì chỉ có danh và sắc mà thôi, bị hiểu lầm là ta đi, ta đứng, ta ngồi, ta nằm, v.v...

• Ārammaṇaghana – Đối tượng khối: Gồm việc chấp thủ nhiều đối tượng thành một loại; ví dụ như chấp sắc trần qua mắt, thinh trần qua tai, hương trần qua mũi, vị trần qua lưỡi, xúc trần qua thân rồi tưởng nhầm rằng ta thấy sắc tốt, không tốt, nghe tiếng tốt, không tốt, ..., ta xúc chạm tốt, không tốt. Việc hiểu nhầm như thế gọi là điên đảo vọng tưởng (saññāvipallāsa), khi đã như thế thì chấp thủ vào các đối tượng đó là ta, là của ta, gọi là *Ngã kiến (Attadiṭṭhi)* hay *Thân kiến (Sakkāyadiṭṭhi)*.

(02). *Para:* Quán sát thấy 5 uẩn thành ra cái khác, không như cũ, luôn biến đổi.

(03). *Ritta:* Quán sát thấy 5 uẩn là nhỏ bé, ít ỏi, sinh khởi không lâu sẽ bị suy hoại và diệt đi.

(04). *Tuccha:* Quán sát thấy 5 uẩn là rỗng, rỗng rang khỏi người, vật, ta, tôi, hắn, nó.

(05). *Suñña:* Quán sát thấy 5 uẩn là không, trống không khỏi người, vật, ta, tôi, hắn, nó; không có chủ nhân ông, không có chủ thể, không nằm trong quyền lực của bất cứ ai.

Hành giả tiến tu Minh sát, quán sát danh-sắc là vô thường, khổ não, vô ngã theo 40 cách này sẽ thấy chúng không đẹp đẽ, là dấu hiệu cho biết đấy là khổ, đáng kinh hãi, không sạch sẽ, hôi thối, đáng ghê tởm, tạo tác luôn khi, không có cốt lõi, chỉ thấy sinh diệt suốt thời; nên hành giả khởi tâm muốn thoát ra, muốn trốn khỏi, nỗ lực tìm cách vượt thoát, tinh cần thực hành để cho Minh sát tuệ tiến triển.

2, Phương cách giải thoát:

Dục thoát tuệ là trí tuệ quán sát thấy danh-sắc là khổ, tội lỗi, đáng sợ, mồi nhử của ma vương, rồi phát sinh lòng chán nản, muốn thoát ra, muốn tránh khỏi nên hành giả quyết tâm, bền chí thực hành Minh sát tuệ nhằm đạt đáo Đạo, Quả, Niết-bàn bằng 15 phương cách như sau:

(01). Quán sát sự khởi sinh và diệt đi của danh-sắc, rồi quyết tâm thực hành nhằm chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn

(02). Quán sát danh-sắc đã khởi sinh, đang diễn tiến không ngừng nghỉ, rồi quyết tâm thực hành nhằm chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn

(03). Quán sát các *Hành tướng (Saṅkhāranimitta)*, tức là tướng trạng của danh-sắc là vô thường, khổ não, vô ngã, rồi quyết tâm thực hành nhằm chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn

(04). Quán sát thấy danh-sắc đang tích lũy nghiệp sẽ làm cho sự tái sinh, nên chán ngán, muốn giải thoát, rồi quyết tâm thực hành nhằm chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn

(05). Quán sát thấy danh-sắc đang mới khởi sinh là khổ, đáng kinh hãi, muốn giải thoát, rồi quyết tâm thực hành nhằm chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn

(06). Quán sát thấy danh-sắc đang rơi vào các cảnh giới (gati), như Khổ cảnh chẳng hạn, là vô thường, khổ não, vô ngã, rồi quyết tâm thực hành nhằm chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn

(07). Quán sát thấy danh-sắc đang khởi sinh là 5 uẩn, là vô thường, khổ não, vô ngã, rồi quyết tâm thực hành nhằm chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn

(08). Quán sát thấy danh-sắc đang diễn tiến theo quả (vipāka), do nghiệp dẫn đến từ kiếp trước, đời trước, kiếp này, đời này thảy đều là vô thường, khổ não, vô ngã, rồi quyết tâm thực hành nhằm chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn

(09). Quán sát thấy danh-sắc đang khởi sinh là sắc chủng, danh chủng, sắc khối, danh khối là đáng sợ, là khổ não, là không có cốt lõi, nên phát sinh nhàm chán, muốn giải thoát, rồi quyết tâm thực hành nhằm chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn

(10). Quán sát thấy danh-sắc đang suy hoại, đang già đi, đang lão hóa là khổ não, tội lỗi, đáng kinh hãi, không lợi ích, không cốt lõi, không an lạc, nên phát sinh nhàm chán, muốn giải thoát, rồi quyết tâm thực hành nhằm chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn

(11). Quán sát thấy danh-sắc đang bị bệnh tật hành hạ, bức bách, là khổ não, tội lỗi, không lợi ích, không cốt lõi, không an lạc, nên phát sinh nhàm chán, muốn giải thoát, rồi quyết tâm thực hành nhằm chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn

(12). Quán sát thấy danh-sắc đang diệt đi, chết đi ở mỗi sát-na, là khổ não, đáng nhàm chán, muốn giải thoát, rồi quyết tâm thực hành nhằm chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn

(13). Quán sát thấy danh-sắc đang sầu ưu, do sự suy hoại bức bách, phát sinh nhàm chán, muốn giải thoát, rồi quyết tâm thực hành nhằm chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn

(14). Quán sát thấy danh-sắc đang than vãn, do sự suy hoại bức bách, là khổ não, là tội lỗi, phát sinh nhàm chán, muốn giải thoát, rồi quyết tâm thực hành nhằm chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn

(15). Quán sát thấy danh-sắc đang uất ức, do sự suy hoại bức bách, là khổ não, là tội lỗi, phát sinh nhàm chán, muốn giải thoát, rồi quyết tâm thực hành nhằm chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn

Khi hành giả thực hành Minh sát tuệ, quán sát thấy danh-sắc một cách rõ ràng như thế, xem như hành giả đang phát triển trí tuệ Minh sát, do việc quán sát tốt các Hành, khiến cho phương cách giải thoát được sinh khởi.

3, Ví dụ so sánh:

Một người nam nọ, muốn đi bắt cá bèn lấy cái nơm, đem chơm dưới đầm. Vô tình con rắn hổ mang chui vào, ông ta thò tay nắm được, cứ ngỡ bắt được cá to, hài

lòng vô kể. Khi đưa tay lên mới phát hiện rằng đó là rắn độc vì thấy hoa văn trên đầu rắn ta. Hoảng sợ rồi lo lắng, do thấy họa tai và nguy hiểm, vì nếu bị cắn, ắt dễ đi chầu Diêm vương. Do vậy, ông ta tìm cách thả rắn cho nhanh, nắm chặt phần đuôi, tháo gỡ phần thân rắn đang quấn quanh tay mình; người ấy quay rắn mấy vòng trên không, rồi buông đi, rắn ta bị văng ra xa, nằm dài mệt lử, không sức để bò. Ông ta hú hồn, phi nhanh lên bờ đầm, vừa hổn hển thở vừa nghĩ rằng mình đã thoát khỏi miệng rắn chắc rồi. Ở đây, có sự so sánh như vầy:

* Con người sinh ra, lớn lên, có hình hài, vóc dáng luôn hài lòng, hân hoan, thích thú giống như người đàn ông đó bắt được rắn hổ mang mà cứ ngỡ là được con cá lớn, nên hết sức vui vẻ; lúc này, chưa tiến tu Minh sát tuệ, còn vui thích thế gian.

* Khi hành giả bắt đầu tiến tu Minh sát tuệ, phân biệt được danh với sắc, thấy là vô thường, khổ não, vô ngã; chúng hiện hữu dưới dạng đáng sợ, tuệ phát sinh từ đầu đến *Hoại diệt tuệ*; giống như người ấy nắm con rắn đưa ra khỏi cái nơm, thấy hình hoa văn trên đầu nó mà sinh sợ hãi.

* Khi đang tiến tu Minh sát tuệ, hành giả thấy khổ não, tội lỗi, hiểm họa của danh-sắc, đấy chính là *Hiểm nguy tuệ*; giống như người nam thấy họa tai, nguy cơ trong việc bắt rắn hổ mang ấy.

* Khi đang tiến tu Minh sát tuệ, hành giả thấy khổ não, tội lỗi, hiểm họa của danh-sắc, rồi phát sinh sự chán ngán, đấy chính là *Nhàm chán tuệ*; giống như người nam thấy họa tai, nguy cơ, hiểm họa to lớn đang sinh khởi đến mình do việc bắt rắn ấy, rồi phát sinh sự chán nản trong lòng.

* Khi đang tiến tu Minh sát tuệ, hành giả muốn thoát khỏi danh-sắc, muốn bức ra khỏi luân hồi, đấy chính là *Dục thoát tuệ*; giống như người nam muốn quay con rắn giữa hư không rồi buông tay cho nó văng xa.

* Khi hành giả đưa danh-sắc vào Tam tướng theo 40 cách cũng như theo 15 cách, đấy chính là *Dục thoát tuệ vững mạnh*, bước vào phạm vi của *Quán sát tuệ còn yếu*; giống như người nam tìm cách quay con rắn, rồi quăng rắn ra xa.

* Hành giả quán sát danh-sắc, đưa vào Tam tướng thường xuyên, tới lui, qua lại, xoay vòng với Tam tướng – Vô thường, Khổ não, Vô ngã; khiến cho phiền não đuối sức đến mức không thể thấy là thường, là lạc, là ngã, là đẹp đẽ, là ta, là người, v.v... Đến khi hành giả chỉ thấy ngược lại là vô thường hay biến hoại, là khổ não khó chịu đựng, là bất tịnh không sạch sẽ, là vô ngã không phải ta, người, không ở dưới quyền của ai, không ra lệnh được. Đấy chính là *Quán sát tuệ*, giống người đàn ông nắm đuôi rắn, quay vòng vòng rồi quẳng ra xa khỏi mình vậy.

Với các nhân tố như thế, *Quán sát tuệ* đã khởi sinh đến hành giả đang thực hành Minh sát tuệ, như Pāḷi có nêu:

"Aniccato manasikāroto nimittaṃ paṭisaṅkhāñāṇaṃ uppajjati."
"Khi hành giả chú tâm bởi tính vô thường, quán sát hiện tượng, Quán sát tuệ sẽ khởi sinh."

"Dukkhato manasikāroto pavatttaṃ paṭisaṅkhāñāṇaṃ uppajjati."
"Khi hành giả chú tâm bởi tính khổ não, quán sát diễn tiến, Quán sát tuệ sẽ khởi sinh."

"Anattato manasikāroto nimittañca pavatttañca paṭisaṅkhāñāṇaṃ uppajjati."
"Khi hành giả chú tâm bởi tính vô ngã, quán sát hiện tượng và diễn tiến, Quán sát tuệ sẽ khởi sinh."

XI. SAṄKHĀRUPEKKHĀÑĀṆA – HÀNH XẢ TUỆ

Saṅkhārupekkhāñāṇa – Hành xả tuệ là trí tuệ quán sát danh-sắc với tâm thái thản nhiên trước đối tượng là các Hành tướng (Saṅkhāranimitta).

Pāḷi chiết tự:

Saṅkhārupekkhāñāṇa = saṅkhāra + upekkhā + ñāṇa

- *saṅkhāra:* Hành, trạng thái bị tạo tác
- *upekkhā:* thản nhiên, bình thản, xả
- *ñāṇaṃ:* trí tuệ

Saṅkhārupekkhāñāṇa – Hành xả tuệ là trí tuệ quán sát danh-sắc là không thường hằng, khó chịu đựng, không điều khiển được, rỗng rang, không là ta, người, chúng sinh, ... với tâm thái bình thản, không vui, không buồn, không lo, không sợ; hành giả lập *niệm (sati)* quán sát như vầy:

01, Trí tuệ quán sát thấy sự sinh khởi của danh-sắc là khổ; thấy sự vận hành của danh-sắc đã sinh là khổ; thấy tướng trạng của danh-sắc cho biết là không thường hằng, khó chịu đựng, ra lệnh không được, như thế là khổ; thấy sự tích lũy nghiệp để tiếp tục tái sinh là khổ; thấy 5 cảnh đến (gati) là khổ; thấy tục sinh (paṭisandhi) là khổ; thấy sự khởi sinh của 5 uẩn là khổ; thấy sự sinh diễn tiến của quả nghiệp là khổ; thấy sinh (jāti) là khổ; thấy già (jarā) là khổ; thấy bệnh (byādhi) là khổ; thấy chết (maraṇa) là khổ; thấy sầu ưu (soka) là khổ; thấy than vãn (parideva) là khổ; thấy uất ức (upāyāsa) là khổ.

Khi đã quán sát thấy khổ như thế, hành giả phát sinh sự chán nản, ngán ngẩm, muốn thoát khỏi danh-sắc nên chú tâm vào Tam tướng tiếp tục rồi để tâm thản nhiên (xả), đó gọi là *Saṅkhārupekkhāñāṇa – Hành xả tuệ*.

02, Trí tuệ quán sát thấy sự sinh khởi của danh-sắc là hiểm họa; thấy sự vận hành của danh-sắc đã sinh là hiểm họa; thấy tướng trạng của danh-sắc cho biết là không thường hằng, khó chịu đựng, ra lệnh không được, như thế là hiểm họa; thấy sự tích lũy nghiệp để tiếp tục tái sinh là hiểm họa; thấy 5 ảnh đến (gati) là hiểm họa; thấy tục sinh (paṭisandhi) là hiểm họa; thấy sự khởi sinh của 5 uẩn là hiểm họa; thấy sự vận hành của quả nghiệp là hiểm họa; thấy sinh (jāti) là hiểm họa; thấy già (jarā) là hiểm họa; thấy bệnh (byādhi) là hiểm họa, thấy chết (maraṇa) là hiểm họa; thấy sầu ưu (soka) là hiểm họa; thấy than vãn (parideva) là hiểm họa; thấy uất ức (upāyāsa) là hiểm họa.

Khi đã quán sát thấy hiểm họa như thế, hành giả phát sinh sự chán nản, ngán ngẩm, muốn thoát khỏi danh-sắc nên chú tâm vào Tam tướng tiếp tục rồi để tâm thản nhiên (xả), đó gọi là *Saṅkhārupekkhāñāṇa – Hành xả tuệ*.

03, Trí tuệ quán sát thấy sự sinh khởi của danh-sắc là Hành – kẻ tạo tác; thấy sự vận hành của danh-sắc đã sinh là Hành – kẻ tạo tác; thấy tướng trạng của danh-sắc cho biết là không thường hằng, khó chịu đựng, ra lệnh không được, như thế là Hành – kẻ tạo tác; thấy sự tích lũy nghiệp để tiếp tục tái sinh là Hành – kẻ tạo tác; thấy 5 cảnh đến (gati) là Hành – kẻ tạo tác; thấy tục sinh (paṭisandhi) là Hành – kẻ tạo tác; thấy sự khởi sinh của 5 uẩn là Hành – kẻ tạo tác; thấy sự vận hành của quả nghiệp là Hành – kẻ tạo tác; thấy sinh (jāti) là Hành – kẻ tạo tác; thấy già (jarā) là Hành – kẻ tạo tác; thấy bệnh (byādhi) là Hành – kẻ tạo tác, thấy chết (maraṇa) là Hành – kẻ tạo tác; thấy sầu ưu (soka) là Hành – kẻ tạo tác; thấy than vãn (parideva) là Hành – kẻ tạo tác; thấy uất ức (upāyāsa) là Hành – kẻ tạo tác.

Khi đã quán sát thấy các Hành như thế, hành giả phát sinh sự chán nản, ngán ngẩm, muốn thoát khỏi danh-sắc nên chú tâm vào Tam tướng tiếp tục rồi để tâm thản nhiên (xả), đó gọi là *Saṅkhārupekkhāñāṇa – Hành xả tuệ*.

04, Trí tuệ quán sát thấy *Uppāda – Sinh khởi* của danh-sắc, v.v... cho đến *Upāyāsa – Uất ức*, do bị 5 sự suy hoại như sự mất mát thân thuộc, v.v... bức bách rằng chúng đều là mồi nhử của ma vương, bởi lẽ chúng diễn tiến theo mồi nhử khiến cho dính mắc vào vực xoáy của luân hồi. Do vậy, hành giả phát sinh sự nhàm chán, ngán ngẩm, muốn giải thoát, nên chú tâm vào Tam tướng tiếp tục rồi để tâm thản nhiên (xả), đó gọi là *Saṅkhārupekkhāñāṇa – Hành xả tuệ*.

05, Trí tuệ quán sát thấy *Sinh khởi (Uppāda)* của danh-sắc, v.v... cho đến *Uất ức (Upāyāsa)* đều là các Hành – kẻ tạo tác để nhận khổ, nhận khốn, bị hành hạ trăm phương ngàn cách, rồi để tâm thản nhiên (xả), đó gọi là *Saṅkhārupekkhāñāṇa – Hành xả tuệ*.

06, Trí tuệ quán sát thấy *Hành (Saṅkhāra)* và *Xả (Upekkhā)*, đều là các Hành, rồi để tâm thản nhiên (xả), đó gọi là *Saṅkhārupekkhāñāṇa – Hành xả tuệ*.

07, Tâm của hành giả là phàm nhân, khi đạt đến *Hành xả tuệ* sẽ có 2 trạng thái:

- Saṅkhārupekkhaṃ abhinandati: Hài lòng với Hành xả tuệ
- Saṅkhārupekkhaṃ vipassati: Thấy rõ Hành xả tuệ

08, Tâm của hành giả là bậc Thánh Hữu học, khi đạt đến *Hành xả tuệ* sẽ có 3 trạng thái:

- Saṅkhārupekkhaṃ abhinandati: Hài lòng với Hành xả tuệ
- Saṅkhārupekkhaṃ vipassati: Thấy rõ Hành xả tuệ
- Saṅkhārupekkhaṃ paṭisaṅkhāya phalasamāpattiṃ samāpajjati: Hồi quán Hành xả tuệ rồi nhập vào Quả định

09, Tâm của hành giả là bậc Thánh Vô học, khi đạt đến *Hành xả tuệ* sẽ có 3 trạng thái:

- Saṅkhārupekkhaṃ vipassati: Thấy rõ Hành xả tuệ
- Saṅkhārupekkhaṃ paṭisaṅkhāya phalasamāpattiṃ samāpajjati: Hồi quán Hành xả tuệ rồi nhập vào Quả định
- Ujjhupekkhitvā suññatavihārena vā animittena vā appaṇihitena viharati: Khi thản nhiên với các hành rồi, tâm hành giả sẽ an trú với sự an trú Không tánh giải thoát, Vô tướng giải thoát hoặc Vô nguyện giải thoát

10, Tâm của hành giả là phàm nhân và bậc Thánh Hữu học, khi đạt đến *Hành xả tuệ* sẽ có trạng thái giống nhau, đó là hoan hỷ, hài lòng với *Hành xả tuệ*, do bởi 4 nguyên nhân sau:

a, Tâm của phàm nhân:

(01). *Cittaṃ kilissati:* Tâm của phàm nhân bị phiền não vì thích thú nơi *Hành xả tuệ*, nên gọi là *Vipassanānika*, dịch là hài lòng, hân hoan, vui thích với Minh sát. Chi pháp chính là *Tham tâm sở*.

(02). *Bhāvanāya paripantho hoti:* Nguy hiểm cho sự tu tiến

(03). *Paṭivedhassa antarāyo hoti:* Tác hại cho Pháp thành, nghĩa là ngăn cản sự chứng ngộ Tứ Thánh Đế

(04). *Āyatipaṭisandhiyā paccayo hoti:* Làm duyên cho việc tục sinh ở những kiếp sau

b, Tâm của bậc Thánh Hữu học:

(01). *Cittaṃ kilissati:* Tâm của bậc Thánh Hữu học bị phiền não vì thích thú nơi *Hành xả tuệ*, nên gọi là *Vipassanānika* – hài lòng, hân hoan, vui thích với Minh sát. Chi pháp chính là *Tham tâm sở*

(02). *Bhāvanāya paripantho hoti:* Nguy hiểm cho sự tu tiến

(03). *Uttaripaṭivedhassa antarāyo hoti:* Tác hại cho Pháp thành bậc cao

(04). *Āyatipaṭisandhiyā paccayo hoti:* Làm duyên cho việc tục sinh ở kiếp sau

11, Tâm phàm nhân, tâm bậc Thánh Hữu học, tâm bậc Thánh Vô học, khi đạt đến *Hành xả tuệ* sẽ có trạng thái giống nhau ở chỗ đều thấy Tam tướng như nhau, tức là thấy vô thường, khổ não và vô ngã.

12, Tâm phàm nhân, tâm bậc Thánh Hữu học, tâm bậc Thánh Vô học, khi đạt đến *Hành xả tuệ* sẽ khác nhau ở chỗ thiện và vô ký:

- *Hành xả tuệ* của phàm nhân là *Thiện*
- *Hành xả tuệ* của bậc Thánh Hữu học là *Thiện*
- *Hành xả tuệ* của bậc Thánh Vô học là *Vô ký*

13, Hành xả tuệ của phàm nhân, bậc Thánh Hữu học, bậc Thánh Vô học có sự khác nhau là:

- Đối với phàm nhân, *Hành xả tuệ* biểu lộ rõ ràng chỉ lúc đang tiến tu Minh sát tuệ; nếu lúc không tiến tu sẽ không hiển lộ.

- Đối với bậc Thánh Hữu học, *Hành xả tuệ* biểu lộ rõ ràng lúc tiến tu; nếu lúc không tiến tu sẽ không hiển lộ.

- Đối với bậc Thánh Vô học, *Hành xả tuệ* biểu lộ rõ ràng, biết rất rõ vì các ngài không còn vui thích hay ghét bỏ.

14, Hành xả tuệ của phàm nhân, bậc Thánh Hữu học, bậc Thánh Vô học còn khác nhau nữa:

- Phàm nhân tiến tu Minh sát tuệ, quán sát *Hành xả* chưa đến tận cùng do thực hành Minh sát chưa thành tựu.

- Bậc Thánh Hữu học vẫn còn phải tiến tu Minh sát tuệ, cần quán sát *Hành xả* tiếp tục, thực hành Minh sát chưa viên mãn.

- Bậc Thánh Vô học quán sát *Hành xả* đến tận cùng rồi, do các ngài thành tựu Minh sát, đoạn trừ mọi phiền não, phận sự hoàn tất, phạm hạnh đã thành.

15, Phàm nhân, bậc Thánh Hữu học, bậc Thánh Vô học quán sát *Hành xả tuệ* khác nhau là:

- Phàm nhân quán sát *Hành xả tuệ* nhằm đoạn trừ 3 Kiết sử là Thân kiến, Hoài nghi và Giới cấm thủ.

- Bậc Thánh Hữu học quán sát *Hành xả tuệ* nhằm chứng đắc 3 Đạo, Quả bậc trên.

- Bậc Thánh Vô học quán sát *Hành xả tuệ* nhằm sống an lạc trong kiếp hiện tại trước mắt, bởi vì các ngài đoạn tận mọi phiền não, không còn trầm luân nữa.

16, Hành xả tuệ sinh khởi do năng lực của Chỉ tịnh và Minh sát:

a, Hành xả tuệ sinh khởi do năng lực của Chỉ tịnh:

(01). *Paṭhamajjhānaṃ paṭilābhatthāya nīvaraṇe paṭisaṅkhā santiṭṭhanā paññā saṅkhārupekkhāñāṇaṃ.*

Trí tuệ quán sát các triền cái nhằm đạt Đệ nhất thiền, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

(02). *Dutiyajjhānaṃ paṭilābhatthāya vitakkavicāre paṭisaṅkhā santiṭṭhanā paññā saṅkhārupekkhāñāṇaṃ.*

Trí tuệ quán sát Tầm và Tứ nhằm đạt Đệ nhị thiền, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

(03). *Tatiyajjhānaṃ paṭilābhatthāya pītiṃ paṭisaṅkhā santiṭṭhanā paññā saṅkhārupekkhāñāṇaṃ.*

Trí tuệ quán sát Phỉ nhằm đạt Đệ tam thiền, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

(04). *Catutthajjhānaṃ paṭilābhatthāya sukhadukkhe paṭisaṅkhā santiṭṭhanā paññā saṅkhārupekkhāñāṇaṃ.*

Trí tuệ quán sát Lạc và Khổ nhằm đạt Đệ tứ thiền, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

(05). *Ākāsānañcāyatanasamāpattiṃ paṭilābhatthāya rūpasaññaṃ, paṭigha-saññaṃ, nānattasaññaṃ paṭisaṅkhā santiṭṭhanā paññā saṅkhārupekkhāñāṇaṃ.*

Trí tuệ quán sát Sắc tưởng, Hận tưởng, Khác biệt tưởng nhằm đạt Không vô biên định, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

(06). *Viññāṇañcāyatanasamāpattiṃ paṭilābhatthāya ākāsānañcāyatanasaññaṃ paṭisaṅkhā santiṭṭhanā paññā saṅkhārupekkhāñāṇaṃ.*

Trí tuệ quán sát Không vô biên xứ tưởng nhằm đạt Thức vô biên xứ định, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

(07). *Ākiñcaññāyatanasamāpattiṃ paṭilābhatthāya viññāṇañcāyatanasaññaṃ paṭisaṅkhā santiṭṭhanā paññā saṅkhārupekkhāñāṇaṃ.*

Trí tuệ quán sát Thức vô biên xứ tưởng nhằm đạt Vô sở hữu xứ định, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

(08). *Nevasaññānāsaññāyatanasamāpattiṃ paṭilābhatthāya ākiñcaññāyatana-saññaṃ paṭisaṅkhā santiṭṭhanā paññā saṅkhārupekkhāñāṇaṃ.*

Trí tuệ quán sát Vô sở hữu xứ tưởng nhằm đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ định, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

b, Hành xả tuệ sinh khởi do năng lực của Minh sát:

(01). *Sotāpattimaggaṃ paṭilābhatthāya uppādaṃ, ... upāyāsaṃ paṭisaṅkhā santiṭṭhanā paññā saṅkhārupekkhāñāṇaṃ.*

Trí tuệ quán sát sự sinh khởi của danh-sắc, v.v... cho đến sự uất ức nhằm đạt Nhập Lưu đạo, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

(02). *Sotāpattiphalaṃ paṭilābhatthāya uppādaṃ, ... upāyāsaṃ paṭisaṅkhā santiṭṭhanā paññā saṅkhārupekkhāñāṇaṃ.*

Trí tuệ quán sát sự sinh khởi của danh-sắc, v.v... cho đến sự uất ức nhằm đạt Nhập Lưu quả, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

(03). *Sakadāgāmimaggaṃ paṭilābhatthāya uppādaṃ, ...*

Trí tuệ quán sát sự sinh khởi của danh-sắc, v.v... cho đến sự uất ức nhằm đạt Nhất Lai đạo, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

(04). *Sakadāgāmiphalaṃ paṭilābhatthāya uppādaṃ, ...*

Trí tuệ quán sát sự sinh khởi của danh-sắc, v.v... cho đến sự uất ức nhằm đạt Nhất Lai quả, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

(05). *Anāgāmimaggaṃ paṭilābhatthāya uppādaṃ, ...*

Trí tuệ quán sát sự sinh khởi của danh-sắc, v.v... cho đến sự uất ức nhằm đạt Bất Lai đạo, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

(06). *Anāgāmiphalaṃ paṭilābhatthāya uppādaṃ, ...*

Trí tuệ quán sát sự sinh khởi của danh-sắc, v.v... cho đến sự uất ức nhằm đạt Bất Lai quả, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

(07). *Arahattamaggaṃ paṭilābhatthāya uppādaṃ, ...*

Trí tuệ quán sát sự sinh khởi của danh-sắc, v.v... cho đến sự uất ức nhằm đạt A-ra-hán đạo, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

(08). *Arahattaphalaṃ paṭilābhatthāya uppādaṃ, ...*

Trí tuệ quán sát sự sinh khởi của danh-sắc, v.v... cho đến sự uất ức nhằm đạt A-ra-hán quả, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

(09). *Suññatavihārasamapattattāya uppādaṃ, ...*

Trí tuệ quán sát sự sinh khởi của danh-sắc, v.v... cho đến sự uất ức nhằm đạt định an trú

Không tánh, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

(10). *Animittavihārasamapattattāya uppādaṃ, ...*

Trí tuệ quán sát sự sinh khởi của danh-sắc, v.v... cho đến sự uất ức nhằm đạt định an trú Vô tướng, rồi thản nhiên gọi là Hành xả tuệ.

HÀNH XẢ TUỆ THEO TAM ĐỀ THIỆN

Như đã nêu trên, *Hành xả tuệ* sinh khởi do năng lực của Chỉ tịnh có 8 loại và của Minh sát có 10 loại. Khi phân chia theo Tam đề Thiện (Kusalatika), sẽ có như sau:

(01). *Theo Bất thiện:* không có

(02). *Theo Thiện:* gồm có 15 loại

(03). *Theo Vô ký:* gồm có 3 loại, đó là:

- Arahattaphala – A-ra-hán quả
- Suññattavihāra – Trú Không tánh
- Animittavihāra – Trú Vô tướng

TÍNH RỖNG KHÔNG

a, Hành giả thực hành Minh sát tuệ, xác định Tính rỗng không theo 2 điểm:

(01). *Xác định Tính rỗng không khỏi ngã*

(02). *Xác định Tính rỗng không khỏi ngã vật sở hữu của ngã*, nghĩa là không thấy cái gì là của mình; cả sắc uẩn bên ngoài lẫn sắc uẩn bên trong chỉ có sự rỗng không, như gò mối trống hay căn nhà hoang.

b, Hành giả thực hành Minh sát tuệ, xác định Tính rỗng không theo 4 điểm:

(01). *Xác định rằng không thấy ngã, của ngã ở đâu cả, tìm ngã không có*

(02). *Xác định rằng không thấy ngã liên quan đến ai cả*

(03). *Xác định rằng không thấy ngã của người khác ở bất cứ đâu*, nghĩa là không có một ai cả, chỉ có danh với sắc mà thôi

(04). *Xác định rằng không thấy người khác liên quan đến mình*

c, Hành giả thực hành Minh sát tuệ, xác định Tính rỗng không theo 6 điểm, chia thành 4 nhóm:

(01). *Nhóm 1:* 6 Nội xứ là Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân và Ý rỗng không khỏi ta, của ta, rỗng không khỏi sự thường hằng, khỏi sự bền vững, khỏi sự chắc chắn, khỏi sự không biến động là lẽ thường.

(02). *Nhóm 2:* 6 Ngoại xứ là Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc và Pháp rỗng không khỏi ta, của ta, rỗng không khỏi sự thường hằng, khỏi sự bền vững, khỏi sự chắc chắn, khỏi sự không biến động là lẽ thường.

(03). *Nhóm 3:* 6 Thức là Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức và Ý thức rỗng không khỏi ta, của ta, rỗng không khỏi sự thường hằng, khỏi sự bền vững, khỏi sự chắc chắn, khỏi sự không biến động là lẽ thường.

(04). *Nhóm 4:* 6 Xúc là Nhãn xúc, Nhĩ xúc, Tỷ xúc, Thiệt xúc, Thân xúc và Ý xúc rỗng không khỏi ta, của ta, rỗng không khỏi sự thường hằng, khỏi sự bền vững, khỏi sự chắc chắn, khỏi sự không biến động là lẽ thường.

d, Hành giả thực hành Minh sát tuệ, xác định Tính rỗng không theo 8 điểm:

Tính rỗng không theo 8 điểm là: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, Nhãn, Lão, Tử. Cả 8 điểm này không có cốt lõi, không thường hằng, không an lạc, không có ngã, vô thường, không bền vững, có sự biến động là lẽ thường; giống như cây lau, như cây thầu dầu, như quả sung, như bong bóng nước, như ảo ảnh, như thân cây chuối.

e, Hành giả thực hành Minh sát tuệ, xác định Tính rỗng không theo 10 điểm:

(01). *Rūpaṃ rittato passati:* Hành giả quán sát thấy Sắc là nhỏ nhiệm.

(02). *Rūpaṃ tucchato passati:* Hành giả quán sát thấy Sắc là trống trải.

(03). *Rūpaṃ suññato passati:* Hành giả quán sát thấy Sắc là rỗng không.

(04). *Rūpaṃ anattato passati:* Hành giả quán sát thấy Sắc là vô ngã.

(05). *Rūpaṃ anissariyato passati:* Hành giả quán sát thấy Sắc là không có tự do.

(06). *Rūpaṃ akāmakāriyato passati:* Hành giả quán sát thấy Sắc là thứ không cho làm theo ý muốn, không cho làm theo sự hài lòng. Nghĩa là, ai muốn làm cho Sắc thành thứ thường hằng, thành thứ an lạc, thành thứ đẹp đẽ tùy theo ý thích đều không được; giống như lấy bọt nước làm đĩa đựng đồ vật là không thể vậy.

(07). *Rūpaṃ alambhanīyato passati:* Hành giả quán sát thấy Sắc là thứ mà bất cứ ai mong muốn đều không được. Chẳng hạn muốn cho khỏe mạnh, đừng đau ốm, bệnh hoạn, thì Sắc ấy là không theo nguyện vọng của mình, không theo sự nài nỉ van xin được.

(08). *Rūpaṃ āvasavattakato passati:* Hành giả quán sát thấy Sắc là thứ không diễn biến theo mệnh lệnh của bất cứ ai.

(09). *Rūpaṃ parato passati:* Hành giả quán sát thấy Sắc thành thứ khác, tức là không duy trì được.

(10). *Rūpaṃ vivattato passati:* Hành giả quán sát thấy Sắc theo sự vắng lặng

khỏi chúng sinh, người, tôi, ta; chỉ có sự trống rỗng, như ngôi nhà trống, vắng người, im ắng, tịch lặng vậy.

Cả 10 điểm này là sự quán sát Sắc uẩn theo *Tính rỗng không*. Về phần quán sát Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn theo *Tính rỗng không* cũng làm tương tự qua 10 điểm như thế.

d, Hành giả thực hành Minh sát tuệ, xác định Tính rỗng không theo 12 điểm:

(01). *Rūpaṃ na satto:* Quán sát thấy Sắc không phải là chúng sinh

(02). *Rūpaṃ na jīvo:* Quán sát thấy Sắc không phải là sinh mạng

(03). *Rūpaṃ na naro:* Quán sát thấy Sắc không phải là người

(04). *Rūpaṃ na māṇavo:* Quán sát thấy Sắc không phải là thanh niên

(05). *Rūpaṃ na itthī:* Quán sát thấy Sắc không phải là phụ nữ

(06). *Rūpaṃ na puriso:* Quán sát thấy Sắc không phải là nam nhân

(07). *Rūpaṃ na attā:* Quán sát thấy Sắc không phải là ngã

(08). *Rūpaṃ na attaniyaṃ:* Quán sát thấy Sắc không phải là ngã sở

(09). *Rūpaṃ nāhaṃ:* Quán sát thấy Sắc không phải là tôi

(10). *Rūpaṃ na mama:* Quán sát thấy Sắc không phải là của tôi

(11). *Rūpaṃ na aññassa:* Quán sát thấy Sắc không phải là của người khác

(12). *Rūpaṃ na kassaci:* Quán sát thấy Sắc không phải là của bất cứ ai

Tương tự như trên, hành giả cũng quán sát Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn theo *Tính rỗng không* qua 12 điểm như Sắc uẩn vậy.

Khi quán sát danh-sắc là trống rỗng, là rỗng không theo các điểm như trên, tâm hành giả thản nhiên trước vạn pháp và được xếp vào *Hành xả tuệ*.

QUẢ BÁU CỦA HÀNH XẢ TUỆ

Khi quán sát danh-sắc là trống rỗng như thế rồi hành giả đưa vào Tính vô thường, khổ não, vô ngã, quán sát thường xuyên, lặp đi lặp lại sẽ hiển lộ như vầy:

(01). Đoạn trừ sợ hãi, đoạn trừ hân hoan, tâm xả, thản nhiên trước danh-sắc

(02). Không dính mắc, không chấp thủ danh-sắc là của ta. Ví dụ có một người nam cưới cô vợ đáng yêu, rất vừa lòng đến mức không chịu rời xa vợ nửa bước vì cậu rất yêu thương vợ mình. Nếu thấy vợ ngồi nói cười với người đàn ông khác, cậu ta sẽ bực bội, tức giận, ghen tuông, buồn lòng. Thời gian sau, khi thấy tội lỗi của vợ

mình, cậu ta sinh chán nản, muốn tránh mặt, muốn bỏ vợ, rồi không chấp nhận đó là vợ của mình nữa, bèn ly hôn. Kể từ đó, thấy cô ấy làm gì với ai, ở đâu; người nam ấy cũng không quan tâm, không giận, không hờn, không tủi, không ghen tuông mảy may gì nữa. Điều này như thế nào thì hành giả thực hành Minh sát cũng như thế ấy; hành giả muốn thoát khỏi danh-sắc, nỗ lực tiến tu *Hành xả tuệ*, chẳng thấy thứ gì là của ta nên đoạn trừ được sợ hãi, hân hoan, có tâm thản nhiên trước mọi danh-sắc vậy.

(03). Khi có *Niệm tỉnh giác (Satisampajañña)* thấy biết như thế, tâm hành giả sẽ không quay lại, không trở ngược về 3 Hữu, 4 Loài, 5 Cảnh đến, 7 Thức trú, 9 Hữu tình cư, chỉ còn sự thản nhiên trước danh-sắc hoặc thấy danh-sắc là bất tịnh, đáng gớm, như rác rưởi nên mới quay lưng với 3 Hữu, 4 Loài, v.v...

Điều này được ví như giọt sương trên lá sen và lông cánh gà. Nghĩa là, lệ thường thì giọt sương trên lá sen mềm chỉ có rơi xuống thôi, không thể quay ngược trở lại trên lá sen được nữa; tâm hành giả khi đến tuệ này rồi sẽ không quay trở lại 3 Hữu, 4 Loài, v.v... Lông cánh gà khi để lên ngọn lửa sẽ co rút lại, không duỗi ra như cũ được; cũng như thế, khi đạt đến tuệ này, tâm hành giả sẽ không quay lại nữa, chỉ có nhàm chán và muốn thoát ra, rồi thản nhiên, bởi vì hành giả thấy rõ ràng rằng đấy là những thứ không sạch sẽ, không đáng để hoan hỷ, hài lòng.

(04). Hành giả có *Niệm vững chắc (Paṭissati)*, tâm có đầy đủ các chi pháp: *Vô tham (Alobha)*, *Vô sân (Adosa)*, *Vô si (Amoha)*, bởi lẽ khi Niệm có sức mạnh vững chãi thì tham, sân, si không thể hiện hữu được. Giống như bóng đèn điện có công suất lớn, cho ánh sáng cực mạnh, chiếu rọi nơi đâu cũng rõ rệt, không có bóng tối; do vậy, tâm chỉ có trạng thái thản nhiên thôi.

(05). *Tâm không chấp thủ (Virattacittaṃ)*, không dính mắc, không trói buộc, không đeo níu, không luyến ái, không hài lòng nơi Sắc, Thinh, v.v... nên chỉ hiển lộ trạng thái thản nhiên, quân bình.

(06). *Không nhận đối tượng chế định (Najjhosatiṭṭhānaṃ)*, nghĩa là không chấp nhận 5 uẩn là thường, lạc, ngã và tịnh; do có *Niệm – Tuệ* quán sát thấy chắc chắn rằng 5 uẩn là vô thường, khổ, vô ngã và bất tịnh nên điên đảo vọng tưởng biến mất, không hiểu sai lệch, tâm chỉ có trạng thái thản nhiên, trung dung với danh-sắc.

(07). *Không huân tập khổ (Dukkhāpacinaṃ)*, hành giả nhổ bỏ tận gốc rễ của khổ đi, tâm rỗng rang, thản nhiên.

(08). *Tiến tới Niết-bàn (Nibbānameva pakkhandati)*, hành giả thấy danh-sắc là hiểm họa, là tội lỗi, là khổ não, đáng ngán ngẩm, muốn thoát khỏi, với kiên định rồi thản nhiên, tâm tiến tới tịch tịnh (santipada). Nếu chưa đạt đáo Niết-bàn, hành giả trở lại nhận danh-sắc làm đối tượng tiếp tục như thế.

(09). *Trụ vững do năng lực của 3 Tùy quán (Tividhānupassanāvasena tiṭṭhati): Hành xả tuệ* này tu tập càng lâu càng vi tế, tinh tường; giống như lấy cái rây để rây bột hay dùng guồng quay tơ từ sợi bông. Khi đã quán sát danh-sắc theo các điểm như đã nói trên, sự sợ hãi, niềm hân hoan sẽ biến mất; tâm hành giả quân bình, thản nhiên trước đối tượng, trụ vững chãi do năng lực của *3 Tùy quán (Anupassanā)*. Một khi hành giả đã có trạng thái kiên định như thế, tâm sẽ đạt đến *3 Giải thoát môn (Vimokkhamukha)* và trợ duyên cho việc phân định 7 hạng Thánh nhân.

TISSO ANUPASSANĀ – BA TÙY QUÁN

Anupassanā – Tùy quán gồm 3 loại, đó là:

(01). *Aniccānupassanā – Vô thường tùy quán:* Trí tuệ quán sát thấy danh-sắc vô thường, sinh khởi rồi diệt đi, sinh ở đâu, diệt ở đó, tâm hướng đến *giới (dhātu)* không có tướng trạng (Animittadhātu – Vô tướng giới); danh-sắc hiển lộ chỉ có sự suy hoại và diệt đi, rồi tâm thản nhiên, bình quân; hành giả luôn có *Niệm* ghi nhận.

(02). *Dukkhānupassanā – Khổ não tùy quán:* Trí tuệ quán sát thấy danh-sắc là khổ não, khó để chịu đựng, phát sinh sự động tâm về danh-sắc, tâm hướng đến *giới (dhātu)* không có chỗ trụ (Appṇihitadhātu – Vô nguyện giới); danh-sắc hiển lộ là pháp đáng kinh hãi, rồi tâm thản nhiên, bình quân; hành giả luôn có *Niệm* ghi nhận.

(03). *Anattānupassanā – Vô ngã tùy quán:* Trí tuệ quán sát thấy danh-sắc không phải là ngã, trống trải, rỗng không, tâm hướng đến *giới (dhātu)* rỗng không (Suññatadhātu – Không tánh giới); danh-sắc hiển lộ là pháp trống rỗng, rồi tâm thản nhiên, bình quân; hành giả luôn có *Niệm* ghi nhận.

TĪṆI VIMOKKHAMUKHĀNI – BA GIẢI THOÁT MÔN

Từ ***Vimokkhamukha – Giải thoát môn***, dịch là đạo lộ của sự giải thoát đặc biệt khỏi mọi phiền não. Về nội dung, đó là *3 Tùy quán* như đã nêu trên; bởi vì đấy là con đường dẫn chúng sinh thoát khỏi thế gian, đưa đến siêu thế, cũng chính là con đường đạt đáo Niết-bàn.

(01). *Animittavimokkha – Vô tướng giải thoát:*

Pāḷi chiết tự:

Animittavimokkha = animitta + vimokkha

- *animitta:* không có dấu hiệu, ấn tướng, tướng trạng
- *vimokkha:* giải thoát đặc biệt

Vô tướng giải thoát có chi pháp là 8 Thánh Đạo với đối tượng là Niết-bàn, diễn tiến với trạng thái không có dấu hiệu, ấn tướng, nghĩa là không có dấu hiệu thường hằng (niccanimitta), dấu hiệu trường tồn (dhuvanimitta), và dấu hiệu bản ngã (attanimitta).

Nếu hành giả quán sát thấy danh-sắc là vô thường, thì gọi là bậc có *Tín (Saddhā)* nhiều; bởi vì bước đầu hành giả có Tín tâm vừa phải, đến lúc vào thực hành, thấy được Tính vô thường rõ rệt do năng lực tuệ quán của chính mình đã được xác chứng thông qua việc quán sát ấy, nên Tín tâm của hành giả tăng trưởng mạnh lên. Tín căn (Saddhindriya) nơi Đức Đạo Sư của hành giả càng vững chãi hơn, ắt đạt được *Vô tướng giải thoát*.

(02). *Appaṇihitavimokkha – Vô nguyện giải thoát:*

Pāḷi chiết tự:

Appaṇihitavimokkha = appaṇihita + vimokkha

- *appaṇihita:* không có trú xứ
- *vimokkha:* giải thoát đặc biệt

Vô nguyện giải thoát có chi pháp là 8 Thánh Đạo với đối tượng là Niết-bàn, diễn tiến với trạng thái không có trú xứ, chỗ đặt để của phiền não, ái dục như tham, sân, si chẳng hạn.

Nếu hành giả quán sát thấy danh-sắc là khổ não, thì gọi là bậc có nhiều tịnh an (passaddhi); bởi vì quán sát thấy khổ não, tâm hành giả hướng đến Niết-bàn là an lạc, tịch tịnh, vi tế. Do hành giả quán sát thấy rằng các Hành là khổ thật sự, và trái ngược lại sự vắng bóng các Hành ắt sẽ an lạc, là Niết-bàn. Khi đó, tâm hành giả hoan hỷ, thanh tịnh, Định căn (Samādhindriya) của hành giả càng vững chãi hơn, ắt đạt được *Vô nguyện giải thoát*.

(03). *Suññatavimokkha – Không tánh giải thoát:*

Pāḷi chiết tự:

Suññatavimokkha = suññata + vimokkha

- *suññata:* không tánh, chân không, không
- *vimokkha:* giải thoát đặc biệt

Không tánh giải thoát có chi pháp là 8 Thánh Đạo với đối tượng là Niết-bàn, diễn tiến với trạng thái rỗng không, trống vắng khỏi tham, sân, si.

Nếu hành giả quán sát thấy danh-sắc là vô ngã, thì gọi là bậc có nhiều trí tuệ (paññā), trí tuệ vi tế, thâm sâu, sắc bén, xa rời si mê, ắt đạt được *Không tánh giải thoát*.

Chư vị Cổ đức đã nói: "Tại thời điểm tiến tu *Siêu thế thiền (Lokuttarajjhāna)*, là pháp sẽ dẫn đến Niết-bàn, không có sự tích lũy phiền não nhằm đoạn trừ tà kiến, để chứng đạt Sơ thiền (Paṭhamajjhāna), vắng bóng dục nhiễm vào đến Đệ nhất thiền trú, được xếp vào *Không tánh giải thoát*, *Vô tướng giải thoát*, *Vô nguyện giải thoát*, đây là Minh sát tuệ trực tiếp". Thật vậy, trong bộ *Phân Tích Đạo (Paṭisambhidāmagga)* có nêu:

* Nếu quán sát thấy danh-sắc là vô thường, sẽ đoạn trừ được chấp thủ tính thường hằng, xếp vào *Không tánh giải thoát* được; nếu quán sát thấy danh-sắc là khổ não, sẽ đoạn trừ được chấp thủ an lạc, xếp vào *Không tánh giải thoát* cũng được; nếu quán sát thấy danh-sắc là vô ngã, sẽ đoạn trừ được chấp thủ là ngã, xếp vào *Không tánh giải thoát* cũng được.

* Nếu quán sát thấy danh-sắc là vô thường, sẽ đoạn trừ được chấp thủ tính thường hằng, xếp vào *Vô tướng giải thoát* được; nếu quán sát thấy danh-sắc là khổ não, sẽ đoạn trừ được chấp thủ là an lạc, xếp vào *Vô tướng giải thoát* cũng được; nếu quán sát thấy danh-sắc là vô ngã, sẽ đoạn trừ được chấp thủ là ngã, xếp vào *Vô tướng giải thoát* cũng được.

* Nếu quán sát thấy danh-sắc là vô thường, sẽ đoạn trừ được chấp thủ tính thường hằng, xếp vào *Vô nguyện giải thoát* được; nếu quán sát thấy danh-sắc là khổ não, sẽ đoạn trừ được chấp thủ là an lạc, xếp vào *Vô nguyện giải thoát* cũng được; nếu quán sát thấy danh-sắc là vô ngã, sẽ đoạn trừ được chấp thủ là ngã, xếp vào *Vô nguyện giải thoát* cũng được.

Như vậy, các nội dung trên có thể được kết lại như sau:

* Hành giả thực hành thiền Minh sát, khi thấy được vô thường thì xem như đã thấy khổ não và vô ngã đồng thời với nhau; khi thấy được khổ não thì xem như đã thấy vô thường và vô ngã đồng thời với nhau; khi thấy được vô ngã thì xem như đã thấy vô thường và khổ não đồng thời với nhau; bởi vì chúng ở với nhau, tách ra không được. Chẳng hạn, khi thấy danh-sắc vô thường do bị suy hoại và diệt đi; tại sao danh-sắc bị suy hoại, diệt đi? Bởi vì không chịu đựng được; việc danh-sắc không chịu đựng được này xem là khổ não; tại sao danh-sắc không chịu đựng được? Bởi vì không điều khiển, ra lệnh được; việc danh-sắc không điều khiển, ra lệnh được này xem là vô ngã.

* Cả *3 Giải thoát môn* này hiện hữu vì do có vô thường, khổ và vô ngã. Một khi vô thường, khổ và vô ngã đồng sinh thì *3 Giải thoát môn* cũng đồng sinh, chỉ khác nhau là đưa một pháp lên đứng đầu; ngoài ra đều là *Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya), Hỗ tương duyên (Aññaaññapaccaya), Y chỉ duyên (Nissayapaccaya), Tương ưng duyên (Sampayutta-paccaya)* theo nhau mà thôi.

AṬṬHA ARIYAPUGGALA – TÁM THÁNH NHÂN

Các vị Thánh nhân thảy đều kinh qua Tam tướng và Ba giải thoát. Từ ***Ariyapuggala***, dịch là bậc cao quý, là Thánh nhân; các ngài có hành vi và đạo đức thông qua thân, khẩu, ý tốt đẹp, cao thượng do năng lực của giới, định và tuệ. Ngoài ra, từ này còn dịch là bậc rời xa kẻ thù là phiền não, tham, sân, si, v.v...

Thánh nhân, nói theo quả vị của việc tu tập được chia thành 8 bậc:

(01). Thánh nhân ở bậc Nhập Lưu Đạo (Sotāpattimagga)
(02). Thánh nhân ở bậc Nhập Lưu Quả (Sotāpattiphala)
(03). Thánh nhân ở bậc Nhất Lai Đạo (Sakadāgāmimagga)
(04). Thánh nhân ở bậc Nhất Lai Quả (Sakadāgāmiphala)
(05). Thánh nhân ở bậc Bất Lai Đạo (Anāgāmimagga)
(06). Thánh nhân ở hạng Bất Lai Quả (Anāgāmiphala)
(07). Thánh nhân ở hạng A-ra-hán Đạo (Arahattamagga)
(08). Thánh nhân ở bậc A-ra-hán Quả (Arahattaphala)

Để trở thành vị *Thánh nhân*, các ngài phải thực hành tu tiến thiền Minh sát, phải trải qua 16 Tuệ giác và qua đến 4 lần mới đến tột cùng của khổ một cách chính đáng, tức là hoàn thành phạm hạnh.

SATTA ARIYAPUGGALA – BẢY HẠNG THÁNH NHÂN

Các vị Thánh nhân còn được chia ra 7 hạng, tùy theo hành trạng lúc các ngài thực hành; chẳng hạn có những vị nhiều đức tin, một số khác lại nhiều định tâm. v.v...

Bảy hạng Thánh nhân gồm:

i, *Saddhānusārī – Tùy tín hành:* Nhập Lưu Đạo
ii, *Saddhāvimutto – Tín giải thoát:* Nhập Lưu Quả đến A-ra-hán Đạo
iii, *Kāyasakkhī – Thân chứng:* Nhập Lưu Quả đến A-ra-hán Đạo
iv, *Ubhatobhāgavimutto – Lưỡng biên giải thoát:* Thánh A-ra-hán
v, *Dhammānusārī – Tùy pháp hành:* Nhập Lưu Đạo
vi, *Diṭṭhippatto – Kiến đắc:* Nhập Lưu Quả đến A-ra-hán Đạo
vii, *Paññāvimutto – Tuệ giải thoát:* Thánh A-ra-hán

(01). *Saddhānusārī – Tùy tín hành:* Gồm những vị từ Thánh Nhập Lưu Đạo, bậc quán sát thấy danh-sắc vô thường với *Tín căn (Saddhindriya)* mạnh mẽ, vượt trội. Các ngài nhờ vào Tín căn vượt trội, mạnh mẽ này mà chứng đắc Nhập Lưu Đạo. Do vậy, được gọi là *Saddhānusārī*, dịch là *Tùy tín hành*, bậc đa Tín, niệm tùy Tín.

(02). *Saddhāvimutto – Tín giải thoát:* Gồm những vị Thánh từ Nhập Lưu Quả đến A-ra-hán Đạo, bậc quán sát thấy danh-sắc vô thường với *Tín căn (Saddhindriya)* cực kỳ mạnh mẽ, ưu thắng. Các ngài dựa vào Tín căn cực kỳ mạnh mẽ, ưu thắng này hướng đến Nhập Lưu Quả, rồi đến các Đạo và Quả bậc cao, tột cùng là A-ra-hán Quả. Do vậy, được gọi là *Saddhāvimutto*, dịch là *Tín giải thoát*; nghĩa là thoát khỏi phiền não, lậu hoặc do có Tín.

(03). *Kāyasakkhī – Thân chứng:* Gồm những vị Thánh Nhập Lưu Quả đến A-ra-hán Đạo, bậc quán sát thấy danh-sắc khổ não với *Định căn (Samādhindriya)* mạnh mẽ, ưu thắng. Các ngài thực hành thiền Chỉ tịnh, đắc các bậc thiền rồi chuyển sang hành thiền Minh sát, chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn, gọi là *Kāyasakkhī*, dịch là *Thân chứng*, nghĩa là có danh thân bảo chứng.

(04). *Ubhatobhāgavimutto – Lưỡng biên giải thoát:* Gồm các vị Thánh A-ra-hán, bậc tiến tu thiền Chỉ tịnh trước, đạt đến các thiền Vô sắc rồi mới thực hành thiền Minh sát, chứng đắc A-ra-hán Đạo, Quả, gọi là *Ubhatobhāgavimutto*, dịch là *Lưỡng biên giải thoát*; nghĩa là bậc giải thoát cả 2 mặt là Định và Tuệ.

(05). *Dhammānusārī – Tùy pháp hành:* Gồm các vị Thánh Nhập Lưu Đạo, các ngài quán sát danh-sắc vô ngã với *Tuệ căn (Paññindriya)* vượt bậc; nhờ vào Tuệ căn vượt bậc này mà chứng đắc Nhập Lưu Đạo. Do vậy, được gọi là *Dhammānusārī*, dịch là *Tùy pháp hành*, bậc đa tuệ.

(06). *Diṭṭhippatto – Kiến đắc:* Gồm các vị Thánh Nhập Lưu Quả đến A-ra-hán Đạo, các ngài có tuệ mà tự thân đã biết, đã thấy, đã làm rõ, đã tiếp cận bằng trí tuệ rằng danh-sắc là khổ não, Niết-bàn là an lạc. Các ngài quán sát danh-sắc vô ngã, với *Tuệ căn (Paññindriya)* ưu thế. Do vậy, được gọi là *Diṭṭhippatto,* dịch là *Kiến đắc*.

(07). *Paññāvimutto – Tuệ giải thoát:* Gồm những vị Thánh A-ra-hán, các ngài chỉ tiến tu Minh sát đến khi chứng đắc quả vị Vô sanh, không qua thiền Chỉ tịnh. Do vậy, được gọi là *Paññāvimutto,* dịch là *Tuệ giải thoát*.

THÁNH NHÂN VỚI TAM TƯỚNG

Tất cả các hạng Thánh nhân như đã nói trên đều phải trải qua Tam tướng, nghĩa là:

(01). *Aniccānupassanāsaṅkhārupekkhāñāṇa – Vô thường tùy quán hành xả tuệ:* Bao gồm 2 hạng Thánh nhân là *Tùy Tín hành* và *Tín giải thoát.*

(02). *Dukkhānupassanāsaṅkhārupekkhāñāṇa – Khổ não tùy quán hành xả tuệ:*

Bao gồm 2 hạng Thánh nhân là *Thân chứng* và *Lưỡng biên giải thoát.*

(03). *Anattānupassanāsaṅkhārupekkhāñāṇa – Vô ngã tùy quán hành xả tuệ:* Bao gồm 3 hạng Thánh nhân là *Tùy pháp hành, Kiến đắc* và *Tuệ giải thoát.*

❋ Các bậc Thánh nhân thuộc hạng *Tín giải thoát, Thân chứng,* cũng như *Kiến đắc* đôi khi cũng thành *Tín giải thoát,* đôi khi cũng thành *Thân chứng,* đôi khi cũng thành *Kiến đắc.* Chẳng hạn như:

- Nếu thấy vô thường, có *Tín căn* mạnh, xếp vào *Tín giải thoát*
- Nếu thấy khổ não, có *Tín căn* mạnh, xếp vào *Tín giải thoát*
- Nếu thấy vô ngã, có *Tín căn* mạnh, xếp vào *Tín giải thoát*

Như thế này, xếp vào *Tín giải thoát,* do năng lực của *Tín căn.*

- Nếu thấy khổ não, có *Định căn* mạnh, xếp vào *Thân chứng*
- Nếu thấy vô ngã, có *Định căn* mạnh, xếp vào *Thân chứng*
- Nếu thấy vô thường, có *Định căn* mạnh, xếp vào *Thân chứng*

Như thế này, xếp vào *Thân chứng,* do năng lực của *Định căn.*

- Nếu thấy vô ngã, có *Tuệ căn* mạnh, xếp vào *Kiến đắc*
- Nếu thấy vô thường, có *Tuệ căn* mạnh, xếp vào *Kiến đắc*
- Nếu thấy khổ não, có *Tuệ căn* mạnh, xếp vào *Kiến đắc*

Như thế này, xếp vào *Kiến đắc,* do năng lực của *Tuệ căn.*

❋ Nếu các ngài thấy Vô thường, có *Tín mạnh*, chứng đắc Nhập Lưu Đạo,... đến A-ra-hán Quả, vì có *Tín mạnh* nên gọi là *Tùy tín hành.* Riêng 4 căn còn lại: Tấn căn, Niệm căn, Định căn và Tuệ căn thì diễn tiến theo Tín căn, với các duyên: *Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya), Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya), Y chỉ duyên (Nissayapaccaya) và Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)*.

❋ Nếu các ngài thấy Khổ não, có *Định mạnh*, chứng đắc Nhập Lưu Đạo,... đến A-ra-hán Quả, vì có *Định mạnh* nên gọi là gọi là *Thân chứng*; nếu đã đắc thiền Vô sắc rồi chứng A-ra-hán Quả gọi là *Lưỡng biên giải thoát.* Riêng 4 căn còn lại: Tấn căn, Niệm căn, Định căn và Tuệ căn thì diễn tiến theo Định căn, với các duyên: *Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên và Tương ưng duyên*.

❋ Nếu các ngài thấy vô ngã, có *Tuệ mạnh*, chứng đắc Nhập Lưu Đạo,... đến A-ra-hán Quả, vì có *Tuệ mạnh* nên gọi là *Tùy pháp hành*, nếu chứng Nhập Lưu Đạo; gọi là *Kiến đắc*, nếu chứng Nhập Lưu Quả đến A-ra-hán Đạo; gọi là *Tuệ giải thoát*, nếu chứng A-ra-hán Quả. Riêng 4 căn còn lại thì diễn tiến theo Tuệ căn, với các duyên: *Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên và Tương ưng duyên*.

THÁNH NHÂN VỚI GIẢI THOÁT

Vimokkha – Giải thoát là tên gọi của pháp thoát ly khỏi phiền não, đạt đáo Niết-bàn, gồm 3 loại:

- Animittavimokkha – Vô tướng giải thoát
- Appaṇihitavimokkha – Vô nguyện giải thoát
- Suññatavimokkha – Không tánh giải thoát

Sở dĩ có tên như thế do năng lực của việc tiến tu Minh sát tuệ theo trình tự, cho đến lúc thấy được vô thường, khổ não, vô ngã và chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn.

(01). Nếu hành giả quán sát thấy vô thường, có nhiều *Tín (Saddhā)*, sẽ đắc *Vô tướng giải thoát*, tức là có *Vô tướng giải thoát* đứng đầu. Về phần 2 giải thoát còn lại thuộc về tu tiến, diễn tiến theo giải thoát này; làm *Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên và Tương ưng duyên*; có cùng một pháp vị. Xếp vào tu tiến (bhāvanā) do có cùng pháp vị, tại thời điểm thấu rõ Tứ Thánh đế cũng có pháp vị như nhau.

(02). Nếu hành giả quán sát thấy khổ não, có nhiều *Tịnh an (Passaddhi)*, sẽ đắc *Vô nguyện giải thoát*, tức là có *Vô nguyện giải thoát* đứng đầu. Về phần 2 giải thoát còn lại thuộc về tu tiến, diễn tiến theo giải thoát này, làm *Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên và Tương ưng duyên*; có cùng một pháp vị. Xếp vào tu tiến (bhāvanā) do có cùng pháp vị, tại thời điểm thấu rõ Tứ Thánh đế cũng có pháp vị như nhau.

(03). Nếu hành giả quán sát thấy vô ngã, có nhiều *Tuệ (Paññā)*, sẽ đắc *Không tánh giải thoát*, tức là có *Không tánh giải thoát* đứng đầu. Về phần 2 giải thoát còn lại thuộc về tu tiến, diễn tiến theo giải thoát này, làm *Đồng sinh duyên, Hỗ tương duyên, Y chỉ duyên và Tương ưng duyên*; có cùng một pháp vị. Xếp vào tu tiến (bhāvanā) do có cùng pháp vị, tại thời điểm xuyên thấu Tứ Thánh đế cũng có pháp vị như nhau.

❋ Nếu vị nào thực hành chân chánh, đúng đắn, vị ấy được gọi là đang tiến tu, có khả năng làm cho cả 3 giải thoát khởi sinh được; còn nếu thực hành sai, không chân chánh thì giải thoát không thể khởi sinh.

(01). Nếu hành giả quán sát thấy vô thường, tâm thoát ngoài những tướng trạng như tướng trường tồn (dhuvanimitta) chẳng hạn, rồi hướng đến vô tướng, tức là Niết-bàn, gọi là giải thoát theo *Vô tướng giải thoát.*

(02). Nếu hành giả quán sát thấy khổ não, tâm thoát ngoài sự diễn tiến (pavatta), đó là danh-sắc đang sinh diệt, rồi hướng đến sự không diễn tiến (appavatta), tức là Niết-bàn, gọi là giải thoát theo *Vô nguyện giải thoát.*

(03). Nếu hành giả quán sát thấy vô ngã, tâm thoát ngoài các tướng trạng và

sự diễn tiến, đó là danh-sắc đang sinh diệt, rồi hướng đến vô tướng và sự không diễn tiến, tức là Niết-bàn, gọi là giải thoát theo *Vô ngã giải thoát.*

❋ Cả 3 loại giải thoát này hiện hữu trong những thời khắc khác nhau, bởi 4 hiện trạng là: đứng đầu (adhipati), trụ vững, hướng tâm (abhinihāra) và xuất ly khỏi luân hồi.

• Khi thấy vô thường, *Vô tướng giải thoát* là đứng đầu, tâm trụ vững nhờ *Vô tướng giải thoát*, hướng tâm dựa vào *Vô tướng giải thoát*, và dẫn đến Niết-bàn cũng nhờ *Vô tướng giải thoát*.

• Khi thấy khổ não, *Vô nguyện giải thoát* là đứng đầu, tâm trụ vững nhờ *Vô nguyện giải thoát*, hướng tâm dựa vào *Vô nguyện giải thoát*, và dẫn đến Niết-bàn cũng nhờ *Vô nguyện giải thoát*.

• Khi thấy vô ngã, *Không tánh giải thoát* là đứng đầu, tâm trụ vững nhờ *Không tánh giải thoát*, hướng tâm dựa vào *Không tánh giải thoát*, và dẫn đến Niết-bàn cũng nhờ *Không tánh giải thoát*.

Như vậy gọi là 3 loại giải thoát này hiện hữu trong những thời khắc khác nhau, bởi 4 hiện trạng.

❋ Bên cạnh đó, cả 3 loại giải thoát này hiện hữu trong cùng thời khắc, bởi 7 hiện trạng là:

• Khi thấy vô thường, tâm thoát khỏi tướng trạng (nimitta), gọi là *Vô tướng giải thoát*; lúc thoát khỏi tướng trạng nào thì không trụ trên tướng trạng đó, gọi là *Vô nguyện giải thoát*; lúc tâm không trụ trên tướng trạng nào thì trống vắng khỏi tướng trạng đó, gọi là *Không tánh giải thoát*. Trống vắng khỏi tướng trạng nào thì tướng trạng đó gọi là *Vô tướng giải thoát*.

Như thế gọi là cả 3 giải thoát hiện hữu tại cùng thời điểm bởi 7 hiện trạng:

- Do cùng hội tụ
- Do cùng chứng ngộ
- Do cùng sáng tỏ
- Do cùng giác ngộ
- Do cùng đạt đáo
- Do cùng xuyên suốt
- Do cùng chạm đến

• Khi thấy khổ não, tâm thoát khỏi nguyện vọng (paṇidhi) nên gọi là *Vô nguyện giải thoát*; không trụ trên nguyện vọng nào thì trống vắng khỏi nguyện vọng đó, gọi là *Không tánh giải thoát*; trống vắng khỏi tướng trạng nào thì không có tướng trạng đó, gọi là *Vô tướng giải thoát*; không có tướng trạng nào thì không trụ trên tướng trạng đó, gọi là *Vô nguyện giải thoát*.

Như thế gọi là cả 3 giải thoát hiện hữu tại cùng thời điểm bởi 7 hiện trạng như đã nêu trên.

• Khi thấy vô ngã, tâm thoát khỏi sự chấp thủ nên gọi là *Không tánh giải thoát*; trống vắng khỏi tướng trạng nào thì không có tướng trạng đó, gọi là *Vô tướng giải thoát*; không có tướng trạng nào thì không trụ trên tướng trạng đó, gọi là *Vô nguyện giải thoát*; không trụ trên tướng trạng nào thì trống vắng khỏi tướng trạng đó, gọi là *Không tánh giải thoát*.

Như thế gọi là cả 3 giải thoát hiện hữu cùng thời điểm bởi 7 hiện trạng như đã nêu trên.

MƯỜI LĂM ĐIỂM TUẦN TỰ MINH SÁT TUỆ

Cả 3 Tuệ quán: *Dục thoát tuệ (Muñcitukamyatāñāṇa)*, *Quán sát tuệ (Paṭisaṅkhāñāṇa)* và *Hành xả tuệ (Saṅkhārupekkhāñāṇa)* có cùng một ý nghĩa như được trình bày trong bộ *Phân Tích Đạo (Paṭisambhidāmagga)* qua 15 điểm như sau:

(01). Trí tuệ quán sát thấy sự sinh diệt của danh-sắc rồi muốn thoát khỏi danh-sắc, xếp vào *Dục thoát tuệ*; sự chú tâm quán sát danh-sắc sinh diệt ấy, xếp vào *Quán sát tuệ*; sự thản nhiên trước danh-sắc đang sinh diệt, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(02). Trí tuệ quán sát thấy sự diễn tiến của danh-sắc đang sinh diệt rồi muốn thoát khỏi danh-sắc, xếp vào *Dục thoát tuệ*; sự chú tâm quán sát danh-sắc đang sinh diệt, xếp vào *Quán sát tuệ*; sự thản nhiên trước sự sinh diệt của danh-sắc xếp vào *Hành xả tuệ*.

(03). Trí tuệ quán sát thấy tướng trạng là sự vô thường, không trường tồn của mọi danh-sắc rồi muốn thoát khỏi danh-sắc ấy, xếp vào *Dục thoát tuệ*; sự chú tâm quán sát danh-sắc ấy, xếp vào *Quán sát tuệ*; sự thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(04). Trí tuệ quán sát thấy nghiệp là nhân khiến cho danh-sắc sinh khởi tiếp tục, rồi muốn thoát khỏi danh-sắc ấy, xếp vào *Dục thoát tuệ*; sự chú tâm quán sát danh-sắc ấy, xếp vào *Quán sát tuệ*; sự thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(05). Trí tuệ quán sát thấy danh-sắc tục sinh, nghĩa là thấy sự sinh khởi tiếp tục của danh-sắc, rồi muốn thoát khỏi danh-sắc ấy, xếp vào *Dục thoát tuệ*; sự chú tâm quán sát danh-sắc ấy, xếp vào *Quán sát tuệ*; sự thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(06). Trí tuệ quán sát thấy cảnh đến (gati) của danh-sắc sinh khởi tiếp tục, rồi muốn thoát khỏi danh-sắc ấy, xếp vào *Dục thoát tuệ*; sự chú tâm quán sát danh-sắc ấy, xếp vào *Quán sát tuệ*; sự thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(07). Trí tuệ quán sát thấy sự phát sinh của các uẩn rồi muốn thoát khỏi, xếp vào *Dục thoát tuệ*; sự chú tâm quán sát danh-sắc sinh diệt, xếp vào *Quán sát tuệ*; sự thản nhiên trước danh-sắc đang sinh diệt, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(08). Trí tuệ quán sát thấy sự khởi sinh (upatti) – là sự diễn tiến của quả dị thục của danh-sắc đang sinh rồi muốn thoát khỏi, xếp vào *Dục thoát tuệ*; sự chú tâm quán sát danh-sắc ấy, xếp vào *Quán sát tuệ*; sự thản nhiên trước danh-sắc ấy, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(09). Trí tuệ quán sát thấy sự sinh ra (jāti) của danh-sắc rồi muốn thoát khỏi, xếp vào *Dục thoát tuệ*; sự chú tâm quán sát danh-sắc ấy, xếp vào *Quán sát tuệ*; sự thản nhiên trước danh-sắc ấy, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(10). Trí tuệ quán sát thấy sự già lão (jarā) của danh-sắc rồi muốn thoát khỏi, xếp vào *Dục thoát tuệ*; sự chú tâm quán sát danh-sắc ấy, xếp vào *Quán sát tuệ*; sự thản nhiên trước danh-sắc ấy, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(11). Trí tuệ quán sát thấy bệnh tật (byādhi) của danh-sắc rồi muốn thoát khỏi, xếp vào *Dục thoát tuệ*; sự chú tâm quán sát danh-sắc ấy, xếp vào *Quán sát tuệ*; sự thản nhiên trước danh-sắc ấy, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(12). Trí tuệ quán sát thấy cái chết (maraṇa) của danh-sắc rồi muốn thoát khỏi, xếp vào *Dục thoát tuệ*; sự chú tâm quán sát danh-sắc ấy, xếp vào *Quán sát tuệ*; sự thản nhiên trước danh-sắc ấy, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(13). Trí tuệ quán sát thấy sự sầu ưu (soka) của danh-sắc do bị 5 điều suy hoại bức bách, rồi muốn thoát khỏi, xếp vào *Dục thoát tuệ*; sự chú tâm quán sát danh-sắc ấy, xếp vào *Quán sát tuệ*; sự thản nhiên trước danh-sắc ấy, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(14). Trí tuệ quán sát thấy sự than vãn (parideva) của danh-sắc do bị 5 điều suy hoại bức bách, rồi muốn thoát khỏi, xếp vào *Dục thoát tuệ*; sự chú tâm quán sát danh-sắc ấy, xếp vào *Quán sát tuệ*; sự thản nhiên trước danh-sắc ấy, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(15). Trí tuệ quán sát thấy sự uất ức (upāyāsa) của danh-sắc do bị 5 điều suy hoại bức bách, rồi muốn thoát khỏi, xếp vào *Dục thoát tuệ*; sự chú tâm quán sát danh-sắc ấy, xếp vào *Quán sát tuệ*; sự thản nhiên trước danh-sắc ấy, xếp vào *Hành xả tuệ*.

Cả 15 điểm vừa được trình bày ở trên đều là tướng trạng của 3 loại tuệ, được phân ra tỉ mỉ hơn nhằm hỗ trợ cho việc học tập và thực hành.

❋ Thông thường, mọi hành giả bất luận là cư sĩ hay tu sĩ, cả thời quá khứ, hiện tại lẫn vị lai đều phải có kết quả thực hành giống nhau. Giống như nước biển, dù ở quốc gia hay xứ sở nào cũng đều có vị mặn y hệt nhau cả thảy. Do vậy, hành giả dẫu là dân

tộc nào, nói ngôn ngữ gì, nếu đã bắt tay thực hành Giáo pháp – thiền Minh sát – sẽ có các loại Minh sát tuệ khởi sinh giống nhau, đây chính là điều tuyệt vời của Phật giáo vậy.

QUÁN SÁT DANH-SẮC LÀ KHỔ NÃO

Các tướng trạng của *Dục thoát tuệ (Muñcitukamyatāñāṇa)*, *Quán sát tuệ (Paṭisaṅkhāñāṇa)* và *Hành xả tuệ (Saṅkhārupekkhāñāṇa)* ngoài những điểm đã nêu, vẫn còn nhiều điểm khác nữa, nhưng chúng tôi xin được trình bày thành từng điểm như sau:

(01). Trí tuệ quán sát thấy sự sinh là khổ não, muốn thoát khỏi, quyết tâm tiến tu, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(02). Trí tuệ quán sát thấy sự diễn tiến của danh-sắc đã sinh là khổ não, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(03). Trí tuệ quán sát thấy *Hành tướng (Saṅkhāranimitta)*, tức là Vô thường tướng, Khổ não tướng và Vô ngã tướng, thảy đều khổ não, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(04). Trí tuệ quán sát thấy nghiệp là nhân khiến cho chúng sinh tục sinh là khổ não, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(05). Trí tuệ quán sát thấy việc tục sinh tiếp nữa là khổ não, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(06). Trí tuệ quán sát thấy dẫu là cảnh đến (gati) nào, Khổ cảnh hay Lạc cảnh đều là khổ não, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(07). Trí tuệ quán sát thấy sự phát sinh của các uẩn là khổ não, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(08). Trí tuệ quán sát thấy sự khởi sinh (upatti) – là sự diễn tiến của quả nghiệp của danh-sắc là khổ não, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(09). Trí tuệ quán sát thấy sự sinh ra (jāti) là khổ não, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(10). Trí tuệ quán sát thấy già lão (jarā) là khổ não, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(11). Trí tuệ quán sát thấy bệnh tật (byādhi) là khổ não, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(12). Trí tuệ quán sát thấy cái chết (maraṇa) là khổ não, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(13). Trí tuệ quán sát thấy sự sầu ưu (soka) là khổ não, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(14). Trí tuệ quán sát thấy sự than vãn (parideva) là khổ não, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(15). Trí tuệ quán sát thấy sự uất ức (upāyāsa) là khổ não, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

QUÁN SÁT DANH-SẮC LÀ KINH HÃI

(01). Trí tuệ quán sát thấy sự sinh là kinh hãi, muốn thoát khỏi, quyết tâm tiến tu, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(02). Trí tuệ quán sát thấy sự diễn tiến của danh-sắc đã sinh là kinh hãi, muốn thoát khỏi, quyết tâm tiến tu, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(03). Trí tuệ quán sát thấy *Hành tướng (Saṅkhāranimitta)*, tức là Vô thường tướng, Khổ não tướng và Vô ngã tướng, thảy đều kinh hãi, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(04). Trí tuệ quán sát thấy nghiệp là nhân khiến cho chúng sinh tục sinh là kinh hãi, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(05). Trí tuệ quán sát thấy việc tục sinh tiếp nữa là kinh hãi, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(06). Trí tuệ quán sát thấy dẫu là cảnh đến (gati) nào, Khổ cảnh hay Lạc cảnh đều là kinh hãi, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(07). Trí tuệ quán sát thấy sự phát sinh của các uẩn là kinh hãi, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(08). Trí tuệ quán sát thấy diễn tiến của quả nghiệp của danh-sắc là kinh hãi, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(09). Trí tuệ quán sát thấy sự sinh ra (jāti) là kinh hãi, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(10). Trí tuệ quán sát thấy già lão (jarā) là kinh hãi, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(11). Trí tuệ quán sát thấy bệnh tật (byādhi) là kinh hãi, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(12). Trí tuệ quán sát thấy cái chết (maraṇa) là kinh hãi, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(13). Trí tuệ quán sát thấy sự sầu ưu (soka) là kinh hãi, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(14). Trí tuệ quán sát thấy sự than vãn (parideva) là kinh hãi, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(15). Trí tuệ quán sát thấy sự uất ức (upāyāsa) là kinh hãi, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

QUÁN SÁT DANH-SẮC LÀ MỒI NHỬ (ĀMISA)

(01). Trí tuệ quán sát thấy sự sinh là mồi nhử chúng sinh dính vào luân hồi bậc hạ (heṭṭhimasaṃsāra), luân hồi bậc trung (majjhimasaṃsāra) và luân hồi bậc thượng (uparimasaṃsāra), muốn thoát khỏi, quyết tâm tiến tu, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(02). Trí tuệ quán sát thấy sự diễn tiến của danh-sắc đã sinh là mồi nhử chúng sinh dính vào luân hồi 3 bậc, muốn thoát khỏi, quyết tâm tiến tu, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(03). Trí tuệ quán sát thấy *Hành tướng (Saṅkhāranimitta)*, tức là Vô thường tướng, Khổ não tướng và Vô ngã tướng, thảy đều là mồi nhử chúng sinh dính vào luân hồi 3 bậc, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(04). Trí tuệ quán sát thấy nghiệp là nhân khiến cho chúng sinh tục sinh là mồi nhử chúng sinh dính vào luân hồi 3 bậc, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(05). Trí tuệ quán sát thấy việc tục sinh tiếp nữa là mồi nhử chúng sinh dính vào luân hồi 3 bậc, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(06). Trí tuệ quán sát thấy dẫu là cảnh đến (gati) nào, Khổ cảnh hay Lạc cảnh đều là mồi nhử chúng sinh dính vào luân hồi 3 bậc, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(07). Trí tuệ quán sát thấy sự phát sinh của các uẩn là mồi nhử chúng sinh dính vào luân hồi 3 bậc, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(08). Trí tuệ quán sát thấy diễn tiến của quả nghiệp của danh-sắc là mồi nhử chúng sinh dính vào luân hồi 3 bậc, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(09). Trí tuệ quán sát thấy sự sinh ra (jāti) là mồi nhử chúng sinh dính vào luân hồi 3 bậc, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(10). Trí tuệ quán sát thấy già lão (jarā) là mồi nhử chúng sinh dính vào luân hồi 3 bậc, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(11). Trí tuệ quán sát thấy bệnh tật (byādhi) là mồi nhử chúng sinh dính vào luân hồi 3 bậc, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(12). Trí tuệ quán sát thấy cái chết (maraṇa) là mồi nhử chúng sinh dính vào luân hồi 3 bậc, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(13). Trí tuệ quán sát thấy sự sầu ưu (soka) là mồi nhử chúng sinh dính vào luân hồi 3 bậc, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(14). Trí tuệ quán sát thấy sự than vãn (parideva) là mồi nhử chúng sinh dính vào luân hồi 3 bậc, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(15). Trí tuệ quán sát thấy sự uất ức (upāyāsa) là mồi nhử chúng sinh dính vào luân hồi 3 bậc, muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

QUÁN SÁT DANH-SẮC LÀ HÀNH (SAṄKHĀRA)

(01). Trí tuệ quán sát thấy sự sinh là Hành – kẻ tạo tác khiến chúng sinh khốn khổ, có sự biến động thường xuyên, tâm muốn thoát khỏi, quyết tâm tiến tu, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(02). Trí tuệ quán sát thấy sự diễn tiến của danh-sắc đã sinh là Hành – kẻ tạo

tác khiến chúng sinh khốn khổ, có sự biến động thường xuyên, tâm muốn thoát khỏi, quyết tâm tiến tu, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(03). Trí tuệ quán sát thấy *tướng trạng (nimitta)*, là dấu hiệu cho thấy danh-sắc là vô thường, là Hành – kẻ tạo tác khiến chúng sinh khốn khổ, có sự biến động thường xuyên, tâm muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(04). Trí tuệ quán sát thấy nghiệp là nhân khiến cho chúng sinh tục sinh là Hành – kẻ tạo tác khiến chúng sinh khốn khổ, có sự biến động thường xuyên, tâm muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(05). Trí tuệ quán sát thấy việc tục sinh tiếp nữa là Hành – kẻ tạo tác khiến chúng sinh khốn khổ, có sự biến động thường xuyên, tâm muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(06). Trí tuệ quán sát thấy dẫu là cảnh đến (gati) nào, Khổ cảnh hay Lạc cảnh đều là Hành – kẻ tạo tác khiến chúng sinh khốn khổ, có sự biến động thường xuyên, tâm muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(07). Trí tuệ quán sát thấy sự phát sinh của các uẩn là Hành – kẻ tạo tác khiến chúng sinh khốn khổ, có sự biến động thường xuyên, tâm muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(08). Trí tuệ quán sát thấy diễn tiến của quả nghiệp của danh-sắc là Hành – kẻ tạo tác khiến chúng sinh khốn khổ, có sự biến động thường xuyên, tâm muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(09). Trí tuệ quán sát thấy sự sinh ra (jāti) là Hành – kẻ tạo tác khiến chúng sinh khốn khổ, có sự biến động thường xuyên, tâm muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(10). Trí tuệ quán sát thấy già lão (jarā) là Hành – kẻ tạo tác khiến chúng sinh khốn khổ, có sự biến động thường xuyên, tâm muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(11). Trí tuệ quán sát thấy bệnh tật (byādhi) là Hành – kẻ tạo tác khiến chúng sinh khốn khổ, có sự biến động thường xuyên, tâm muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(12). Trí tuệ quán sát thấy cái chết (maraṇa) là Hành – kẻ tạo tác khiến chúng sinh khốn khổ, có sự biến động thường xuyên, tâm muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(13). Trí tuệ quán sát thấy sự sầu ưu (soka) là Hành – kẻ tạo tác khiến chúng

sinh khốn khổ, có sự biến động thường xuyên, tâm muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(14). Trí tuệ quán sát thấy sự than vãn (parideva) là Hành – kẻ tạo tác khiến chúng sinh khốn khổ, có sự biến động thường xuyên, tâm muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(15). Trí tuệ quán sát thấy sự uất ức (upāyāsa) là Hành – kẻ tạo tác khiến chúng sinh khốn khổ, có sự biến động thường xuyên, tâm muốn thoát khỏi, quyết tâm tu tiến, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào *Hành xả tuệ*.

QUÁN SÁT DANH-SẮC RỒI THẢN NHIÊN

(01). *Sự sinh* là *Hành (Saṅkhāra)*, thản nhiên với các Hành ấy là *Xả (Upekkhā)*, các Hành cũng như Xả đều là Hành cả, thản nhiên trước các Hành này, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(02). *Sự diễn tiến của danh-sắc* là *Hành (Saṅkhāra)*, thản nhiên với các Hành ấy là *Xả (Upekkhā)*, các Hành cũng như Xả đều là Hành cả, thản nhiên trước các Hành này, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(03). *Cả 3 Tướng trạng (Nimitta)*, như Vô thường tướng,... là *Hành (Saṅkhāra)*, thản nhiên với các Hành ấy là *Xả (Upekkhā)*, các Hành cũng như Xả đều là Hành cả, thản nhiên trước các Hành này, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(04). *Sự tích tập (Āyūhana)* – nghiệp làm nhân khiến chúng sinh tục sinh tiếp là *Hành (Saṅkhāra)*, thản nhiên với các Hành ấy là *Xả (Upekkhā)*, các Hành cũng như Xả đều là Hành cả, thản nhiên trước các Hành này, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(05). *Tục sinh (Paṭisandhi)* là *Hành (Saṅkhāra)*, thản nhiên với các Hành ấy là *Xả (Upekkhā)*, các Hành cũng như Xả đều là Hành cả, thản nhiên trước các Hành này, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(06). *Cảnh đến (Gati)* là *Hành (Saṅkhāra)*, thản nhiên với các Hành ấy là *Xả (Upekkhā)*, các Hành cũng như Xả đều là Hành cả, thản nhiên trước các Hành này, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(07). *Sự phát sinh của các uẩn (Nibbatti)* là *Hành (Saṅkhāra)*, thản nhiên với các Hành ấy là *Xả (Upekkhā)*, các Hành cũng như Xả đều là Hành cả, thản nhiên trước các Hành này, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(08). *Sự vận hành của quả nghiệp (Uppatti)* – quả nghiệp của chúng sinh – là *Hành (Saṅkhāra)*, thản nhiên với các Hành ấy là *Xả (Upekkhā)*, các Hành cũng như Xả đều là Hành cả, thản nhiên trước các Hành này, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(09). *Sự sinh ra (Jāti)* là *Hành (Saṅkhāra)*, thản nhiên với các Hành ấy là *Xả (Upekkhā)*, các Hành cũng như Xả đều là Hành cả, thản nhiên trước các Hành này, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(10). *Sự già lão (Jarā)* là *Hành (Saṅkhāra)*, thản nhiên với các Hành ấy là *Xả (Upekkhā)*, các Hành cũng như Xả đều là Hành cả, thản nhiên trước các Hành này, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(11). *Bệnh tật (Byādhi)* là *Hành (Saṅkhāra)*, thản nhiên với các Hành ấy là *Xả (Upekkhā)*, các Hành cũng như Xả đều là Hành cả, thản nhiên trước các Hành này, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(12). *Cái chết (Maraṇa)* là *Hành (Saṅkhāra)*, thản nhiên với các Hành ấy là *Xả (Upekkhā)*, các Hành cũng như Xả đều là Hành cả, thản nhiên trước các Hành này, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(13). *Sầu ưu (Soka)* là *Hành (Saṅkhāra)*, thản nhiên với các Hành ấy là *Xả (Upekkhā)*, các Hành cũng như Xả đều là Hành cả, thản nhiên trước các Hành này, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(14). *Than vãn (Parideva)* là *Hành (Saṅkhāra)*, thản nhiên với các Hành ấy là *Xả (Upekkhā)*, các Hành cũng như Xả đều là Hành cả, thản nhiên trước các Hành này, xếp vào *Hành xả tuệ*.

(15). *Uất ức (Upāyāsa)* là *Hành (Saṅkhāra)*, thản nhiên với các Hành ấy là *Xả (Upekkhā)*, các Hành cũng như Xả đều là Hành cả, thản nhiên trước các Hành này, xếp vào *Hành xả tuệ*.

PHÂN ĐỊNH HÀNH XẢ TUỆ THEO HẠNG NGƯỜI

Việc hướng tâm thực hành để đưa đến kết quả tốt trong *Hành xả tuệ* phân định theo hạng người như sau:

(01). *Phàm nhân (Puthujjana):*

i, Saṅkhārupekkhaṃ abhinandati ... Phàm nhân, khi đạt đến *Hành xả tuệ* sẽ hân hoan với sự thản nhiên trước danh-sắc.

ii, Saṅkhārupekkhaṃ passati ... Phàm nhân thấy rõ sự thản nhiên trước danh-sắc.

(02). *Thánh Hữu học (Sekkhapuggala):*

i, Saṅkhārupekkhaṃ abhinandati ... Bậc Thánh Hữu học, khi đạt đến Hành xả tuệ sẽ hân hoan với sự thản nhiên trước danh-sắc.

ii, Saṅkhārupekkhaṃ passati ... Bậc Thánh Hữu học thấy rõ sự thản nhiên trước danh-sắc.

iii, Saṅkhārupekkhaṃ paṭisaṇkhāya phalasamāpattiṃ samāpajjati ... Bậc Thánh Hữu học quán sát sự thản nhiên trước danh-sắc rồi nhập Quả định.

(03). *Thánh Vô học (Asekkhapuggala):*

i, Saṅkhārupekkhaṃ passati... Bậc Thánh Vô học thấy rõ sự thản nhiên trước danh-sắc.

ii, Saṅkhārupekkhaṃ paṭisaṇkhāya phalasamāpattiṃ samāpajjati ... Bậc Thánh Vô học quán sát sự thản nhiên trước danh-sắc rồi nhập Quả định.

iii, Tadajjhupekkhitvā suññatavihāre vā animittena vā appaṇihitena vā vihārati ... Sau khi thản nhiên trước danh-sắc, bậc Thánh Vô học trú trên các pháp trú là *Không tánh giải thoát* hoặc *Vô tướng giải thoát* hoặc *Vô nguyện giải thoát*.

ĐIỂM GIỐNG NHAU CỦA BA MINH SÁT TUỆ

Cả 3 Tuệ giác: *Dục thoát tuệ*, *Quán sát tuệ* và *Hành xả tuệ* có cùng ý nghĩa như nhau, khác nhau về từ ngữ mà thôi, cụ thể là:

(01). *Pubbabhāge nibbidāñāṇe nibbiṇṇassa uppādādīni pariccajitukāmatā muñcitukamyatā ...* Bước đầu, mong muốn dứt bỏ 15 điểm như sự sinh khởi (uppāda), v.v... đoạn trừ sự trói buộc, sự hài lòng, sự luyến ái nơi danh-sắc ấy bằng Nhàm chán tuệ, xếp vào Dục thoát tuệ.

(02). *Muñcanassa upāyakaraṇattha majjhe paṭisaṅkhānaṃ paṭisaṅkhā ...* Đoạn giữa, quán sát thường xuyên nhằm tìm phương cách dứt bỏ, xếp vào Quán sát tuệ.

(03). *Muñcitvā avasāne ajjhupekkhānaṃ santiṭṭhānā ...* Cuối cùng, sau khi dứt bỏ luyến ái, thản nhiên trước danh-sắc, xếp vào Hành xả tuệ.

Có thể kết luận như vầy: vừa muốn thoát ly, vừa quán sát thường xuyên, vừa thản nhiên, xếp vào *Hành xả tuệ*.

ĐỈNH CỦA MINH SÁT

Thông thường, cây cối và các loại cây lương thực đều có ngọn cây, thiền Minh sát cũng vậy, vẫn có đỉnh, và được chia làm 2 loại:

(01). *Sikkhāpatta* là Minh sát đạt đến đỉnh, đến nguồn ngọn, tột cùng, cao nhất. Đó chính là Hành xả tuệ đầy đủ; bấy giờ, hành giả có hy vọng chứng đắc Đạo,

Quả, Niết-bàn một cách chắc chắn.

(02). *Vuṭṭhānagāminī* là Minh sát đến chuẩn xuất ly, tiếp nối với Đạo (Magga). Pāḷi có ghi: *"Magge saddhiṃ ghāṭiyati"*, dịch là: "Tiếp nối nhau với Đạo".

Đạo, gọi là *Xuất ly (Vuṭṭhāna)*, bởi vì thoát khỏi *vật (vatthu)* – pháp chấp thủ là 2 tướng trạng (nimitta) sau:

• Nimittabhūtato abhinivaṭṭhavatthuto ... Thoát khỏi tướng trạng, thoát khỏi vật, là nhân của sự chấp thủ, ấy là 5 uẩn, là đối tượng của Minh sát.

• Ajjhattappavattato ... Thoát khỏi diễn tiến của tà kiến bên trong nội tâm của mình và thoát khỏi phiền não đi theo tà kiến ấy.

Do 2 nhân này, Minh sát được gọi là *Vuṭṭhānagāminī*.

MƯỜI TÁM CÁCH THOÁT KHỎI CHẤP THỦ

(01). *Bám vào danh-sắc bên trong, thoát khỏi nhờ danh-sắc bên trong:*

Một số người quán sát danh-sắc của mình rồi quán sát danh-sắc bên ngoài là danh-sắc của người khác hoặc các vật vô tri, và thấy rõ vô thường, khổ não, vô ngã; rồi trở lại quán sát danh-sắc bên trong, Đạo sẽ phát sinh, như Pāḷi có nêu:

"Tassevaṃ sammasato ajjhattaṃ sammasanakāle vipassanā maggena saddhiṃ ghaṭiyati."

"Khi hành giả ấy quán sát danh-sắc như thế; tại thời điểm quán sát danh-sắc bên trong, Minh sát tiếp nối với Đạo." (nghĩa là Đạo sinh do Minh sát)

(02). *Bám vào danh-sắc bên trong, thoát khỏi nhờ danh-sắc bên ngoài:*

Một số người quán sát danh-sắc của mình rồi quán sát danh-sắc bên ngoài như đã nói ở trên; nhưng khi quán sát danh-sắc bên ngoài, Minh sát lại tiếp nối với Đạo:

"Sace panssa bahiddhā sammasanakāle vipassanā maggena saddhiṃ ghaṭiyati."

"Nếu như hành giả ấy quán sát danh-sắc bên ngoài, Minh sát cũng tiếp nối với Đạo."

Như chuyện của Đức *Sārīputta*, nghe pháp từ ngài *Assaji* rồi đắc Nhập Lưu Đạo:

Ye dhammā hetuppabhavā Tesaṃ hetuṃ Tathāgato āha
Tesañca yo nirodho ca Evaṃ vādī mahāsamano.

Các pháp nào sinh từ nhân, Đức Như Lai thuyết về nhân sinh của các pháp ấy và về sự diệt của chúng; bậc Đại Sa-môn thường thuyết như vậy.

Nghe như vậy, Đức *Sārīputta* thấu hiểu rằng:

"Yaṅkiñci samudayadhammaṃ, sabbantaṃ nirodhadhammaṃ."

"Bất cứ cái gì có sinh là thường, cái ấy hết thảy đều có diệt là thường."

Nếu quán sát thấy như thế, rồi thoát khỏi 5 uẩn, nghĩa là Đạo khởi sinh, được gọi là thoát khỏi 5 uẩn bởi đoạn trừ một lần.

(03). *Bám vào danh-sắc bên ngoài, thoát khỏi nhờ danh-sắc bên ngoài:*

Quán sát danh-sắc của người khác và các hành của vật vô tri, rồi Đạo khởi sinh.

(04). *Bám vào danh-sắc bên ngoài, thoát khỏi danh-sắc bên trong:*

Quán sát danh-sắc của người khác và các hành của vật vô tri, rồi trở lại quán sát danh-sắc bên trong, nên mới chứng đắc Đạo.

(05). *Bám vào sắc, thoát khỏi nhờ sắc:*

Quán sát sắc, như sắc Tứ đại, sắc Phụ thuộc, làm thành khối, thành đống, rồi quán sát Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thấy rõ ràng rằng đây không phải là sắc, mà chỉ là danh; rồi trở lại quán sát sắc tiếp tục, Đạo sẽ khởi sinh. Như Pāḷi có nêu:

"Tassevaṃ sammasato rūpasammasanakāle vipassanā maggena saddhiṃ ghaṭiyati."

"Khi hành giả ấy quán sát như thế; tại thời điểm quán sát sắc, Minh sát tiếp nối với Đạo." (nghĩa là Đạo sinh)

(06). *Bám vào sắc, thoát khỏi nhờ danh:*

Quán sát sắc, quán sát danh; rồi trở lại quán sát danh, Đạo sẽ khởi sinh. Như Pāḷi có nêu:

"Sace panassa arūpasammasanakāle vipassanā maggena saddhiṃ ghaṭiyati."

"Nếu như hành giả ấy quán sát như thế; tại thời điểm quán sát phi sắc, Minh sát tiếp nối với Đạo." (nghĩa là Đạo sinh)

(07). *Bám vào danh, thoát khỏi danh:*

Quán sát danh, thoát khỏi danh; Đạo sẽ khởi sinh.

(08). *Bám vào danh, thoát khỏi nhờ sắc:*

Quán sát danh uẩn; rồi trở lại quán sát sắc, Đạo sẽ khởi sinh.

(09). *Bám vào danh, thoát khỏi danh-sắc cùng lúc:*

Quán sát rằng: ***"Yaṅkiñci samudayadhammaṃ, sabbantaṃ nirodhadhammaṃ."*** dịch là "Bất cứ cái gì có sinh là thường, cái ấy hết thảy đều có diệt là thường.", rồi Đạo sinh.

(10). *Bám vào vô thường, thoát khỏi vô thường:*

Đầu tiên quán sát vô thường, tiếp đến quán sát khổ não và vô ngã; lúc xuất khỏi sẽ thấy vô thường. Như Pāḷi có nêu:

"Tassevaṃ paṭipannassa aniccato sammasanakāle vuṭṭhānaṃ hoti."

"Khi hành giả ấy thực hành như thế; tại thời điểm quán sát vô thường, rồi thoát ra." (nghĩa là Đạo sinh)

(11). *Bám vào vô thường, thoát qua khổ não:*

Đầu tiên quán sát vô thường, khi gần đến Đạo thì thấy khổ não; lúc đó quán sát khổ não, Đạo sẽ khởi sinh.

(12). *Bám vào vô thường, thoát qua vô ngã:*

Đầu tiên quán sát vô thường, tiếp đến quán sát khổ não; khi gần đến Đạo thì vô ngã hiển lộ, rồi Đạo khởi sinh. Như Pāḷi có nêu:

"Sace panassa dukkhato anattato sammasanakāle vuṭṭhānaṃ hoti."

"Khi hành giả ấy, bước đầu quán sát thấy vô thường, tiếp đến thấy khổ não, tại thời điểm thấy vô ngã, Đạo sinh."

(13). *Bám vào khổ não, thoát qua khổ não:*

Đầu tiên quán sát khổ não, tiếp đến thấy vô thường; khi gần đến Đạo thì khổ não hiển lộ, rồi Đạo khởi sinh.

(14). *Bám vào khổ não, thoát qua vô thường:*

Đầu tiên quán sát khổ não, tiếp đến thấy vô thường và vô ngã; khi gần đến Đạo thì vô thường hiển lộ, rồi Đạo khởi sinh.

(15). *Bám vào khổ não, thoát qua vô ngã:*

Đầu tiên quán sát khổ não, tiếp đến thấy vô thường và vô ngã; khi gần đến Đạo thì vô ngã hiển lộ, rồi Đạo khởi sinh.

(16). *Bám vào vô ngã, thoát qua vô ngã:*

Đầu tiên quán sát vô ngã, tiếp đến thấy vô thường và khổ não; khi gần đến Đạo thì vô ngã hiển lộ, rồi Đạo khởi sinh.

(17). *Bám vào vô ngã, thoát qua khổ não:*

Đầu tiên quán sát vô ngã, tiếp đến thấy vô thường và khổ não; khi gần đến Đạo thì khổ não hiển lộ, rồi Đạo khởi sinh.

(18). *Bám vào vô ngã, thoát qua vô thường:*

Đầu tiên quán sát vô ngã, tiếp đến thấy vô thường và khổ não; khi gần đến Đạo thì vô thường hiển lộ, rồi Đạo khởi sinh.

Mọi hành giả thực hành Minh sát tuệ một cách đúng đắn sẽ có những trạng thái hiển lộ như đã nêu giống nhau cả. Một số vị sẽ thấy vô thường rõ nét, số khác sẽ thấy khổ não rõ hơn, và một số khác sẽ thấy vô ngã rõ rệt, rồi mới chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn.

KẾT QUẢ CỦA HÀNH XẢ TUỆ

Hành xả tuệ là trí tuệ quán sát thấy danh-sắc là khổ não, là tội lỗi, phát sinh sự nhàm chán, muốn giải thoát, quyết tâm thực hành, thản nhiên trước danh-sắc. Đây là Minh sát tuệ vững mạnh, già dặn, đạt đến tột đỉnh, gọi là ***Vuṭṭhānagāminīvipassanā*** – ***Minh sát xuất ly***, nghĩa là đang thoát khỏi phiền não và thống khổ do năng lực của Đạo. Như đã giải thích ở trên, có thể đi đến kết luận như sau:

(1). Hành giả thấy danh-sắc là vô thường, khổ não, vô ngã trong giai đoạn đầu, nhưng khi đến Đạo thì thấy vô thường. Vị này có nhiều đức tin (saddhā), Tín căn (Saddhindriya) vững mạnh, sẽ giải thoát, tức là đạt đáo Niết-bàn bởi *Vô tướng giải thoát (Animittavimokkha)*, là bậc *Tùy tín hành (Saddhānusārī)*, tại sát-na Đạo thứ nhất (Sotāpattimagga), là bậc *Tín giải thoát (Saddhāvimutta)*, ở 7 vị trí từ Nhập Lưu Quả đến A-ra-hán Quả.

(2). Nếu hành giả thoát qua khổ não, nghĩa là lúc đến Đạo sẽ thấy khổ não. Vị này có nhiều Tịnh an (Passaddhi), Định căn (Samādhindriya) vững mạnh, sẽ giải thoát, tức là đạt đáo Niết-bàn bởi *Vô nguyện giải thoát (Appaṇihitavimokkha)*, là bậc *Thân chứng (Kāyasakkhī)*, tại mọi vị trí.

(3). Nếu tiến tu thiền Chỉ tịnh, đắc đến thiền Vô sắc; hành giả lấy đó làm nền tảng tiếp tục tiến tu thiền Minh sát đến lúc đạt A-ra-hán Đạo, A-ra-hán Quả. Vị này được gọi là *Lưỡng biên giải thoát (Ubhatobhāgavimokkha)*, tức là quả vị tối thượng – A-ra-hán Quả.

(4). Nếu hành giả thoát qua vô ngã, nghĩa là lúc đến Đạo sẽ thấy vô ngã. Vị này có nhiều hiểu biết (vāda), Tuệ căn (Paññindriya) vững mạnh, sẽ giải thoát, tức là đạt đáo Niết-bàn bởi *Không tánh giải thoát (Suññatavimokkha)*, là bậc *Tùy pháp hành (Dhammānusārī)* tại sát-na Nhập Lưu Đạo, là bậc *Kiến đắc (Diṭṭhipatta)* tại 6 vị trí từ Nhập Lưu Quả đến A-ra-hán Đạo, là bậc *Tuệ giải thoát (Paññāvimutta)* tại quả vị tối thượng – A-ra-hán Quả.

Nhằm thấu rõ *Xuất ly minh sát (Vuṭṭhānagāminīvipassanā)*, cùng với các Minh sát tuệ trước đây như *Kinh hãi tuệ, Hiểm nguy tuệ, Nhàm chán tuệ, Dục thoát tuệ, Quán sát tuệ, Hành xả tuệ, Thuận thứ tuệ* và cuối cùng là *Chuyển tánh tuệ*, chúng ta nên biết các ví dụ so sánh dưới đây:

MƯỜI HAI SO SÁNH CỦA HÀNH XẢ TUỆ

01. SO SÁNH NHƯ CON DƠI

Một con dơi ẩn mình trên cây mận có 5 cành, với mong muốn được ăn trái

mận. Dơi ta đậu trên cành đầu tiên, rồi dời sang cành thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm mà không tìm được gì, không có quả nào để ăn cả. Dứt lòng quyến luyến với cây này, dơi bèn bay lên ngọn cây, giương đầu giữa các nhánh, ngẩng xem bên trên rồi bay vào không trung, tới cây khác có quả. Có thể so sánh với việc tu tiến như vầy:

(01). Hành giả tiến tu Minh sát tuệ như con dơi

(02). Ngũ thủ uẩn (Pañca upādānakkhandhā) như cây mận có 5 cành

(03). Việc chấp thủ 5 uẩn giống như việc con dơi bám víu 5 cành cây

(04). Hành giả quán sát uẩn thứ nhất, thấy không có gì để chấp thủ, bèn quán sát uẩn thứ nhì, thứ ba, thứ tư, thứ năm, cũng không thấy gì; giống con dơi đậu trên cành thứ nhất, thấy không có quả nào, bèn chuyển sang cành thứ nhì, thứ ba, thứ tư, thứ năm, cũng không thấy gì vậy.

(05). Việc hành giả chán nản vì thấy rằng 5 uẩn là vô thường, khổ não, vô ngã, rồi khởi sinh 3 Tuệ giác là *Dục thoát tuệ, Quán sát tuệ, Hành xả tuệ*; giống như con dơi bỏ sự quyến luyến nơi cây mận ấy vì cây mận chẳng có hoa quả gì cả.

(06). *Thuận thứ tuệ (Anulomañāṇa)* của hành giả giống việc con dơi bay lên và đậu trên ngọn cây

(07). *Chuyển tánh tuệ (Gotrabhūñāṇa)* giống việc con dơi ngẩng đầu xem xét bên trên

(08). *Đạo tuệ (Maggañāṇa)* giống việc con dơi bay lên không trung

(09). *Quả tuệ (Phalañāṇa)* giống việc con dơi bay đến rồi bám vào cây có quả khác

(10). *Hồi quán tuệ (Paccavekkhaṇañāṇa)* giống việc con dơi xem lại đường bay của mình

02. SO SÁNH NHƯ RẮN HỔ MANG

Một người đàn ông muốn đi bắt cá làm thức ăn, bèn lấy cái nơm đặt xuống nước rồi mò tay theo; vô tình có con rắn hổ mang chui vào. Ông ta nắm cổ con rắn đang nằm dưới nước, hân hoan trong lòng và tự nghĩ rằng đã bắt được con cá to. Khi đưa tay lên mới biết là con rắn hổ mang do thấy hoa văn trên đầu rắn; người đàn ông kinh hãi tột độ vì sợ rắn cắn và muốn thả con rắn ra xa thật nhanh nên tìm cách để thực hiện. Ông ta bèn nắm đuôi rắn, cởi vòng quấn ở tay rồi quay vòng trên không 2, 3 lần, khiến cho rắn mệt mỏi và kiệt sức rồi mới quăng đi. Bản thân cũng nhảy lên bờ, đứng nhìn con đường mà thầm mừng: "Ta thoát khỏi nạn rắn hổ mang rồi!" Cách so sánh này đem đối chiếu với trí tuệ, tương ứng như sau:

(01). Hành giả từ lúc làm người có niềm vui giống như người đàn ông bắt được rắn hổ mang mà ngỡ là con cá to nên rất hài lòng.

(02). Khi hành giả phân biệt được danh-sắc, thấy nhân duyên của danh-sắc, thấy Vô thường tướng, Khổ tướng và Vô ngã tướng; thấy sự sinh diệt của danh-sắc, đặc biệt thấy sự diệt của danh-sắc; danh-sắc hiển lộ là pháp đáng sợ, bấy giờ được xem là *Danh sắc phân biệt tuệ, Liễu duyên tuệ, Thẩm sát tuệ, Sinh diệt tuệ, Hoại diệt tuệ, Kinh hãi tuệ* giống như người đàn ông kéo con rắn ra khỏi cái nơm, biết được đó là rắn hổ mang nên sợ hãi.

(03). Khi hành giả quán sát thấy tội lỗi của danh-sắc, tức là *Hiểm nguy tuệ*; giống như người đàn ông ấy thấy sự nguy hiểm của con rắn rằng nếu bị rắn cắn sẽ có cơ nguy đến sinh mạng.

(04). Khi hành giả quán sát thấy danh-sắc là tội lỗi, là khổ não sẽ chán nản, đó là *Nhàm chán tuệ* giống như người đàn ông ấy thấy khổ đau do bị rắn độc cắn nên sinh lòng chán nản, không muốn để rắn nằm trong tay của mình nữa.

(05). Khi hành giả muốn thoát khỏi danh-sắc và luân hồi, đó là *Dục thoát tuệ* giống như người đàn ông ấy muốn quẳng con rắn khỏi thân mình.

(06). Khi hành giả đưa danh-sắc đến Tam tướng bằng 40 phương cách, đó là *Quán sát tuệ* giống như người đàn ông ấy tìm cách để quẳng con rắn đi.

(07). Khi hành giả quán sát danh-sắc, thường xuyên đưa danh-sắc đến Tam tướng, quanh tới quẩn lui với Vô thường, Khổ não, Vô ngã, khiến cho phiền não muội lược đi, đến độ nhổ bỏ được *Thường tưởng (Aniccasaññā)*, *Lạc tưởng (Sukhasaññā)*, *Tịnh tưởng (Subhasaññā)*, *Ngã tưởng (Attasaññā)*, tâm trung dung với danh-sắc, đó là *Hành xả tuệ* giống như người đàn ông ấy nắm con rắn rồi quay vòng vòng cho đến lúc rắn ta mệt lử, hết sức, không thể cắn ai được.

(08). Khi hành giả thấy được Tam tướng, tức là Vô thường, Khổ não, Vô ngã một cách rõ ràng, thấy được Tứ Thánh đế, đó là *Thuận thứ tuệ*; giống như người đàn ông ấy đang quẳng con rắn đi và chắc chắn rằng không còn nguy hiểm nữa.

(09). *Chuyển tánh tuệ* giống như việc quẳng con rắn khỏi tay và người đàn ông ấy vội bước lên bờ đầm.

(10). *Đạo tuệ* giống như việc người đàn ông ấy đang đứng trên bờ đầm.

(11). *Quả tuệ* giống như việc đứng ở chỗ không còn nguy hiểm, đứng nơi an toàn, chỗ không bị tai họa đe dọa nữa.

(12). *Hồi quán tuệ* giống như việc xem lại con đường đến đi của rắn.

Mọi hành giả thực hành Minh sát tuệ dẫu đã đi qua, đang tiến hành hay sẽ gặp trong tương lai đều phải trải qua các trạng thái Tuệ quán giống nhau như thế cả.

03. SO SÁNH NHƯ NGÔI NHÀ CHÁY

Chiều tối, sau khi chủ nhà ăn uống no nê, cùng nhau lên giường, ngủ nghê thoải mái. Nhưng ngôi nhà lại bị hỏa hoạn, lúc thức giấc thấy lửa cháy quanh, chủ nhà bèn lo sợ rồi nghĩ rằng nếu thoát ra được, không bị lửa thiêu thì phước đức của ta. Chủ nhà quán xét lối ra ngõ vào, khi thấy được lối thoát liền chạy vào ngay, tới nơi an toàn rất nhanh. Ở đây, có sự so sánh với việc thực hành của hành giả như sau:

(01). Việc chấp thủ ngũ uẩn là ta, là của ta của người phàm phu, thiểu trí, si độn; giống như việc chủ nhà ăn uống no nê rồi lên giường nằm.

(02). Việc tiến tu Minh sát đến lúc thấy rõ Tam tướng, thấy danh-sắc hiển lộ là pháp đáng sợ hãi, tội lỗi, khổ não, đáng nhàm chán, đó là *Kinh hãi tuệ, Hiểm nguy tuệ, Nhàm chán tuệ*; giống như chủ nhà thức dậy, thấy lửa cháy rồi lo sợ.

(03). *Dục thoát tuệ, Quán sát tuệ, Hành xả tuệ* giống như việc muốn thoát khỏi lửa cháy rồi vội kiếm đường thoát đáng tin cậy rằng ắt hẳn sẽ an toàn bằng cách này, nên cũng nhẹ lòng, không còn nóng vội như trước nữa.

(04). *Thuận thứ tuệ* giống như nhìn thấy lối ra và chắc chắn rằng đường này phải an toàn.

(05). *Chuyển tánh tuệ* giống như việc ra khỏi nhà.

(06). *Đạo tuệ* giống như việc chạy rất nhanh.

(07). *Quả tuệ* giống như việc đứng ở chỗ an toàn.

(08). *Hồi quán tuệ* giống như việc xem lại đường thoát của mình.

04. SO SÁNH NHƯ CON BÒ

Người nông dân có một con bò. Nửa đêm, lúc ông ta đang ngủ, con bò phá chuồng trốn đi. Khi gần sáng, nhìn không thấy bò, người nông dân biết rằng nó đã bỏ trốn, bèn theo dấu chân đi tìm; đúng lúc thấy con bò của nhà vua, nghĩ là bò của mình, ông ta liền dắt bò về. Đến khi trời hừng sáng, nông dân nhìn rõ, biết không phải bò nhà mà là bò của vua, nên rất lo sợ. Nông dân ấy suy nghĩ rằng chừng nào lính của vua chưa bắt ta như là kẻ trộm, không khiến ta khốn khổ, chừng đó ta cần trốn ngay; thế là ông ấy bỏ con bò lại và nhanh chóng chạy trốn, chỉ dừng lại khi thấy hết nguy hiểm. Ở đây, có thể so sánh với việc thực hành của hành giả như sau:

(01). Việc chấp thủ ngũ uẩn là ta, là của ta của người phàm phu, thiểu trí, si độn; giống như việc bắt giữ bò của nhà vua với sự hiểu nhầm là bò của mình.

(02). Việc thấy rằng ngũ uẩn chỉ là danh-sắc, sinh khởi do nhân duyên, là vô thường, khổ não và vô ngã, chỉ có sinh diệt, chỉ có sự diệt đi là duy nhất; đó là *Danh sắc phân biệt tuệ, Liễu duyên tuệ, Thẩm sát tuệ, Sinh diệt tuệ, Hoại diệt tuệ* giống như việc biết ra rằng là bò của nhà vua.

(03). *Kinh hãi tuệ, Hiểm nguy tuệ, Nhàm chán tuệ* giống như lúc lo sợ, thấy tội lỗi và phát sinh sự chán ngán của người nông dân.

(04). *Dục thoát tuệ, Quán sát tuệ, Hành xả tuệ* giống như việc muốn trốn chạy vội kiếm đường chạy trốn, rồi bỏ đi như không có gì xảy ra cả.

(05). *Thuận thứ tuệ* giống như việc chuẩn bị bỏ đi theo con đường của nông dân vì biết chắc rằng phải đi đường này.

(06). *Chuyển tánh tuệ* giống như việc bỏ con bò.

(07). *Đạo tuệ* giống như việc trốn đi.

(08). *Quả tuệ* giống như việc trốn đến đứng ở chỗ an toàn.

(09). *Hồi quán tuệ* giống như việc xem lại đường đến của mình.

05. SO SÁNH NHƯ NỮ DẠ-XOA

Một người nam sinh sống với một nữ dạ-xoa. Vào nửa đêm, cô dạ-xoa biết chồng đang ngủ say bèn lẻn đi vào nghĩa địa để ăn thịt người. Người nam ấy tỉnh giấc, không hiểu cô vợ mình đi đâu, liền bước theo và bắt gặp vợ đang ăn thịt người. Biết được vợ mình là phi nhân, người đàn ông hoảng sợ và vội vã bỏ trốn, rồi dừng lại ở chỗ an toàn. Ở đây, có sự so sánh với việc thực hành của hành giả như sau:

(01). Việc chấp thủ ngũ uẩn là ta, là của ta giống như người nam ấy sống chung với nữ dạ-xoa.

(02). Việc thấy danh-sắc, thấy Tam tướng, biết ngũ uẩn là Vô thường, Khổ não và Vô ngã; đó là *Danh sắc phân biệt tuệ, Liễu duyên tuệ, Thẩm sát tuệ, Sinh diệt tuệ, Hoại diệt tuệ* giống như việc thấy vợ mình ăn thịt người trong nghĩa địa, biết đấy là nữ dạ-xoa.

(03). *Kinh hãi tuệ, Hiểm nguy tuệ, Nhàm chán tuệ* giống như lúc lo sợ, thấy lỗi và phát sinh sự chán ngán với nữ dạ-xoa.

(04). *Dục thoát tuệ, Quán sát tuệ, Hành xả tuệ* giống như lúc muốn trốn chạy, vội kiếm đường chạy trốn, rồi như không có gì xảy ra.

(05). *Thuận thứ tuệ, Chuyển tánh tuệ* giống như việc bỏ nữ dạ-xoa

(06). *Đạo tuệ* giống như việc bỏ trốn nhanh

(07). *Quả tuệ* giống như việc trốn đến đứng ở chỗ an toàn

(08). *Hồi quán tuệ* giống như việc đứng xem lại đường chạy trốn của mình

06. SO SÁNH NHƯ TRẺ CON

Một người phụ nữ rất yêu con mình, nàng ngồi trên tòa lầu, nghe tiếng trẻ con khóc giữa đường, nghi rằng ai đó hại con mình bèn vội chạy xuống rồi bế đứa bé con của người ta đi vì lầm tưởng đó là con của mình. Đến khi hiểu ra đấy là con người khác thì lo sợ vô cùng, quay qua quay lại nhìn bên này bên nọ rồi nghĩ rằng đừng để ai đó nói là mình bắt cóc trẻ con; vội vàng đặt đứa bé xuống, tức tốc chạy lên lầu trên và ngồi xuống. Ở đây, có thể so sánh với việc thực hành của hành giả như sau:

(01). Việc chấp thủ ngũ uẩn là ta, là của ta giống như người nữ ấy cho rằng con của người khác là con của mình.

(02). Việc thấy danh-sắc, thấy Tam tướng; đó là *Danh sắc phân biệt tuệ, Liễu duyên tuệ, Thẩm sát tuệ, Sinh diệt tuệ, Hoại diệt tuệ* giống như việc biết rằng đây là con của người khác.

(03). *Kinh hãi tuệ, Hiểm nguy tuệ, Nhàm chán tuệ* giống như sự lo sợ.

(04). *Dục thoát tuệ, Quán sát tuệ, Hành xả tuệ* giống như việc nhìn bên này, bên nọ.

(05). *Thuận thứ tuệ* giống như việc bắt đầu đặt đứa bé xuống.

(06). *Chuyển tánh tuệ* giống như việc đặt đứa bé xuống và đang ở trên đường.

(07). *Đạo tuệ* giống như việc bỏ chạy lên lầu.

(08). *Quả tuệ* giống như việc lên lầu rồi ngồi xuống.

(09). *Hồi quán tuệ* giống như việc ngồi xem lại đường chạy lên của mình.

07. SO SÁNH NHƯ CƠN ĐÓI

Một người đang lên cơn đói bụng, muốn ăn cơm nên mong cầu có thức ăn ngon như thế nào thì hành giả cũng như thế ấy. Cơn đói do khổ não của luân hồi cọ xát khiến hành giả mong cầu thức ăn cho tâm thức là *Thân hành niệm (Kāyagatāsati)*, là pháp có hương vị bất tử (amatarasa).

Thân hành niệm (Kāyagatāsati) chính là *Chánh niệm (Sammāsati)* kết hợp với Đạo tâm. Trong *Tăng Chi Bộ Kinh (Anguttaranikāya), Phẩm Một Pháp (Ekanipāta)* có nêu:

"Sā panettha maggasampayuttā sammāsati kāyānupassanā kiccasodhanavasena amataparibhogatāya ca amatarasaṃ kāyagatāsati bhojanan'ti vuttā."

"Thân hành niệm ấy, chính là Chánh niệm, kết hợp với các Đạo tâm; được gọi là 'thức ăn', nghĩa là có hương vị bất tử bởi vì thành tựu phận sự tu tiến Thân tùy niệm và vì đã nếm được hương vị bất tử."

Amatarasa – Hương vị bất tử, là pháp không chết dựa trên 5 điểm sau:

(1). *Sacca – Sự thật:* Sự thật tuyệt diệu, tách rời mọi đối nghịch, sự thật của Thánh nhân, bao gồm Tứ Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo

(2). *Dhamma – Pháp:* Chính là 9 Siêu thế pháp: 4 Đạo, 4 Quả và 1 Niết-bàn

(3). *Ahiṃsā – Vô hại:* Không có tác hại, phá hoại nhau

(4). *Saññama – Thu thúc:* Sự thu thúc lục căn

(5). *Dama – Rèn luyện:* Rèn luyện các căn theo các pháp hành bước đầu (pubbabhāgamagga) như Minh sát và rèn luyện theo Thánh Đạo (Ariyamagga) đến lúc chứng đạt kết quả của thiền Minh sát một cách đầy đủ

Đúng như Đấng Pháp Chủ (Dhammasāmisara) đã chỉ dạy:

"Yamhi saccañca dhammo ca Ahiṃsā saññamo damo
Etadariyā sevanti Etaṃ loke anāmataṃ."

"Năm pháp này là Sự thật, Pháp, Vô hại, Thu thúc và Rèn luyện hiện hữu ở chỗ nào, các bậc Thánh nhân thọ dụng ở chỗ đó; như thế gọi là bất tử trên thế gian."

Cũng trong *Tăng Chi Bộ Kinh (Anguttaranikāya)*, *Phẩm Một Pháp (Ekanipāta)*, Đức Thế Tôn đã dạy:

"Amatante bhikkhave, paribhuñjanti ye kāyagatāsati paribhuñjanti."

"Này các người thấy họa tai của luân hồi sinh tử! Những ai tiến tu Thân hành niệm, những người ấy nếm được hương vị bất tử."

Kết lại, những người đang còn tử sinh luân hồi trong Tam giới, phải chịu đựng nhiều khổ não, đớn đau giống như người đang bị cơn đói hành hạ vậy. Do đó, họ cần phải tìm phương cách để đoạn trừ cơn đói ấy. Đó là Pháp – có khả năng nhổ tận gốc rễ, hết đói vĩnh viễn. Diệu pháp ấy, chính là Tứ niệm xứ, về nội dung là pháp thực hành Minh sát. Một khi nỗ lực tiến tu rồi chứng đắc 5 pháp nêu trên, hành giả sẽ không còn sinh, lão, bệnh, tử nữa; chỉ có an lạc, hạnh phúc tối thượng mà thôi.

08. SO SÁNH NHƯ CƠN KHÁT

Một người khát nước quá, miệng lưỡi khô đắng, muốn uống nước pha chế để thỏa cơn khác ra sao; hành giả cũng như thế, đang bị bức bách vì cơn khát do khổ não

trong vòng luân hồi. Hành giả mong cầu uống nước cam lồ, chính là Thánh Đạo 8 ngành để thoát khổ tử sinh luân hồi vậy.

09. SO SÁNH NHƯ CƠN RÉT

Một người bị cơn rét xâm chiếm cơ thể, mong muốn sự ấm áp như thế nào; hành giả thực hành thiền Minh sát cũng như thế ấy. Cơn rét là *Ái dục (Taṇhā)*, cần có lửa chế ngự. Lửa ở đây chính là *Đạo (Magga)*, bao gồm lửa tuyệt diệu, lửa tối ưu, lửa tối thượng trong Phật giáo; hay còn gọi là *Thánh Đạo (Ariyamagga)*. Người nào sở hữu loại lửa này, người đó không bao giờ bị rét nữa vì lửa này đã đoạn tận mọi sự lạnh lẽo rồi.

10. SO SÁNH NHƯ CƠN NÓNG

Một người bị cơn nóng bao trùm cơ thể, mong muốn sự mát mẻ như thế nào; hành giả thực hành thiền Minh sát cũng như thế ấy. Sự nóng nực của lửa gồm 11 loại, đó là *Tham (Rāga), Sân (Dosa), Si (Moha), Sinh (Jāti), Lão (Jarā), Tử (Maraṇa), Sầu (Soka), Than vãn (Parideva), Khổ (Dukkha), Ưu (Domanassa), Uất ức (Upāyāsa)*. Chúng đồng điệu với những vật không đáng yêu, xa lánh những vật đáng yêu nhưng mong cầu không được, thiêu đốt sinh nóng nực trong luân hồi, khiến cho hành giả mong cầu sự mát mẻ, đó là Niết-bàn – nơi diệt tận 11 đống lửa ấy, không còn dư sót vậy.

Hành giả nào dập tắt được 11 đống lửa ấy, hành giả ấy sẽ không còn sự nóng nực nữa vì mồi lửa đã bị cắt đứt rồi.

11. SO SÁNH NHƯ BÓNG TỐI

Một người bị bóng tối bao trùm đồng thời với 4 yếu tố đặc biệt, đó là: lúc nửa đêm 30 Âm lịch, trời mưa, sấm sét, mây mù bao phủ. Bấy giờ, ông ta và cả người khác, không một ai có thể làm được việc gì vì trời tối quá. Vị hành giả Minh sát cũng như thế, bị bóng tối của *Vô minh (Avijjā)* bao trùm, trói cột, có nguyện vọng tiến tu Thánh đạo với ánh sáng thành tựu từ Minh sát tuệ vậy.

Vị nào đã tiến tu, đào luyện Thánh đạo viên mãn rồi, vị ấy có khả năng đẩy lùi bóng tối, vô minh bậc hạ, bậc trung và cả bậc thượng; khi đó chỉ có ánh sáng chói lọi, mở đường tiến tới, giống như mặt trăng đêm rằm chói sáng giữa không trung.

12. SO SÁNH NHƯ THUỐC ĐỘC

Một người bị ngấm thuốc độc, ắt hẳn muốn giải độc dược ấy. Cũng như thế,

hành giả bị thuốc độc, là các phiền não thấm vào tận xương tủy rồi, có nguyện vọng đạt đáo Niết-bàn – thuốc bất tử nhằm giải độc là phiền não vậy.

Thật vậy, với vị nào tiến tu Minh sát, độc dược chính là các phiền não như Tham, Sân, Si, Tà kiến, Mạn, v.v... ở bậc hạ, tức là phiền não hạng thô (vītikkamakilesa) sẽ hiển lộ ra qua thân và qua khẩu; ở bậc trung, tức là phiền não hạng trung (pariyuṭṭhānakilesa) sẽ hiển lộ ra qua tâm ý; và ở bậc thượng, tức là phiền não hạng vi tế (anusayakilesa) ngủ ngầm trong tâm. Hành giả tiến tu Minh sát đến lúc chứng đắc Thánh Đạo thứ tư (A-ra-hán Đạo) sẽ đoạn tận tất cả các phiền não ở cả 3 bậc, giải trừ hết các độc tố, không còn dư sót gì nữa.

Bởi thế, khi hành giả thấy biết theo Minh sát tuệ như vậy rồi, tâm sẽ thối lui, quay ngược với 3 Hữu (Bhava), 4 Loài (Yoni), 5 Cảnh đến (Gati), 7 Thức trú (Viññāṇaṭhiti), 9 Hữu tình cư (Sattāvāsa), chỉ có sự thản nhiên, xả tịnh; chỉ có sự ghê tởm, sự nhàm chán. Tâm sẽ không quay trở lại hân hoan, thích thú với 3 Hữu, 4 Loài, v.v... nữa, trực chỉ Niết-bàn nhất hướng mà thôi, giống như giọt nước rơi từ lá sen xuống vậy.

QUYẾT TÂM THỰC HÀNH KHÔNG THỐI THẤT

Với những công hạnh như vừa nêu trên, hành giả xứng danh là người thực hành không thối thất, không thụt lùi. Như trong *Tiểu Bộ Kinh (Khuddakanikāya)*, *Suttanipāta (Kinh Tập)* có ghi:

> ***"Paṭilīnacarassa bhikkhuno***
> ***Bhajamānassa vivittamāsanaṃ***
> ***Sāmaggiyamāhu tassa taṃ***
> ***Yo attānaṃ bhavane na dassaye."***
> "Tỳ-khưu nào không thể hiện mình nơi trú xứ, chư Thánh nhân nói rằng sự không thể hiện đó của vị tỳ-khưu ấy – vị không thối thất, có hạnh sống viễn ly – là thích hợp."

NHỮNG ĐIỀU NÊN BIẾT VỀ HÀNH XẢ TUỆ

Hành xả tuệ, trí tuệ quán sát danh-sắc là Vô thường, Khổ não, Vô ngã rồi thản nhiên, không dính mắc, không buồn, không vui, không ghét, không thương, có Niệm, có Định, có Tuệ vững chãi, mạnh mẽ; ngoài ra còn có nhiều đặc tính mà hành giả cần phải biết, đó là:

(01). *Paṭilīnacarabhāvaṃ niyametvā:* Hành giả chắc chắn không thối thất, có đức tin, xác định vững chãi với mục tiêu cuối cùng là Niết-bàn.

(02). *Dhammavisesaṃ niyametvā:* Xác định tính tuyệt diệu của 5 pháp sau:

i, Bojjhaṅgavisesaṃ: Sự tuyệt diệu của 7 Giác chi, gồm *Niệm giác chi (Satibojjhaṅga)*, v.v... Nghĩa là, cả 7 Giác chi phải tụ hội nhau (Dhammasāmaṅgī), khiến cho hành giả chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn.

ii, Maggaṅgavisesaṃ: Sự tuyệt diệu của 8 Đạo chi, gồm *Chánh kiến (Sammādiṭṭhi)*, v.v... Nghĩa là, cả 8 Đạo chi phải hợp lực, tụ hội nhau (Maggasāmaṅgī) nhằm đồng thời đoạn trừ phiền não, tính từ Tuệ này trở đi.

iii, Jhānaṅgavisesaṃ: Sự tuyệt diệu của các Thiền chi. Từ ngữ *Jhāna – Thiền* có nghĩa là chú mục, gồm có 2 loại:

- *Lakkhaṇūpanijjhāna:* chú mục, quán sát đối tượng là danh-sắc đến lúc thấy được Tam tướng.

- *Ārammaṇūpanijjhāna:* chú mục vào 40 đề mục thiền Chỉ tịnh.

Ở đây, *Jhāna – Thiền* là muốn nói đến *Trí tuệ (Paññā)* chín muồi, vững mạnh để chứng đắc Thánh Đạo. Trong *Mahāṭīkā*, có nêu:

"Pādakajjhan'ti maggassa āsannavuṭṭhānagāminīyā vipassanāya padaṭṭhāna-bhūtaṃ ñāṇaṃ."

"Từ 'Thiền căn' là trí tuệ làm nhân gần của Minh sát, gần với Đạo và đưa đến việc thoát khỏi phiền não."

iv, Paṭipadāvisesaṃ: Sự tuyệt diệu của pháp thực hành, gồm 4 dạng:

- *Dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā:* Hành khó, đắc chậm
- *Dukkhāpaṭipadā khippābhiññā:* Hành khó, đắc nhanh
- *Sukhāpaṭipadā dandhābhiññā:* Hành dễ, đắc chậm
- *Sukhāpaṭipadā khippābhiññā:* Hành dễ, đắc nhanh

Giải thích: • *Hành khó đắc chậm* do các *Tùy phiền não (Upakilesa)* gây nhiễu hại nhiều trong lúc hành giả thực hành thiền Minh sát. Và lúc đạt đến Đạo, *Hành xả tuệ* khiến cho Đạo hiển lộ chậm.

• *Hành khó đắc nhanh* do các *Tùy phiền não* gây nhiễu hại nhiều trong lúc hành giả thực hành thiền Minh sát. Và lúc đạt đến Đạo, *Hành xả tuệ* khiến cho Đạo hiển lộ nhanh.

• *Hành dễ đắc chậm* do các *Tùy phiền não* gây nhiễu hại ít trong lúc hành giả thực hành thiền Minh sát. Và lúc đạt đến Đạo, *Hành xả tuệ* khiến cho Đạo hiển lộ chậm.

• *Hành dễ đắc nhanh* do hành giả thắng dễ dàng các *Tùy phiền não*, chúng gây nhiễu hại ít trong lúc thực hành thiền Minh sát. Và lúc đạt đến Đạo, *Hành xả tuệ* khiến cho Đạo hiển lộ nhanh.

Sự khác biệt giữa bốn sự hành trì của các hành giả:

* Đối với một số vị tỳ-khưu, trong cả 4 Đạo chỉ có duy nhất một sự hành trì.

* Đối với Đức Phật, hành trì dễ dàng và chứng đắc nhanh chóng.

* Đối với Tướng quân chánh pháp – Đức *Sāriputta*, hành trì và chứng đắc như Đức Phật.

* Đối với Đức *Moggallāna*, Nhập Lưu Đạo hành trì dễ dàng và chứng đắc nhanh chóng. Với ba Đạo còn lại là Nhất Lai Đạo, Bất Lai Đạo và A-ra-hán Đạo, ngài hành trì cực nhọc, chứng đắc khó khăn, gọi là *hành khó đắc chậm*.

v, Vimokkhavisesaṃ: Sự tuyệt diệu của 3 Giải thoát, gồm *Không tánh giải thoát (Suññatavimokkha)*, *Vô tướng giải thoát (Animittavimokkha)*, *Vô nguyện giải thoát (Appaṇihita-vimokkha)* là ngay cả lúc hành giả tiến tu chỉ riêng Minh sát, không tiến tu chỉ tịnh trước đó, nhưng khi Đạo tâm sinh khởi thì các Thiền chi cũng khởi sinh theo lệ thường của Minh sát. Trong *Thanh Tịnh Đạo*, Đức *Buddhaghosa* đã chỉ ra điều này:

"Vipassanāniyāmena hi sukhavipassakassa uppannamaggo'pi samāpatti-lābhino jhānaṃ pādakaṃ akatvā uppannamaggo'pi paṭhamajjhānaṃ pādakaṃ katvā pakiṇṇakasaṅkhāre sammasitvā uppāditamaggo'pi paṭhamajjhānikāva honti."

"Thật vậy, theo lệ thường của Minh sát thì Đạo khởi sinh với hành giả thuần quán; cũng như Đạo khởi sinh với hành giả đắc thiền chứng, không tạo thành thiền căn; cũng như Đạo khởi sinh với hành giả tạo Đệ nhất thiền thành thiền căn, quán sát các Hành rời rạc; ba loại này đều kết hợp với Đệ nhất thiền cả thảy."

Khi đó, 7 Giác chi, 8 Thánh Đạo và 5 Thiền chi đều có mặt trong các Đạo; như trong *Thanh Tịnh Đạo* đã nêu:

"Sabbesu satta bojjhaṅgāni, aṭṭhamaggaṅgāni, pañca jhānaṅgāni honti."

❋ Khi hành giả tiến tu đạt đến Hành xả tuệ, Minh sát là phần đầu của các Đạo sẽ kết hợp với *Hỷ thọ (Somanassa)* cũng có, mà với *Xả thọ (Upekkhā)* cũng có. Nhưng khi thoát khỏi phiền não, chứng Đạo thì Minh sát sẽ kết hợp với *Hỷ thọ*. Như Pāḷi có nêu:

"Tesaṃ'pi hi pubbabhāgavipassanā somanassasahagatā'pi upekkhāsahagatā'pi hutvā vuṭṭhānakāle saṅkhārupekkhābhāvaṃ patvā somanassasahagatā hoti."

"Thật vậy, Minh sát là phần đầu của các Đạo ấy, kết hợp với Hỷ thọ cũng có, mà với Xả thọ cũng có. Lúc đạt đến Hành xả tuệ rồi, khi thoát khỏi Hiệp thế, thoát khỏi phàm phu tánh, Minh sát sẽ hợp với Hỷ thọ."

Ở đây vẫn có trường hợp ngoại lệ, đó là, nếu hành giả tiến tu Đệ ngũ thiền và đã tạo thành Thiền căn, thì chỉ kết hợp với Xả thọ mà thôi. Pāḷi có nêu:

"Tesaṃ'pi hi pubbabhāgavipassanā somanassasahagatā'pi upekkhāsahagatā'pi hoti, vuṭṭhānagāminī somanassasahagatāva. Pañcamajjhānaṃ pādakaṃ patvā nibbattitamagge..., imasmiṃ hi naye pubbabhāgavipassanā somanassasahagatā vā upekkhāsahagatā vā hoti, vuṭṭhānagāminī upekkhāsahagatāva."

"Thật vậy, Minh sát là phần đầu của các Đạo ấy, kết hợp với Hỷ thọ cũng có, mà với Xả thọ cũng có, Tuệ quán đưa đến xuất ly thì chỉ kết hợp với Hỷ thọ. Với Đạo phát sinh do tạo Đệ ngũ thiền làm Thiền cơ,... thì ở trường hợp này Minh sát là phần đầu của các Đạo ấy, kết hợp với Hỷ thọ hoặc với Xả thọ, Tuệ quán đưa đến xuất ly chỉ kết hợp với Xả thọ mà thôi."

NGUYÊN NHÂN GỌI TÊN LÀ MAGGA – ĐẠO

Khi hành giả đạt đến Hành xả tuệ rồi, sẽ phải đến Thuận thứ tuệ, Chuyển tánh tuệ và Đạo tuệ tiếp sau. Sở dĩ được gọi tên là Đạo vì 5 nguyên nhân sau:

(01). *Sarasena:* Do phận sự của mình, tức là sự vận hành đặc biệt của mình

(02). *Paccanīkena:* Do đối nghịch với kẻ thù

(03). *Saguṇena:* Do công đức của mình

(04). *Ārammaṇena:* Do đối tượng (cảnh)

(05). *Āgamanena:* Do lối đến

Giải thích:

* Hành giả thực hành Minh sát, các Tuệ quán khởi sinh cho đến *Hành xả tuệ*, quán sát thấy danh-sắc là vô thường, xuất ly khỏi các phiền não, đạt đến Đạo, gọi là *Vô tướng giải thoát*. Nếu hành giả quán sát thấy danh-sắc là Khổ não rồi xuất ly khỏi các phiền não, đạt đến Đạo, gọi là *Vô nguyện giải thoát*. Nếu hành giả quán sát thấy danh-sắc là vô ngã rồi xuất ly khỏi các phiền não, đạt đến Đạo, gọi là *Không tánh giải thoát*. Như thế gọi tên là Đạo do phận sự của mình, tức là do sự vận hành đặc biệt của mình.

* Lại nữa, Đạo này phân chia các Hành như Sắc, Thọ, v.v... ra khỏi hình tướng, là một thể, một khối, một nhóm bởi *Vô thường tùy quán (Aniccānupassanā)*; rồi đoạn trừ tuyệt đối *Thường tướng (Niccanimitta), Trường tồn tướng (Dhuvanimitta), Thân kiến tướng (Sassatanimitta)*; do vậy nó có tên gọi là *Vô tướng đạo (Animittamagga)*; gọi là *Vô nguyện đạo (Appaṇihitamagga)* vì đoạn trừ *Lạc tưởng (Sukhasaññā)* bởi *Khổ não tùy quán (Aniccānupassanā)*, tức là những tham muốn (Taṇhā), làm chúng khô héo tuyệt đối; gọi là *Không tánh đạo (Suññatamagga)* vì đoạn trừ *Ngã tưởng (Attasaññā)* về chúng sinh, về

con người bởi *Vô ngã tùy quán (Anattānupassanā)*, rồi quán sát các Hành bởi tính rỗng không. Như thế, có tên gọi là Đạo do đối nghịch với kẻ thù.

* Bên cạnh đó, gọi là *Không tánh đạo (Suññatamagga)* vì trống vắng phiền não như Tham chẳng hạn; gọi là *Vô tướng đạo (Animittamagga)* vì không có hiện tượng, dấu hiệu như Tham, v.v...; gọi là *Vô nguyện đạo (Appaṇihitamagga)* vì không có nguyện vọng như Tham chẳng hạn. Do vậy, có tên gọi là Đạo do công đức của mình.

* Mặt khác, gọi là *Không tánh đạo (Suññatamagga)*, *Vô tướng đạo (Animittamagga)*, *Vô nguyện đạo (Appaṇihitamagga)* vì làm cho Niết-bàn vốn rỗng không, không có dấu hiệu, không có trú xứ thành đối tượng. Như vậy, gọi là Đạo do đối tượng.

* Cuối cùng, từ *Āgama* dịch là *Lối đến*, gồm 2 loại:

- Vipassanāgamanaṃ: Lối đến của Minh sát, chính là Đạo (Magga)
- Maggāgamanaṃ: Lối đến của Đạo, chính là Quả (Phala)

Vô ngã tùy quán gọi là *Không tánh (Suññatā)*, Đạo của *Không tánh tùy quán (Suññatānupassanā)* gọi là *Không tánh đạo (Suññatamagga)*; *Vô thường tùy quán* gọi là *Vô tướng (Animitta)*, Đạo của *Vô tướng tùy quán (Animittānupassanā)* gọi là *Vô tướng đạo (Animittamagga)*.

Chuyển tánh tuệ lấy Niết-bàn – pháp không có hiện tượng – làm đối tượng nên được gọi là *Vô tướng (Animitta),* tự thân trú tại nơi đạt đến (āgamanīyaṭhāna); tức là trú tại vị trí là pháp thực hành, tức là lối đến của Đạo. Do thế, Đạo có tên là *Vô tướng* theo *Chuyển tánh tuệ*.

Về phần Quả (Phala), có tên gọi là *Vô tướng* theo lối đến của Đạo, là phù hợp.

Khổ não tùy quán (Dukkhānupassanā) được gọi là *Vô nguyện (Appaṇihita)* vì đã làm cho nguyện vọng (paṇidhi), tức là Ái (Taṇhā) trong các Hành khô héo hoàn toàn do năng lực của *Vô nguyện tùy quán (Appaṇihitānupassanā)*. Bởi vậy, Đạo có tên là *Vô nguyện đạo (Appaṇihitamagga)*, tương tự Quả của Vô nguyện đạo gọi là *Vô nguyện quả (Appaṇihitaphala)*.

❋ Minh sát cho tên của mình đến Đạo, và Đạo cho tên của mình đến Quả như đã trình bày ở trên vậy. Như thế Đạo có tên gọi là Đạo do lối đến.

Hành xả tuệ xác định tính khác nhau của *Giải thoát (Vimokkha)* như đã nêu.

VIMUTTI – GIẢI THOÁT VÀ PAHĀNA – ĐOẠN TRỪ

Từ *Giải thoát (Vimutti)* với *Đoạn trừ (Pahāna)* khác nhau về mặt từ ngữ nhưng ý nghĩa thì giống nhau. Ta có so sánh như sau:

a, Giải thoát là sự thoát ra, thoát ly khỏi, gồm có 5 loại:

(01). *Tadaṅgavimutti:* Giải thoát nhất thời, đó là Giới (Sīla)
(02). *Vikkhambhanavimutti:* Giải thoát do đè nén, đó là Định (Samādhi)
(03). *Samucchedavimutti:* Giải thoát tuyệt đối, đó là Đạo (Magga)
(04). *Paṭipassambhanavimutti:* Giải thoát do yên tịnh, đó là Quả (Phala)
(05). *Nissaraṇavimutti:* Giải thoát bởi xuất ly, đó là Niết-bàn (Nibbāna)

b, Đoạn trừ là sự đoạn diệt, diệt trừ, gồm có 5 loại:

(01). *Tadaṅgapahāna:* Đoạn trừ nhất thời, đó là Giới (Sīla)
(02). *Vikkhambhanapahāna:* Đoạn trừ do đè nén, đó là Định (Samādhi)
(03). *Samucchedapahāna:* Đoạn trừ tuyệt đối, đó là Đạo (Magga)
(04). *Paṭipassambhanapahāna:* Đoạn trừ do yên tịnh, đó là Quả (Phala)
(05). *Nissaraṇapahāna:* Đoạn trừ bởi xuất ly, đó là Niết-bàn (Nibbāna)

Qua sự so sánh ở trên, rõ ràng là *Giải thoát* và *Đoạn trừ* khác nhau về mặt từ ngữ mà thôi, còn về nội dung, ý nghĩa thì như nhau.

XII. ANULOMAÑĀṆA – THUẬN THỨ TUỆ

Anulomañāṇa – Thuận thứ tuệ là trí tuệ thuận theo trình tự nhằm hoàn thành phận sự của 8 Tuệ quán có danh-sắc làm đối tượng, hoặc là thuận theo 37 Giác phần pháp (Bodhipakkhiyadhamma).

Anulomañāṇa hay còn gọi là ***Saccānulomañāṇa,*** dịch là ***Đế thuận thứ tuệ***

Pāḷi chiết tự:

Saccānulomañāṇa = sacca + anulomanika + ñāṇa

- *sacca:* đế, chân lý, sự thật
- *anulomanika:* vận hành, diễn tiến theo tuần tự
- *ñāṇa:* trí tuệ

1, Sacca – Đế:

Đế là chân lý, là sự thật của bậc Thánh, bao gồm Tứ Thánh đế (Ariyasacca):

(01). *Dukkhasacca – Khổ đế:* Sự thật là khổ. Chi pháp là 81 Hiệp thế tâm, 51 tâm sở (trừ Tham tâm sở) và 28 Sắc pháp.

(02). *Samudayasacca – Tập đế:* Sự thật là nguyên nhân sinh ra khổ. Chi pháp là Tham tâm sở trong 8 Tham căn tâm.

(03). *Nirodhasacca – Diệt đế:* Sự thật là sự diệt của khổ. Chi pháp là Niết-bàn.

(04). *Maggasacca – Đạo đế:* Sự thật là Đạo, con đường đưa đến sự diệt khổ. Chi pháp là Thánh đạo 8 chi: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Rút gọn là 3: Giới, Định, Tuệ.

2, Anulomika – Thuận thứ:

Anulomika nghĩa là vận hành, diễn tiến theo tuần tự qua 2 phương cách:

(01). Thuận thứ theo các Tuệ quán, bắt đầu từ *Sinh diệt tuệ, Hoại diệt tuệ, ...* cho đến *Hành xả tuệ*, gồm 8 Tuệ quán, như thế này gọi là thuận thứ theo Tuệ quán thấp đến Tuệ quán cao.

(02). Thuận thứ theo 37 Giác phần pháp, đó là: 4 Niệm xứ, 4 Chánh cần, 4 Thần túc, 5 Căn, 5 Lực, 7 Giác chi và 8 Chánh đạo.

Như Pāḷi có ghi:

**** "Purimānaṃ aṭṭhannaṃ vipassanāñāṇānaṃ tathakiccatāya ca anulome'ti."***
"Thuận thứ theo phận sự của tám Minh sát tuệ bước đầu."

- *Sinh diệt tuệ:* Quán sát thấy sự sinh và sự diệt của danh-sắc
- *Hoại diệt tuệ:* Quán sát thấy sự diệt của danh-sắc
- *Kinh hãi tuệ:* Quán sát thấy danh-sắc đáng ghê sợ
- *Hiểm nguy tuệ:* Quán sát thấy danh-sắc là sai quấy, tội lỗi
- *Nhàm chán tuệ:* Quán sát thấy danh-sắc đáng chán ngán
- *Dục thoát tuệ:* Quán sát thấy danh-sắc đáng chán ngán, muốn xuất ly
- *Quán sát tuệ:* Quán sát thấy danh-sắc là Vô thường, Khổ não, Vô ngã, quyết tâm thực hành dũng mãnh hơn
- *Hành xả tuệ*: Quán sát thấy Tam tướng, giữ tâm thản nhiên.

Như vậy gọi là *Thuận thứ tuệ* bước đầu vì có phận sự giống nhau là quán sát Tam tướng.

**** "Upari ca sattatisāya bodhipakkhiyadhammānaṃ... "***
"Thuận thứ theo 37 Giác phần pháp ở giai đoạn cao..."

3, Sự so sánh Thuận thứ tuệ:

Thuận thứ tuệ khi quán sát danh-sắc vận hành bởi năng lực của *Vô thường tướng*, v.v..., có sự so sánh như sau:

Đức vua trị vì đất nước theo chánh pháp, ngồi tại pháp đình, lắng nghe tấu trình của 8 vị quân sư đại thần. Nhà vua là bậc minh quân, giữ tâm chính trực, không

thiên vị, tùy hỷ mà phán rằng hãy quyết định như thế, thuận theo lời phân tích của chư đại thần cố vấn này, bởi vì đã quyết định đúng với lề lối của pháp và luật. Rồi đức vua còn thuận theo di huấn của các tiên đế để lại, đó là *Thập vương pháp (Dasabidha-rājadhamma)*, bao gồm không sân hận, không tàn hại, đức nhẫn nại, v.v... Điều này như thế nào thì *Thuận thứ tuệ* cũng như thế ấy. Nghĩa là:

• Cả 8 Tuệ quán giống như 8 vị quân sư đại thần.

• 37 Giác phần pháp giống như Thập vương pháp. Giác phần pháp thuộc về nhà Phật còn Thập vương pháp thuộc về quốc gia.

• Đức vua truyền chỉ rằng hãy phán xử như thế, gọi là thuận theo chư vị quân sư đại thần. Cũng như thế, *Thuận thứ tuệ* quán sát danh-sắc giống 8 Tuệ quán trước đó vậy.

Vì lẽ đó, được gọi là *Đế thuận thứ tuệ* bởi vì thuận theo *Đạo đế (Maggasacca)*.

Về mặt đối tượng, *Thuận thứ tuệ* chỉ nhận Tam tướng làm cảnh (ārammaṇa).

4, Phận sự của Thuận thứ tuệ:

Thuận thứ tuệ có 2 phận sự:

a, Lakkhaṇattayasammasanakicca – Phận sự quán sát Tam tướng: *Thuận thứ tuệ* có nhiệm vụ quán sát Tam tướng là: Vô thường, Khổ não và Vô ngã.

b, Sammosādipaṭipakkhavidhamanakicca – Phận sự đoạn trừ thù nghịch tối tăm: *Thuận thứ tuệ* có nhiệm vụ trấn áp, đoạn trừ kẻ thù, là các pháp đối nghịch như Tham, Sân, Si, v.v... Đó cũng chính là *Kilesatamavidhamanakicca – Phận sự đoạn trừ phiền não*. Nghĩa là, làm nhiệm vụ trấn áp, đoạn trừ sự tối tăm như Si chẳng hạn, bởi vì 37 Giác phần pháp cũng tụ hội để đoạn trừ các phiền não một cách tuyệt đối.

5, Quả của Thuận thứ tuệ:

Thuận thứ tuệ có khả năng đoạn trừ sự mê muội như bóng tối, đó là các phiền não, là pháp bao phủ, che lấp Tứ Thánh đế. Như Pāḷi có ghi:

"Anulomaṃ saccapaṭicchādakaṃ kilesatamaṃ vinodetu sakko'ti."
"Thuận thứ tuệ có thể xóa tan màn đêm là phiền não đang che đậy Thánh đế."

QUẢ CỦA CẢ CHÍN TUỆ QUÁN

Trong bộ *Vibhāvinīṭikā* có nêu:

"Imāni nava ñāṇāni ñāṇadassanavisuddhiyā paṭipadābhāvato tilakkhaṇa-

jānanatthena paccakkhato dassanatthena paṭipakkhato visuddhattā ca paṭipadā-ñāṇadassanavisuddhi nāma."

"Cả 9 Tuệ quán này gọi là Hành tri kiến thanh tịnh bởi vì là pháp hành trì để đạt tri kiến thanh tịnh, vì biết được Tam tướng, vì hiển lộ rõ, vì là phương tiện thấy rõ, vì là pháp đối nghịch và vì sự thanh tịnh."

Giải thích:

• Chín Tuệ quán: bao gồm *Sinh diệt tuệ, Hoại diệt tuệ, Kinh hãi tuệ, Hiểm nguy tuệ, Nhàm chán tuệ, Dục thoát tuệ, Quán sát tuệ, Hành xả tuệ* và *Thuận thứ tuệ* gọi là ***Hành tri kiến thanh tịnh***.

• Phương tiện thấy rõ: là thấy rõ Tam tướng và Tứ Thánh đế

• Pháp đối nghịch: đối nghịch với những điều sai quấy, phi pháp

Ví dụ: Truyện tích trưởng lão *Mahāsiva* là bậc thông thuộc Tam tạng, một bậc giáo thọ sư đáng kính, dạy pháp học tận 18 cơ sở. Mỗi ngày, ngài chẳng mấy khi có thì giờ rảnh rỗi, bởi ngài là vị rất siêng năng và là bậc thông thái về Giáo pháp. Ngài có nhiều đệ tử, trong số đó có một vị tiến tu Minh sát tuệ và đã thành tựu quả vị A-ra-hán. Khi nghĩ đến thầy mình, vị tỳ-khưu này biết rõ bằng trí tuệ rằng thầy vẫn chưa đắc Thánh quả A-ra-hán; bèn đi tìm gặp sư phụ nhằm trình bày pháp đặc biệt cho thầy mình nghe. Khi đến nơi, trò đảnh lễ thầy, hỏi thăm sức khỏe rồi nói lên nguyện vọng của mình. Thầy đáp rằng không có thời gian rảnh, ngay cả lúc đi dạy pháp ở các nơi trở về cũng đã đêm khuya lắm rồi. Dẫu đệ tử nài nỉ thế nào cũng chẳng có kết quả, sư phụ vẫn khăng khăng rằng chẳng có chút thời gian rảnh rỗi nào. Khi biết thầy không chịu thực hành pháp hành mà mình đã giới thiệu, trò liền bay lên hư không trước mặt thầy. Nhìn thấy như thế, thầy sực thức tỉnh ra, biết việc đệ tử đến lần này nhằm chỉ cho mình phương cách đạt đến pháp tuyệt diệu, bằng các *Thành tựu trí (Paṭivedhañāṇa)*, nhưng mình lại dễ duôi bỏ qua, và chính mình cũng chưa đắc các pháp tuyệt diệu ấy giống đệ tử. Lúc thiết lập niệm, ghi nhận được như thế, trưởng lão bèn phát nguyện: *"Kể từ nay trở đi, ta sẽ tiến tu Minh sát, quyết tâm thực hành để đạt đáo pháp cao thượng. Chừng nào chưa đạt được pháp ấy, chừng đó ta tuyệt đối không rời bỏ nỗ lực, tinh cần cả thân lẫn tâm, nhằm đổi lấy bằng được pháp cao thượng."*

Kể từ lúc phát nguyện chân thật như thế, trưởng lão quyết hạ thủ công phu thực hành Minh sadt, một ngày rồi hai ngày trôi qua, một tháng rồi hai tháng qua đi, một năm lại hai năm tiếp diễn, cho đến chục năm rồi hai chục năm, ngài vẫn chưa chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn. Dẫu thế, ngài vẫn không ngừng nghỉ thực hành, không từ bỏ nỗ lực, tích cực tiến tu hết mình; cuối cùng vào năm thứ ba mươi, trưởng lão *Mahāsiva* thành tựu quả vị Vô sanh, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, hợp với nguyện vọng của mình.

Thế gian đầy rẫy những họa tai đang đoanh vây chúng ta, chẳng hạn như sự nguy hiểm của sinh, của lão, của bệnh, của tử; những tai họa từ trộm cướp, nhà cháy, nước sôi, lửa bỏng, bão lụt, thú dữ, đói kém, vua quan, thuế khóa, luật lệ hà khắc, v.v... Những nguy hiểm, họa tai này đem lại niềm đau, nỗi khổ cả tinh thần lẫn vật chất triền miên và dai dẳng cho chúng sinh đang còn ngụp lăn trong Tam giới, trong luân hồi tử sinh. Những vị nào sớm thức tỉnh, thấy rõ họa tai trong luân hồi, phải nhanh chóng tinh cần, nỗ lực thực hành chánh pháp. Như lời ân cần, nhắc nhở của Đấng Đạo Sư:

"Uṭṭḥahatha, nisīdatha, ko attho supitena vo?"

"Chư vị hãy đứng lên, hãy ngồi dậy, lợi ích gì với các vị mà còn mê ngủ?" (trong khi chúng sinh đang bị đe dọa bởi vạn sự nguy hiểm, các vị hãy học tập, đào luyện về pháp an tịnh.)

Các nhà Chú giải sư cũng sách tấn, nhắn nhủ như sau:

"Itinekehi nāmehi Kittitā yā mahesinā
Vuṭṭhānagāminī santā Parisuddhā vipassanā
Vuṭṭhātukāmo saṃsāra- Dukkhapaṅkā mahabbhayā
Kareyya satataṃ tattha Yogaṃ paṇḍitajātiko."

"Minh sát đưa đến xuất ly, an lạc, thanh tịnh nào mà bậc Đại Ẩn Sĩ tán dương bằng nhiều tên gọi ở đây; bậc có chủng hiền trí, muốn thoát khỏi bùn lầy là luân hồi khổ não đầy họa tai to lớn nên thường xuyên tinh cần thực hành minh sát đưa đến xuất ly ấy."

XIII. GOTRABHŪÑĀṆA – CHUYỂN TÁNH TUỆ

Gotrabhūñāṇa – Chuyển tánh tuệ là trí tuệ phá hủy căn tánh phàm nhân (puthujjana), dẫn đến chủng tánh của Thánh nhân.

1, Puthujjana – Phàm nhân:

Từ *Puthujjana – Phàm nhân* có nghĩa là người có nhiều (điều xấu ác), đó là:

(01). Người có nhiều phiền não, phiền não dày như Tà kiến, Hoài nghi, v.v...

(02). Người có nhiều Cảnh đến (Gati), không thoát khỏi 5 Cảnh đến: Địa ngục (Nirayagati), Ngạ quỷ (Petivisayagati), Bàng sinh (Tiracchānagati), Nhân loại (Manussagati), Chư thiên (Devatāgati)

(03). Người tạo các Hành (Saṅkhāra) dày đặc: Phước hành (Puññābhisaṅkhāra), Phi phước hành (Apuññābhisaṅkhāra), Bất động hành (Aneñjābhisaṅkhāra)

(04). Người bị các Xoáy lũ (Ogha) dày đặc nhấn chìm: Dục xoáy lũ (Kāmogha),

Hữu xoáy lũ (Bhavogha), Kiến xoáy lũ (Diṭṭhogha) và Vô minh xoáy lũ (Avijjogha)

(05). Người bị nhiều nóng nực bức bách, như nóng nực của Tham, Sân, v.v...

(06). Người bị nhiều dính mắc, thích thú, trói buộc, mê mờ trong ngũ dục một cách dày đặc, tức là hài lòng với sắc, thinh, hương, vị, xúc

(07). Người bị 5 Triền cái (Nīvaraṇa) bức bách, bao vây, che chắn, bao bọc, phủ lấp, khiến cho tối tăm, mù mịt; nghĩa là, bị Tham dục (Kāmachanda) – hài lòng nơi ngũ dục che đậy, bị Sân hận (Byāpāda) kết oan trái lẫn nhau che đậy, bị Hôn Thụy (Thīnamiddha) làm buồn ngủ, chán nản che đậy, bị Trạo hối (Uddhaccakukkucca) làm phóng tâm, hối hận che đậy, bị Hoài nghi (Vicikicchā) gây sự nghi ngờ nơi Tam Bảo che đậy

(08). Người đi xuống với pháp hạ đẳng, quay lưng với pháp cao thượng, chính là pháp Thượng nhân (Arayadhamma); gồm có 6 loại: không sân hận, không gây oan trái, không vong ân, thanh tịnh, chánh kiến và trí tuệ

(09). Người xa rời Thánh pháp: Tín, Giới, Văn, Xả ly và Tuệ

Cả 9 điều trên là nội dung của từ *phàm nhân (puthujjana)*, được nêu trong *Chú giải Phân Tích Đạo (Paṭisambhidāmagga, Aṭṭhākathā)*.

2, Hai hạng phàm nhân:

Phàm nhân được Đức Thế Tôn phân thành 2 hạng:

- Andhāputthujjana – Vô văn phàm nhân
- Kalyāṇaputthujjana – Thiện hữu phàm nhân

(01). *Vô văn phàm nhân* là người nhiều phiền não, còn gọi là kẻ mù. Theo Chú giải Phân Tích Đạo giải thích, đấy là hạng người không học tập, không tham vấn, không nghe pháp, không ghi nhớ, không quán xét, tư duy về 6 lĩnh vực của minh sát như 5 Uẩn, 12 Xứ, 18 Giới, v.v...

(02). *Thiện hữu phàm nhân* là người nhiều phiền não nhưng là người tốt vì có học tập, có tham vấn, có nghe pháp, có ghi nhớ, quán xét, tư duy về 6 lĩnh vực của minh sát; là người giữ giới và hành theo 5 Thiện hữu pháp (Kalyāṇadhamma): Tâm từ, Xả thí, Thiểu dục, Chân thật, Niệm.

Trí tuệ phá hủy chủng tánh phàm nhân cả 2 hạng trên, vượt thoát khỏi Hành tướng (Saṅkhāranimitta) bên ngoài gọi là *Chuyển tánh tuệ*.

3, Saṅkhāranimitta – Hành tướng:

Từ *Saṅkhāranimitta* nghĩa là dấu hiệu của danh-sắc, đó là: Vô thường tướng (Aniccalakkhaṇa), Khổ não tướng (Dukkhalakkhaṇa), Vô ngã tướng (Anattalakkhaṇa).

Từ "bên ngoài" ở đây là nói đến ngoại trừ khối Bất thiện (Akusala) đang vận hành nơi nội tâm của hành giả. Nghĩa là, khi thực hành Minh sát tuệ đến *Chuyển tánh tuệ* thì Bất thiện không khởi sinh được nữa tại thời điểm đó.

Thật vậy, từ *Hành (Saṅkhāra)* này mang nội dung là danh-sắc, tức là thân thể của người nam, người nữ trên thế gian. Sở dĩ được gọi là *nimitta (dấu hiệu)* vì biểu lộ là nơi đáng yêu, đáng thích của thế gian, chẳng hạn như dáng đẹp, sắc tốt nên được ưa thích. Do vậy, nên được gọi là *nimitta* – dấu hiệu của phiền não.

4, Chuyển tánh tuệ cách thứ nhất:

Từ *Chuyển tánh (Gotrabhū)* còn nhiều ý nghĩa khác nữa, được giải tự như sau:

(01). *Uppannaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự sự sinh khởi của danh-sắc ở kiếp này, do nghiệp của kiếp trước làm duyên gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, khi tiến tu đến *Chuyển tánh tuệ* thì danh-sắc sẽ diệt đi.

(02). *Pavattaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự sự vận hành không ngừng nghỉ của danh-sắc đã sinh, do nghiệp cũ làm duyên gọi là Chuyển tánh.

(03). *Nimittaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự hành tướng gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, chế ngự Trường tồn tướng (Dhuvanimitta), Lạc tướng (Sukhanimitta), Ngã tướng (Attanimitta).

(04). *Āyūhanaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự nghiệp là nhân tục sinh ở kiếp tới, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, khi tiến tu đến tuệ này, nghiệp các loại dẫn chúng sinh đến tục sinh ở các kiếp tiếp nữa chỉ nhiều nhất là 7 lần.

(05). *Paṭisadhiṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự sự tục sinh, gọi là Chuyển tánh.

(06). *Gatiṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự cảnh đến, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, sau khi chết không còn sinh vào một trong 5 cảnh đến nữa. Nếu còn sinh vì chưa thành tựu A-ra-hán Quả thì cũng là cảnh đến tốt đẹp như chư thiên (devatāgati).

(07). *Nibbattiṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự sự sinh ra của các uẩn, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, các uẩn là đối tượng hiện tại ở thời điểm ấy diệt đi và các uẩn trong vị lai cũng ít lại, chỉ còn từ 1 đến 7 kiếp nữa mà thôi.

(08). *Uppattiṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự sự sinh khởi, tức là sự sinh diễn tiến của quả dị thục, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, hành giả nào tiến tu Minh sát tuệ đến *Chuyển tánh tuệ* này, hành giả đó thoát khỏi quả của nghiệp các loại tùy phù hợp, bởi vì sự sinh khởi giảm xuống, nhiều nhất là sinh 7 kiếp nữa mà thôi.

(09). *Jātiṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự sự sinh (jāti), gọi là Chuyển tánh.

Từ *jāti* nghĩa là *sinh*, được chia làm 3 loại: hiện tại, quá khứ và vị lai. *Chuyển tánh tuệ* chế ngự sự sinh của danh-sắc ở thời điểm hiện tại; lúc *Chuyển tánh tuệ* sinh khởi, danh-sắc diệt hết vì tâm nhận đối tượng là Niết-bàn.

(10). *Jaraṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự già lão, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, tại thời điểm đạt đến *Chuyển tánh tuệ*, danh-sắc đang già, đang suy, diệt tận vì có Niết-bàn làm đối tượng.

(11). *Byādhiṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự bệnh tật, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, tại thời điểm đạt đến *Chuyển tánh tuệ*, bệnh tật, đớn đau, mệt mỏi lắng dịu xuống, bị diệt đi vì có Niết-bàn làm đối tượng.

(12). *Maraṇaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự cái chết, gọi là Chuyển tánh.

Từ *maraṇa* nghĩa là *cái chết*, được chia làm 3 loại:

• Khaṇikamaraṇa – Sát-na tử: Sự diệt của mỗi một sát-na tâm

• Sammatimaraṇa – Chế định tử: Cái chết theo quy ước, như người chết, con gà chết, con chó chết, v.v...

• Samucchedamaraṇa – Đoạn tận tử: Cái chết bởi cắt đứt luân hồi của bậc Thánh đã diệt tận phiền não, lậu hoặc, còn gọi là Niết-bàn.

Ở đây muốn nói đến chế ngự *Đoạn tận tử*, tại thời điểm Niết-bàn.

(13). *Sokaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự sầu ưu, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, sự sầu muộn của con người khởi sinh do 5 nguyên nhân chính:

• Vì suy hoại người thân, như bà con chết, xa lìa mẹ cha, v.v...
• Vì suy hoại tài sản, như bị hỏa thiêu, lụt lội, cướp bóc, v.v...
• Vì bệnh tật hành hạ, như bị ung thư, bệnh tả ly, v.v...
• Vì suy hoại giới hạnh, như phạm giới sát sinh, v.v...
• Vì suy thoái quan kiến, như có tà kiến, hiểu biết sai quấy, v.v...

Khi tiến tu đến *Chuyển tánh tuệ*, cả 5 loại suy hoại này yên tịnh xuống và hoại diệt, không khởi sinh vì có Niết-bàn làm đối tượng.

(14). *Paridevaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*
Trí tuệ chế ngự than vãn, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, con người than vãn, ta thán, rên rỉ, khóc than vì bị một trong các sự suy hoại nêu trên; khi tiến tu Minh sát đến *Chuyển tánh tuệ*, sự suy hoại này không còn nữa vì có Niết-bàn làm đối tượng.

(15). *Upāyāsaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*
Trí tuệ chế ngự uất ức, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, con người uất ức, ảo não vì bị một trong các sự suy hoại nêu trên; khi tiến tu Minh sát đến *Chuyển tánh tuệ*, sự uất ức chính là sân hận này không còn nữa vì có Niết-bàn làm đối tượng.

(16). *Bahiddhā saṅkhāranimittaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*
Trí tuệ chế ngự hành tướng bên ngoài, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, các *Thường tướng*, *Trường tồn tướng*, *Lạc tướng*, *Ngã tướng* không tồn tại, chỉ có sự yên tịnh (santi) mà thôi, vì *Chuyển tánh tuệ* chỉ có Niết-bàn làm đối tượng duy nhất.

5, Chuyển tánh tuệ cách thứ nhì:

Từ *Chuyển tánh (Gotrabhū)* trong bộ *Phân Tích Đạo* có những giải tự như sau:

(01). *Anuppādaṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*
Trí tuệ tiến vào sự không sinh khởi của danh-sắc, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, khi hành giả tiến tu đến *Chuyển tánh tuệ* thì cả 5 uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức diệt đi.

(02). *Appavattaṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*
Trí tuệ tiến vào sự không vận hành của danh-sắc, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, danh-sắc đang vận hành đó diệt đi.

(03). *Animittaṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*
Trí tuệ tiến vào phi Hành tướng, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, hướng đến Niết-bàn, nơi không có hiện tượng, tướng trạng.

(04). *Anāyūhanaṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ tiến vào sự không có nghiệp là nhân tục sinh ở kiếp tới, gọi là Chuyển tánh.

(05). *Appaṭisandhiṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ tiến vào nơi không có tục sinh, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, hướng đến Niết-bàn, nơi không có sinh, lão, bệnh, tử.

(06). *Aggatiṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ tiến vào nơi không cảnh đến, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, 5 cảnh đến (gati) không có ở đâu, ở đó gọi là không cảnh đến (aggati), chính là Niết-bàn.

(07). *Nibbattiṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ tiến vào nơi không có ngũ uẩn, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, 5 uẩn không có ở nơi nào, tiến vào nơi ấy, tức Niết-bàn.

(08). *Anuppattiṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ tiến vào sự không sinh khởi nữa, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, không còn quả uẩn (vipākakhandha) để phải sinh vào các cảnh giới Luân hồi bậc hạ (Heṭṭhimasaṃsāra), Luân hồi bậc trung (Majjhimasaṃsāra), Luân hồi bậc thượng (Uparimasaṃsāra).

(09). *Ajātiṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ tiến vào sự không sinh nữa, gọi là Chuyển tánh.

Nghĩa là, danh-sắc bị diệt đi vì có Niết-bàn làm đối tượng.

(10). *Ajaraṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ tiến vào sự không già lão nữa, gọi là Chuyển tánh.

(11). *Abyādhiṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ tiến vào sự không bệnh tật nữa, gọi là Chuyển tánh.

(12). *Amaraṇaṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ tiến vào sự không chết nữa, gọi là Chuyển tánh.

(13). *Asokaṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ tiến vào sự không sầu ưu nữa, gọi là Chuyển tánh.

(14). *Aparidevaṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ tiến vào sự không than vãn nữa, gọi là Chuyển tánh.

(15). *Anupāyāsaṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ tiến vào sự không uất ức nữa, gọi là Chuyển tánh.

(16). *Nirodhaṃ nibbānaṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ tiến vào sự diệt, tức là Niết-bàn, gọi là Chuyển tánh.

6, Chuyển tánh tuệ cách thứ ba:

Từ *Chuyển tánh (Gotrabhū)* còn có những giải tự như sau:

(01). *Uppādaṃ abhibhuyyitvā anuppādaṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự sự sinh khởi của danh-sắc rồi tiến vào sự không sinh khởi của danh-sắc, gọi là Chuyển tánh.

(02). *Pavattaṃ abhibhuyyitvā appavattaṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự sự vận hành của danh-sắc rồi tiến vào sự không vận hành của danh-sắc, gọi là Chuyển tánh.

(03). *Nimittaṃ abhibhuyyitvā animittaṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự Hành tướng rồi tiến vào phi Hành tướng, gọi là Chuyển tánh.

(04). *Āyūhanaṃ abhibhuyyitvā anāyūhanaṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự nghiệp là nhân tục sinh rồi tiến vào sự không có nghiệp là nhân tục sinh gọi là Chuyển tánh.

(05). *Paṭisandhiṃ abhibhuyyitvā appaṭisandhiṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự sự tục sinh rồi tiến vào sự không tục sinh, gọi là Chuyển tánh.

(06). *Gatiṃ abhibhuyyitvā aggatiṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự cảnh đến rồi tiến vào sự không có cảnh đến, gọi là Chuyển tánh.

(07). *Nibbattiṃ abhibhuyyitvā anibbattiṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự sự sinh ra của 5 uẩn rồi tiến vào sự không sinh ra của 5 uẩn, gọi là Chuyển tánh.

(08). *Uppattiṃ abhibhuyyitvā anuppattiṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự sự sinh ra của 5 uẩn rồi tiến vào sự không sinh ra của 5 uẩn, gọi là Chuyển tánh.

(09). *Jātiṃ abhibhuyyitvā ajātiṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự sự sinh rồi tiến vào sự không sinh, gọi là Chuyển tánh.

(10). *Jaraṃ abhibhuyyitvā ajaraṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự già lão rồi tiến vào sự không già lão, gọi là Chuyển tánh.

(11). *Byādhiṃ abhibhuyyitvā abyādhiṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự bệnh tật rồi tiến vào sự không bệnh tật, gọi là Chuyển tánh.

(12). *Maranaṃ abhibhuyyitvā amaraṇaṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*

Trí tuệ chế ngự cái chết rồi tiến vào sự không chết, gọi là Chuyển tánh.

(13). *Sokaṃ abhibhuyyitvā asokaṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*
Trí tuệ chế ngự sự sầu ưu rồi tiến vào sự không sầu muộn, gọi là Chuyển tánh.

(14). *Paridevaṃ abhibhuyyitvā aparidevaṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*
Trí tuệ chế ngự sự than vãn rồi tiến vào sự không than vãn, gọi là Chuyển tánh.

(15). *Jātiṃ abhibhuyyitvā ajātiṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*
Trí tuệ chế ngự sự uất ức rồi tiến vào sự không uất ức, gọi là Chuyển tánh.

(16). *Bahiddhā saṅkhāranimittaṃ abhibhuyyitvā nirodhaṃ nibbānaṃ pakkhandatī'ti gotrabhū.*
Trí tuệ chế ngự hành tướng rồi tiến vào sự diệt, tức Niết-bàn, gọi là Chuyển tánh.

7, Chuyển tánh tuệ cách thứ tư:

Từ *Chuyển tánh (Gotrabhū)* phân tích theo tướng trạng, còn có các định nghĩa:

(01). *Uppādā vuṭṭhātī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh bởi vì thoát khỏi sự sinh khởi.

Nghĩa là, từ bỏ danh-sắc đang sinh khởi rồi nhập Niết-bàn.

(02). *Pavattā vuṭṭhātī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh bởi vì thoát khỏi danh-sắc đang vận hành.

Nghĩa là, thoát khỏi danh-sắc đang sinh diệt.

(03). *Nimittaṃ vuṭṭhātī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh bởi vì thoát khỏi Hành tướng.

(04). *Āyūhanā vuṭṭhātī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh bởi vì thoát khỏi nghiệp tạo ra sinh tử trong luân hồi.

(05). *Paṭisandhiyā vuṭṭhātī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh bởi vì thoát khỏi sự tục sinh.

(06). *Gatiyā vuṭṭhātī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh bởi vì thoát khỏi cảnh đến là nơi phải sinh ra nữa.

(07). *Nibbattiyā vuṭṭhātī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh bởi vì thoát khỏi sự hiển lộ của 5 uẩn, tức 5 uẩn diệt tận.

(08). *Uppattiyā vuṭṭhātī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh bởi vì thoát khỏi sự sinh khởi trong 3 bậc luân hồi.

(09). *Jātiyā vuṭṭhātī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh bởi vì thoát khỏi sự sinh.

(10). *Jarāya vuṭṭhātī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh bởi vì thoát khỏi già lão.

(11). *Byādhimhā vuṭṭhātī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh bởi vì thoát khỏi bệnh tật.

(12). *Maraṇā vuṭṭhātī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh bởi vì thoát khỏi cái chết.

(13). *Sokā vuṭṭhātī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh bởi vì thoát khỏi sầu ưu.

(14). *Paridevā vuṭṭhātī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh bởi vì thoát khỏi than vãn.

(15). *Upāyāsā vuṭṭhātī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh bởi vì thoát khỏi uất ức.

(16). *Bahiddhā saṅkhāranimitta vuṭṭhātī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh bởi vì thoát khỏi hành tướng bên ngoài.

CHUYỂN TÁNH SINH TỪ CHỈ TỊNH

Chuyển tánh pháp (Gotrabhūdhamma) sinh khởi do năng lực của thiền Chỉ tịnh có 8 loại:

(01). *Paṭhamajjhānaṃ paṭilābhatthāya nīvaraṇe abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự các Triền cái nhằm đạt đến Đệ nhất thiền.

Hành giả tiến tu thiền Chỉ tịnh cũng có *Chuyển tánh* khởi sinh như khi tiến tu thiền Minh sát, theo Lộ trình tâm đắc thiền như sau:

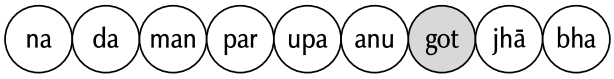

(02). *Dutiyajjhānaṃ paṭilābhatthāya vitakkavicāraṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự Tầm, Tứ nhằm đạt đến Đệ nhị thiền.

Hành giả tiến tu thiền Chỉ tịnh đắc Đệ nhất thiền rồi, trước khi vào đến Đệ nhị thiền cần phải qua *Chuyển tánh* mới chứng được Đệ nhị thiền.

(03). *Tatiyajjhānaṃ paṭilābhatthāya pītiṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự Phỉ nhằm đạt đến Đệ tam thiền.

(04). *Catutthajjhānaṃ paṭilābhatthāya sukhadukkhe abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*
Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự Lạc và Khổ nhằm đạt đến Đệ tứ thiền.

(05). *Ākāsānañcāyatanasamāpattiṃ paṭilābhatthāya rūpasaññaṃ paṭighasaññaṃ nānattasaññaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự Sắc tưởng, Sân tưởng, Đa loại tưởng nhằm đạt đến Không vô biên xứ thiền định.

(06). *Viññāṇañcāyatanasamāpattiṃ paṭilābhatthāya ākāsānañcāyatanasaññaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự Không vô biên xứ tưởng nhằm đạt đến Thức vô biên xứ thiền định.

(07). *Ākiñcaññāyatanasamāpattiṃ paṭilābhatthāya viññāṇañcāyatanasaññaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự Thức vô biên xứ tưởng nhằm đạt đến Vô sở hữu xứ thiền định.

(08). *Nevasaññānāsaññāyatanasamāpattiṃ paṭilābhatthāya ākiñcaññāyatana-saññaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự Vô sở hữu xứ tưởng nhằm đạt đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền định.

CHUYỂN TÁNH SINH TỪ MINH SÁT

Chuyển tánh pháp (Gotrabhūdhamma) sinh khởi do năng lực của thiền Minh sát có 10 loại:

(01). *Sotāpattimaggaṃ paṭilābhatthāya uppānaṃ, pavattaṃ, nimittaṃ, āyūhanaṃ, paṭisandhiṃ, gatiṃ, nibbattiṃ, uppattiṃ, jātiṃ, jaraṃ, byādhiṃ, maraṇaṃ, sokaṃ, paridevaṃ, upāyāsaṃ, bhiddhāsaṅkhāranimittaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự danh-sắc đang sinh, đang vận hành, Hành tướng, nghiệp dẫn đi tái sinh, tục sinh, cảnh đến, sự sinh của các uẩn, sự sinh khởi, sinh, già lão, bệnh tật, cái chết, sầu ưu, than vãn, uất ức, hành tướng bên ngoài nhằm chứng đạt Nhập Lưu Đạo.

Nghĩa là, hành giả cần phải qua *Chuyển tánh* mới chứng được Nhập Lưu Đạo.

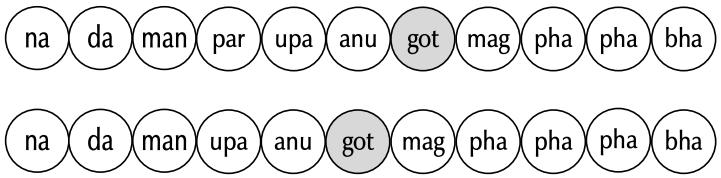

(02). *Sotāpattiphalasamāpatatthāya paṭilābhatthāya uppānaṃ, pavattaṃ, nimittaṃ, āyūhanaṃ, paṭisandhiṃ, gatiṃ, nibbattiṃ, uppattiṃ, jātiṃ, jaraṃ, byādhiṃ, maraṇaṃ, sokaṃ, paridevaṃ, upāyāsaṃ, bhiddhāsaṅkhāranimittaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự danh-sắc đang sinh, đang vận hành, Hành tướng, nghiệp dẫn đi tái sinh, tục sinh, cảnh đến, sự sinh của các uẩn, sự sinh khởi, sinh, già lão, bệnh tật, cái chết, sầu ưu, than vãn, uất ức, hành tướng bên ngoài nhằm nhập vào Nhập Lưu Quả định.

Nghĩa là, bậc Nhập Lưu Đạo cần phải qua *Chuyển tánh* mới nhập vào Nhập Lưu Quả định được.

(03). *Sakadāgāmimaggaṃ paṭilābhatthāya uppānaṃ, pavattaṃ, ...pe... upāyāsaṃ, bhiddhāsaṅkhāranimittaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự danh-sắc đang sinh, đang vận hành, ..., uất ức, hành tướng bên ngoài nhằm chứng đạt Nhất Lai Đạo.

Nghĩa là, hành giả cần phải qua *Chuyển tánh* mới chứng được Nhất Lai Đạo.

(04). *Sakadāgāmiphalasamāpatatthāya paṭilābhatthāya uppānaṃ, pavattaṃ, ... pe ..., upāyāsaṃ, bhiddhāsaṅkhāranimittaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự danh-sắc đang sinh, đang vận hành, ..., uất ức, hành tướng bên ngoài nhằm nhập vào Nhất Lai Quả định.

Nghĩa là, bậc Nhất Lai Đạo cần phải qua *Chuyển tánh* mới nhập vào Nhất Lai Quả định được.

(05). *Anāgāmimaggaṃ paṭilābhatthāya uppānaṃ, pavattaṃ, ...pe... upāyāsaṃ, bahiddhāsaṅkhāranimittaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự danh-sắc đang sinh, đang vận hành, ..., uất ức, hành tướng bên ngoài nhằm chứng đạt Bất Lai Đạo.

Nghĩa là, hành giả cần phải qua *Chuyển tánh* mới chứng được Bất Lai Đạo.

(06). *Anāgāmiphalasamāpatatthāya paṭilābhatthāya uppānaṃ, pavattaṃ, ... pe ..., upāyāsaṃ, bhiddhāsaṅkhāranimittaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự danh-sắc đang sinh, đang vận hành, ..., uất ức, Hành tướng bên ngoài nhằm nhập vào Bất Lai Quả định.

Nghĩa là, bậc Bất Lai Đạo cần phải qua *Chuyển tánh* mới nhập vào Bất Lai Quả định được.

(07). *Arahattamaggaṃ paṭilābhatthāya uppānaṃ, pavattaṃ, ...pe... upāyāsaṃ, bhiddhāsaṅkhāranimittaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự danh-sắc đang sinh, đang vận hành, ..., uất ức, hành tướng bên ngoài nhằm chứng đạt A-ra-hán Đạo.

Nghĩa là, hành giả cần phải qua *Chuyển tánh* mới chứng được A-ra-hán Đạo.

(08). *Arahattaphalasamāpatatthāya paṭilābhatthāya uppānaṃ, pavattaṃ, ... pe ..., upāyāsaṃ, bhiddhāsaṅkhāranimittaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự danh-sắc đang sinh, đang vận hành, ..., uất ức, hành tướng bên ngoài nhằm nhập vào A-ra-hán Quả định.

Nghĩa là, bậc A-ra-hán Đạo cần phải qua *Chuyển tánh* mới nhập vào A-ra-hán Quả định được.

(09). *Animittasamāpatatthāya paṭilābhatthāya uppānaṃ, pavattaṃ, ... pe ..., upāyāsaṃ, bhiddhāsaṅkhāranimittaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự danh-sắc đang sinh, đang vận hành, ..., uất ức, hành tướng bên ngoài nhằm nhập vào Vô tướng trú định.

Nghĩa là, bậc Thánh A-ra-hán cần phải qua *Chuyển tánh* mới nhập Vô tướng Quả định được.

(10). *Suññatasamāpatatthāya paṭilābhatthāya uppānaṃ, pavattaṃ, ... pe ..., upāyāsaṃ, bhiddhāsaṅkhāranimittaṃ abhibhuyyatī'ti gotrabhū.*

Gọi là Chuyển tánh vì chế ngự danh-sắc đang sinh, đang vận hành, ..., uất ức, hành tướng bên ngoài nhằm nhập vào Không tánh trú định.

Nghĩa là, bậc Thánh A-ra-hán cần phải qua *Chuyển tánh* mới nhập Không tánh trú định được.

Kết luận:

Chuyển tánh tuệ là trí tuệ phá hủy căn tánh phàm tục của phàm nhân tiến vào căn tánh của Thánh nhân.

Tuệ này không xếp vào Thanh tịnh thứ 6 là *Hành tri kiến thanh tịnh (Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi)* bởi vì không quán sát danh-sắc theo Vô thường, Khổ não, Vô ngã; và cũng không xếp vào Thanh tịnh thứ 7 là *Tri kiến thanh tịnh (Ñāṇadassanavisuddhi)* vì không đoạn trừ phiền não gì cả. Thanh tịnh thứ 6 thuộc về Thế gian pháp (Lokiya-dhamma), còn Thanh tịnh thứ 7 thuộc về Siêu thế pháp (Lokuttaradhamma), *Chuyển tánh tuệ* lại nằm giữa Thế gian và Siêu thế, giữa Thanh tịnh thứ 6 và Thanh tịnh thứ 7 (abbhohārika), nhưng lại được xếp vào minh sát vì ở trong dòng vận hành của minh sát.

Khi Chuẩn bị (Parikamma), Cận hành (Upacāra) và Thuận thứ (Anuloma), gọi chung là Thuận thứ khởi sinh 3 sát-na, đoạn trừ si mê ám độn (mohandhakāra) là các phiền não loại thô che lấp không cho thấy Tứ Thánh đế, phù hợp với năng lực rồi; tâm của hành giả sẽ quay lưng với tất cả các Hành, không dính mắc vào các Hữu (Bhava), giống như giọt nước lăn khỏi lá sen. *Chuyển tánh tuệ* khi nhận Niết-bàn làm đối tượng sẽ thoát khỏi phàm tánh, nhập vào Thánh vức. *Chuyển tánh tuệ* này trở thành Hướng tâm đầu tiên (Paṭhamāvajana), nghĩa là lần đầu quán sát thấy Niết-bàn, thành tựu phận sự là trợ duyên cho Thánh Đạo bằng 6 duyên: *Vô gián duyên (Anantarapaccaya)*, *Liên tiếp duyên (Samanantarapaccaya)*, *Thường hành duyên (Āsevanapaccaya)*, *Cận y duyên (Upanissaya-paccaya)*, *Vô hữu duyên (Natthipaccaya) và Bất ly duyên (Avigatapaccaya)*. Phải nói rằng *Chuyển tánh tuệ* là tột đỉnh của minh sát, khởi sinh tận cùng của *Thuận thứ tuệ* và thường hành như vậy.

XIV. MAGGAÑĀṆA – ĐẠO TUỆ

1, Sotāpattimaggañāṇa – Nhập Lưu Đạo tuệ:

Một người đàn ông muốn nhảy qua bờ kia của con lạch rộng bèn chạy kiếm sợi thừng cột vào một cành cây lớn, cầm lấy đầu dây còn lại; hoặc nắm ở đầu một cây sào rồi chạy nhanh, chống một đầu sào xuống, nhảy qua bờ đối diện; vừa đến bờ ấy thì buông đầu dây hoặc buông sào ra rồi đáp xuống; sau đó loạng choạng đứng thẳng dậy. Tình trạng của người này như thế nào thì đối với hành giả thực hành Minh sát tuệ cũng như thế ấy. Hành giả có nguyện vọng chứng ngộ Niết-bàn, là bờ đối diện với 3 Hữu, 4 Loài, 5 Cảnh đến, 7 Thức trú, 9 Hữu tình cư nên mới chạy nhanh bằng tuệ như *Sinh diệt tuệ* chẳng hạn, rồi nắm đầu dây là Sắc (Rūpa), cột vào cành cây là sắc thân, hoặc dùng cây sào chống là Thọ (Vedanā) v.v... Với sự nhớ lại của *Thuận thứ tuệ* rằng các Hành là Vô thường, Khổ não, Vô ngã, đó là việc không bỏ sợi dây là Sắc, hoặc chiếc sào chống là Thọ v.v... Hành giả là người có tâm ý hướng về Niết-bàn với Thuận thứ tâm thứ nhất là Chuẩn bị (Parikamma), hoặc là người có tâm ý hướng về Niết-bàn với Thuận thứ tâm thứ nhì là Cận hành (Upacāra), giống người đàn ông là người hướng về bờ bên kia của lạch nước. Hành giả là người ở gần với Niết-bàn là mục đích mà mình cần đến với Thuận thứ tâm thứ ba, tựa như người đàn ông đã nhảy đến bên trên của bờ kia, rồi bỏ đối tượng là các Hành (Sắc hay Thọ, v.v...). Tại thời điểm Thuận thứ tâm thứ ba diệt đi, tâm sẽ nhận Niết-bàn – pháp xa rời các Hành, là bờ đối nghịch với các Hành – làm đối tượng, đó là *Chuyển tánh tâm*. Do chưa thân quen với đối tượng Niết-bàn nên *Chuyển tánh tâm* bị dao động, không trụ vững, giống như người đàn ông ấy đã vượt qua bờ kia nhưng còn loạng choạng vậy; sau đó, *Đạo tuệ* khởi sinh một cách vững chãi.

❋ *Thuận thứ tuệ* có khả năng chế ngự đêm tối là các phiền não đang che lấp Thánh đế nhưng không thể nhận Niết-bàn làm đối tượng được, còn *Chuyển tánh tuệ* lại có thể nhận Niết-bàn làm đối tượng nhưng không thể chế ngự các phiền não đang che lấp Thánh đế. Việc thực hiện phận sự của *Thuận thứ tuệ* và *Chuyển tánh tuệ* được so sánh như sau:

Một người muốn xem chiêm tinh bèn ra giữa sân vào lúc nửa đêm, rồi ngẩng đầu lên nhìn mặt trăng nhưng không thấy gì vì bị mây che. Ngay lúc đó, có ngọn gió đầu tiên thổi bay lớp mây dày đi; ngọn gió thứ nhì đến thổi lớp mây tầm trung đi tiếp và ngọn gió thứ ba cũng vừa đến thổi lớp mây mỏng tan đi. Lúc bầu trời hết mây, quang đãng hơn, người ấy thấy rõ mặt trăng và xem được chiêm tinh.

Trong ví dụ này, bóng tối chính là phiền não hạng thô, hạng trung và hạng vi tế

đang che lấp, giống như ba loại mây. Thuận thứ tâm gồm 3 sát-na, giống như gió có 3 ngọn. *Chuyển tánh tuệ* được xem như người muốn coi chiêm tinh. Niết-bàn giống như mặt trăng. Sự xua tan bóng tối là phiền não đang che đậy Thánh đế bằng mỗi một Thuận thứ tâm giống như cách các làn gió thổi bay 3 đám mây đi. Khi không còn bóng tối che lấp Thánh đế, *Chuyển tánh tuệ* thấy được Niết-bàn thanh tịnh như bầu trời trong sáng, không bị mây che thì người ấy mới thấy mặt trăng rõ ràng được.

Dẫu biết *Chuyển tánh tuệ* thấy được Niết-bàn, mà không thể chế ngự được phiền não, nhưng các ngài vẫn nói rằng *Chuyển tánh tuệ* này là Hướng tâm (Āvajana) của Đạo; nghĩa là xoay hướng về phía Đạo, hoặc giống như là bật đèn xanh với Đạo: "Hãy khởi sinh như thế", rồi bản thân tự diệt đi. *Đạo tuệ* cũng không quên tín hiệu đã giao ước với *Chuyển tánh tuệ* nên đã khởi sinh tức thì tiếp sau *Chuyển tánh tuệ* mà không có khe hở nào; đồng thời phá hủy khối Tham, khối Sân chưa từng bị phá trước đây.

❋ Quả báu của *Nhập Lưu Đạo tuệ* không chỉ là đâm thủng khối phiền não, mà còn làm khô ráo biển khổ trong vòng luân hồi vô thủy vô chung nữa. *Nhập Lưu Đạo tuệ* còn đóng cửa các cảnh khổ (apāya), làm cho bậc có 7 Thánh sản được đầy đủ, quay lưng với Bát tà đạo, khiến mọi oan trái, tai ương đều yên lặng; ngoài ra còn đưa đến sự trở thành trưởng tử Như Lai và vô số quả báu lợi ích khác nữa.

2, Sakadāgāmimaggañāṇa – Nhất Lai Đạo tuệ:

Khi bậc Thánh Nhập Lưu quán sát lại Đạo, Quả, Niết-bàn và các phiền não bằng *Hồi quán tuệ (Paccavekkhaṇañāṇa)* xong, ngài có thể ngồi tại chỗ cũ hoặc trong cơ hội kế tiếp rồi tinh cần tiến tu Minh sát nhằm chứng đạt Thánh Đạo thứ nhì, đó là *Sakadāgāmimaggañāṇa – Nhất Lai Đạo tuệ* để làm cho Dục ái (Kāmarāga) giảm xuống và đoạn trừ Sân hận (Byāpāda) loại thô. Ngài sẽ hội tụ 5 Căn, 5 Lực và 7 Giác chi làm cho chúng đồng đều nhau, rồi quán sát các Hành là: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức bằng trí tuệ: "Vô thường, Khổ não, Vô ngã"; quán sát lặp đi lặp lại như thế rồi tiến vào lộ trình của Minh sát tuệ. Khi bậc Thánh Nhập Lưu thực hành như thế, *Thuận thứ tuệ* và *Chuyển tánh tuệ* sẽ khởi sinh tiếp sau *Hành xả tuệ*, và rồi *Nhất Lai Đạo tuệ* sẽ phát sinh ngay sau *Chuyển tánh tuệ*.

3, Anāgāmimaggañāṇa – Bất Lai Đạo tuệ:

Khi bậc Thánh Nhất Lai quán sát lại Đạo, Quả, Niết-bàn và các phiền não bằng *Hồi quán tuệ (Paccavekkhaṇañāṇa)* xong, ngài có thể ngồi tại chỗ cũ hoặc trong cơ hội kế tiếp rồi tinh cần tiến tu Minh sát nhằm chứng đạt Thánh Đạo thứ ba, đó là *Anāgāmimaggañāṇa – Bất Lai Đạo tuệ* để đoạn trừ 2 Kiết sử (Saṃyojana) bậc thấp là Dục ái (Kāmarāga) và Sân hận (Byāpāda) loại vi tế, không còn dư sót. Ngài sẽ hội tụ 5 Căn, 5

Lực và 7 Giác chi làm cho chúng đồng đều nhau, rồi quán sát các Hành bằng trí tuệ: "Vô thường, Khổ não, Vô ngã"; quán sát lặp đi lặp lại như thế rồi tiến vào lộ trình của Minh sát tuệ. Khi bậc Thánh Nhất Lai thực hành như thế, *Thuận thứ tuệ* và *Chuyển tánh tuệ* sẽ khởi sinh tiếp sau *Hành xả tuệ*, và rồi *Bất Lai Đạo tuệ* sẽ phát sinh ngay sau *Chuyển tánh tuệ*.

4, Arahattamaggañāṇa – A-ra-hán Đạo tuệ:

Khi bậc Thánh Bất Lai quán sát lại Đạo, Quả, Niết-bàn và các phiền não bằng *Hồi quán tuệ (Paccavekkhaṇañāṇa)* xong, ngài có thể ngồi tại chỗ cũ hoặc trong cơ hội kế tiếp rồi tinh cần tiến tu Minh sát nhằm chứng đạt Thánh Đạo thứ tư, đó là *Arahatta-maggañāṇa – A-ra-hán Đạo tuệ* để đoạn trừ 5 Kiết sử (Saṃyojana) bậc cao là Sắc ái (Rūparāga), Vô sắc ái (Arūparāga), Mạn (Māna), Phóng tâm (Uddhacca) và Vô minh (Avijjā) không còn dư sót. Ngài sẽ hội tụ 5 Căn, 5 Lực và 7 Giác chi làm cho chúng đồng đều nhau, rồi quán sát các Hành bằng trí tuệ: "Vô thường, Khổ não, Vô ngã"; quán sát lặp đi lặp lại như thế rồi tiến vào lộ trình của Minh sát tuệ. Khi bậc Thánh Bất Lai thực hành như thế, *Thuận thứ tuệ* và *Chuyển tánh tuệ* sẽ khởi sinh tiếp sau *Hành xả tuệ*, và rồi *A-ra-hán Đạo tuệ* sẽ phát sinh ngay sau *Chuyển tánh tuệ*.

Đạo tuệ nhận Niết-bàn làm đối tượng, thuộc về Siêu thế pháp, thấy rõ Thánh đế, tức là thấy Diệt đế. Khi đã thấy Diệt đế, không nhất thiết phải nói đến 3 Đế còn lại, bởi vì phải thấy đồng thời với nhau. Giống như phận sự của ngọn đèn dầu là cùng làm 4 việc một lúc:

- Làm cho tim cháy
- Phát sinh ánh sáng
- Xua tan bóng tối
- Làm dầu vơi đi

Điều này ra sao thì *Đạo tuệ* cũng như thế ấy. Khi *Đạo tuệ* nhận đối tượng Niết-bàn thì cũng thấy Diệt đế – là tột đỉnh – thì cũng đồng thời thấy luôn 3 Đế còn lại, đó là Khổ đế, Tập đế và Đạo đế. Do thế, trong *Chú giải Thanh Tịnh Đạo* có ghi:

"Paṭivajjhatī'ti etena nirodhasaccamekaṃ ārammaṇapaṭivedhena cattāri saccāni asammohapaṭivedhena maggañāṇaṃ paṭivejjhati."

"Đạo tuệ thấu suốt một Diệt đế bằng sự tỏ ngộ đối tượng với từ 'paṭvijjhati' và thấu suốt Tứ đế bằng sự tỏ ngộ không còn si ám."

XV. PHALAÑĀṆA – QUẢ TUỆ

1, Sotāpattiphalañāṇa – Nhập Lưu Quả tuệ:

Theo tuần tự của Đệ nhất đạo, tức là sau khi Nhập Lưu Đạo tâm diệt đi, Quả

tâm là quả dị thục của Đạo tâm, đó là Nhập Lưu Quả tâm hay *Sotāpattiphalañāṇa – Nhập Lưu Quả tuệ* sẽ khởi sinh 2 hoặc 3 sát-na.

Một số Giáo thọ sư cho rằng Quả tâm khởi sinh 1, 2, 3 hoặc 4 sát-na. Việc Quả tâm khởi sinh 4 sát-na thì khó lòng mà xảy ra được, bởi lẽ sự sinh khởi của *Thường hành duyên (Āsevanapaccaya)* trong lộ trình tâm này cần có 7 Tốc hành tâm. Nghĩa là, một số hành giả có 2 sát-na Thuận thứ tâm, đó là Tốc hành tâm thứ 1 là Cận hành, Tốc hành tâm thứ 2 là Thuận thứ, còn Tốc hành tâm thứ 3 là Chuyển tánh, Tốc hành tâm thứ 4 là Đạo, tiếp đến là 3 Quả tâm thì đủ 7 sát-na Tốc hành tâm và là *Thường hành duyên*.

Tuy nhiên, đối với một số hành giả có 3 sát-na Thuận thứ tâm thì Tốc hành tâm thứ 1 là Chuẩn bị, Tốc hành tâm thứ 2 là Cận hành, Tốc hành tâm thứ 3 là Thuận thứ, Tốc hành tâm thứ 4 là Chuyển tánh, Tốc hành tâm thứ 5 là Đạo, tiếp đến 2 Quả tâm là vừa đủ 7 sát-na Tốc hành tâm và là *Thường hành duyên*.

Khi hành giả trở thành bậc Thánh nhân thứ nhất, gọi là Thánh Nhập Lưu, ngài vẫn còn dễ duôi, phải luân lưu trong cõi người và cõi trời thêm 7 lần nữa mới trở thành bậc dứt đoạn tận cùng của khổ. Việc đoạn trừ phiền não, ái dục chỉ có một phương cách duy nhất là tiến tu Minh sát chí đến cảnh giới Siêu thế với khả năng đoạn trừ tuyệt đối các phiền não, ái dục theo từng thứ lớp. Như đã biết, có đến 1500 phiền não và 108 ái dục; tuy nhiên để cho đơn giản và dễ hiểu, các ngài đã đem tất cả phiền não và ái dục gom vào 10 loại phiền não cơ bản như sau:

- Tà kiến phiền não
- Tham phiền não
- Si phiền não
- Hôn trầm phiền não
- Vô tàm phiền não
- Hoài nghi phiền não
- Sân phiền não
- Mạn phiền não
- Phóng tâm phiền não
- Vô quý phiền não

❋ Hành giả tiến tu Minh sát tuệ, chứng Siêu thế pháp, trở thành Thánh Nhập Lưu, do năng lực của Siêu thế pháp ở bậc này mà đoạn trừ được 2 loại phiền não:

(01). *Diṭṭhikilesa – Tà kiến phiền não:* Đây chính là Thân kiến (Sakkāyadiṭṭhi), là sự hiểu biết sai lầm về 5 uẩn; chấp thủ rằng 5 uẩn là của ta, của mình, là chúng sinh, là người, v.v... Ví dụ như lúc đang đi, đang đứng thì cho rằng ta là người đi, ta là người đứng. Tà kiến này khiến cho chúng sinh dính mắc vào vòng tử sinh luân hồi vô tận. Trong *Tương Ưng Bộ Kinh*, *Phẩm Bảy Pháp*, *Tương Ưng Thiên*, Đức Thế Tôn có dạy:

"Sattiyā viya omaṭṭho Ḍayhamāno va matthake
Sakkāyadiṭṭhippahānāya Sato bhikkhu paribbaje."

"Vị tỳ-khưu thấy mình như bị vũ khí nhọn đâm xuyên hay giống bị lửa cháy trên đầu, nên là người có niệm, đừng dễ duôi để đoạn trừ thân kiến vậy."

(02). *Vicikicchākilesa – Hoài nghi phiền não:* Hoài nghi là loại pháp mà khiến cho quyết đoán khó khăn, ở đây chính là nghi ngờ nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng.

Trong *Chú giải Thanh Tịnh Đạo*, có đề cập:

"Kilesesu diṭṭhivicikicchā paṭhamañāṇavajjhā."

"Trong số các phiền não, Đạo tuệ thứ nhất đoạn trừ tuyệt đối Tà kiến và Hoài nghi."

Dẫu rằng bậc Thánh Nhập Lưu đoạn tận chỉ 2 phiền não là nhân tố làm cho chúng sinh luân hồi trong Tam giới, nhưng các ngài cũng đã cắt được nhiều vòng luân hồi, và chỉ còn sinh tiếp không hơn 7 kiếp tùy theo loại của 3 hạng Thánh Nhập Lưu:

a, Ekabījīsotāpanna – Nhất sanh Nhập Lưu:

Pāḷi định nghĩa:

* ***Ekaṃ bījaṃ assā'ti = ekabījī***

Gọi là nhất sanh vì vị ấy (thánh nhập lưu) nối tiếp sinh chủng một lần.

Thánh Nhập Lưu tục sinh tiếp chỉ một kiếp rồi chứng đắc Thánh quả A-ra-hán, sau đó nhập Niết-bàn. Những vị *Nhất sanh Nhập Lưu* này là các bậc Thánh có căn cơ cao độ, ba-la-mật tròn đủ, trí tuệ viên mãn, ít tu tiến chỉ tịnh.

b, Kolaṅkolasotāpanna – Đa tộc Nhập Lưu:

Pāḷi định nghĩa:

* ***Kulato kulaṃ gacchatī'ti = kolaṅkolo***

Luân chuyển từ dòng tộc này sang dòng họ khác gọi là đa tộc (nhập lưu).

Thánh Nhập Lưu tục sinh tiếp từ 2 đến 6 kiếp rồi chứng đắc Thánh quả A-ra-hán, sau đó nhập Niết-bàn. Những vị *Đa tộc Nhập Lưu* này là các bậc Thánh có căn cơ và ba-la-mật trung bình, tuệ và định ngang nhau, tu tiến Chỉ tịnh và Minh sát cân bằng nhau.

c, Sattakkhattuparamasotāpanna – Thất sanh Nhập Lưu:

Pāḷi định nghĩa:

* ***Sattakkhattuparamaṃ assā'ti = sattakkhattuparamo***

Tột đỉnh là bảy lần (sinh lại) với vị (nhập lưu) ấy, do vậy vị ấy gọi là thất sanh.

Thánh Nhập Lưu tục sinh trong cõi người và cõi trời chỉ 7 kiếp rồi chứng đắc Thánh quả A-ra-hán, sau đó nhập Niết-bàn. Những vị *Thất sanh Nhập Lưu* này là các bậc Thánh có căn cơ và ba-la-mật vừa phải, tuệ ít định nhiều, tu tiến chỉ tịnh mạnh mẽ

và Minh sát thì yếu hơn.

• Lại nữa, bậc Thánh Nhập Lưu hướng tâm đến 3 Thánh đạo bậc trên, nhiệt tâm tinh cần tiến tu Minh sát với năng lực mạnh mẽ được gọi là Nhất sanh Nhập Lưu.

• Bậc Thánh Nhập Lưu hướng tâm đến 3 Thánh đạo bậc trên, nhiệt tâm tinh cần tiến tu Minh sát với năng lực trung bình được gọi là Đa tộc Nhập Lưu.

• Bậc Thánh Nhập Lưu hướng tâm đến 3 Thánh đạo bậc trên, nhiệt tâm tinh cần tiến tu Minh sát với năng lực yếu ớt được gọi là Thất sanh Nhập Lưu.

2, Sakadāgāmiphalañāṇa – Nhất Lai Quả tuệ:

Khi *Nhất Lai Đạo tâm* diệt đi, *Nhất Lai Quả tâm* hay *Nhất Lai Quả tuệ* khởi sinh tiếp sau, không có khe hở, cùng một dạng như *Nhập Lưu Đạo tuệ* và *Nhập Lưu Quả tuệ* vậy. Do sự khởi sinh của *Nhất Lai Quả tuệ* mà vị Thánh đệ tử này trở thành bậc Thánh nhân thứ tư, có tên gọi là Thánh Nhất Lai. Ngài là vị Thánh sẽ tục sinh trở lại thế gian này chỉ duy nhất một lần mà thôi, và có thể diệt tận mọi khổ đau.

Ngài đã làm cho Dục ái (Kāmarāga) và Sân hận (Byāpāda) giảm nhẹ xuống (tanukarapahāna) và chỉ còn trở lại cõi Dục giới này một kiếp nữa.

Pāḷi định nghĩa:

**** Sakiṃ imaṃ kāmadhātuṃ āgacchatī'ti = sakadāgāmī.***
Bậc trở lại dục giới này chỉ một lần gọi là nhất lai.

Hành giả tiến tu Minh sát tuệ trải qua Thánh Nhập Lưu rồi, có nguyện vọng chứng đắc Đạo, Quả cao hơn nên đã tiến tu Minh sát dõng mãnh hơn nữa. Khi 5 Căn (Indriya) đồng bộ đều nhau, và ba-la-mật mà tự thân đã huân tập đầy đủ, các thực tánh pháp sẽ khởi sinh theo tuần tự. Kể từ *Sinh diệt tuệ* đến *Hành xả tuệ*, các Tuệ này biểu lộ rõ ràng, tỉ mỉ, vi tế hơn những gì mà hành giả đã trải nghiệm ở bậc Thánh Nhập Lưu. Tiếp đến *Thuận thứ tuệ* phát sinh, rồi kế đó là *Tịnh hóa (Vodāna)* thay cho *Chuyển tánh tuệ*, bởi vì hành giả đã là bậc Thánh Nhập Lưu, không còn là phàm nhân nữa; do vậy, trí tuệ cắt đứt phàm tánh là *Chuyển tánh tuệ* không nhất thiết phải sinh khởi nữa. Sau đó, *Nhất Lai Đạo tuệ* khởi sinh nhanh chóng, rồi *Nhất Lai Quả tuệ* cũng nối tiếp sinh ra, hành giả được thấy Niết-bàn thêm một lần nữa.

Nhất Lai Đạo tuệ này không đoạn trừ thêm phiền não nào cả, tuy nhiên vẫn có năng lực để làm cho một số phiền não nhẹ nhàng hẳn đi.

Bậc Thánh Nhất Lai ngoài việc có phiền não nhẹ nhàng hơn bậc Thánh Nhập Lưu, và có khả năng nhập Nhất Lai Quả định, hưởng thụ đối tượng Niết-bàn tùy sở

nguyện của tâm mình; lại còn có công năng đặc biệt là trở lại tục sinh trong cõi nhân gian chỉ một lần mà thôi, rồi sẽ chứng quả A-ra-hán, diệt tận 5 uẩn, nhập Niết-bàn. Đây chính là sự cắt đứt khổ não, làm cho vòng luân hồi ngắn bớt lại; và việc các ngài sinh ra chỉ thêm một kiếp là thuận theo sự vận hành của 5 hạng Thánh Nhất Lai như sau:

a, Idha patvā tattha nibbattitvā idha parinibbāyī: Một số vị Thánh Nhất Lai trong cõi người, khi thân hoại mạng chung tái sinh vào cõi chư thiên; lúc tử tận ở cõi thiên đó lại tục sinh vào cõi người, rồi chứng đắc quả vị A-ra-hán, diệt tận các uẩn, nhập Niết-bàn tại cõi người này.

b, Idha patvā idha parinibbāyī: Một số vị Thánh Nhất Lai thành tựu quả vị Nhất Lai trong cõi người; nhiệt tâm tinh cần tiến tu Minh sát tuệ không ngừng nghỉ đến độ chứng đắc Đạo, Quả A-ra-hán, rồi nhập Niết-bàn trong cõi người này.

c, Idha patvā tattha parinibbāyī: Một số vị Thánh Nhất Lai thành tựu quả vị Nhất Lai trong cõi người, tái sinh vào cõi chư thiên; chứng đắc Thánh quả A-ra-hán, rồi nhập Niết-bàn trong cõi chư thiên đó.

d, Tattha patvā tattha parinibbāyī: Một số vị Thánh Nhất Lai thành tựu quả vị Nhất Lai trong cõi chư thiên; chứng đắc Thánh quả A-ra-hán, rồi nhập Niết-bàn trong cõi chư thiên đó.

e, Tattha patvā idha parinibbāyī: Một số vị Thánh Nhất Lai là chư thiên; hết tuổi thọ, các ngài tái sinh vào cõi người; chứng đắc Thánh quả A-ra-hán, rồi nhập Niết-bàn trong cõi người này.

Trong 5 hạng Thánh Nhất Lai nêu trên, hạng thứ nhất là trường hợp trực tiếp, còn các hạng khác là nói theo cách gián tiếp.

3, Anāgāmiphalañāṇa – Bất Lai Quả tuệ:

Khi *Bất Lai Đạo tâm* diệt đi, *Bất Lai Quả tâm* hay *Bất Lai Quả tuệ* khởi sinh tiếp sau, không có khe hở, cùng một dạng như *Nhất Lai Đạo tuệ* và *Nhất Lai Quả tuệ* vậy. Do sự khởi sinh của *Nhất Lai Quả tuệ* mà vị Thánh đệ tử này trở thành bậc Thánh nhân thứ sáu, có tên gọi là Thánh Bất Lai. Ngài là vị Thánh sẽ tục sinh và nhập Niết-bàn tại cảnh giới Tịnh cư thiên (Suddhāvāsa), không trở lại cõi người nữa. Việc quán sát Đạo, Quả, Niết-bàn và phiền não của vị Thánh Bất Lai bằng *Hồi khán tuệ* cũng theo phương cách giống như đã nêu.

Khi *Bất Lai Đạo tuệ* và *Bất Lai Quả tuệ* khởi sinh, ngài được gọi là Thánh Bất Lai, nghĩa là không trở lại tục sinh trong cõi Dục giới nữa, bởi vì ngài đã đoạn tận Dục ái (Kāmarāga) và Sân hận (Byāpāda) không còn dư sót, như Pāḷi định nghĩa:

**** Imaṃ kāmadhātuṃ na āgacchatī'ti = anāgāmī.***

Bậc không trở lại dục giới này nữa gọi là bất lai.

Hành giả tiến tu Minh sát tuệ trải qua Siêu thế đạo thứ nhì, có nguyện vọng chứng đạt Đạo, Quả bậc này nên đã nhiệt tâm tinh cần, tiến tu Minh sát cao hơn nữa; đến khi cả 5 Căn quân bình nhau, ba-la-mật mà tự thân đã huân tập đầy đủ, các thực tánh pháp sẽ khởi sinh theo tuần tự. Kể từ *Sinh diệt tuệ* trở đi cho đến *Hành xả tuệ*, các Tuệ này biểu lộ rõ ràng, tỉ mỉ, vi tế hơn những gì mà hành giả đã trải nghiệm ở các tầng Siêu thế trước. Tiếp đến *Thuận thứ tuệ* phát sinh, rồi kế là *Tịnh hóa (Vodāna)* sinh khởi; sau đó, Đạo thứ ba là *Bất Lai Đạo tuệ* khởi sinh, làm phận sự đoạn trừ tuyệt đối một số phiền não; khi *Bất Lai Đạo* sinh ra thì *Bất Lai Quả* cũng hiển hiện tiếp sau.

Vị tiến tu Minh sát tuệ, đạt đến Siêu thế đạo thứ ba, trở thành bậc Thánh Bất Lai, có khả năng đoạn tận thêm một loại phiền não nặng nề nữa, là nhân tố đưa đến luân hồi tử sinh trong Tam giới, đó là *Sân hận phiền não (Dosakilesa)*. Loại phiền não này có thể chia làm 2 hạng:

(01). *Sân hận phiền não* dẫn vào 4 Khổ cảnh (Apāyagaminīya). Đây là sự sân hận thô tháo, nặng nề, tạo nên Bất thiện nghiệp đạo, như sát sinh chẳng hạn. Hạng sân hận này bậc Thánh Nhập Lưu đã đoạn trừ được.

(02). *Sân hận phiền não* không dẫn vào 4 Khổ cảnh (Anāpāyagaminīya). Đây là sự sân hận, bất mãn nhỏ nhặt, chưa đến mức tạo nên Bất thiện nghiệp đạo, được đoạn tận bởi bậc Thánh Nhất Lai. Còn sân hận hạng vi tế, ngủ ngầm, không thể nhận biết được, thì bậc Thánh Bất Lai đã đoạn trừ tuyệt đối. Như trong bộ *Thanh Tịnh Đạo* đã ghi lại:

"Doso tatiyañāṇavajjho."

"Sân hận phiền não bị đoạn tận bởi (Đạo) tuệ thứ ba (Bất Lai Đạo tuệ)."

Bậc Thánh Bất Lai ngoài việc đoạn tận Sân hận phiền não và có khả năng nhập Bất Lai Quả định tùy sở nguyện, lại còn có công năng đặc biệt là sau khi thân hoại mạng chung thì không tục sinh trở lại cõi Dục giới nữa. Các ngài sẽ sinh vào các cõi Phạm thiên (Brahmaloka), đa phần sẽ tục sinh vào Ngũ tịnh cư thiên (Suddhāvāsa) và thành tựu Thánh quả A-ra-hán rồi nhập Niết-bàn tại đấy.

Một vấn đề được đặt ra ở đây là việc được sinh ra ở cõi Phạm thiên phải tục sinh bằng Thiền quả tâm (Jhānavipākacitta), là quả dị thục của Thiền thiện tâm (Jhāna-kusalacitta); đối với các bậc Thánh Bất lai đã từng đắc thiền, từng tiến tu chỉ tịnh và thành tựu các bậc thiền trước đây thì không có vấn đề gì. Nhưng với các bậc Thánh

Bất Lai thuần quán (sukkhavipassaka), chỉ tiến tu Minh sát, chưa từng tiến tu chỉ tịnh thì sẽ tục sinh ở Phạm thiên giới được chăng?

Giải rằng, bậc Thánh Bất Lai thuần quán, khi cận tử các *Thiền tựu đạo (Maggasiddhijhāna)* sẽ khởi sinh, làm duyên cho các ngài tục sinh vào Phạm thiên giới. Ngay cả lúc các ngài chết đột ngột, như lúc đang nằm ngủ rồi chết, hoặc lúc đang làm việc gì bỗng mất, hay là bị kẻ ác giết hại chẳng hạn thì *Thiền tựu đạo* vẫn phải khởi sinh trước rồi tử tâm (cuti) mới sinh ra; chừng nào mà *Thiền tựu đạo* chưa được khởi sinh thì bậc Thánh Bất Lai thuần quán vẫn chưa tận mạng được.

NĂM HẠNG THÁNH BẤT LAI THEO CẢNH GIỚI

Như đã nói ở trên, đa phần các bậc Thánh Bất Lai sẽ tục sinh tại Ngũ tịnh cư thiên, ngoài ra một số vị sẽ tục sinh ở các cảnh giới Phạm thiên thấp hơn tùy nguyện vọng của các ngài. Việc các bậc Thánh Bất Lai tục sinh tại Ngũ tịnh cư thiên tùy thuộc vào ba-la-mật mà mỗi vị đã từng huân tập theo Ngũ căn (Indriya) như sau:

(01). *Avihābhūmi – Cõi Vô phiền:* Bậc Thánh Nhất Lai tiến tu Minh sát đến mức Đạo thứ ba sinh khởi trong nội tâm; tại thời điểm tiến tu Minh sát ấy, *Tín căn (Saddhindriya)* vững mạnh hơn hẳn các căn khác; bậc Thánh Bất Lai hạng này khi chết sẽ tục sinh vào cõi *Vô phiền*.

(02). *Atappābhūmi – Cõi Vô nhiệt:* Bậc Thánh Nhất Lai tiến tu Minh sát đến mức Đạo thứ ba sinh khởi trong nội tâm; tại thời điểm tiến tu Minh sát ấy, *Tấn căn (Viriyindriya)* vững mạnh hơn hẳn các căn khác; bậc Thánh Bất Lai hạng này khi chết sẽ tục sinh vào cõi *Vô nhiệt*.

(03). *Sudassābhūmi – Cõi Thiện hiện:* Bậc Thánh Nhất Lai tiến tu Minh sát đến mức Đạo thứ ba sinh khởi trong nội tâm; tại thời điểm tiến tu Minh sát ấy, *Niệm căn (Satindriya)* vững mạnh hơn hẳn các căn khác; bậc Thánh Bất Lai hạng này khi chết sẽ tục sinh vào cõi *Thiện hiện*.

(04). *Sudassībhūmi – Cõi Thiện kiến:* Bậc Thánh Nhất Lai tiến tu Minh sát đến mức Đạo thứ ba sinh khởi trong nội tâm; tại thời điểm tiến tu Minh sát ấy, *Định căn (Samādhindriya)* vững mạnh hơn hẳn các căn khác; bậc Thánh Bất Lai hạng này khi chết sẽ tục sinh vào cõi *Thiện kiến*.

(05). *Akaniṭṭhābhūmi – Cõi Sắc cứu cánh:* Bậc Thánh Nhất Lai tiến tu Minh sát đến mức Đạo thứ ba sinh khởi trong nội tâm; tại thời điểm tiến tu Minh sát ấy, *Tuệ căn (Paññindriya)* vững mạnh hơn hẳn các căn khác; bậc Thánh Bất Lai hạng này khi chết sẽ tục sinh vào cõi *Sắc cứu cánh*.

NĂM HẠNG THÁNH BẤT LAI THEO CÁCH NHẬP NIẾT-BÀN

Các bậc Thánh Bất Lai tục sinh tại Ngũ tịnh cư thiên, thành tựu quả vị A-ra-hán và đoạn lìa 5 uẩn, nhập Niết-bàn theo 5 hạng như sau:

(01). *Antarāparinibbāyī – Trung bang bất hoàn:* Bậc Thánh Bất Lai tục sinh vào một cõi nào đó tại Ngũ tịnh cư thiên, rồi thành tựu quả Thánh A-ra-hán và nhập Niết-bàn trong thời gian nửa đầu tuổi thọ (nửa đời đầu) của ngài tại cõi đã sinh ra.

(02). *Upahaccaparinibbāyī – Sanh bang bất hoàn:* Bậc Thánh Bất Lai tục sinh vào một cõi nào đó trong Ngũ tịnh cư thiên, rồi thành tựu quả Thánh A-ra-hán và nhập Niết-bàn tại thời gian nửa sau tuổi thọ (nửa đời sau) của ngài tại cõi đã sinh ra.

(03). *Asaṅkhāraparinibbāyī – Vô hành bang bất hoàn:* Bậc Thánh Bất Lai tục sinh vào một cõi nào đó trong Ngũ tịnh cư thiên, và thành tựu quả Thánh A-ra-hán tại cõi ấy một cách dễ dàng, không phải gắng sức, rồi nhập Niết-bàn.

(04). *Sasaṅkhāraparinibbāyī – Hữu hành bang bất hoàn:* Bậc Thánh Bất Lai tục sinh vào một cõi nào đó trong Ngũ tịnh cư thiên, và thành tựu quả Thánh A-ra-hán tại cõi ấy một cách vất vả, cần phải gắng sức, rồi nhập Niết-bàn.

(05). *Uddhaṃsoto akaniṭṭhāgāmī – Thượng lưu bang bất hoàn:* Bậc Thánh Bất Lai tục sinh vào cõi tịnh cư thấp là cõi *Vô phiền*, khi tử tận thì sinh vào cõi tịnh cư cao hơn theo tuần tự là *Vô nhiệt*, rồi đến *Thiện hiện*, *Thiện kiến*, *Sắc cứu cánh*, và thành tựu quả Thánh A-ra-hán tại cõi *Sắc cứu cánh* này, rồi nhập Niết-bàn.

4, Arahattaphalañāṇa – A-ra-hán Quả tuệ:

Khi *A-ra-hán Đạo tâm* diệt đi, *A-ra-hán Quả tâm* hay *A-ra-hán Quả tuệ* khởi sinh tiếp sau, không có khe hở, cùng một dạng như *Bất Lai Đạo tuệ* và *Bất Lai Quả tuệ* vậy. Do sự khởi sinh của *A-ra-hán Quả tuệ* mà vị Thánh đệ tử này trở thành bậc Thánh nhân thứ tám, có tên gọi là Thánh A-ra-hán, Thánh Vô sanh, hay Thánh Lậu tận (Khīṇāsava). Các ngài có thân này là cuối cùng, đã đặt mọi gánh nặng xuống, thành tựu mọi ý nguyện, đoạn trừ tất cả các dây trói buộc (kiết sử), thoát khỏi mọi khổ não bằng trí tuệ siêu thế, là phước điền cao thượng của chư thiên và nhân loại.

Vị chứng đắc Siêu thế pháp bậc cao nhất này phải là vị đã tiến tu Minh sát, trải qua Thánh quả Bất Lai và có nguyện vọng đạt được Thánh đạo, Thánh quả tột cùng, nên đã nhiệt tâm tinh cần tiến tu Minh sát hơn nữa. Khi 5 Căn quân bình lẫn nhau, cộng thêm ba-la-mật mà tự thân đã huân tập được viên mãn, trạng thái của Minh sát tuệ bậc cao cũng tuần tự phát sinh. Tính từ *Sinh diệt tuệ* trở đi cho đến *Hành xả tuệ*, các Tuệ này biểu lộ rõ ràng, tỉ mỉ, vi tế nhất. Tiếp đến *Thuận thứ tuệ* phát sinh, rồi kế là

Tịnh hóa (Vodāna) sinh khởi; sau đó, quan trọng nhất là Đạo thứ tư, tức là *A-ra-hán Đạo tuệ* khởi sinh, làm phận sự đoạn trừ tuyệt đối tất cả phiền não đang còn sót lại trong nội tâm của hành giả; khi *A-ra-hán Đạo* sinh ra thì *A-ra-hán Quả* cũng hiển hiện tiếp sau. Ngài đã đoạn tận mọi lậu hoặc, thành bậc Thánh thanh tịnh tuyệt đối, phiền não cấu uế dẫu là bé tí, cỏn con cũng chẳng còn sót lại nơi ngài.

QUẢ CỦA ĐẠO THỨ TƯ

Hành giả tiến tu Minh sát, với trí tuệ ba-la-mật viên mãn, đã chứng đắc Đạo thứ tư, thành bậc Thánh A-ra-hán, sẽ nhận được kết quả của Đạo này – là Đạo có khả năng đoạn tận 7 loại phiền não đang còn dư sót trong nội tâm một cách tuyệt đối:

(01). *Lobhakilesa – Tham phiền não:* Đó là Sắc ái (Rūparāga), là những ham muốn nơi Sắc giới, Thiền sắc giới, muốn tu tiến thiền Chỉ tịnh để đắc các Thiền sắc giới; và ham muốn tái sinh vào các cõi trời Sắc giới phạm thiên. Đó cũng là Vô sắc ái (Arūparāga), là những ham muốn nơi Vô sắc giới, Thiền vô sắc giới, muốn tu tiến thiền Chỉ tịnh để đắc các Thiền vô sắc giới; và ham muốn tái sinh vào các cõi trời Vô sắc giới phạm thiên. Bậc Thánh A-ra-hán đã đoạn tận mọi *Tham phiền não* này.

(02). *Mānakilesa – Mạn phiền não:* Đó là sự cống cao, ngã mạn, là chấp thủ sai quấy rằng xem danh-sắc là ta, là người; đấy cũng là nhân tố làm dính mắc vào luân hồi tử sinh. *Mạn phiền não* phân thành 2 phần chính:

• Ayāthāvamāna – Mạn phi thật, là Mạn không vận hành theo sự thật:

- Mình là người bậc cao lại cho rằng mình là người bậc trung
- Mình là người bậc cao lại cho rằng mình là người bậc thấp
- Mình là người bậc trung lại cho rằng mình là người bậc cao
- Mình là người bậc trung lại cho rằng mình là người bậc thấp
- Mình là người bậc thấp lại cho rằng mình là người bậc cao
- Mình là người bậc thấp lại cho rằng mình là người bậc trung

Sáu loại *Mạn phiền não* này là phiền não hạng thô, bậc Thánh Nhập Lưu đã đoạn trừ tuyệt đối.

• Yāthāvamāna – Mạn thật, là Mạn vận hành theo sự thật:

- Mình là người bậc cao lại cho rằng mình là người bậc cao
- Mình là người bậc trung lại cho rằng mình là người bậc trung
- Mình là người bậc thấp lại cho rằng mình là người bậc thấp

Ba loại *Mạn phiền não* này là phiền não hạng vi tế, bậc Thánh A-ra-hán mới

đoạn trừ tuyệt đối. Thậm chí các bậc Thánh Nhất Lai và Bất lai mặc dù đã thấy Niết-bàn 2-3 lần theo tuần tự cũng chưa đoạn trừ tuyệt đối ba loại *Mạn phiền não* này, mà chỉ có khả năng làm cho chúng giảm nhẹ đi mà thôi.

(03). *Uddhaccakilesa – Phóng tâm phiền não:* Đó là tâm phóng dật, nắm bắt đối tượng không chắc chắn, không thể trụ lại trên một đối tượng được lâu. Bất thiện pháp này là công cụ che chắn, ngăn cản thiện pháp, tuy nhiên bậc Thánh A-ra-hán đoạn tận được phiền não này một cách tuyệt đối, không còn dư sót gì nữa.

(04). *Thīnakilesa – Hôn trầm phiền não:* Đó là sự buồn ngủ, dã dượi, nản lòng. Loại phiền não này luôn hiện hữu trong nội tâm của chúng phàm nhân và các bậc Thánh hữu học (Sekkhapuggala). Riêng bậc Thánh A-ra-hán mới có khả năng đoạn tận tuyệt đối *Hôn trầm phiền não* này. Việc các bậc Thánh A-ra-hán vẫn còn nghỉ ngơi, nằm ngủ nào đâu phải do áp lực của *Hôn trầm phiền não*, mà theo lẽ thường, khi cơ thể các ngài làm việc gì đó hồi lâu sẽ gây mệt mỏi, yếu đuối, tâm sẽ rơi vào dòng Hộ kiếp (Bhavaṅga); do vậy các ngài cần nghỉ ngơi là chuyện bình thường. Kết lại, *Hôn trầm phiền não* này chỉ sinh khởi nơi chúng phàm nhân và các bậc Thánh hữu học, kết hợp trong các Bất thiện tâm cần tác động (Akusalāsaṅkhārikacitta), tại thời điểm tâm nhận đối tượng không đủ vững mạnh, như lúc đang buồn ngủ, sắp sửa sẽ ngủ, hoặc khi mới thức dậy, chứ không phải lúc ngủ sâu; bởi vì lúc đã ngủ sâu, chỉ có các tâm Hộ kiếp hoạt động, cho nên *Hôn trầm phiền não* không thể kết hợp vào được.

(05). *Ahirikakilesa – Vô tàm phiền não:* Đó là trạng thái không xấu hổ trước các Bất thiện hành (Akusaladuccarita) – là những pháp mà bậc hiền trí cười chê. Trong bộ *Chú giải Aṭṭhasālinī* có nêu rằng cục sắt bị dính phân thì người khôn ngoan sẽ không dại gì chạm tay vào vì sự bẩn thỉu, nhơ nhớp; và các Bất thiện hành cũng như thế, các bậc hiền trí chẳng muốn dính líu tới vì tâm các ngài hướng đến pháp hổ thẹn (lajjīdhamma), tức là sự xấu hổ trước tội lỗi, bất thiện, xấu xa.

Ở đây, một câu hỏi được đặt ra rằng chỉ có bậc Thánh A-ra-hán đoạn tận tuyệt đối *Vô tàm phiền não*, nếu thế thì các bậc Thánh hữu học vẫn còn vui lòng, hân hoan trước các Bất thiện hành giống chúng phàm nhân hay sao?

Đáp rằng: Thật ra thì không phải các bậc Thánh hữu học vẫn còn vui thích trước các Bất thiện hành giống chúng phàm nhân mà các Thánh Đạo khởi sinh sẽ đoạn trừ từng phần loại phiền não này theo tuần tự. Cụ thể là, bậc Thánh Nhập Lưu sẽ đoạn trừ phần *Vô tàm phiền não* đưa đi tục sinh vào bốn đọa xứ; bậc Thánh Nhất Lai và Bất lai chưa đoạn trừ phần *Vô tàm phiền não* hạng vi tế một cách tuyệt đối mà chỉ làm cho nhẹ đi thôi; còn với bậc Thánh A-ra-hán thì các ngài có khả năng đoạn tận tuyệt đối loại phiền não này, không còn dư sót.

(06). *Anottappakilesa – Vô quý phiền não:* Đó là trạng thái không ghê sợ trước các Bất thiện hành (Akusaladuccarita) – là những nhân tố khiến cho chúng sinh phải chịu khổ não trong luân hồi. Bất thiện hành là những pháp mà bậc hiền trí rất ghê sợ, bởi vì chúng cho quả khổ não đến người tạo tác. Trong bộ Chú giải Aṭṭhasālinī có nêu rằng với cục sắt bị nung đỏ thì người khôn ngoan sẽ sợ hãi, không dại gì cầm nắm trên tay, vì nếu cầm nắm nó họ sẽ bị nóng rát, bỏng tay, đau đớn vô cùng; cũng vậy bậc hiền trí ghê sợ trước tội lỗi, là các Bất thiện hành, nên các ngài sẽ không đụng chạm đến, bởi vì các ngài thấy rõ rằng các Bất thiện hành chỉ có tội lỗi, khổ não mà thôi, chẳng mang lại công đức gì.

Việc đoạn trừ phiền não này cũng giống như phần *Vô tàm phiền não* đã nêu. Bậc Thánh Nhập Lưu có khả năng đoạn trừ phần *Vô quý phiền não* đưa đi tục sinh vào bốn đọa xứ; còn bậc thánh Nhất Lai và Bất lai thì giảm thiểu phiền não này cho nhẹ đi, nhưng vẫn còn phần *Vô quý phiền não* vi tế ngủ ngầm trong tâm. Riêng bậc Thánh A-ra-hán đã đoạn trừ được phiền não này một cách tuyệt đối, không còn dư sót gì cả.

(07). *Mohakilesa – Si phiền não:* Đó là trạng thái mê mờ, che lấp trí tuệ, không cho thấy Tứ Thánh đế, chính là Vô minh – sự không biết vậy.

Mặc dầu bị Thánh đạo với năng lực cao độ đoạn trừ đến 3 lần nhưng *Si phiền não* vẫn chưa tuyệt diệt, mà chỉ giảm suy một phần nhỏ, giống như tia chớp giáng xuống làm xua tan bóng tối một vài tích tắc, vừa đủ để thấy đường đi mà thôi. Do vậy, cả 3 Thánh đạo ban đầu được gọi là *Pháp tựa lôi (Vijūpamadhamma)*. Về phần A-ra-hán đạo tuệ khi đã khởi sinh sẽ đoạn tận tuyệt đối *Si phiền não*. Điều này được so sánh như tia sét đánh với sức mạnh của dòng điện cao thế, khi đánh xuống đồ vật gì thì đồ vật đó đều bị phá hủy, hư hại; A-ra-hán đạo cũng như thế, khi đã sinh khởi thì không có phiền não nào là không bị đoạn trừ. Các phiền não chưa bị các Thánh đạo trước đoạn tận đều phải bị A-ra-hán đạo đoạn trừ tuyệt đối; bởi thế, A-ra-hán được gọi là *Pháp tựa lôi*.

HAI HẠNG ĐẠI LẬU TẬN (MAHĀKHĪṆĀSAVA)

Bậc Thánh Đại lậu tận là vị Thánh nhân cao cả, tối thượng trong Phật giáo, gồm có 2 hạng:

(01). *Arahantacetovimutti – A-ra-hán tâm giải thoát:* Những vị này đã tiến tu Chỉ tịnh, đắc thiền trước rồi mới tiến tu Minh sát và chứng đạt Thánh quả A-ra-hán, hoặc các vị chỉ tiến tu Minh sát nhưng đến khi đắc A-ra-hán thì cùng lúc ấy cũng đắc thiền định, thành tựu Tam minh và Thần thông do năng lực của *Phát nguyện ban đầu (Pubbādhikāra)*.

(02). *Arahantapaññāvimutti – A-ra-hán tuệ giải thoát:* Những vị này đã tiến tu Minh sát mà trước đó chưa từng tiến tu chỉ tịnh, đến khi Thánh đạo A-ra-hán khởi sinh thì thiền định không sinh khởi cùng. Các vị này gọi là *A-ra-hán thuần quán (Arahatta-sukkhavipassaka)*, nghĩa là những vị khô cạn với thiền định, không có khả năng thi triển thần thông được.

Ngoài ra, bậc Thánh Đại lậu tận còn chia thành 2 hạng khác nữa:

(01). *Arahantapaṭisambhidāpatta – A-ra-hán đắc Tuệ phân tích:* Gồm những vị A-ra-hán thông suốt 4 Tuệ phân tích, hay còn gọi là Vô ngại giải, đó là:

- Atthapaṭisambhidā – Nghĩa vô ngại giải
- Dhammapaṭisambhidā – Pháp vô ngại giải
- Niruttipaṭisambhidā – Ngữ vô ngại giải
- Paṭibhānapaṭisambhidā – Biện tài vô ngại giải

Cả 4 Tuệ phân tích này nẩy sinh đồng thời với việc các vị này chứng đắc A-ra-hán Đạo, A-ra-hán Quả.

(02). *Arahantāppaṭisambhidāpatta – A-ra-hán không đắc Tuệ phân tích:* Gồm những vị A-ra-hán không thông suốt 4 Tuệ phân tích như đã nêu trên.

❋ Sở dĩ có nhiều hạng Thánh A-ra-hán như thế là do năng lực phát nguyện ban đầu của các ngài đã tích lũy, huân tập qua nhiều kiếp trong quá khứ không giống nhau. Nghĩa là, trong nhiều kiếp trước đây, có một số vị khi làm một thiện pháp nào cùng đều pháp nguyện sẽ chứng đắc; do năng lực của sự phát nguyện này mà các ngài đã thành tựu Thánh quả A-ra-hán và đắc luôn cả thiền định, thần thông, hoặc đắc Tuệ phân tích như đã đề cập. Còn một số vị khác, do ngay từ đầu, các ngài không phát nguyện đắc thiền hay đắc Tuệ phân tích khi hành thiện pháp, cho nên kết quả là các ngài chỉ chứng đắc quả vị *A-ra-hán thuần quán* mà thôi, vì vậy các công đức đặc biệt này không phát sinh đến các ngài là vậy.

XVI. PACCAVEKKHAṆAÑĀṆA – HỒI QUÁN TUỆ

Gāthāsaṅgaha:

11. MAGGAṂ PHALAÑCA NIBBĀNAṂ PACCAVEKKHATI PAṆḌITO
HĪNE KILESE SESE CA PACCAVEKKHATI VĀ NA VĀ

Bậc hiền trí là thánh nhân hồi quán đạo, quả, niết-bàn và hồi quán phiền não đã đoạn trừ và chưa đoạn trừ, cũng có những vị không hồi quán phiền não đã đoạn trừ hoặc chưa đoạn trừ.

1, Hồi quán của Thánh nhân:

Khi Nhập Lưu Quả tâm diệt đi, tâm của vị Thánh Nhập Lưu sẽ nhập vào dòng Hộ kiếp (Bhavaṅga), tiếp đó Ý môn hướng tâm sẽ cắt dòng Hộ kiếp mà khởi sinh nhằm quán xét Nhập Lưu Đạo, sau khi Ý môn hướng tâm diệt thì 7 Tốc hành tâm sinh ra liên tiếp nhau, nhận Đạo tâm ấy làm đối tượng và tâm nhập vào Hộ kiếp trở lại. Việc tâm sinh khởi để hồi quán Quả, Niết-bàn và các phiền não đã đoạn trừ cũng như phiền não chưa đoạn trừ cũng diễn ra như việc hồi quán Đạo vậy.

Vị Thánh nhân quán xét Đạo như vầy: "Ta đã thành tựu do năng lực của Đạo này, thật vậy!". Quán xét Quả như vầy: "Quả báu như đã nói, ta đã nhận rồi!". Quán xét phiền não đã được đoạn trừ như vầy: "Các phiền não như thế, như thế, ta đã đoạn trừ". Quán xét phiền não còn dư sót, chưa được đoạn trừ như vầy: "Các phiền não như thế, như thế, ta chưa đoạn trừ". Quán xét Niết-bàn như vầy: "Pháp này ta đã thấu suốt bởi đối tượng!"

Hồi quán tuệ của bậc Thánh Nhập Lưu, Nhất Lai, Bất Lai đều có 5 phần như nhau; riêng với bậc Thánh A-ra-hán thì chỉ có 4 phần mà thôi, không có phần quán xét phiền não còn dư sót vì ngài đã đoạn tận tuyệt đối mọi phiền não, không còn phiền não nào mà ngài chưa diệt trừ. Tổng cộng có tất cả *19 Hồi quán tuệ*. Tuy nhiên, thật ra thì các bậc Thánh hữu học hồi quán hay không hồi quán các phiền não còn dư sót đều được cả, không nhất thiết phải hồi quán. Như trường hợp bậc Thánh Nhất Lai *Mahānāma* bạch với Đức Thế Tôn: *"Còn pháp nào đang dư sót mà con chưa đoạn trừ trong mình, là nhân tố khiến cho tham ái đôi khi bức bách nội tâm con."*

2, Phiền não được hồi quán:

Trong bộ *Thanh Tịnh Đạo* có đề cập đến việc hồi quán Đạo, Quả, Niết-bàn, phiền não đã đoạn trừ và chưa đoạn trừ như sau:

"Saṃyojanesu tāva sakkāyadiṭṭhi, vicikicchā, sīlabbataparāmāso apāyagamanīyā ca kāmarāgapaṭighā'ti ete pañca dhammā paṭhamañāṇavajjhā; sesā kāmarāga-paṭighā oḷārikā dutiyañāṇavajjhā, sukhumā tatiyañāṇavajjhā, rūparāgādayo pañcapi catutthañaṇavajjhā eva."

"Trong số 10 Kiết sử, Tuệ thứ nhất đoạn trừ 5 pháp này: 'Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ và Dục ái, Sân hận loại dẫn vào Khổ cảnh'; còn lại Dục ái, Sân hận loại thô được đoạn trừ bởi Tuệ thứ nhì, loại vi tế được đoạn trừ bởi Tuệ thứ ba, riêng 5 pháp là Sắc ái, v.v... được đoạn trừ bởi Tuệ thứ tư."

Bên cạnh đó, cũng trong bộ *Thanh Tịnh Đạo* lại trình bày việc đoạn trừ theo phiền não:

"Kilesu diṭṭhivicikicchā paṭhamañāṇavajjhā, doso tatiyañāṇavajjhā, lobha-mohamānathīnauddhaccāhirkānottappāni catutthañāṇavajjhāni."

"Trong số 10 Phiền não, Tuệ thứ nhất đoạn trừ Thân kiến, Hoài nghi; Tuệ thứ ba đoạn trừ Sân hận; Tuệ thứ tư đoạn trừ Tham, Si, Mạn, Hôn trầm, Phóng tâm, Vô tàm và Vô quý."

Gāthāsaṅgaha:

12. CHABBISUDDHIKAMENEVAṂ BHĀVETABBO CATUBBIDO
ÑĀṆADASSANAVISUDDHI NĀMA MAGGO PAVUCCATI

Như vậy, bốn thánh đạo cần được tiến tu bằng sáu pháp thanh tịnh; đường lối này gọi là tri kiến thanh tịnh.

Cả *4 Đạo tuệ* gọi là ***Tri kiến thanh tịnh (Ñāṇadassanavisuddhi)***, là Thanh tịnh thứ 7. Trong việc thực hành để chứng đắc *Đạo*, *Quả* bậc trên, tức là tính từ Đệ nhị Đạo trở đi, hành giả cần quán sát Tam tướng của danh sắc với phương cách của *Sinh diệt tuệ* theo tuần tự chí đến *Đạo tuệ*, *Quả tuệ* và *Hồi quán tuệ*. Điểm không giống nhau là ở Đệ nhất Đạo là *Chuyển tánh tuệ*, nhưng kể từ Đệ nhị Đạo trở lên thì thay bằng *Tịnh hóa (Vodāna)*. Nghĩa là thanh tịnh dần lên theo thứ bậc; chẳng hạn Thánh Nhất Lai thanh tịnh hơn Thánh Nhập Lưu, Thánh Bất Lai thanh tịnh hơn Thánh Nhất Lai, v.v...

KẾT LUẬN MƯỜI SÁU TUỆ QUÁN

(01). *Nāmarūpapariccheda ñāṇa – Danh sắc phân biệt tuệ*
(02). *Paccayapariggahanañāṇa – Liễu duyên tuệ*
(03). *Sammasanañāṇa – Thẩm sát tuệ*
(04). *Udayabbayañāṇa – Sinh diệt tuệ*
(05). *Bhaṅgañāṇa – Hoại diệt tuệ*
(06). *Bhayañāṇa – Kinh hãi tuệ*
(07). *Ādīnavañāṇa – Hiểm nguy tuệ*
(08). *Nibbidāñāṇa – Nhàm chán tuệ*
(09). *Muñcitukamyatāñāṇa – Dục thoát tuệ*
(10). *Paṭisaṅkhāñāṇa – Quán sát tuệ*
(11). *Saṅkhārupekkhāñāṇa – Hành xả tuệ*
(12). *Anulomañāṇa – Thuận thứ tuệ*
(13). *Gotrabhūñāṇa – Chuyển tánh tuệ*
(14). *Maggañāṇa – Đạo tuệ*
(15). *Phalañāṇa – Quả tuệ*
(16). *Paccavekkhaṇañāṇa – Hồi quán tuệ*

Hành giả trải qua 16 Tuệ quán này rồi xem như đã hoàn thành mục tiêu vĩ đại nhất của cuộc đời, nắm bắt được hạnh phúc tối thượng, bất tử không gì sánh bằng cả trong đời này lẫn đời sau, bởi vì quả báu này của bậc Thánh nhân là quả báu vô cùng to lớn, như trong *Pháp Cú Kinh* có ghi:

Paṭhabyā ekarajjena Saggassa gamanena vā
Sabbalokādhipaccena Sotāpattiphalaṃ varaṃ

Nhập lưu quả cao thượng hơn vua một quốc độ, hơn cả làm vua trời trời đế thích, hơn cả chúa tể mọi thế giới (đại phạm thiên).

Đoạn kệ Pāḷi này nói đến quyền năng khác nhau của những vị đứng đầu một xứ, một cõi. Chẳng hạn như đức vua là chúa tể của một quốc độ, một đất nước, dẫu có quyền lực cao nhất trong xứ sở của mình nhưng không thể sánh bằng quyền lực của một vị Chuyển luân vương, trị vì toàn cõi nhân gian, có 7 vật báu là tài sản quý giá; nhưng vị Chuyển luân vương vẫn không thể so sánh được với vua trời Đế-thích (Sakka) cao thượng hơn vì ngài có thiên sản quý báu hơn nhiều. Thế mà vua trời Đế-thích lại không bằng chúa tể Đại phạm thiên trên các cõi trời Sắc giới, ngài có đầy đủ các công đức và thiên sản vi tế, giá trị hơn của vua trời Đế-thích. Tuy nhiên, khi đem ra so sánh với các bậc Thánh Nhập Lưu thì mọi công đức, tài sản của tất cả các vị vua chúa trong Tam giới cũng không có giá trị gì; bởi vì Niết-bàn – pháp mà bậc Thánh Nhập Lưu đã thấu đạt – là pháp vi tế, tuyệt diệu, cao thượng nhất trên thế gian, giúp cho vị đã chứng đạt không phải rơi vào Khổ cảnh nữa và có khả năng dẫn dắt hành giả thoát khỏi tử sinh luân hồi.

VIMOKKHA – GIẢI THOÁT
VIMOKKHAMUKHA – GIẢI THOÁT MÔN

I. VIMOKKHA – GIẢI THOÁT

Vimokkha dịch là *giải thoát*. *Giải thoát* chính là tên của cả 4 Thánh đạo, được gọi theo Tam tướng, Pāḷi định nghĩa như sau:

**** Paṭipakkhato vimokkhatī'ti = vimokkho.***

Pháp nào thoát khỏi phiền não bởi tính đối nghịch, pháp đó gọi là giải thoát.

Ba loại *Giải thoát:*

1, Suññatavimokkha – Không tánh giải thoát:

Thánh đạo nhận được bởi sự quán sát thấy rõ Vô ngã, gọi là *Không tánh giải thoát*.

Nghĩa là, đối với hành giả tinh cần tiến tu Minh sát, có Tuệ căn (Paññindriya) vững mạnh, có Tuệ là nguyện vọng tiên khởi mà tự thân đã huân tập từ nhiều kiếp trước, là sức mạnh chuyển hóa tại thời điểm đang tiến tu, nên hành giả thấy rõ *Vô ngã tướng* nhất, thấy *Vô ngã tướng* trong sáng, rõ ràng hơn các tướng trạng khác *Vô ngã tướng* có năng lực mạnh nhất. Do vậy, khi *Minh sát xuất ly (Vuṭṭhānagāminīvipassanā)* đang vận hành, danh sắc biểu lộ tính vô ngã một cách rõ rệt. Khi đã thấy vô ngã rõ ràng như thế, *Minh sát xuất ly* sẽ tiến vào Đạo lập tức, đặc tính như vậy gọi *là Không tánh giải thoát (Suññatavimokkha)*, tức là giải thoát bằng vô ngã, hoặc là nhập vào Đạo theo *Vô ngã tướng*.

2, Animittavimokkha – Vô tướng giải thoát:

Thánh đạo nhận được bởi sự quán sát thấy rõ Vô thường, gọi là *Vô tướng giải thoát*.

Với hành giả nỗ lực tinh cần, tiến tu Minh sát có Tín căn (Saddhindriya) vững mạnh, có Tín là nguyện vọng tiên khởi mà tự thân đã huân tập từ nhiều kiếp trước, là sức mạnh chuyển hóa tại thời điểm đang tiến tu, nên hành giả thấy rõ *Vô thường tướng*

nhất, thấy *Vô thường tướng* trong sáng, rõ ràng hơn các tướng trạng khác do *Vô thường tướng* có năng lực mạnh nhất. Do vậy, khi *Minh sát xuất ly* đang vận hành, danh sắc biểu lộ tính vô thường một cách rõ rệt. Khi đã thấy vô thường rõ ràng như thế, *Minh sát xuất ly* sẽ tiến vào Đạo lập tức, đặc tính như vậy gọi là *Vô tướng giải thoát (Animittavimokkha)*, tức là giải thoát bằng vô thường, hoặc là nhập vào Đạo theo *Vô thường tướng*.

3, Appaṇihitavimokkha – Vô nguyện giải thoát:

Thánh đạo nhận được bởi sự quán sát thấy rõ khổ não, gọi là *Vô nguyện giải thoát*.

Đối với hành giả nỗ lực tinh cần, tiến tu Minh sát có Định căn (Samādhindriya) vững mạnh, có Định là nguyện vọng tiên khởi mà tự thân đã huân tập từ nhiều kiếp trước, là sức mạnh chuyển hóa tại thời điểm đang tiến tu, nên hành giả thấy rõ *Khổ não tướng* nhất, thấy *Khổ não tướng* trong sáng, rõ ràng hơn các tướng trạng khác do *Khổ não tướng* có năng lực mạnh nhất. Do vậy, khi *Minh sát xuất ly* đang vận hành, danh sắc biểu lộ tính Khổ não một cách rõ rệt. Khi đã thấy khổ não rõ ràng như thế, *Minh sát xuất ly* sẽ tiến vào Đạo lập tức, đặc tính như vậy gọi là *Vô nguyện giải thoát (Appaṇihitavimokkha)*, tức là giải thoát bằng khổ não, hoặc là nhập vào Đạo theo *Khổ não tướng*.

II. VIMOKKHAMUKHA – GIẢI THOÁT MÔN

Từ Vimokkhamukha chiết tự như sau:

**** Vimokkhamukha = vimokkha + mukha***

- *vimokkha:* giải thoát, vượt thoát phiền não
- *mukha:* môn, cửa, miệng

Ba loại *Anupassanā – Tùy quán* gọi là *Giải thoát* vì là cửa đi vào Thánh đạo (Ariyamagga). Đó là:

- Suññatāvipassanā – Không tánh tùy quán
- Animittāvipassanā – Vô tướng tùy quán
- Appaṇihitāvipassanā – Vô nguyện tùy quán

1, Suññatānuvipassanā – Không tánh tùy quán:

Tại thời điểm *Minh sát xuất ly (Vuṭṭhānagāminīvipassanā)* đang vận hành, danh sắc có trạng thái vi tế, tỉ mỉ vô cùng; rồi từ từ nhỏ dần, nhỏ dần, giống như sợi chỉ mỏng manh nhất và diệt đi. Đặc tính, trạng thái như thế gọi là *Suññatavimokkhamukha – Không tánh giải thoát môn*, là sự giải thoát theo vô ngã, hay còn gọi là nhập vào Đạo bằng vô ngã.

2, Animittānuvipassanā – Vô tướng tùy quán:

Tại thời điểm *Minh sát xuất ly (Vuṭṭhānagāminīvipassanā)* đang vận hành, danh sắc có trạng thái vi tế, tỉ mỉ vô cùng; rồi từ từ nhỏ dần, nhỏ dần, giống như sợi chỉ mỏng manh nhất và diệt đi. Đặc tính, trạng thái như thế gọi là *Animittavimokkhamukha – Vô tướng giải thoát môn*, là sự giải thoát theo vô thường, hay còn gọi là nhập vào Đạo bằng vô thường.

3, Appaṇihitānuvipassanā – Vô nguyện tùy quán:

Tại thời điểm *Minh sát xuất ly (Vuṭṭhānagāminīvipassanā)* đang vận hành, danh sắc có trạng thái vi tế, tỉ mỉ vô cùng; rồi từ từ nhỏ dần, nhỏ dần, giống như sợi chỉ mỏng manh nhất và diệt đi. Đặc tính, trạng thái như thế gọi là *Appaṇihitavimokkhamukha – Vô nguyện giải thoát môn*, là sự giải thoát theo khổ não, hay còn gọi là nhập vào Đạo bằng khổ não.

SAMĀPATTIBHEDA – PHÂN LOẠI NHẬP ĐỊNH

Trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*, Đức trưởng lão *Anuruddha* có viết:

"Phalasamāpatti panettha sabbesam'pi yathāsakaphalavasena sādhāraṇava."

"Trong các Quả định ấy, Quả định của tất cả các bậc Thánh nhân đều là phổ thông theo năng lực Quả mà tự thân đã chứng đắc."

Samāpatti – Nhập định có 3 loại:

- Jhānasamāpatti – Nhập thiền định
- Phalasamāpatti – Nhập quả định
- Nirodhasamāpatti – Nhập diệt định

Trong cả 3 loại Nhập định này, Nhập thiền định đã được giảng giải ở phần thiền Chỉ tịnh (VDP Tập IX, Phần Một).

I. PHALASAMĀPATTI – NHẬP QUẢ ĐỊNH

1, Khái niệm Nhập quả định:

Bộ *Thanh Tịnh Đạo* có nêu:

- Hỏi: ***"Tattha kā phalasamāpattī'ti?"***
  "Ở đây, Nhập quả định là gì?"
- Đáp: ***"Yā ariyassa nirodhe appanā."***
  "An chỉ trong diệt của bậc Thánh."

Tại thời điểm đang nhập vào *Quả định* , tâm của bậc Thánh nhân này không có các Hành tướng (Saṅkhāranimitta) là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức làm đối tượng, mà chỉ có đối tượng duy nhất là Niết-bàn. Phàm nhân không thể nhập vào *Quả định* này được, bởi vì chúng phàm nhân chưa từng nhận Niết-bàn làm đối tượng trước đây. Về phần chư Thánh nhân nhập vào *Quả định* được, bởi vì các ngài từng nhận đối tượng là Niết-bàn. Chẳng hạn bậc Thánh Nhập Lưu chỉ nhập vào *Nhập Lưu Quả định* mà thôi, do vậy, Đức trưởng lão *Anuruddha* đã viết:

"Sabbesam'pi yathāsakaphalavasena sādhāraṇava."

"Quả định của mọi bậc Thánh đều là phổ thông theo năng lực Quả mà tự thân đã đắc."

Ở đây, một số ngài cho rằng việc nhập vào *Quả định* chỉ có bậc Thánh Bất Lai và A-ra-hán mới nhập được, bởi vì 2 hạng Thánh nhân này đã sung mãn với Định học (Samādhisikkhā). Riêng bậc Thánh Nhập Lưu và Nhất Lai không thể nhập vào *Quả định* được vì các ngài có Định học chưa sung mãn.

Bộ *Thanh Tịnh Đạo* lại có quan điểm rằng ngay cả phàm nhân cũng có tài sản là Thiền hiệp thế (Lokiyajjhāna) của mình, họ có thể nhập vào Thiền định mà mình đã đắc. Do vậy, các vị Thánh là chủ nhân tài sản của mình – các *Quả định* ấy – sao lại không nhập vào được, chắc chắn là phải nhập được.

2, Quả báu của Nhập quả định:

Bộ *Thanh Tịnh Đạo* có sự so sánh rằng nhân loại, chư thiên hoặc phạm thiên có tài sản riêng của mình, cần lúc nào thì đem ra thụ hưởng lúc đấy; cũng như thế, chư Thánh nhân nhập *Quả định* hưởng hạnh phúc tựa khoảnh khắc Niết-bàn tại đời sống này, tuy nhiên có xác định hạn lượng bằng lúc đang nhập *Quả định* có Niết-bàn làm đối tượng. Các Tốc hành tâm là *Quả tâm* đã sinh khởi đó, giống như dòng nước chảy, do vậy được gọi là *Nhập quả định*.

3, Phân loại của Lộ trình nhập quả định:

Lộ trình nhập quả định gồm 4 loại, phân theo hạng người:

(01). *Sotāpattiphalavīthi – Lộ trình Nhập Lưu Quả*
(02). *Sakadāgāmihalavīthi – Lộ trình Nhất Lai Quả*
(03). *Anāgāmiphalavīthi – Lộ trình Bất Lai Quả*
(04). *Arahattaphalavīthi – Lộ trình A-ra-hán Quả*

Mỗi một lộ trình phân theo hạng người còn phân thành 5 loại, phân theo bậc thiền, ví dụ *Lộ trình Nhập Lưu Quả* chia ra 5 loại nữa:

(01). *Paṭhamajjhānasotāpattiphalavīthi – Lộ trình Đệ nhất thiền Nhập Lưu Quả*
(02). *Dutiyajjhānasotāpattiphalavīthi – Lộ trình Đệ nhị thiền Nhập Lưu Quả*
(03). *Tatiyajjhānasotāpattiphalavīthi – Lộ trình Đệ tam thiền Nhập Lưu Quả*
(04). *Catutthajjhānasotāpattiphalavīthi – Lộ trình Đệ tứ thiền Nhập Lưu Quả*
(05). *Pañcamajjhānasotāpattiphalavīthi – Lộ trình Đệ ngũ thiền Nhập Lưu Quả*

Như vậy 4 Quả vị nhân với 5 bậc Thiền thành 20 lộ trình và còn nhân với 2 hạng hành giả là *Tikkhapaññākhippābhiññā – Tuệ mạnh đắc nhanh* và *Mandapaññā-dandhābhiññā – Tuệ yếu đắc chậm* thành 40 lộ trình, rồi nhân tiếp với 3 hạng thiền là

Pādakajhāna – Thiền căn, *Sammasitajhāna – Chánh quán thiền* và *Puggalajjhāsayajhāna – Nhân tính thiền* thành 120 lộ trình.

Tất cả 120 *Lộ trình nhập quả định* này đều sinh khởi được trong 7 cõi Dục giới lạc cảnh, 15 cõi Sắc giới và 4 cõi Vô sắc giới. Chỉ trừ *Lộ trình Nhập Lưu Quả* và *Lộ trình Nhất Lai Quả* không thể sinh khởi trong Ngũ tịnh cư thiên.

BA HẠNG THIỀN

(1). *Pādakajhāna – Thiền căn:* Hành giả trước đây đã đắc thiền Chỉ tịnh rồi, trước khi tiến tu Minh sát sẽ nhập vào bất cứ thiền định nào mà mình đã có, nhằm làm cho định tâm tăng trưởng sức mạnh, thiền được nhập trước như vậy gọi là *Thiền căn*. Khi xuất khỏi thiền này, hành giả quán sát danh-sắc là các thiền chi theo Tam tướng, đến khi chứng Thánh đạo, Thánh quả. Nếu hành giả nhập Đệ nhất thiền, lấy làm nền tảng – *Thiền căn*, thì Đạo tâm và Quả tâm khởi sinh lần thứ nhất gọi là *Đệ nhất thiền Nhập Lưu Đạo* và *Đệ nhất thiền Nhập Lưu Quả*. Nếu hành giả nhập Đệ nhị thiền, v.v... lấy làm *Thiền căn* thì cách gọi tên Đạo và Quả đã chứng cũng theo kiểu như vừa nêu. Hạng thiền này có *Thiền căn* là quan trọng.

(2). *Sammasitajhāna – Chánh quán thiền:* Hành giả đã đắc thiền Chỉ tịnh, tiếp tục tiến tu Minh sát, lấy sự quán sát thiền định mà mình đã đắc làm chính. Hành giả quán sát các thiền chi theo Tam tướng, nhập thiền trước hay không nhập thiền cũng được, không xem đó là điều chính yếu, chỉ coi trọng việc quán sát. Chẳng hạn hành giả nhập Đệ ngũ thiền, nhưng khi quán sát lại các chi của Đệ nhất thiền hay Đệ nhị thiền, v.v... cũng được. Đạo khởi sinh đầu tiên là *Đệ nhất thiền Nhập Lưu Đạo* hay *Đệ nhị thiền Nhập Lưu Đạo* tùy theo sự quán sát ấy, chứ không phải là *Đệ ngũ thiền Nhập Lưu Đạo*.

(3). *Puggalajjhāsayajhāna – Nhân tính thiền:* Hành giả đã đắc thiền Chỉ tịnh, tiếp tục tiến tu Minh sát, lấy sự quán sát làm chính tùy theo căn tánh (ý muốn) của mình. Chẳng hạn hành giả muốn hướng đến *Đệ tam thiền Đạo* thì sẽ tiến tu theo 2 phương cách, tùy ý mình:

- Nhập Đệ tam thiền định theo ý của mình, khi xuất khỏi thiền sẽ quán sát danh-sắc qua Tam tướng
- Không nhập thiền Chỉ tịnh, quán sát chi thiền qua Tam tướng

Đến lúc *Đạo tâm* khởi sinh, đó chính là *Đệ tam thiền đạo*.

Ngoài ra, đối với hành giả là bậc không chứng đắc thiền Chỉ tịnh, chỉ tiến tu

thuần quán (sukkhavipassaka), các ngài quán sát danh-sắc thuộc về Dục giới pháp, khi *Đạo tâm* khởi sinh cùng với 5 thiền chi thì được tính là *Đệ nhất thiền Nhập Lưu Đạo*, *Đệ nhất thiền Nhất Lai Đạo*, *Đệ nhất thiền Bất Lai Đạo* hoặc *Đệ nhất thiền A-ra-hán Đạo*. Như vậy, các *Đạo tâm* mà hành giả là vị tu thuần quán đã chứng đắc đều xếp vào *Đệ nhất thiền đạo tâm* cả. Như trong bộ *Chú giải Aṭṭhāsālinī* đã trình bày:

"Tatrāyaṃ anupubbīkathā vipassanāniyameva hi sukkhavipassakassa uppannamaggo'pi samāpattilābhino jhānaṃ pādakaṃ akatvā uppannamaggo'pi paṭhamajjhānaṃ pādakaṃ katvā pakiṇṇakasaṅkhāre sammasitvā uppādotamaggo'pi paṭhamajjhānikova hoti."

"Trong các quan điểm đó, có ý tiếp theo như này: Thật vậy, Đạo khởi sinh đến vị thuần quán, thông qua Minh sát, Đạo khởi sinh với vị đắc định không lấy thiền làm nền tảng, cũng như Đạo đã khởi sinh đến vị lấy Đệ nhất thiền làm nền tảng rồi quán sát các Hành lẻ tẻ, chính là Đạo hợp với Đệ nhất thiền."

TÊN CỦA THUẬN THỨ

Trong *Lộ trình nhập quả định* này, mọi Cận định tốc hành (Upacārasamādhi-javana) đều gọi là Thuận thứ (Anuloma) cả, bởi vì trong *Phân Tích Đạo* gọi *Chuyển tánh tuệ* là *anantaranaya*, nghĩa là *cách khác nhau*. Ngay cả trong bộ *Vị Trí (Paṭṭhāna)* cũng nói rằng *Chuyển tánh tuệ* có Hành tướng là danh-sắc làm đối tượng, nên cũng gọi là Thuận thứ tuệ. Bộ *Thanh Tịnh Đạo* cũng viết:

"Gotrabhū cettha anulomaṃ veditabbaṃ vuttaṃ hetaṃ paṭṭhāne arahato anulomaṃ phalasamāpattiyā anantarapaccayena paccayo'ti. Sekkhānaṃ anulomaṃ phalasamāpattiyā anantarapaccayena paccayo'ti."

"Trong Lộ trình nhập quả định này, Chuyển tánh được gọi là Thuận thứ, vì trong bộ Vị Trí, Đức Phật có dạy về điều này: 'Thuận thứ của các bậc Thánh A-ra-hán trợ duyên cho Quả định bởi năng lực của Vô gián duyên. Thuận thứ của các bậc Thánh hữu học trợ duyên cho Quả định bởi năng lực của Vô gián duyên' vậy."

Ở đây, trong *Lộ trình nhập quả định* này, 4 sát-na Thuận thứ tốc hành tâm không nhận Niết-bàn làm đối tượng mà có đối tượng là danh-sắc hay Hành tướng. Điều này khác với *Lộ trình chứng đạo*, cụ thể là Hướng tâm (Āvajjana) của Đạo, tức là Chuyển tánh tâm có đối tượng là Niết-bàn.

Visuddhimaggamahāṭīkā nói rằng: Thông thường, Thánh Đạo là nơi nương tựa của mọi chúng sinh để thoát khỏi luân hồi. Hướng tâm của Thánh Đạo chính là Chuyển tánh tâm nên có đối tượng là Niết-bàn. Còn trong *Lộ trình nhập quả định* thì

Quả tâm không thể khiến cho chúng sinh thoát khỏi khổ não, mà chỉ có *hiện tại lạc trú (diṭṭhadhammashkhavihārī)*. Nghĩa là, chư Thánh nhân xem như hưởng thụ lạc trú tựa như Niết-bàn vào một thời đoạn của cuộc đời vậy. Cho nên trong *Lộ trình nhập quả định* này, Chuyển tánh hay Thuận thứ tốc hành có đối tượng là danh-sắc hay Hành tướng.

Trong *Lộ trình chứng đạo*, các Tốc hành quả tâm (Javanaphalacitta) không gọi là *Quả định (Phalasamāpatti)*. Nghĩa là 2, 3 Tốc hành quả tâm sinh khởi do năng lực của Thánh đạo là thực tính pháp tự đến sau. Về phần *Quả định* thì không liên quan đến Thánh đạo vì cần có sự chuẩn bị (phát nguyện) riêng biệt, bởi vì *Quả định* phải nương vào sự chuẩn bị mới phát sinh được và *Quả định* này chính là các Tốc hành quả tâm sinh khởi liên tiếp nhau. Khi chư vị Thánh nhân có nguyện vọng sẽ nhập vào *Quả định* thì phải quán sát đối tượng là danh-sắc hay Hành tướng, tính từ *Sinh diệt tuệ* trở đi, theo tuần tự cho đến *Thuận thứ tuệ*, từ đấy mọi danh-sắc hay Hành tướng sẽ diệt tận, và nhập vào Niết-bàn. Do vậy, Quả tâm của Thánh đạo không có sự chuẩn bị còn Quả tâm của *Nhập quả định* là có chuẩn bị.

Bộ *Thanh Tịnh Đạo* trình bày như sau:

"Phalasamāpattatthikena hi ariyasāvakena rahogatena paṭisallīnena udayabbayādivasena saṅkhārā vipassitabbā. Tassa pavattānupubbavipassanassa saṅkhārārammaṇagotrabhūñāṇānantaraṃ phalasamāpattivasena nirodhaṃ cittaṃ appeti."

"Thật vậy, vị Thánh đệ tử mong muốn nhập vào Quả định, liền đến nơi độc cư, thanh vắng, quán sát các Hành với năng lực của Sinh diệt tuệ, v.v... Theo tuần tự của Chuyển tánh tuệ với đối tượng là chư Hành, tâm của vị có Minh sát tuệ đang thứ lớp vận hành ấy đạt đến đoạn diệt do năng lực của Quả định."

VIỆC XUẤT KHỎI QUẢ ĐỊNH

Chư vị Thánh nhân có nguyện vọng xuất khỏi *Quả định* theo thời gian mong muốn cần phải có phát nguyện trước rằng: cho tâm tôi được yên tịnh trong vòng 5 phút, 10 phút hoặc 1 giờ, 2 giờ đồng hồ, v.v... Khi đúng thời gian hạn định, Quả tâm sẽ dừng lại, Hộ kiếp tâm phát sinh thay thế, có danh-sắc làm đối tượng; như thế gọi là xuất khỏi *Quả định*.

SASSATAVIHĀRĪ – THƯỜNG TRÚ VÀ NOSASSATAVIHĀRĪ – KHÔNG THƯỜNG TRÚ

Chú giải Trung Bộ Kinh có trình bày:

"Dve hi khīṇāsavā sasatavihārī ca nosassatavihārī ca. Tattha sasatavihārī yaṅkiñci kammaṃ katvā'pi phalasamāpattiṃ samāpajjituṃ sakkoti. Nosassatavihārī pana appamattake'pi kicce kiccappasuto hutvā samāpattiṃ appetuṃ na sakkoti."

"Có hai hạng Thánh Lậu tận: Thường trú và Không thường trú. Ở đây, hạng Thường trú thì ngay cả khi đang có công việc gì cũng có thể nhập Quả định được. Còn hạng Không thường trú, mặc dù bận công việc nhỏ bé gì cũng không thể nhập Quả định được."

Thánh Lậu tận (Khiṇāsava) là bậc Thánh A-ra-hán, đã đoạn tận mọi Lậu hoặc (Āsava), phân thành 2 hạng:

• Sassatavihārī – Thường trú: Hạng Thánh Lậu tận thường xuyên nhập vào *Quả định*.

• Nosassatavihārī – Không thường trú: Hạng Thánh Lậu tận không thường xuyên nhập vào *Quả định*.

Chuyện kể rằng, có vị tỳ-khưu là thầy của một vị sa-di, cả hai đều là bậc Thánh Lậu tận và họ đang cùng nhau vào rừng tìm nơi tịch lặng để an cư. Tiếc là tại khu rừng ấy đã có một vị tỳ-khưu đến ở trước rồi và chỗ ngụ cư chỉ còn một mà thôi. Cho nên, vị thầy tỳ-khưu vào ở, còn trò sa-di không có chỗ nghỉ, nên tự mình đi kiếm vậy. Đôi khi, vị sa-di từ cội cây này sang cội cây khác tùy sở thích, và trong suốt mùa an cư ấy, vị sa-di thường xuyên nhập *Quả định*. Riêng vị thầy tỳ-khưu, dẫu có chỗ ở thuận tiện và dễ chịu, nhưng do luôn lưu tâm đến đệ tử sa-di của mình nên không thể nhập *Quả định* được. Đến lúc ra Hạ, hết mùa an cư, trò đến thăm thầy mình, hỏi thăm sức khỏe và sự an lạc lẫn nhau. Vị thầy tỳ-khưu nói rằng chỗ ở thuận tiện và dễ chịu, rồi hỏi thăm việc ngụ cư của trò ra sao. Vị sa-di đệ tử thưa rằng mình nương nhờ cây cối, hôm cội này, mai gốc kia và tự thân thường xuyên, liên tục nhập *Quả định*, nhận được sự an lạc nội tâm, thụ hưởng tịch tịnh suốt mùa nhập Hạ.

II. NIRODHASAMĀPATTI – NHẬP DIỆT ĐỊNH

Pāḷi chiết tự:

Nirodhasamāpatti = nirodha + samāpatti

- *nirodha:* diệt, diệt tận
- *samāpatti:* định, nhập định

Pāḷi định nghĩa:

* ***Nirujjhanaṃ = nirodho***

Sự diệt tận của tâm và tâm sở gọi là *nirodha*, dịch là *diệt*.

* ***Samāpajjanaṃ = samāpatti***

Sự đạt đến hay sự thành tựu trong thiền gọi là *samāpatti*, dịch là *nhập định*.

**** Nirodhassa samāpatti = nirodhasamāpatti.***

Sự nhập vào diệt định gọi là *nirodhasamāpatti*, dịch là *nhập diệt định*.

Khi đang nhập *Diệt định*, các danh uẩn của hành giả sẽ đình chỉ, không phát sinh và *Tâm khởi sắc (Cittajarūpa)* cũng không sinh khởi.

Nhập Diệt định còn có tên gọi khác là *Nhập Diệt Thọ Tưởng định*.

Bậc Thánh Bất Lai và Thánh A-ra-hán có nguyện vọng nhập vào *Diệt định* cần phải nhập Đại hành định (Mahaggatasamāpatti) trước. Tuần tự bắt đầu từ Đệ nhất thiền trở đi, rồi xuất khỏi các định ấy, thiết lập Niệm (Sati) quán sát sự sinh diệt của danh-sắc; cho đến nhập vào Vô sở hữu xứ thiền định (Ākiñcaññāyatanasamāpatti), khi xuất khỏi định này, phải thực hành 4 phận sự tiếp theo là:

(1). *Nānābaddhāvikopana:* Phát nguyện rằng mọi đồ vật ở gần mình như y, bát, v.v... không bị hư hoại; riêng những đồ vật không ở gần mình mà ở chỗ khác, như các thứ phụ tùng cũng không bị hư hoại, mất mát do nước, lửa, kẻ cắp, v.v...

(2). *Saṅghapaṭimānana:* Phát nguyện rằng lúc chư Tăng hội họp, nếu Tăng cần đến mình thì sẽ xuất khỏi định nhanh chóng

(3). *Satthupakkosanā:* Phát nguyện rằng lúc Đức Thế Tôn cần gặp mình thì sẽ xuất khỏi định nhanh chóng

(4). *Addhānapariccheda:* Vị Thánh nhân muốn nhập *Diệt định* cần quán sát mình sẽ còn đủ tuổi thọ 7 ngày hay không. Nếu không quán sát trước, trong vòng 7 ngày mà hết tuổi thọ thì phải xuất *Diệt định*; nếu quán sát trước và biết mình không còn sống quá 7 ngày thì không nên nhập vào *Diệt định*. Bởi vì, nếu như chưa thành tựu A-ra-hán Quả thì sẽ mất cơ hội lợi ích cho bản thân; còn nếu đã là bậc Thánh A-ra-hán, mà chưa độ chúng sinh rằng mình đã thành tựu quả vị A-ra-hán, chưa giáo huấn đến đệ tử thì nên xem xét lại.

Vị Thánh nhân đang nhập *Diệt định* sẽ không gặp nguy hiểm nào có thể làm cho ngài tận mạng cả là do năng lực của *Diệt định* vậy.

Sau khi đã làm các phận sự nêu trên, vị Thánh nhân sẽ nhập vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ định (Nevasaññānāsaññāyatanasamāpatti), tâm này sinh ra 2 sát-na rồi diệt đi và nhập vào *Diệt định*.

❋ Ở đây, một câu hỏi phát sinh rằng tại thời điểm nhập *Diệt định* tâm và tâm sở không khởi sinh, các loại đối tượng, kể cả đối tượng là Niết-bàn cũng không có, như thế gọi là an lạc được sao?

Câu trả lời là bậc Thánh nhập *Diệt định* muốn cho danh-sắc tạm thời diệt đi

trong đời sống này; bởi vì theo lẽ thường, các bậc Thánh A-ra-hán và Thánh Bất Lai luôn nhàm chán sự sinh diệt của danh-sắc, việc tồn tại với danh-sắc cũng giống như sống với đồ cấu uế, bẩn thỉu, xem như là tai họa và là kẻ thù. Theo cảm nhận của mỗi vị thì 5 uẩn này là một gánh nặng lớn lao, giống như một người phải khuân vác đồ đạt rất nặng suốt ngày. Do đó, các ngài cần nghỉ ngơi để tạm thời thoát khỏi sự tạo tác của danh-sắc vậy, tức là trốn tránh tai họa, tìm kiếm hạnh phúc nhất thời.

Đối với nhân loại, việc nhập *Diệt định* chỉ được tối đa 7 ngày, còn riêng với các phạm thiên thì không giới hạn, nhập lâu bao nhiêu cũng được. Các hành giả nhập *Diệt định* phải là bậc Thánh Bất Lai và Thánh A-ra-hán đã đắc *Tứ thiền Bát định* (8 jhānasamāpatti). Do việc nhập *Diệt định* phải nhập thiền Chỉ tịnh trước, từ Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền Sắc giới, tiếp theo là 4 bậc thiền Vô sắc giới, cộng lại gọi là Bát định, sau đó mới vào *Diệt định*. Ngoài ra, ở mỗi một lần xuất khỏi một định thì phải kết hợp với Minh sát nhằm quán sát danh-sắc.

LỘ TRÌNH TÂM CỦA DIỆT ĐỊNH

Bộ *Abhidhammatthasaṅgaha* nói về *Lộ trình Nhập diệt định* như sau:

"Nirodhasamāpattikāle dvikkhattuṃ catutthārūpajavanaṃ javati, tato paraṃ nirodhaṃ bhussati. Vuṭṭhānakāle ca anāgamiphalaṃ vā arahattaphalaṃ vā yathārahamekavāraṃ uppajjitvā niruddhe bhavaṅgapātova hoti."

"Lúc nhập vào Diệt định, Đệ tứ thiền vô sắc tốc hành tâm khởi sinh hai lần, rồi đến Diệt định tức thì. Và khi xuất ra, Bất Lai quả tâm hoặc A-ra-hán quả tâm cũng vậy, sinh lên một lần rồi diệt, tâm lại rơi vào Hộ kiếp".

Trong lộ trình tâm này, thiền Chỉ tịnh ở đây chính là Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền. Nếu với Thánh Bất Lai là Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiện tâm và Bất Lai Quả tâm, với Thánh A-ra-hán là Phi tưởng phi phi tưởng xứ duy tác tâm và A-ra-hán Quả tâm.

Các lộ trình tâm là các Xả thọ thiền (Upekkhāsahagatajjhāna) trước đó có Tốc hành tâm là các Đại thiện tâm thọ xả hợp trí (Mahākusalaupekkhāsahagatañāṇasampayutta-citta) hoặc Đại duy tác tâm (Mahākiriyāupekkhāsahagatañāṇasampayuttacitta).

Riêng về Hộ kiếp tâm, nếu ở Dục giới là 4 Đại quả tâm hợp trí (Mahāvipāka-ñāṇasampayuttacitta), còn ở Sắc giới là 5 Sắc giới quả tâm (Rūpāvacaravipākacitta).

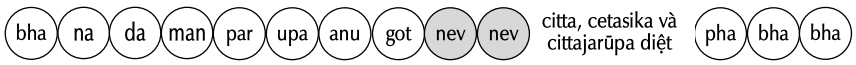

PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ TỐC HÀNH TÂM SINH 2 SÁT-NA

Trong *Lộ trình Nhập diệt định*, do nhân gì mà Phi tưởng phi phi tưởng xứ tốc hành tâm sinh khởi 2 lần liên tiếp nhau?

Trả lời: Tính từ Đệ nhất thiền trở đi, thiền Chỉ tịnh và thiền Minh sát luôn đi đôi với nhau theo tuần tự. Ở đây, không phải là nhập vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ định trực tiếp mà thật ra là nhập *Diệt định*. Do vậy, Phi tưởng phi phi tưởng xứ định không thể duy trì lâu được, lúc Phi tưởng phi phi tưởng xứ tốc hành tâm khởi sinh 2 sát-na thì nhập vào *Diệt định* ngay.

- Hỏi rằng: Bậc Thánh Bất Lai và Thánh A-ra-hán nhập *Diệt định* được, nhưng tại sao bậc Thánh Nhập Lưu và Thánh Nhất Lai lại không thể nhập *Diệt định* được?

- Đáp rằng: Hai bậc Thánh Nhập Lưu và Thánh Nhất Lai chưa đoạn trừ được *Dục ái triền cái (Kāmachandanīvaraṇa)* – là pháp chướng ngại của thiền – một cách tuyệt đối; do thế Định lực không đủ mạnh nên không thể nhập *Diệt định* được. Còn các bậc Thánh Bất Lai và Thánh A-ra-hán đã đoạn trừ tuyệt đối *Dục ái triền cái*, Định lực đã mạnh mẽ nên nhập *Diệt định* được.

DỤC GIỚI NHẬP DIỆT ĐỊNH ĐƯỢC 7 NGÀY

Trong cõi Dục giới, các ngài chỉ nhập *Diệt định* được 7 ngày thôi. Pāḷi trình bày như sau:

"Āhārarūpajīvinaṃ bhutassa ekadivasaṃ sattāhaṃ vā yāpanato kāme-sattāhameva."

"Chúng sinh sống nhờ vật thực, ngày ăn một bữa sống được bảy ngày, do vậy trong Dục giới nhập Diệt định chỉ được 7 ngày thôi."

Như vậy, ở cõi Dục giới, chủ yếu là loài người sẽ nhập *Diệt định* với thời gian là 7 ngày; còn chư thiên Dục giới thì hầu như không có cơ hội để nhập *Diệt định*, bởi vì sự lôi cuốn của các đối tượng dục vọng thế gian (lokiyakāmaguṇārammaṇā) quá nhiều nên chư thiên khó mà tìm nơi tĩnh lặng được. Tuy nhiên, nếu chư thiên Dục giới nhập *Diệt định* thì có thể nhập được lâu vì các ngài thọ thực một lần có thể nuôi mạng đến 2, 3 tháng. Nếu các vị là bậc Thánh Bất Lai rồi cũng chuyển sang cảnh giới phạm thiên, còn nếu là bậc Thánh A-ra-hán thì không bao lâu sẽ nhập Niết-bàn.

Đối với cõi Sắc giới, các vị muốn nhập *Diệt định* bao nhiêu lâu là tùy ý vì không phải lo lắng về mặt vật thực ăn uống, do các ngài đã sống dựa vào pháp hỷ lạc.

DIỆT ĐỊNH ĐƯỢC GỌI LÀ GÌ

- Hỏi rằng: *Diệt định* là pháp Hữu vi (Saṅkhata) hay Vô vi (Asaṅkhata), là Hiệp thế (Lokiya) hay Siêu thế (Lokuttara)?

- Đáp rằng: Cái gì nào có thực tánh chân đế (paramatthasabhāva) rõ ràng là thuộc về Hữu vi hoặc Vô vi, Hiệp thế hoặc Siêu thế. Nhưng *Diệt định* không có thực tánh chân đế, nên xếp *Diệt định* thuộc về pháp Hữu vi hoặc Vô vi, Hiệp thế hoặc Siêu thế đều không được cả. Tuy nhiên, nếu xếp vào *Thành tựu (Nipphanna)* hay *Phi thành tựu (Anipphanna)* thì *Diệt định* chính là *Thành tựu*; bởi vì, các vị Thánh phải nỗ lực tiến tu thiền Chỉ tịnh và thiền Minh sát theo tuần tự đi lên mới có thể nhập vào *Diệt định* được. Do vậy, *Diệt định* được gọi là *Nipphanna – Thành tựu*.

Bộ *Thanh Tịnh Đạo* có ghi:

"Saṅkhatā'tipi asaṅlhatā'tipi lokiyā'tipi lokuttarā'tipi na vattabbā. Kasmā? Sabhāvato natthitāya. Yasmā pana sā samāpajjantassa vasena samāpannā nāma hoti, tasmā nipphannā'ti vattuṃ vaṭṭati no anipphannā'ti."

"Không nên gọi là 'Hữu vi' hoặc 'Vô vi' hoặc 'Hiệp thế' hoặc 'Siêu thế'. Vì sao vậy? Vì không có thực tính pháp. Tuy nhiên, bậc Thánh nhân do năng lực của các định mới nhập vào Diệt định được, do vậy Diệt định mới gọi là 'Thành tựu', không gọi là 'Phi thành tựu'."

❋ Do *Diệt định* không có thực tính pháp của tự thân nên vị tỳ-khưu nào không thể nhập vào *Diệt định* được mà khoe khoang rằng mình nhập được thì vị ấy không phạm tội Bất cộng trụ (Pārājika). Điều này nghịch với trường hợp vị tỳ-khưu chưa chứng đắc Đạo, Quả, Niết-bàn mà khoe mình đã chứng đắc thì chắc chắn phạm tội Bất cộng trụ vì Đạo, Quả, Niết-bàn là những pháp có thực tánh pháp rõ ràng.

AVASĀNABHĀGA – PHẦN KẾT THÚC

Trước khi đi đến phần kết thúc, Đức trưởng lão *Anuruddha* đã viết nên bài kệ thi sách tấn hàng hậu học, có nhiệt tâm, tinh cần muốn thoát khỏi họa tai trong luân hồi tử sinh như sau:

UYYOJANAGĀTHĀ – KỆ NHẮN NHỦ

BHĀVETABBAṂ PANICCEVAṂ BHĀVANĀDVAYAMUTTAMAṂ
PAṬIPATTIRASASSĀDAṂ PATTHAYANTE SĀSANE

Hai pháp tu tiến tối thượng mà hành giả mong cầu niềm hoan hỷ với pháp vị của việc thực hành giáo pháp nên tiến tu như đã trình bày vậy.

Và ngài đã trước tác bài kệ thi để tổng kết bộ sách được chọn làm giáo trình *Abhidhammasaṅgaha – Thắng Pháp Tập Yếu Luận* cho nhiều quốc độ Phật giáo trong suốt hơn 1500 năm qua:

PAKARAṆĀVASĀNAGĀTHĀ – KỆ TỔNG KẾT GIÁO TRÌNH

CĀRITTASOBHITAVISĀLAKULODAYENA
SADDHĀBHIVUDDHAPARISUDDHAGUṆODAYENA
NAṂBAVHAYENA PAṆIDHĀYA PARĀNUKAMPAṂ
YAṂ PATTHITAṂ PAKARAṆAṂ PARINIṬṬHITANTAṂ
PUÑÑENA TENA VIPULENA TU MŪLASOMAṂ
DHAÑÑĀDHIVĀSAMUDITODITAMĀYUGANTAṂ
PAÑÑĀVADĀTAGUṆASOBHITALAJJIBHIKKHŪ
MAÑÑANTU PUÑÑAVIBHAVODAYAMAṄGALĀYA

Bộ sách do sự thỉnh cầu của cận sự nam tên là Namba – người có đức hạnh tốt đẹp, sinh trong dòng tộc cao quý, có đức tin tinh tấn, và công đức thanh tịnh – đã hoàn thành vì lòng thương tưởng đến tha nhân.

> Do năng lực của phước thiện quảng đại này, cầu mong ngôi tự viện Mūlasoma hãy là trú xứ của các bậc hiền trí, mãi có danh tiếng vang vọng suốt tuổi thọ giáo pháp; và ước nguyện rằng chư tỳ-khưu ở nơi đây là bậc có trí tuệ, có giới đức thanh tịnh, cao đẹp, có sự hổ thẹn trước tội lỗi, vì hạnh phúc là cội nguồn của phước báu."

Iti Anuruddhācariyena racitaṃ Abhidhammatthasaṅgahaṃ nāmapakaranaṃ ganthato paññāsādhikāni aṭṭhasatāni samattāni. Abhidhammatthasaṅgaho niṭṭhito.

Như vậy, chấm dứt bộ sách mang tên Thắng Pháp Tập Yếu Luận do giáo thọ sư Anuruddha tổng hợp từ 850 tài liệu để biên soạn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG THÁI

1. ปรมัตถโชติกะ ปริจเฉทที่ ๙ เล่ม ๒ วิปัสสนากรรมฐานทีปนี พระสัทธัมมโชติกะ ธัมมาจริยะ

2. คู่มือการฟังพระอภิธรรม เล่ม ๕ มูลนิธิสถานที่ไม่ตั้งอยู่ในความประมาท

3. คู่มือการศึกษาพระอภิธัมมัตถสังคหะ ปริจเฉทที่ ๙ กรรมฐานสังคหวิภาค “สมถะ - วิปัสสนา” โดยอาจารย์บุญมี เมธางกูร, อาจารย์บุษกร เมธางกูร

4. คู่มือการศึกษาพระอภิธัมมัตถสังคหะ ปริจเฉทที่ ๙ กรรมฐานสังคหะ โดยนายวรรณสิทธิ ไวทยะเสวี

5. คัมภีร์อัฏฐสาลินี พระพุทธโฆสาจารย์ รจนา พระคันธสาลาภิวงศ์ แปล

6. อภิธัมมัตถสังคหะ และปรมัตถทีปนี พระคันธสาลาภิวงศ์ แปล

7. คัมภีร์วิสุทธิมรรค สมเด็จพระพุฒาจารย์ (อาจ อาสภมหาเถร) แปล

8. พจนานุกรมพุทธศาสตร์ พระธรรมปิฎก (ป. อ. ปยุตโต) พศ. ๒๕๔๓

TIẾNG VIỆT

01. Thắng Pháp Tập Yếu Luận, tập I, tập II, tỳ-khưu Thích Minh Châu, Tu thư Viện Đại Học Vạn Hạnh, 1973.

02. Vi Diệu Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống, tỳ-khưu Hộ Pháp, NXB Tôn Giáo, 2014.

03. Thanh Tịnh Đạo, Thích Nữ Trí Hải chuyển dịch, chùa Pháp Vân ấn hành.

04. Vi Diệu Pháp Toát Yếu, Venerable Nārada Mahāthera, Phạm Kim Khánh dịch.

05. Pháp Hành Thiền Tuệ, tỳ-khưu Hộ Pháp, NXB Tôn Giáo, 2013.

06. Pháp hành Thiền Định, tỳ-khưu Hộ Pháp, NXB Tôn Giáo, 2013.

07. Vi Diệu Pháp Toát Yếu, tập I, Tường Nhân Sư, NXB Hồng Đức, 2015.

08. Vi Diệu Pháp Toát Yếu, tập II, Tường Nhân Sư, NXB Tôn Giáo, 2016.

09. Vi Diệu Pháp Toát Yếu, tập III, Tường Nhân Sư, NXB Thuận Hóa, 2018.

10. Vi Diệu Pháp Toát Yếu, tập VIII, Tường Nhân Sư, NXB Thuận Hóa, 2023.

11. Vi Diệu Pháp Toát Yếu, tập IX – Phần Một, Tường Nhân Sư, NXB Thuận Hóa, 2024.

11. Siêu Lý Trung Học – Quyển 2/3, tỳ-khưu Siêu Thành, NXB Hồng Đức, 2022.

VI DIỆU PHÁP TOÁT YẾU

TẬP IX – PHẦN HAI

VIPASSANĀ – MINH SÁT

Tường Nhân Sư

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
33 Chu Văn An, Phường Thuận Hóa, Thành phố Huế
ĐT: 0234 3823847 - 0234 3849730
Email: nxbthuanhoa@yahoo.com.vn
Website: https: // nxbthuanhoa.hue.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản
Ts. Nguyễn Duy Tờ

Biên tập:	Nguyễn Thị Ái Linh
Bìa và trình bày:	Mahākāruṇiko
Sửa bản in:	Sutadhammā
Đơn vị liên kết:	Sư Tường Nhân
Địa chỉ:	Số 03, Lê Quý Đôn, Phường Thuận Hóa, Thành phố Huế.

Số lượng in: 1.500 bản, khổ: 21x29,7cm.
In tại Công ty TNHH In Huế, 51A Minh Mạng, Phường Thủy Xuân, Thành phố Huế.
Số đăng ký KHXB:1483-2026/CXBIPH/5-61/ThuH
Quyết định xuất bản số: 61/QĐ-NXBTH, cấp ngày: 28/04/2026.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2026
Mã ISBN: 978-632-626-284-1

SÁCH BIẾU TẶNG

TẬP THỂ LỚP
VI DIỆU PHÁP HUẾ
VI DIỆU PHÁP SÀI GÒN
VÀ NHÓM PHÁP ĐẠO

ẤN TỐNG